

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN PHAN DIỆU LINH

BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN PHAN DIỆU LINH

**BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH**

Chuyên ngành : Luật Dân sự và tố tụng dân sự

Mã số : 93.80.103

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Vũ Thị Hải Yến

2. PGS.TS. Trần Văn Hải

HÀ NỘI - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Nguyễn Phan Diệu Linh

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ sự kính trọng và lòng biết ơn sâu sắc đối với PGS. TS. Vũ Thị Hải Yến – người hướng dẫn khoa học 1 và PGS. TS. Trần Văn Hải – người hướng dẫn khoa học 2, đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này. Tôi cũng xin gửi lời biết ơn chân thành nhất đến các thành viên trong hội đồng phản biện chuyên đề luận án, phản biện cơ sở, phản biện kín và phản biện cấp Trường đã đóng góp những ý kiến vô cùng quý báu để tôi có thể hoàn thành được luận án của mình. Và tôi xin được cảm ơn gia đình, thầy cô, bạn bè đồng nghiệp đã luôn đồng hành, khích lệ tinh thần trong suốt thời gian qua.

Tác giả luận án

Nguyễn Phan Diệu Linh

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
CTTH	Chương trình truyền hình
CTPS	Chương trình phát sóng
QLQ	Quyền liên quan
QTG	Quyền tác giả
SHTT	Sở hữu trí tuệ
Luật SHTT	Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019 và 2022
ĐUQT	Điều ước quốc tế
WIPO	Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới
NCS	Nghiên cứu sinh
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU
WCT	Hiệp ước của WIPO về quyền tác giả
WPPT	Hiệp ước của WIPO về cuộc biểu diễn và bản ghi âm
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới
Hiệp định TRIPs	Hiệp ước về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
FTA	Hiệp định thương mại tự do
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu
Nghị định số 17/2023/NĐ-CP	Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên

	quan
Thông tư liên tịch 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV	Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài phát thanh và truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài truyền thanh và truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài truyền thanh – truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện
Nghị định số 105/2006/NĐ-CP	Nghị định của Chính phủ số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định của Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010)
Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT	Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình
Nghị định số 144/2020/NĐ-CP	Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn
Nghị định số 129/2021/NĐ-CP	Nghị định 129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
2.1. Mục đích nghiên cứu.....	6
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	6
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	7
3.1. Đối tượng nghiên cứu	7
3.2. Phạm vi nghiên cứu.....	7
4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	7
4.1. Cơ sở phương pháp luận	7
4.2. Phương pháp nghiên cứu.....	7
5. Những điểm mới của luận án	9
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án.....	9
6.1. Ý nghĩa lý luận.....	9
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	10
7. Kết cấu của luận án	10
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH.....	11
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	11
1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về chương trình truyền hình và hoạt động truyền hình	11
1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	12

2. Đánh giá kết quả nghiên cứu các vấn đề thuộc phạm vi luận án.....	16
3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu.....	17
KẾT LUẬN TỔNG QUAN.....	20
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH.....	21
1.1. Khái quát chung về chương trình truyền hình	21
1.1.1. Khái niệm chương trình truyền hình.....	21
1.1.2. Đặc điểm của chương trình truyền hình.....	31
1.1.3. Phân loại chương trình truyền hình.....	39
1.2. Khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	44
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	44
1.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quyền tác giả đối với chương trình truyền hình.....	44
1.2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	51
1.2.2. Khái niệm, đặc điểm bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	56
1.2.2.1. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	56
1.2.2.2. Đặc điểm của bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	59
1.3. Vai trò của bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	65
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....	69

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ,
QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TẠI
VIỆT NAM..... 71**

- 2.1. Thực trạng pháp luật về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình..... 71
- 2.1.1 Quy định về đối tượng quyền tác giả trong chương trình truyền hình 71
- 2.1.2. Quy định về đối tượng quyền liên quan trong chương trình truyền hình 81
- 2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình..... 84
- 2.2. Thực trạng pháp luật về chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình..... 85
- 2.2.1. Quy định về chủ thể quyền tác giả đối với chương trình truyền hình 85
- 2.2.2. Quy định về chủ thể quyền liên quan đối với chương trình truyền hình 88
- 2.2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình 91
- 2.3. Thực trạng pháp luật về nội dung quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình..... 93
- 2.3.1. Quy định về nội dung quyền tác giả đối với chương trình truyền hình .. 93
- 2.3.2. Quy định về nội dung quyền liên quan đối với chương trình truyền hình 101
- 2.3.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về nội dung quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình..... 108
- 2.4. Thực trạng pháp luật về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình 110
- 2.4.1. Quy định về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả đối với chương trình truyền hình 110

2.4.2. Quy định về ngoại lệ và giới hạn quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	116
2.4.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	119
2.5. Thực trạng pháp luật về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	121
2.5.1. Quy định về căn cứ chung xác định hành vi xâm phạm	121
2.5.2. Quy định về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	123
2.5.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	124
2.6. Thực trạng pháp luật về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	124
2.6.1. Quy định về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	124
2.6.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	130
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	134
CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	135
3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình ở Việt Nam	135
3.1.1. Thực tiễn xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	135
3.1.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	142

3.1.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	146
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	148
3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	148
3.2.1.1. Định hướng chung về hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	148
3.2.1.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình trong Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn	158
3.2.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	165
3.2.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình.....	165
3.2.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động khai thác quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	169
3.2.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình	173
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	178
KẾT LUẬN	180
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	182
CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ.....	191
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	191
PHỤ LỤC	192
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI	192

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời đại ngày nay, truyền hình đã trở thành một ngành công nghiệp quan trọng và phát triển với vai trò cung cấp thông tin, giải trí và kết nối cho mọi người trên toàn thế giới. Nhờ sự phát sóng qua các kênh truyền hình trả tiền, nền công nghiệp truyền hình tạo ra lợi nhuận khổng lồ cho các tổ chức truyền hình, nhà sản xuất chương trình và tổ chức phát sóng. Một trong những ưu điểm quan trọng của truyền hình là khả năng cập nhật thông tin hàng ngày. Các chương trình tin tức thời sự cung cấp cho khán giả thông tin mới nhất về sự kiện xảy ra trên thế giới, quốc gia và địa phương. Điều này giúp con người được nắm bắt thông tin quan trọng và hiểu rõ hơn về các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa. Ngoài ra, truyền hình cũng mang lại sự giải trí cho khán giả thông qua các bộ phim, chương trình âm nhạc, chương trình thực tế và các show truyền hình khác. Nhờ vào sự đa dạng và sáng tạo của các chương trình này, khán giả có cơ hội thư giãn, tận hưởng những câu chuyện hấp dẫn, và các màn trình diễn đặc sắc. Hơn nữa, truyền hình đã tạo ra một sự kết nối toàn cầu. Bằng cách phát sóng âm thanh và hình ảnh trên quy mô toàn cầu, con người có thể kết nối với nhau ở mọi nơi trên thế giới. Điều này mở ra cánh cửa cho việc trao đổi văn hóa, thông tin, kiến thức và ý tưởng. Khán giả có thể tiếp cận với các chương trình nước ngoài, hiểu rõ hơn về các văn hóa quốc gia khác nhau và xây dựng sự tương tác đa chiều với người khác từ xa.

Thế kỷ 21 được coi là thời đại công nghệ và thông tin, trong đó sự phổ biến của internet và các thiết bị di động đã thay đổi cách chúng ta tiếp cận và tiêu thụ thông tin, giải trí. Các nền tảng video trực tuyến như YouTube, Netflix, Amazon Prime Video và Disney+ đã mang đến sự linh hoạt và lựa chọn rộng rãi cho người dùng, cho phép họ xem nội dung theo yêu cầu và theo sở thích cá nhân. Từ đây, việc đa dạng hóa các CTTH có thể được coi là yếu tố không thể thiếu đối với các nhà đài và nhà sản xuất trong ngành công nghiệp truyền hình để

đáp ứng nhu cầu cạnh tranh với các nền tảng khác. Kể từ năm 1973 đến nay (khi Việt Nam phát sóng chương trình đầu tiên trên vô tuyến màn hình), nhiều CTTH đã được “Việt hóa”, nhanh chóng thu hút lượng lớn khán giả như: “Chiếc nón kỳ diệu”, “Ai là triệu phú?”... Theo C21media.net, chỉ tính riêng thể loại game show, Việt Nam là quốc gia “nhập khẩu” chương trình nhiều nhất khu vực châu Á¹. Tần suất phát sóng các chương trình game show trên truyền hình là 70 chương trình mỗi ngày với thời lượng 53 phút². Các CTTH hiện nay đang là món ăn tinh thần hàng ngày không thể thiếu đối với hàng chục triệu người dân Việt Nam. Để đáp ứng nhu cầu thông tin, giải trí, văn hoá ngày càng cao của khán giả, các đài truyền hình phải đầu tư nguồn lực lớn cho việc mua bản quyền, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đặt hàng, sản xuất... để các CTTH hàng ngày lên sóng.

Truyền hình không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin, giải trí và tạo kết nối toàn cầu, truyền hình còn là một ngành công nghiệp mang lại lợi nhuận kinh tế lớn. Cấp phép cho các định dạng CTTH (TV show formats) là một công việc kinh doanh lớn, tạo ra doanh thu toàn cầu hàng tỷ đô la mỗi năm cho những người sáng tạo các CTTH. Khi được cấp phép các định dạng chương trình phổ biến, người được cấp phép có được sự bảo đảm cho việc đầu tư vào các CTTH đã được chứng minh là thành công. Đổi lại, người sáng tạo chương trình được hưởng nguồn doanh thu bổ sung được tạo ra bằng cách cấp phép sản xuất và phát sóng chương trình của họ ở các thị trường mới, điều này có thể củng cố thương hiệu của họ và tăng cường giá trị của các giao dịch cấp phép trong tương lai.

Mỗi CTTH là sản phẩm sáng tạo và đầu tư công sức, trí tuệ, vật chất của nhiều cá nhân, tổ chức tham gia. Do đó, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là một

¹ Lan Anh (2017), *Gameshow truyền hình: Cuộc đua vào thị trường bão hòa*, truy cập tại: <https://www.brandsvietnam.com/13015-Gameshow-truyen-hinh-Cuoc-dua-vao-thi-truong-bao-hoa>, truy cập ngày 22/11/2022

² Lan Anh (2017), *Gameshow truyền hình: Cuộc đua vào thị trường bão hòa*, truy cập tại: <https://www.brandsvietnam.com/13015-Gameshow-truyen-hinh-Cuoc-dua-vao-thi-truong-bao-hoa>, truy cập ngày 22/11/2022

yếu tố quan trọng để tạo động lực mạnh mẽ khuyến khích hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực truyền hình, phát triển văn hoá xã hội.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, pháp luật SHTT của Việt Nam không ngừng được hoàn thiện để nội luật hoá những cam kết của Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ trong các ĐUQT như Công ước Berne về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật năm 1886; Công ước Geneva về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm, chống sao chép bất hợp pháp bản ghi âm năm 1971; Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát sóng năm 1961; Công ước Brussels về truyền tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá năm 1974; Hiệp định TRIPs năm 1994... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ của Việt Nam đã có những bước phát triển mới để bảo đảm những cam kết mạnh mẽ về bảo hộ QTG, QLQ trong các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA. Luật SHTT cùng với Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ra đời với nhiều điểm mới đáng kể về bảo hộ QTG, QLQ nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và để phù hợp những cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó các quy định pháp luật khác có liên quan đến vấn đề bảo hộ QTG, QLQ như Luật Công nghệ thông tin, Luật Báo chí, Luật Điện ảnh, Luật Xuất bản góp phần tạo nên một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ làm cơ sở pháp lý cho việc bảo hộ QTG, QLQ nói chung, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng. Tuy nhiên, việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay vẫn đang đứng trước những thách thức lớn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng Internet, nhiều phương thức truyền hình mới ra đời như: truyền hình Internet, truyền hình Analog, truyền hình Cable hay truyền hình Vệ tinh. Các phương thức truyền hình này đã giúp cho khán giả có thể theo dõi các CTTH ở mọi lúc, mọi nơi, trên các phần mềm thông minh. Sự thay đổi nhanh chóng của các công nghệ mới trong lĩnh vực truyền hình cũng như sự phát triển đa dạng của các hình thức

truyền hình đang đặt ra những thách thức lớn trong việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ hai, lĩnh vực truyền hình là một lĩnh vực khá rộng và phức tạp, có liên quan đến nhiều chủ thể từ tác giả tác phẩm, chủ sở hữu QTG đối với tác phẩm được sử dụng để phát sóng trên sóng truyền hình đến người biểu diễn tác phẩm, chủ sở hữu cuộc biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng... Việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam còn khá mới mẻ không chỉ đối với các chủ thể liên quan mà còn đối với các nhà quản lý và công chúng nói chung. Vì vậy, trên thực tế xảy ra nhiều tranh chấp phát sinh giữa các chủ thể, nhưng cơ sở pháp lý lại chưa đầy đủ và chưa rõ ràng để đáp ứng được nhu cầu giải quyết các tranh chấp một cách thỏa đáng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, yêu cầu bảo đảm sự cân bằng, hài hoà về lợi ích của các chủ thể liên quan đối với CTTH cũng là một thách thức đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật SHTT.

Thứ ba, trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, Việt Nam đã và đang tham gia kí kết nhiều FTA trên phạm vi quốc tế cũng như khu vực. Các FTA thế hệ mới đang đặt ra những chuẩn mực mới trong việc bảo hộ QTG, QLQ, đặc biệt trong bối cảnh phát triển như vũ bão của Internet, các nền tảng mạng xã hội và những công nghệ mới của Công nghiệp 4.0. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền SHTT cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực này là một yêu cầu bắt buộc của các quốc gia thành viên trong đó có Việt Nam để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển lĩnh vực truyền thông, truyền hình.

Thứ tư, do sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới nên các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH càng ngày càng đa dạng, tinh vi và khó kiểm soát hơn. Pháp luật bản quyền đôi khi chưa theo kịp sự phát triển quá nhanh của công nghệ, dẫn đến có thể bỏ lọt nhiều hành vi xâm phạm. Bản quyền truyền hình bị xâm phạm nghiêm trọng trên mọi phương diện, từ các CTTH trực tiếp đến các CTTH thực tế, các bộ phim, chương trình ca nhạc, các trận đấu đá

bóng mất nhiều tiền để mua bản quyền hay chi phí sản xuất lớn nhưng bị sao chép và phát tán tràn lan trên mạng Internet. Một số đài truyền hình địa phương thu lại CTPS của đài truyền hình quốc gia để thu tiền quảng cáo, làm giảm rating của chương trình, hay trên hệ thống PAYTV bị đài khác thu để phát sóng nhưng không trả tiền bản quyền. Những hành vi xâm phạm này nếu không được ngăn chặn, xử lý kịp thời sẽ gây ra những tổn thất lớn về tài chính cho các tổ chức truyền hình, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

Thứ năm, mặc dù Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá là có số lượng người dân sử dụng mạng Internet nhiều trên thế giới, nhưng nhận thức về bản quyền và các hành vi xâm phạm bản quyền lại chưa đầy đủ, dẫn đến người dân vẫn thường xuyên sử dụng các công cụ kỹ thuật để làm vô hiệu hóa các biện pháp công nghệ bảo vệ QTG, QLQ, thực hiện các hành vi xâm phạm. Việc thực thi QTG, QLQ một cách nghiêm khắc sẽ không chỉ góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền mà còn có tác dụng phòng ngừa, răn đe đối với những chủ thể có ý định thực hiện hành vi xâm phạm trong tương lai.

Thứ sáu: Do quan hệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình rất phức tạp nên các quy định của pháp luật SHTT chưa dự liệu hết được các trường hợp phát sinh trong thực tiễn, hoặc chưa đầy đủ để điều chỉnh các mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ giữa các bên chủ thể tham gia cũng như xử lý các hành vi xâm phạm, giải quyết các tranh chấp. Nhiều quy định của pháp luật còn thiếu rõ ràng, cụ thể nên không đủ cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp liên quan đến bản quyền CTTH.

Bên cạnh đó, qua quá trình nghiên cứu, NCS nhận thấy cho đến thời điểm hiện nay, chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện và chuyên sâu dưới góc độ lý luận cũng như góc độ pháp lý về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Với những lý do trên, NCS nhận thấy việc nghiên cứu đề tài “**Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình**” là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Thông qua nghiên cứu chuyên sâu và

có hệ thống về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cả trên phương diện lý luận, pháp lý và thực tiễn, luận án sẽ đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm sáng tỏ những vấn đề về mặt lý luận, thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, đề tài hướng tới giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

Thứ nhất: Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH để xác định những vấn đề nghiên cứu mới mà Luận án sẽ triển khai.

Thứ hai: Nghiên cứu hệ thống các vấn đề lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, trong đó làm rõ khái niệm, đặc trưng của CTTH cũng như khái niệm, đặc điểm của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ ba: Phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật trong bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam, từ đó nhận diện những hạn chế của pháp luật cần phải được nghiên cứu, hoàn thiện;

Thứ tư: Đề xuất các kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam để phù hợp với yêu cầu thực tiễn và tính tương thích với pháp luật quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là cơ sở lý luận, pháp luật và thực tiễn về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, bao gồm: (i) các vấn đề lý luận về CTTH dưới góc độ là đối tượng bảo hộ của QTG, QLQ; (ii) pháp luật Việt Nam và các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; (iii) thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH theo quy định của Luật SHTT, các văn bản pháp luật hướng dẫn trong lĩnh vực SHTT.

- Về không gian: Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam. Trong quá trình nghiên cứu, luận án cũng so sánh, đối chiếu với các quy định trong những ĐUQT mà Việt Nam là thành viên với pháp luật Việt Nam để có cơ sở kiến nghị trong hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận án sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu điển hình trong lĩnh vực luật học như sau:

Phương pháp lịch sử:

Phương pháp lịch sử được sử dụng trong luận án để đi tìm nguồn gốc phát sinh, quá trình hình thành và phát triển của việc bảo hộ QTG, QLQ. Phương pháp này cũng được sử dụng để làm sáng tỏ những thay đổi trong quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Phương pháp phân tích:

Đây là phương pháp được sử dụng để làm rõ các vấn đề lý luận và quy định của pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Phương pháp phân tích nhằm bình luận, đánh giá các quan điểm liên quan đến các nội dung của luận án, các quy định của pháp luật có liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH. Đây là phương pháp cơ bản, được sử dụng xuyên suốt Luận án, từ tổng quan tình hình nghiên cứu đến các chương trong luận án.

Phương pháp tổng hợp:

Đây là phương pháp quan trọng, được NCS sử dụng để tổng hợp và đánh giá các kết quả của các nghiên cứu đã được công bố trước đó về chủ đề liên quan đến luận án. Phương pháp này nhằm mục đích tạo ra một cái nhìn toàn diện và khách quan về quy định pháp luật hiện hành, thực tiễn áp dụng pháp luật trong lĩnh vực QTG, QLQ đối với CTTH.

Phương pháp thống kê:

Phương pháp thống kê là một công cụ quan trọng được sử dụng để thu thập, phân tích và diễn đạt dữ liệu có liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH. Sử dụng phương pháp thống kê hợp lý giúp NCS phân tích và diễn giải dữ liệu trong luận án một cách khoa học và tin cậy.

Phương pháp so sánh luật học:

Được sử dụng khi phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam trong môi trường tương quan so sánh với quy định của các ĐUQT có liên quan mà Việt Nam là thành viên nhằm làm sáng tỏ những điểm chung, sự khác biệt, từ đó đưa ra kiến nghị để hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

5. Những điểm mới của luận án

Thứ nhất, luận án là công trình nghiên cứu toàn diện các vấn đề lý luận, pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Kết quả của việc tổng hợp, phân tích, đánh giá những công trình đã công bố liên quan đến đề tài nghiên cứu làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật đối với bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ hai, luận án đã xây dựng được hệ thống lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Cụ thể: Luận án đã phân tích và đưa ra các khái niệm khoa học về CTTH, QTG đối với CTTH, QLQ đối với CTTH dưới góc độ pháp lý, tìm ra được những đặc điểm cơ bản của CTTH dưới góc độ là đối tượng được bảo hộ QTG, QLQ; Chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa CTPS và CTTH để làm rõ đặc trưng của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Những vấn đề này có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng lý luận để nghiên cứu pháp luật và thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ ba, luận án đã nghiên cứu và đánh giá toàn diện quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, phát hiện và chỉ ra những vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật.

Thứ tư, luận án đã nghiên cứu thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH qua các vụ việc thực tiễn, từ đó đánh giá, phân tích những tồn tại, hạn chế và chỉ ra nguyên nhân gây ra những hạn chế của việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay.

Thứ năm, luận án đã xây dựng được hệ thống giải pháp, bao gồm nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Các kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện cơ sở lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Luận án là sự nhìn nhận, đánh giá

khoa học về những ưu điểm, hạn chế, bất cập của pháp luật bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Nghiên cứu của luận án tạo cơ sở khoa học cho việc đánh giá pháp luật thực định, đưa ra định hướng, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cá nhân, tổ chức, cơ quan làm công tác thực thi QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng, quyền SHTT nói chung. Luận án cũng đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho việc nghiên cứu và giảng dạy pháp luật SHTT trong hệ thống trường đại học, học viện. Đặc biệt, trong bối cảnh Luật SHTT Việt Nam vừa được sửa đổi, bổ sung, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong thời gian tới.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Tổng quan tình hình nghiên cứu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình;

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình tại Việt Nam;

Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình tại Việt Nam và một số kiến nghị hoàn thiện.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Nhóm công trình nghiên cứu về chương trình truyền hình và hoạt động truyền hình

Hiện nay, hầu như chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào xem xét và nghiên cứu các vấn đề lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình dưới góc độ pháp lý. Mặc dù vậy, những lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình đã xuất hiện nhiều trong các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Tiêu biểu, liên quan đến những vấn đề lý luận (khái niệm, đặc điểm, phân loại,...) về CTTH và hoạt động truyền hình, có thể kể đến những công trình sau:

Cuốn sách “Giáo trình báo chí truyền hình” của tác giả Dương Xuân Sơn, xuất bản bởi NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2011³. Đây là một trong những công trình nghiên cứu một cách toàn diện các vấn đề của báo chí truyền hình bao gồm vị trí, vai trò, lịch sử ra đời và phát triển của truyền hình, khái niệm, đặc trưng, nguyên lý của truyền hình, chức năng xã hội, kịch bản, quy trình sản xuất CTTH, các thể loại báo chí truyền hình. Trong đó, tác giả đưa ra định nghĩa CTTH, đồng thời chỉ ra các đặc điểm của CTTH như tính thời sự, tính phổ cập và quảng bá,... Tuy nhiên, khái niệm và đặc điểm của CTTH và hoạt động truyền hình được đề cập và nghiên cứu trong cuốn sách dưới góc độ khoa học báo chí, truyền thông, mà không được đi sâu tìm hiểu và phân tích trên phương diện khoa học pháp lý.

Cuốn sách “Sản xuất chương trình truyền hình” của tác giả Trần Bảo Khánh, được xuất bản bởi Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin năm 2003⁴. Đây là cuốn sách giới thiệu chung về CTTH, quy trình sản xuất một CTTH, công nghệ

³ Dương Xuân Sơn (2011), “*Giáo trình báo chí truyền hình*”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

⁴ Trần Bảo Khánh (2003), “*Sản xuất chương trình truyền hình*”, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin

sản xuất các CTTH, công nghệ phân phối các CTTH, một số thiết bị tiền kỳ và hậu kỳ trong công nghệ sản xuất CTTH.

Cuốn “Giáo trình báo chí truyền hình”⁵ của tác giả Dương Xuân Sơn, mặc dù không phải là công trình nghiên cứu trong lĩnh vực pháp lý, nhưng, thông qua các vấn đề nghiên cứu về CTTH của cuốn sách này đã hỗ trợ rất nhiều cho tác giả trong việc nắm được khái niệm và đặc điểm của CTTH và hoạt động truyền hình, cũng như quy trình sản xuất và cách thức khai thác, phân phối một CTTH.... Đây là cơ sở giúp NCS xác định được vai trò và nội dung bảo hộ QTG, QLQ đối với hoạt động truyền hình, cũng như tìm ra các yếu tố đặc thù gây khó khăn cho việc thực thi các quy định về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong quá trình đó.

1.2. Nhóm công trình nghiên cứu về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Các công trình công bố tại nước ngoài tiêu biểu như: cuốn sách “Copyright: Intellectual Property in the Information Age” của Ploman, Edward W., and L. Clark Hamilton do London: Routledge & Kegan Paul ấn hành năm 1980⁶; Sách “Rethinking copyright: history, theory, language” của Ronan, Deazley, Edward Elgar Publishing năm 2006⁷; Sách “A Philosophy of Intellectual Property” của Peter Drahos (ANU Press 2016)⁸; Sách The Economic Structure of Intellectual Property, của William M. Landes & Richard A. Posner, Belknap Press of Harvard University Press, 2003⁹; Sách A Philosophy of Intellectual

⁵ Dương Xuân Sơn (2011), “*Giáo trình báo chí truyền hình*”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

⁶ Cuốn sách “*Copyright: Intellectual Property in the Information Age*” của Ploman, Edward W., and L. Clark Hamilton do London: Routledge & Kegan Paul ấn hành năm 1980

⁷ Ronan, Deazley, Edward Elgar Publishing (2006), “*Rethinking copyright: history, theory, language*”, <https://www.elgar.com/shop/gbp/rethinking-copyright-9781845422820.html> , Truy cập tháng 10/2020

⁸ Peter Drahos (ANU Press 2016), “*A Philosophy of Intellectual Property*”, <https://translate.google.com/website?sl=en&tl=vi&hl=vi&prev=search&u=http://press.anu.edu.au/publications/philosophy-intellectual-property>, Truy cập tháng 10 năm 2020

⁹ William M. Landes & Richard A. Posner (2003), “*The Economic Structure of Intellectual Property* Belknap Press of Harvard University Press

Property, của Peter Drahos, Dartmouth Publishing, Aldershot, 1996¹⁰... Các công trình kể trên đã làm rõ lĩnh vực bảo hộ của QTG đối với những sản phẩm sáng tạo chủ yếu thuộc lĩnh vực văn hóa, liên quan đến truyền thông đại chúng. Các công trình nghiên cứu này đã chỉ ra những vấn đề phát sinh trong bảo hộ QTG, QLQ đối với các sản phẩm nghệ thuật sáng tạo. Những vấn đề bảo hộ QTG, QLQ này không chỉ ở một quốc gia mà cần có sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các tập đoàn viễn thông trong phòng chống xâm phạm QTG, QLQ.

Bảo hộ QTG đối với định dạng CTTH là vấn đề đặt ra không chỉ của riêng Việt Nam, mà còn là vấn đề của toàn thế giới. Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về định dạng CTTH như tác phẩm “Free to Air? Legal Protection for TV Program Formats” (2010) của Neta-li E. Gottlieb - Trường Đại học Luật Chicago (Mỹ)¹¹, “The Protection of Television Formats: Intellectual Property & Market based Strategies” (2010) của Sukhpreet Singh - Trường Đại học Bournemouth (Vương quốc Anh)¹²... và cả các báo cáo của Hiệp hội Công nhận và Bảo vệ Định dạng FRAPA hợp tác với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO.

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới vào năm 2005, gia nhập Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật cuối năm 2004, vấn đề bảo hộ QTG, QLQ ngày càng thu hút được sự quan tâm của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đối với các CTTH còn khá mới mẻ và hầu như chưa được đề cập đến. Các nghiên cứu về bảo hộ QTG, QLQ đang chủ yếu tập trung đến các vấn đề bảo hộ QTG, QLQ trong bối cảnh chuyển đổi số hoặc các

¹⁰ Peter Drahos (1996), “*A Philosophy of Intellectual Property*”, Dartmouth Publishing, Aldershot, tr.72-91

¹¹ Neta-li E. Gottlieb (2010), “*Free to Air? Legal Protection for TV Program Formats*”, Trường Đại học Luật Chicago (Mỹ)

¹² Sukhpreet Singh (2010), “*The Protection of Television Formats: Intellectual Property & Market based Strategies*”, Trường Đại học Bournemouth (Vương quốc Anh)

vấn đề về bảo hộ QTG, QLQ đối với các tác phẩm điện ảnh, định dạng CTTH, chủ thể phát sóng... Cụ thể như sau:

Ở cấp độ bài báo khoa học, tham luận hội thảo, liên quan đến vấn đề bảo hộ QTG, QLQ có thể kể đến một số công trình tiêu biểu sau:

Bài viết “Bảo hộ QTG và QLQ trong lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình – những vấn đề lý luận và thực tiễn” của Tiến sĩ Nguyễn Thị Quế Anh, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm)¹³, đã thông qua thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ tại Việt Nam, đề cập và phân tích thực tiễn hoạt động bảo hộ QLQ trong lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Trong đó, một số vụ việc tranh chấp điển hình liên quan đến QLQ trong lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình (tranh chấp QLQ giữa Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam (RIAV) và ca sĩ Mỹ Tâm, tranh chấp QLQ giữa RIAV và NOKIA cùng FPT online) được tác giả đi sâu thảo luận để làm rõ thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ.

Bài viết “Bảo vệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình” của tác giả Nguyễn Văn Giang, Đài Truyền hình Việt Nam (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm)¹⁴. Bài viết có phạm vi nghiên cứu là thực trạng bảo hộ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình. Theo đó, tác giả đã phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ dưới góc độ của các chủ thể tham gia vào hoạt động

¹³ Nguyễn Thị Quế Anh (2010), “*Bảo hộ QTG và QLQ trong lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình – những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “*Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

¹⁴ Nguyễn Văn Giang (2010), “*Bảo vệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “*Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

này. Cụ thể, tác giả đã phân tích thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ với tư cách người sử dụng tác phẩm để phát sóng, bao gồm hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với tiếp sóng, phát sóng các chương trình, kênh chương trình của các Đài Truyền hình, hãng truyền thông quốc tế dưới hình thức mua bản quyền hoặc thoả thuận được tiếp sóng, phát sóng và bảo hộ QTG, QLQ với tư cách là người sử dụng các tác phẩm của các Đài truyền hình, các tác giả trong nước để tiếp sóng, phát sóng và sản xuất chương trình để phát sóng. Hơn nữa, tác giả cũng đã thảo luận về thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của Đài Truyền hình Việt Nam với tư cách là chủ sở hữu CTPS bằng việc đi sâu phân tích các vụ việc và hình thức xâm phạm điển hình, phổ biến về QTG, QLQ của các tổ chức, cá nhân đối với Đài truyền hình Việt Nam và các hình thức xử lý vi phạm của Đài truyền hình Việt Nam đối với các đơn vị, cá nhân có hành vi xâm phạm QTG, QLQ thuộc quyền sở hữu của Đài truyền hình Việt Nam.

Ngoài ra, còn có một số luận văn thạc sĩ luật học nghiên cứu đến một số vấn đề liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ đối với các sản phẩm văn hóa như: Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc trong môi trường Internet ở Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới” năm 2018 của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Đại học Luật Hà Nội¹⁵; Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam” năm 2018 của tác giả Nguyễn Văn Bình, Trường đại học Luật – Đại học Huế¹⁶; Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam” năm 2016 của tác giả Nguyễn Minh Hải, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội¹⁷; Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số nước về bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc” năm 2016 của tác giả Trần

¹⁵ Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018), “*Bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc trong môi trường Internet ở Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*”, Đại học Luật Hà Nội

¹⁶ Nguyễn Văn Bình (2018), “*Bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam*”, Trường đại học Luật – Đại học Huế

¹⁷ Nguyễn Minh Hải (2016), “*Bảo hộ QTG đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Thị Thùy Dương, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội¹⁸; Luận văn thạc sĩ Luật học “Pháp luật và thực trạng vi phạm QTG, QLQ có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam - Giải pháp khắc phục” năm 2019 của tác giả Lê Thị Lộc, Đại học Luật Hà Nội¹⁹. Các luận văn này đều đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận chung về bảo hộ QTG, QLQ, những thực trạng đang tồn tại trong bảo hộ QTG, QLQ đối với một số lĩnh vực cụ thể, từ đó đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện hoặc nâng cao hơn nữa việc áp dụng pháp luật trong bảo hộ QTG, QLQ.

2. Đánh giá kết quả nghiên cứu các vấn đề thuộc phạm vi luận án

Thứ nhất, liên quan đến những vấn đề lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình, khái niệm và đặc điểm của hoạt động truyền hình và CTTH không phải là vấn đề xa lạ và hiếm gặp trong các công trình nghiên cứu và tài liệu chuyên ngành trong lĩnh vực báo chí truyền thông, tuy nhiên, các nghiên cứu này đang còn rất hạn chế ở các tài liệu giảng dạy, sách tham khảo về cơ sở lý luận đối với CTTH dưới góc độ pháp luật. Đây cũng là cơ sở để luận án tiếp thu, kế thừa làm cơ sở lý luận về CTTH trong luận án.

Thứ hai, đối với các nghiên cứu về thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH: Những thành tựu, cũng như những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập trong các công trình nghiên cứu đa dạng về cấp độ và phong phú về đề tài. Tuy nhiên, những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ mới chỉ được phân tích dưới góc độ khoa học pháp lý về QTG, QLQ nói chung, hoặc xem xét trên phương diện có liên quan đến một số đối tượng bảo hộ cụ thể như tác phẩm âm nhạc, tác phẩm báo chí,... Có thể nói, hiện nay hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào xem xét, phân

¹⁸ Trần Thị Thùy Dương (2016), “*Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số nước về bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹⁹ Lê Thị Lộc (2019), “*Pháp luật và thực trạng vi phạm QTG, QLQ có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam - Giải pháp khắc phục*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội

tích những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cũng như với các quy định chuyên ngành có liên quan đến hoạt động truyền hình.

Thứ ba, hiện nay hầu như chưa có đề tài nào đề cập đến các vấn đề xác lập quyền, thực trạng xâm phạm và xử lý xâm phạm, thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam một cách sâu rộng và có hệ thống. Các công trình nghiên cứu hiện hữu mới chỉ xem xét và phân tích thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ nói chung hoặc thực tiễn trong một số lĩnh vực có liên quan như lĩnh vực xuất bản, lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát sóng... mà chưa có công trình nào liên quan trực tiếp đến đối tượng là CTTH. Mặc dù lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cũng có liên quan ở một mức độ nhất định đến hoạt động truyền hình nhưng chỉ là những hoạt động tồn tại độc lập hoặc là hoạt động nhỏ trong chuỗi các hoạt động sản xuất và khai thác CTTH.

Cá biệt có một số rất ít các kết quả nghiên cứu có nội dung QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình, là nội dung có liên quan mật thiết đến đề tài của luận án. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ giới hạn mức độ chuyên sâu ở cấp độ bài báo, bài tham luận, mặt khác phạm vi nghiên cứu của đề tài cũng bị giới hạn trong việc phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của tổ chức phát sóng, một trong rất nhiều chủ thể có liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH. Hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của các chủ thể khác đối với CTTH như: tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất CTTH, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công chúng,... chưa được đề cập.

3. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu như sau:

(1) Về lý luận

Câu hỏi nghiên cứu 1: *CTTH là gì? CTTH có phải là một đối tượng bảo hộ của QTG hay QLQ không? CTTH có những đặc trưng gì ảnh hưởng đến việc xây dựng quy chế pháp lý về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH?*

Giả thuyết nghiên cứu 1: CTTH là sản phẩm sáng tạo bao gồm tập hợp nhiều tác phẩm gắn kết dựa trên một ý tưởng sáng tạo chủ đạo xuyên suốt. CTTH bản thân nó không chỉ là một tác phẩm chung được bảo hộ mà trong đó còn có những tác phẩm cấu thành có thể được bảo hộ độc lập bởi QTG hoặc những đối tượng được bảo hộ QLQ. So với những đối tượng bảo hộ độc lập bởi QTG, QLQ, CTTH mang những đặc trưng riêng về đối tượng bảo hộ, chủ thể sáng tạo và đầu tư.

Câu hỏi nghiên cứu 2: *Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH mang những đặc trưng gì?*

Giả thuyết nghiên cứu 2: Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH có những đặc trưng riêng: (i) Về đối tượng bảo hộ: CTTH bao gồm tập hợp rất nhiều tác phẩm liên kết với nhau tạo thành một tác phẩm chung thống nhất là CTTH; (ii) Về chủ thể được bảo hộ: Nhiều chủ thể cùng tham gia sáng tạo, sản xuất CTTH, đóng vai trò là TG, CSH QTG, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng và chủ sở hữu CTTH; (iii) Về ngoại lệ, giới hạn bảo hộ quyền: Mục đích chính của các CTTH được sản xuất nhằm phục vụ nhu cầu văn hóa, giải trí, thông tin của công cộng. Bên cạnh đó truyền hình cũng là một nền công nghiệp đem lại lợi ích kinh tế lớn cho các chủ thể quyền, vì vậy ngoại lệ, giới hạn quyền đối với việc bảo hộ CTTH là cần thiết; (iv) Về xác định hành vi xâm phạm: hiện nay với sự phát triển của công nghệ 4.0, việc xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH xảy ra nghiêm trọng và phổ biến, bao gồm xâm phạm về các quyền nhân thân và quyền tài sản của chủ thể quyền khi CTTH được bảo hộ là đối tượng của QTG, QLQ.

(2) Về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật

Câu hỏi nghiên cứu 3: *Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam ra sao? Có những vướng mắc, bất cập gì?*

Giả thuyết nghiên cứu 3: Các quy định pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể được bảo hộ QTG, QLQ. Dẫn đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn khá hạn chế, thể hiện qua số lượng vụ việc được giải quyết cũng như hiệu quả giải quyết. Do đó, cần có sự nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật (trên cơ sở so sánh đối chiếu với quy định của các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên) cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay (thông qua một số vụ việc điển hình) làm cơ sở thực tiễn cho đề xuất về giải pháp hoàn thiện.

(3) Về định hướng và giải pháp

Câu hỏi nghiên cứu 4: *Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ ở Việt Nam hiện nay thế nào? Cần tập trung vào các nhóm giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay?*

Giả thuyết nghiên cứu 4: Việc hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH phải bảo đảm các yêu cầu về tính đồng bộ, tương thích, khả thi và hiệu quả. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật bao gồm cả các quy phạm pháp luật nội dung và hình thức, đồng thời đồng bộ với các giải pháp khác để nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay.

Trên đây là nội dung tóm tắt tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài. Nội dung chi tiết được NCS trình bày cụ thể trong bản PHỤ LỤC 1 đính kèm luận án này.

KẾT LUẬN TỔNG QUAN

Bảo hộ QTG, QLQ là chủ đề đã được nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, chú ý. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 càng đòi hỏi chú trọng nhiều hơn đối với việc áp dụng pháp luật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo hộ QTG, QLQ nói chung, đối với bảo hộ QTG, QLQ trong các CTTH nói riêng.

Thông qua tổng quan các công trình nghiên cứu về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH đã giúp NCS nhận thấy được bức tranh toàn cảnh về tình hình và mức độ nghiên cứu đối với vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Kết quả nghiên cứu của phần Tổng quan là cơ sở và tiền đề để NCS kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, cũng như nhận định những vấn đề còn chưa được làm sáng tỏ hoặc chưa được quan tâm, chú ý nhiều liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ trong các CTTH.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Phần Tổng quan, NCS xây dựng cơ sở lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở chương 1; thực trạng pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở chương 2 và thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ ở chương 3.

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH

1.1. Khái quát chung về chương trình truyền hình

1.1.1. Khái niệm chương trình truyền hình

- Dưới góc độ ngữ nghĩa:

Thuật ngữ “truyền hình” (*television*) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp và Latin. Trong tiếng Hy Lạp và Latin, “*tele*” có nghĩa là “ở xa” còn “*videre*” là “thấy được, xem được”, khi ghép hai từ đó lại thành “*televidere*” có nghĩa là “xem được ở xa”. Trong tiếng Anh và tiếng Pháp, “truyền hình” đều là “*television*”, trong tiếng Nga là “*Телевидение*”, dù trong ngôn ngữ nào thì thuật ngữ “truyền hình” cũng biểu hiện chung một nghĩa gốc: việc xem được hình ảnh khi hình ảnh đó ở xa (xa về khoảng cách địa lý chứ không phải khả năng cảm nhận hình ảnh xa gần của tầm mắt).

Theo Từ điển Tiếng Việt của GS. Hoàng Phê, “*Chương trình là toàn bộ nói chung những dự kiến hoạt động theo một trình tự nhất định và trong một thời gian nhất định, nêu một cách vắn tắt*”²⁰, “*Truyền hình là truyền hình ảnh, thường đồng thời có cả âm thanh, đi xa bằng radio hoặc bằng đường dây*”²¹. Như vậy, có thể hiểu: CTTH là một tập hợp nội dung bao gồm đồng thời cả âm thanh và hình ảnh, được xây dựng theo một trình tự và có thời lượng nhất định để truyền đi xa. Phương thức truyền đi xa theo GS. Hoàng Phê bao gồm: radio và bằng đường dây, là các phương thức cơ bản của hoạt động truyền dẫn thông tin; theo tác giả, các phương thức này hiện tại không còn đầy đủ và cập nhật.

Theo từ điển tiếng Anh Oxford, *CTTH (television program)* là *một phân đoạn nội dung được phát sóng trên truyền hình vô tuyến, truyền hình cáp hoặc truyền hình Internet, không phải là đoạn phim quảng cáo, đoạn giới thiệu hoặc*

²⁰ GS. Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, NXB Hồng Đức, 2018, tr 243.

²¹ GS. Hoàng Phê (chủ biên), Từ điển tiếng Việt, NXB Hồng Đức, 2018, tr 1335

nội dung không nhằm mục đích thu hút lượng người xem”²². Theo cách hiểu này, có thể thấy CTTH là một sản phẩm sáng tạo có nội dung và bắt buộc phải được phát sóng với mục đích thu hút lượng người xem. Như vậy CTTH không đơn thuần là một sản phẩm chỉ hướng tới một vài đối tượng đơn lẻ mà phải hướng tới khối lượng người xem có quy mô lớn. Trong khái niệm này, phương thức phát sóng đã được mở rộng, ngoài truyền hình vô tuyến thì truyền hình cáp và truyền hình Internet cũng được công nhận; tuy nhiên, khái niệm này không công nhận đoạn phim quảng cáo là CTTH dù đoạn phim quảng cáo về cơ bản vẫn là một sản phẩm sáng tạo có nội dung nhằm thu hút lượng người xem chú ý đến một nội dung nhất định.

Tóm lại, các khái niệm về CTTH trong từ điển là khái niệm mang tính thường thức, theo đó CTTH là một chương trình chứa đựng nội dung bao gồm cả âm thanh và hình ảnh, được phát sóng qua vô tuyến (có thể truyền hình cáp, truyền hình Internet). Các khái niệm này chưa đi sâu nghiên cứu và chưa thể hiện rõ được nội dung cũng như bản chất của CTTH dưới góc độ pháp lý cũng như dưới góc độ là đối tượng bảo hộ của QTG, QLQ.

- Dưới góc độ báo chí truyền thông:

Hiện nay, các tài liệu nghiên cứu về truyền hình và CTTH dưới góc độ pháp lý khá hạn chế, chủ yếu là các nghiên cứu về truyền hình và CTTH dưới góc độ báo chí truyền thông.

Theo tác giả Dương Xuân Sơn trong Giáo trình Báo chí truyền hình: *“CTTH là sản phẩm truyền hình và sự liên kết, sắp xếp bố trí hợp lý các tin bài, bảng tư liệu, hình ảnh, âm thanh trong một thời gian nhất định được mở đầu bằng lời giới thiệu, nhạc hiệu, kết thúc bằng lời chào tạm biệt, đáp ứng yêu cầu*

²² “*program on tv/radio: something that people watch on television or listen to on the radio*”; “*television: 1. A piece of electrical equipment with a screen on which you can watch programmes with moving pictures and sounds. 2. the system, process or business of broadcasting television programs*” – Oxford advanced learner’s Dictionary, tr 1206, 1579

tuyên truyền của cơ quan báo chí truyền hình nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho khán giả”²³. Định nghĩa này đã khẳng định:

- CTTH là một sản phẩm truyền hình, tức là phải được phát sóng qua sóng truyền hình.

- Kết cấu của một CTTH thường bao gồm: “mở đầu bằng lời giới thiệu, nhạc hiệu, kết thúc bằng lời chào tạm biệt”.

- Sự sáng tạo của một CTTH thể hiện ở rất nhiều yếu tố như: biên tập nội dung, sự liên kết, sắp xếp bố trí hợp lý các tin bài, nhạc nền, góc quay, màu sắc, bố cục...

- Chức năng của CTTH là tuyên truyền các nội dung về chính trị, kinh tế, xã hội... đến khán giả.

- Chủ thể sáng tạo (hay thực hiện CTTH) là những tổ chức có nhiệm vụ tuyên truyền, cụ thể là cơ quan báo chí truyền hình nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho khán giả.

Tuy nhiên, khái niệm này được tác giả đưa ra trong quá trình thực hiện nghiên cứu về báo chí truyền hình, quy trình sản xuất và yêu cầu đối với việc sản xuất CTTH. Do đó, khái niệm này mới chỉ xem xét CTTH dưới góc độ là một “*phương tiện tuyên truyền*” mà chưa xem xét dưới góc độ là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực thông tin truyền thông, hoặc lĩnh vực giải trí.

Bên cạnh đó, CTTH là sản phẩm có nội dung đa dạng, phong phú và có tính sáng tạo cao. Vì vậy, việc định nghĩa CTTH theo khuôn mẫu kết cấu mở - thân - kết có thể không bao quát được hết mọi loại hình CTTH, dẫn đến thiếu tính khái quát. Khái niệm nêu trên có thể rất phù hợp và hữu ích cho các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực báo chí, tuyên truyền nhưng để có thể áp dụng trong các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực pháp lý, cụ thể về bảo hộ QTG, QLQ, thì còn cần xem xét CTTH trong mối liên hệ pháp lý với chế định QTG, QLQ.

²³ Dương Xuân Sơn (2011), *Giáo trình Báo chí truyền hình*, Đại học quốc gia Hà Nội, [tr. 95].

- Dưới góc độ pháp lý

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam, CTTH chỉ được định nghĩa đơn giản tại Luật Báo chí năm 2016 và Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông về định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất CTTH, theo đó: *“CTTH là tập hợp các tin, bài trên báo hình theo một chủ đề trong thời lượng nhất định, có dấu hiệu nhận biết mở đầu và kết thúc”*²⁴. Định nghĩa này xem xét CTTH dưới góc độ là một loại hình tác phẩm báo chí – “tập hợp các tin, bài”, cụ thể là “báo hình” với những đặc trưng cơ bản: (i) theo một chủ đề nhất định; (ii) có một thời lượng nhất định; (iii) dấu hiệu nhận biết là có mở đầu và kết thúc. CTTH theo cách tiếp cận này là một loại “tác phẩm báo chí” – là đối tượng bảo hộ của QTG. Mặc dù định nghĩa này đã mô tả một số dấu hiệu của CTTH, tuy nhiên lại chỉ chú trọng mô tả đặc tính kết cấu của CTTH với tư cách là một loại hình tác phẩm báo chí đơn thuần, do đó, thiếu tính phổ quát.

Tại mục 1.4.1 QCVN 115:2017/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức âm lượng và mức đỉnh thực cực đại của tín hiệu âm thanh trong các CTTH được ban hành kèm theo Thông tư 34/2017/TT-BTTTT ngày 22/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông đưa ra khái niệm: *“CTTH là một nội dung riêng biệt chứa âm thanh, hình ảnh được sử dụng trong phát sóng truyền hình. Một quảng cáo, giới thiệu, một nội dung thương mại hay nội dung tương tự cũng được xem là một CTTH”*. Khái niệm này cho thấy hình ảnh và âm thanh là các phương tiện được sử dụng để truyền đạt nội dung của CTTH đến khán giả. So với các loại hình tác phẩm như tác phẩm viết sử dụng chữ viết, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm điêu khắc, tác phẩm tạo hình sử dụng hình ảnh để truyền đạt đến khán giả, CTTH là loại hình tác phẩm đa phương tiện, sử dụng cả hình ảnh và âm thanh.

Thông qua quá trình nhìn nhận các khái niệm CTTH trên góc độ ngữ nghĩa, báo chí truyền thông và pháp lý như trên, có thể nhận thấy khái niệm

²⁴ Khoản 10 Điều 3 Luật Báo chí năm 2016 và Mục I Phần I Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT

CTTH dễ bị nhầm lẫn hay đánh đồng với khái niệm CTPS, do đặc thù của CTTH là bắt buộc phải thông qua hoạt động phát sóng để đến được với công chúng. Do đó, dưới góc độ lý luận, cần phân biệt rõ khái niệm CTTH và CTPS.

Dưới góc độ pháp luật về SHTT, các ĐUQT về QTG, QLQ mà Việt Nam là thành viên không có định nghĩa CTTH cũng như CTPS mà chỉ đề cập đến khái niệm phát sóng.

- *Khái niệm “Phát sóng”*

Định nghĩa “phát sóng” được ghi nhận lần đầu tiên trong lĩnh vực luật SHTT quốc tế tại Công ước Rome 1961 bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng: *“Phát sóng là việc truyền bằng phương tiện vô tuyến những âm thanh hoặc những hình ảnh và âm thanh để công chúng thu”*²⁵. Theo định nghĩa này, *thứ nhất*, đối tượng được phát sóng phải là âm thanh hoặc hình ảnh; *thứ hai*, các phương tiện truyền dẫn phải là không dây (vô tuyến); và *thứ ba*, việc truyền tải được tiếp nhận bởi công chúng. Định nghĩa này chỉ bao gồm hình thức phát sóng không dây mặt đất và truyền hình vệ tinh. Theo đó, các loại đường truyền có dây (hữu tuyến), truyền hình cáp, truyền internet, truyền hình trực tuyến đều không được công nhận theo công ước này²⁶.

Tiếp theo, Công ước Berne (1971) cũng đề cập đến phát sóng ở Đoạn 2 Điều 2bis, Đoạn 3 Điều 3 và đoạn (1) (i) Điều 11 bis, theo đó phát sóng cũng được hiểu là truyền thông các tác phẩm tới công chúng bằng phương tiện không dây²⁷. Có thể thấy khái niệm “*phát sóng*” được đề cập đến trong Công ước Berne và Rome phù hợp với mức độ phát triển công nghệ truyền thông ở thời điểm đài phát thanh và vô tuyến mới được phát minh.

²⁵ Đoạn f Điều 3, Công ước Rome, 1961.

²⁶ World Intellectual Property Organization (WIPO), Guide to the Copyright and Related rights Treaties Administered by WIPO and Glossary of Copyright and Related Rights Terms, WIPO Publication No. 891(E), (Geneva, WIPO, 2003), trang 270.

²⁷ World Intellectual Property Organization (WIPO), Guide to the Copyright and Related rights Treaties Administered by WIPO and Glossary of Copyright and Related Rights Terms, WIPO Publication No. 891(E), (Geneva, WIPO, 2003), trang 270.

Công ước Brussels về việc phân phối các tín hiệu mang chương trình được truyền qua vệ tinh lần đầu ghi nhận truyền thông vệ tinh, theo đó, truyền thông vệ tinh cũng được coi là phát sóng, được bảo hộ tương tự như phát sóng và có những tiêu chuẩn bảo hộ kèm theo. Từ đây, có thể hiểu phát sóng ngoài phương thức truyền vô tuyến còn có thể truyền qua vệ tinh.

Đoạn f Điều 2 Hiệp ước Wipo về cuộc biểu diễn, bản ghi âm (1996) định nghĩa: *"Phát sóng là việc truyền bằng các phương tiện vô tuyến cho việc thu của công chúng các âm thanh, hoặc hình ảnh và âm thanh, hoặc sự tái hiện lại của nó; việc truyền như vậy qua vệ tinh cũng là phát sóng; việc truyền tín hiệu được mã hoá là phát sóng khi mà các phương tiện giải mã được cung cấp cho công chúng bởi hoặc với sự đồng ý của các tổ chức phát sóng này"*²⁸.

Từ khi các Công ước Rome, Brussels, Berne được thông qua đến nay, khoa học kỹ thuật đã có những bước tiến vượt bậc, rất nhiều phương thức truyền dẫn khác nhau đã ra đời và phát triển. Do vậy, một định nghĩa đầy đủ, toàn diện về phát sóng là vô cùng cần thiết nhằm bảo hộ quyền của tổ chức phát sóng trên phạm vi toàn thế giới.

Dựa trên các quy định trên, Pháp luật SHTT Việt Nam đưa ra khái niệm về phát sóng tại Khoản 11 Điều 4 Luật SHTT: *"Phát sóng là việc truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng"*. Với khái niệm này, phát sóng được hiểu là hoạt động truyền phát đến công chúng những âm thanh hoặc hình ảnh của các tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS đến công chúng bằng các phương tiện vô tuyến. Phát sóng có ba dấu hiệu cơ bản: (i) là việc truyền dẫn âm

²⁸ Hiệp ước Wipo về cuộc biểu diễn, bản ghi âm (WPPT), 1996.

thanh hoặc hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS đến công chúng; (ii) việc truyền dẫn thông qua phương tiện không dây; (iii) được thực hiện bởi các “tổ chức phát sóng”.

Hoạt động phát sóng dưới góc độ pháp lý có điểm giống với hoạt động truyền hình là đều truyền âm thanh, hình ảnh đến công chúng. Tuy nhiên, điểm khác biệt là hoạt động phát sóng có thể thực hiện chỉ với âm thanh, mà có thể không có hoạt động truyền tải hình ảnh. Trong khi đó, đối với hoạt động truyền hình thì việc truyền tải hình ảnh là yếu tố luôn có. Về chủ thể thực hiện, “tổ chức phát sóng” cũng có phạm vi rộng hơn “tổ chức phát sóng truyền hình”.

- *Khái niệm CTPS*

Mặc dù CTPS là đối tượng bảo hộ của QLQ nhưng trong các Điều ước quốc tế cũng như pháp luật SHTT Việt Nam không đưa ra khái niệm CTPS. Khái niệm CTPS có thể tìm thấy trong Đạo luật bản quyền của một số quốc gia. Pháp luật Anh có đưa ra khái niệm CTPS tại Điều 6 Đạo luật Bản quyền, kiểu dáng và sáng chế năm 1988 (1988 Copyright, Designs and Patents Act) như sau: “*CTPS là chương trình truyền tải điện tử hình ảnh hoặc âm thanh hoặc các thông tin khác, trong đó được truyền dẫn để đồng thời gửi và có khả năng tiếp nhận hợp pháp từ công chúng hoặc được truyền dẫn tại thời điểm đơn phương xác định bởi người truyền dẫn để phát ngôn cho công chúng*”²⁹.

Điều 101 Luật Bản quyền Hoa Kỳ (Copyright Law of the United State) quy định: “*CTPS là một khối thông tin kết hợp được tạo ra nhằm mục đích duy nhất là truyền tới công chúng theo chuỗi kế tiếp hoặc từng đoạn*”³⁰ và “*Phát sóng một buổi biểu diễn hoặc một chương trình là việc truyền đạt buổi biểu diễn*

²⁹ Nguồn:

https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/957583/Copyright-designs-and-patents-act-1988.pdf, truy cập 20/4/2022.

³⁰ Nguồn: <https://www.copyright.gov/title17/title17.pdf>, truy cập 20/4/2022.

hoặc chương trình đó bằng bất kì thiết bị hoặc quy trình nào theo đó hình ảnh hoặc âm thanh được nhận bên ngoài địa điểm chúng được phát đi”³¹.

Những khái niệm trên tiếp cận CTPS là đối tượng SHTT mang các đặc trưng cơ bản: (i) là một chương trình hay khối thông tin dưới dạng âm thanh hoặc hình ảnh. Điểm đặc trưng của CTPS là nó là một chương trình hay khối thông tin trong đó có thể chứa đựng nhiều tác phẩm đơn lẻ; (ii) được truyền tải đến công chúng thông qua thiết bị, quy trình điện tử; (iii) công chúng có khả năng tiếp nhận được ngoài địa điểm chúng được phát đi.

Với khái niệm “phát sóng” và CTPS hiện nay, có thể thấy CTPS được tiếp cận dưới góc độ rất rộng.

Thứ nhất: phát sóng là hình thức truyền phát đến công chúng dưới bất kỳ hình thức “vô tuyến” nào. Hoạt động phát sóng có thể chỉ là truyền phát âm thanh (phát thanh) hay cả âm thanh và hình ảnh. Phát sóng còn bao gồm cả những hình thức *Livestream* hay *Livestreaming* - là hình thức “*Phát sóng trực tiếp*” những gì đang xảy ra lúc bấy giờ (*gương mặt, cảnh vật, sự kiện, ...*) cho người ở khắp mọi nơi trên thế giới thấy qua internet và mọi tương tác đều diễn ra một cách trực tiếp.

Thứ hai: Hoạt động phát sóng thông qua những thiết bị truyền thông nhất định. Ví dụ, live streaming là truyền tải trực tiếp qua Internet, đòi hỏi phải có một thiết bị truyền thông xác định (ví dụ như máy quay video, hệ thống trao đổi âm thanh, phần mềm chụp màn hình), một bộ mã hóa để số hóa nội dung.

Thứ ba: Chủ thể thực hiện hoạt động phát sóng có thể là bất kỳ ai. Ngày nay, với sự phát triển của Internet, bất kỳ tổ chức, cá nhân nào đều có thể thực hiện được hoạt động “phát sóng” đến công chúng, nếu có trong tay những thiết bị có khả năng truyền phát thông tin như điện thoại smartphone có kết nối mạng internet.

³¹ Nguồn: <https://www.copyright.gov/title17/title17.pdf>, truy cập 20/4/2022.

So sánh với những dấu hiệu của CTPS kể trên, có thể khẳng định CTTH là đối tượng có phạm vi hẹp hơn CTPS ở các khía cạnh cơ bản: *Thứ nhất*: Về hình thức truyền phát: Nếu CTPS có thể được truyền phát đến công chúng thông qua bất kỳ hình thức nào mà công chúng có thể tiếp nhận được (như qua các nền tảng mạng xã hội như Youtube, Facebook...), thì CTTH chỉ được truyền phát đến công chúng thông qua “truyền hình”; *Thứ hai*: Chủ thể thực hiện: Nếu như chủ thể phát sóng có thể là bất cứ tổ chức, cá nhân nào thì chủ thể thực hiện CTTH là tổ chức phát sóng truyền hình; *Thứ ba*: Về nội dung: CTPS không đòi hỏi điều kiện về nội dung, chất lượng, còn CTTH là một sản phẩm sáng tạo phải đáp ứng những tiêu chuẩn và theo quy trình sản xuất nhất định mới được truyền phát đến công chúng.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý, CTTH là một loại CTPS - đối tượng của QLQ được quy định trong pháp luật SHTT. Hiện nay, Luật SHTT hiện hành và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định khái niệm CTTH và CTPS.

Từ những luận giải trên, tác giả nhận thấy CTTH có những dấu hiệu sau:

- CTTH là một nội dung thông tin được thể hiện bằng hình ảnh và âm thanh. Khác với chương trình truyền thanh chỉ cần thể hiện bằng âm thanh, yếu tố hình ảnh là yếu tố bắt buộc phải có của CTTH.

- CTTH là một “tác phẩm đặc biệt” bởi nó tập hợp nhiều tác phẩm gắn kết dựa trên một ý tưởng sáng tạo chủ đạo xuyên suốt, phổ biến nhất là: tác phẩm viết, tác phẩm âm nhạc và tác phẩm mỹ thuật. Ví dụ: kịch bản, bài phát biểu, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu, tác phẩm văn học, các ca khúc âm nhạc, các tác phẩm biểu diễn, bản thiết kế không gian tổ chức ghi hình... Các tác phẩm này có thể coi là “nguyên vật liệu” tạo nên CTTH.

Một CTTH có thể bao gồm nhiều hạng mục mà thậm chí có thể không có khả năng bảo vệ QTG riêng lẻ nhưng có thể được kết hợp theo một cách duy

nhất để tạo ra một tác phẩm gốc có thể được bảo vệ³². Ví dụ những cảnh quay của một sự kiện như Thế vận hội thể thao, lễ nhận chức của Tổng thống... là những cảnh quay tự nhiên mà không một người sáng tạo nào có thể độc quyền sử dụng những loại cảnh chung này trong chương trình của họ. Hay ý tưởng đơn thuần về một chương trình mà các thí sinh cạnh tranh để được bình chọn là ca sĩ xuất sắc nhất không thể bảo vệ QTG. Điều này đã cho phép rất nhiều chương trình thi hát phát triển mạnh mẽ mà không thuộc độc quyền của bất kỳ nhà phát sóng nào. Tuy nhiên, hình thức của chương trình là yếu tố làm cho chương trình thi tài năng âm nhạc trở nên độc đáo và dễ nhận biết giữa các tập hoặc mùa khác nhau. Do đó, mỗi CTTH có những yếu tố riêng kết hợp theo một cách duy nhất để tạo ra một tác phẩm gốc có thể được bảo vệ.

- CTTH được truyền đến công chúng bởi các tổ chức phát sóng truyền hình thông qua các phương tiện phát sóng. Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong thời đại 4.0, các tổ chức, cá nhân có thể thực hiện phát sóng nội dung qua các nền tảng mạng xã hội như livestream trực tiếp trên Tik Tok hay Facebook, Youtube. Các phiên livestream đó không phải là một CTTH mà chỉ là hoạt động gửi và nhận các gói dữ liệu trong một luồng thông tin liên tục qua mạng internet qua hệ thống máy tính kết nối mạng internet của một số cá nhân, tổ chức không có chức năng và hạ tầng chuyên biệt về phát sóng CTTH.

- Đối tượng hướng đến của CTTH là công chúng nói chung. Có thể nói, hiện nay truyền hình là phương tiện truyền thông phổ biến nhất thế giới. Hầu hết mọi người không có cơ hội trực tiếp gặp mặt các nguyên thủ quốc gia, du hành tới mặt trăng, chứng kiến một cuộc chiến hay xem một trận thi đấu thể thao... Nhưng với truyền hình, họ có được cơ hội làm những việc đó. Khán giả của truyền hình có thể nói là có số lượng đông đảo nhất, bao gồm tất cả các đối tượng, từ người già đến người trẻ, từ người có học vấn cao đến người không biết

³² Alec Wheatley, *Protecting TV Show Formats*, <https://www.tilleke.com/wp-content/uploads/2017/11/Protecting-TV-Show-Formats.pdf> (truy cập ngày 22/11/2022)

chữ thuộc mọi tầng lớp, ngành nghề trong xã hội. Bằng sự kết hợp các chức năng phản ánh - nhận thức thẩm mỹ - giải trí với nhau, truyền hình ngày càng thu hút được nhiều khán giả. Vai trò, vị trí, ảnh hưởng và tác động của truyền hình đối với công chúng nói chung, quá trình hình thành và định hướng dư luận xã hội nói riêng đã và đang tăng lên nhanh chóng.

- Với tư cách là một loại hình báo chí truyền thông, CTTH phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chủ đề và phạm vi nội dung.

Từ những phân tích trên đây, tác giả đưa ra một khái niệm đầy đủ hơn về CTTH như sau: *“CTTH là sản phẩm sáng tạo bao gồm tập hợp nhiều tác phẩm gắn kết dựa trên một ý tưởng sáng tạo chủ đạo xuyên suốt, thể hiện dưới dạng hình ảnh và âm thanh, được các tổ chức phát sóng truyền tới công chúng thông qua hoạt động phát sóng truyền hình và phải tuân thủ quy định pháp luật về phạm vi nội dung, hình thức”*.

1.1.2. Đặc điểm của chương trình truyền hình

Với tư cách là một đối tượng bảo hộ của QTG, QLQ, CTTH mang những đặc điểm cơ bản như sau:

Thứ nhất, CTTH là tập hợp nhiều tác phẩm liên kết với nhau theo một ý tưởng chủ đạo và tạo thành một tác phẩm chung thống nhất.

Bản thân CTTH là một tác phẩm kết hợp của nhiều yếu tố sáng tạo, trong đó có những tác phẩm cấu thành CTTH có thể được bảo hộ độc lập QTG hoặc QLQ.

Thực tế hoạt động dàn dựng và sản xuất CTTH cho thấy, để cho ra đời một CTTH, chủ thể sáng tạo thường phải thực hiện một số các công đoạn bao gồm xây dựng kịch bản, dàn dựng sân khấu, bối cảnh đặc biệt (gameshow, talkshow...), bố trí hoặc lồng ghép âm thanh để nội dung chương trình thêm phong phú, sống động. Trong quá trình thực hiện các công đoạn nêu trên, để mang lại sự phong phú và sống động cho một CTTH, các nhà sản xuất chương trình thường phải sử dụng kết hợp nhiều loại hình tác phẩm khác nhau để tạo ra

một tác phẩm chung là CTTH nhằm thể hiện và truyền đạt ý tưởng sáng tạo của mình đến công chúng. CTTH là một sự kết hợp đặc biệt mang tính toàn diện của các yếu tố truyền hình bao gồm cả những yếu tố phổ biến và những yếu tố mới có thể được bảo vệ hoặc không được bảo vệ dưới dạng các quyền SHTT riêng biệt³³. Tùy thuộc vào từng thể loại và nội dung cụ thể, CTTH có thể được cấu thành bởi nhiều tác phẩm khác nhau, tuy nhiên chủ yếu và phổ biến nhất là tác phẩm viết, tác phẩm âm nhạc và tác phẩm tạo hình. Trong đó, các tác phẩm viết có thể là những kịch bản chương trình, kịch bản phim... đóng vai trò là trọng tâm định hình khung xương sống cho một CTTH. Các tác phẩm âm nhạc đặc biệt được sử dụng nhiều trong các chương trình ca nhạc, biểu diễn. Âm nhạc cũng đóng vai trò quan trọng trong hầu hết các CTTH như phim truyền hình, phim tài liệu, phóng sự, ký sự, nhằm giúp khơi gợi cảm xúc và mang lại trải nghiệm sâu sắc hơn cho khán giả. Bên cạnh đó, trong một số CTTH được ghi hình tại trong nhà, các tác phẩm mỹ thuật ứng dụng thường được sử dụng để bố trí trình bày tên của chương trình hoặc làm phong nền cho trường quay và sân khấu.

Ngoài ra, một CTTH, đặc biệt là các phim truyền hình, phim tài liệu hay các chương trình ca nhạc, biểu diễn còn có thể chứa đựng, bao hàm các đối tượng được bảo hộ QLQ như cuộc biểu diễn của ca sĩ, nghệ sĩ, nhạc công biểu diễn trong chương trình ca nhạc, của các diễn viên trong phim truyền hình. Đối với một số CTTH có sử dụng bản ghi âm, ghi hình làm tư liệu thì còn có quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình đó đều là những sản phẩm có nội dung độc lập và cấu tạo hoàn chỉnh, do đó, đáp ứng yêu cầu bảo hộ QLQ.

Như vậy, khác với đa số các loại hình tác phẩm khác, CTTH bản thân nó không chỉ là một tác phẩm chung được bảo hộ mà trong đó còn có những tác

³³ Alec Wheatley, *Protecting TV Show Formats*, <https://www.tilleke.com/wp-content/uploads/2017/11/Protecting-TV-Show-Formats.pdf> (truy cập ngày 22/11/2022)

phẩm cấu thành có thể được bảo hộ độc lập QTG hoặc những đối tượng được bảo hộ QLQ.

Thứ hai, CTTH là tác phẩm được thể hiện bằng “ngôn ngữ truyền hình” thông qua việc truyền tải cùng lúc cả tín hiệu hình ảnh và âm thanh.

Một trong những ưu điểm của CTTH là cung cấp thông tin một cách toàn diện, hiệu quả với độ tin cậy cao thông qua việc truyền tải cùng lúc cả tín hiệu hình ảnh và âm thanh. Khác với ngôn ngữ phát thanh, ngôn ngữ truyền hình là sự kết hợp đa phương tiện: hình ảnh, âm thanh, ký tự, biểu bảng, biểu đồ. Như vậy, chất liệu giao tiếp chính của truyền hình là: hình (cả hình ảnh động lẫn hình ảnh tĩnh), âm thanh (gồm lời nói, tiếng động, âm nhạc) và chữ viết. Ba chất liệu ngôn ngữ này tạo cho truyền hình lợi thế truyền tải thông tin vừa sống động, sinh động, hấp dẫn, vừa cụ thể, chính xác, khách quan. Trong ba chất liệu ngôn ngữ đó, hình ảnh là thứ ngôn ngữ quan trọng nhất của truyền hình; âm thanh – cụ thể là lời nói, đứng vị trí thứ hai, đóng vai trò hỗ trợ hình ảnh. Tuy nhiên, trong hầu hết trường hợp, vị trí, tầm quan trọng của ngôn ngữ hình ảnh và ngôn ngữ lời nói gần như ngang bằng nhau. Trong giao tiếp truyền hình, hình ảnh luôn cần đến sự dẫn giải bằng ngôn ngữ lời nói. Dù hình ảnh có sống động, chân thực bao nhiêu, nhưng với tư cách là phương tiện cung cấp thông tin, sẽ không hoặc vô cùng ít ỏi cái gọi là “*hình ảnh câm*”. Ở những chương trình đối thoại, giao tiếp với công chúng, lời nói thậm chí giữ vai trò trung tâm; hình ảnh làm nhiệm vụ hỗ trợ, bổ sung, làm sinh động, chính xác hóa cho lời nói. So với nhiều loại hình báo chí khác, CTTH có nhiều lợi thế trong chuyên tải thông tin thông qua hình ảnh và âm thanh chân thực, sinh động. Chính khả năng “trăm nghe không bằng một thấy” mà truyền hình dễ dàng hấp dẫn công chúng.

CTTH và tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu đều mang đặc điểm là đều được thể hiện đồng thời bằng hình ảnh và âm thanh. Tuy nhiên, khác với hai loại hình tác phẩm đó, ngoài các chương trình phim truyện hoặc chương trình

sân khấu kịch, hình ảnh của các CTTH thường là hình ảnh thực tế, ít khi có tính hư cấu, tính kịch.

Ví dụ, các chương trình gameshow ghi lại hình ảnh những người chơi và người dẫn chương trình cùng tổ chức và chơi một hoặc nhiều trò chơi trên thực tế, chương trình thể thao tường thuật lại trận đấu bóng đá hay quần vợt, chương trình phỏng vấn ghi lại cuộc hỏi đáp giữa phóng viên và những người được phỏng vấn. Tất cả đều là những sự kiện, nội dung có thực, xảy ra trong thực tế, mang đến những thông tin trung thực và sống động về các sự kiện, hoạt động xảy ra. Người xem truyền hình tiếp nhận thông tin bằng cả thị giác và thính giác, lượng thông tin nhiều, độ tin cậy cao, có khả năng làm thay đổi nhận thức của con người trước sự kiện.

Thứ ba, CTTH được truyền đạt đến công chúng bằng các phương thức truyền hình.

Mặc dù có những khác biệt nhất định về khái niệm qua các thời kỳ, nhưng về mặt kỹ thuật, phương thức phát sóng truyền hình được hiểu là hoạt động phát sóng để truyền đi thông tin dưới dạng âm thanh và hình ảnh để công chúng nhận được tín hiệu mang chương trình thông qua hoạt động thu sóng, bất kỳ ai có công nghệ và thiết bị tiếp nhận thích hợp (Ví dụ: tivi...) đều có thể nhận được tín hiệu. Truyền hình thuộc lĩnh vực điện tử viễn thông, hoạt động dựa trên nhiều thiết bị công nghệ, có khả năng thu nhận tín hiệu sóng vô tuyến cũng như truyền dẫn các tín hiệu điện mang hình ảnh và âm thanh được mã hóa, được phát dưới dạng sóng vô tuyến hoặc thông qua hệ thống cáp quang, hoặc cáp đồng trục.

Phương thức truyền hình khác với phương thức phát thanh. Với phát thanh, thông tin được truyền đi chỉ dưới dạng âm thanh, còn với phương thức truyền hình, bắt buộc phải có thông tin dưới dạng hình ảnh, có thể có âm thanh hoặc không.

Phương thức truyền hình cũng khác với stream - là thuật ngữ chỉ các hoạt động gửi và nhận các gói dữ liệu trong một luồng thông tin liên tục qua mạng

internet. Công nghệ stream hỗ trợ xem trực tiếp nội dung của tập tin đa phương tiện (âm thanh, video và trò chơi...), trong khi phần còn lại của dữ liệu vẫn đang được truyền tải. Về bản chất, streaming video là quá trình chia nhỏ file video thành các frame, rồi lần lượt gửi từng frame tới một bộ đệm trên máy tính của người xem và hiển thị nội dung frame đó mà không cần tải hết toàn bộ tập tin đa phương tiện. Sau khi phát xong thì live streaming sẽ không biến mất mà trở thành một video bình thường để những ai bỏ lỡ có thể xem lại. Ngày trước, khi chưa có công nghệ ghi lại hình ảnh mà tivi đang phát để xem lại bất cứ lúc nào mình thích, với phương thức truyền hình, nếu không phát sóng lại, chúng ta hoàn toàn không thể xem được một chương trình đã bỏ lỡ.

Việc giới hạn truyền các gói thông tin qua hệ thống máy tính không phải là phát sóng giúp phân biệt truyền hình với Internet nhưng lại không giới hạn phương thức truyền hình Internet. Truyền hình giao thức Internet là một hệ thống dịch vụ truyền hình kỹ thuật số được phát đi nhờ vào giao thức Internet thông qua một hạ tầng mạng, mà hạ tầng mạng này có thể bao gồm việc truyền thông qua một kết nối băng thông rộng. Nói cách khác Truyền hình Internet là truyền hình, nhưng thay vì qua phương thức vô tuyến hay truyền hình cáp thì lại được truyền phát đến người xem thông qua các công nghệ sử dụng cho các mạng máy tính.

CTTH là loại hình tác phẩm có phương thức truyền đạt tương đối đặc thù và khác biệt so với hầu hết các loại hình tác phẩm khác. Cụ thể, các tác phẩm viết, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm kiến trúc... chủ yếu được truyền đạt thông qua việc phân phối các bản gốc, bản sao, trình duyệt trên internet. Các tác phẩm âm nhạc, tác phẩm sân khấu thường được truyền đạt thông qua hoạt động biểu diễn hoặc phân phối bản ghi âm, ghi hình buổi biểu diễn. Hay như tác phẩm điện ảnh, mặc dù vẫn có thể được truyền đạt bằng phương thức truyền hình nhưng hầu hết đều được truyền đạt bằng cách trình chiếu trên màn ảnh rộng tại các rạp chiếu phim. Trong khi đó, CTTH chỉ có thể được truyền đạt đến công chúng

bằng phương thức truyền hình, là phương thức có khả năng tiếp cận công chúng một cách nhanh chóng và rộng rãi, đồng thời giúp công chúng tiếp cận tác phẩm một cách trực quan, sinh động hơn. Chỉ với một thiết bị thu sóng truyền hình hay kết nối internet như tivi, máy tính hay điện thoại di động, công chúng có thể dễ dàng tiếp cận CTTH ở bất cứ đâu, trong bất cứ điều kiện hay hoàn cảnh nào. Đặc điểm này khiến các CTTH đã và đang trở thành sản phẩm truyền thông hướng tới công chúng hưởng thụ và phục vụ nhu cầu của số đông.

Thứ tư, CTTH là sản phẩm sáng tạo mang tính xác thực và thời sự.

Với tư cách là một phương tiện truyền thông, CTTH có nhiệm vụ phản ánh hiện thực khách quan mới nhất, nóng nhất đến công chúng. Do đó, phần lớn CTTH mang tính “thời sự”, phản ánh và truyền đạt những thông tin, hình ảnh có thực, không mang tính chất dàn dựng hay hư cấu. Với đặc điểm này, có thể nói CTTH là sản phẩm của sự quan sát trực tiếp cuộc sống và các sự kiện xảy ra trong thực tế một cách rất trực quan. Bên cạnh đó, CTTH thường được sử dụng để phản ánh và thông tin về các sự kiện một cách nhanh chóng, thậm chí ngay tại thời điểm sự kiện đó đang diễn ra, thông qua hình thức truyền hình trực tiếp hay cầu truyền hình. Ví dụ như đối với các chương trình Thời sự nói chung thường sử dụng phương thức sản xuất trực tiếp. Thời gian sự kiện xảy ra hoặc thời gian sản xuất chương trình đồng thời với phát sóng và tiếp nhận. Dòng tin tức nóng hổi cần được truyền đi nhanh chóng, tức thì, tạo cho người xem cảm giác họ đang được trực tiếp chứng kiến sự kiện. Đặc điểm này khiến CTTH có khả năng cập nhật những tin tức mới nhất, thời sự nhất đến cho công chúng, tạo nên một ưu thế của CTTH so với những loại hình tác phẩm mang tính thông tin hoặc giải trí khác.

Tính xác thực của CTTH đòi hỏi thông tin được cung cấp phải chính xác, phản ánh được một cách đúng nhất thực tế khách quan. Từ ngữ trong tin tức, phóng sự, bài phản ánh... cần biểu đạt chính xác nội dung thông tin, diễn đạt đúng ý đồ của nhà báo, không để người nghe hiểu sai, hiểu nhầm.

Do tính thời sự, hoạt động xử lý xâm phạm và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH cần phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời. Qua thời gian, tính thời sự của CTTH không còn, giá trị thương mại của CTTH cũng giảm sút. Khi đó, việc xử lý hành vi xâm phạm và giải quyết tranh chấp không còn nhiều ý nghĩa với chủ thể quyền do quyền tài sản đối với CTTH không còn giá trị.

Thứ năm, CTTH là tác phẩm có sự tham gia sáng tạo của nhiều chủ thể.

Nếu như một số loại hình tác phẩm như tác phẩm văn học, tác phẩm hội họa, tác phẩm kiến trúc, tác phẩm âm nhạc... thường là sản phẩm sáng tạo riêng của cá nhân mỗi nhà văn, họa sĩ, nhạc sĩ... thì CTTH lại yêu cầu quy trình dàn dựng và sản xuất công phu, phức tạp với sự tham gia của nhiều chủ thể, bao gồm đạo diễn, biên kịch, quay phim và kỹ thuật viên âm thanh, hình ảnh, ánh sáng... Những chủ thể này đảm nhận vai trò sáng tạo khác nhau và mang tính độc lập tương đối nhưng lại có sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn và linh hoạt theo một kịch bản và ý tưởng chủ đạo chung nhằm đạt được mục tiêu sáng tạo là nội dung sau cùng của sản phẩm truyền hình.

Đặc điểm này dẫn đến sự phức tạp trong việc phân định QTG, QLQ đối với CTTH. Khi có nhiều cá nhân cùng tham gia sáng tạo và sản xuất một CTTH, QTG, QLQ đối với CTTH hoặc đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình cấu thành nên CTTH đó chỉ có thể được xác định khi xem xét mức độ và phạm vi đóng góp của mỗi cá nhân trong quá trình sản xuất CTTH. Do đó, trong nhiều trường hợp, việc xác định chủ thể quyền cũng như phân chia QTG, QLQ đối với CTTH là tương đối khó khăn và dễ dẫn đến tranh chấp.

Thứ sáu, chủ sở hữu CTTH là các tổ chức phát sóng truyền hình, cụ thể là các Đài Truyền hình - những tổ chức được cấp phép (hay có Giấy phép) hoạt động truyền hình.

CTTH còn khác với các loại hình tác phẩm khác ở chủ sở hữu. Tham gia hoạt động sáng tạo tạo nên các tác phẩm CTTH có thể là cá nhân khác nhau, hợp

tác với các tổ chức, tổ chức khác nhưng chủ sở hữu của CTTH thì nhất định phải là tổ chức, cụ thể ở đây là các Đài Truyền hình - những tổ chức được cấp phép (hay có Giấy phép) hoạt động truyền hình. Ở Việt Nam, các Đài truyền hình có nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của Việt Nam và trên thế giới đến công chúng. Theo khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV thì Đài Phát thanh - Truyền hình là đơn vị trực thuộc cơ quan nhà nước do đó cá nhân, tổ chức không thể thành lập mà chỉ có cơ quan nhà nước mới có thẩm quyền được thành lập Đài Phát thanh - Truyền hình. Đài Truyền hình có chức năng tuyên truyền chính thống, khác với báo. Báo có thể viết theo quan điểm cá nhân nhưng Đài truyền hình tuyên truyền chính thống, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với các nội dung mà Đài phát sóng tới công chúng.

Thứ bảy, CTTH phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về nội dung và hình thức

CTTH không chỉ là một sản phẩm giải trí thông thường mà nó còn là một hình thức thông tin truyền thông có tính chính trị - xã hội quan trọng, do đó, CTTH phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về nội dung và hình thức. Bên cạnh những điều kiện chung như phải bảo đảm các yêu cầu về bản quyền, nội dung không vi phạm các điều cấm của pháp luật về báo chí và quy định pháp luật khác thì CTTH còn phải bảo đảm nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung truyền hình theo yêu cầu của dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Căn cứ vào chủ đề, nội dung, CTTH thường được phân loại theo các tiêu chí được xếp từ thấp đến cao như: (i) Chương trình được phép phổ biến đến người nghe, xem ở mọi độ tuổi; (ii) Chương trình được phép phổ biến có điều kiện. Ví dụ: Chương trình được phép phổ biến đến người nghe, xem dưới 13 tuổi với điều kiện nghe, xem cùng cha, mẹ, người giám hộ; Chương trình được phép phổ biến đến người nghe, xem từ đủ 13 tuổi trở lên; Chương trình được phép phổ biến đến người nghe, xem từ đủ 16 tuổi trở lên; Chương trình được phép phổ

biến đến người nghe, xem từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với CTTH loại này phải thực hiện cảnh báo khi phát sóng; (iii) Chương trình không được phép phổ biến: sẽ không được phép cung cấp trên dịch vụ.

Ví dụ, theo quy định của Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình: Đối với các chương trình giải trí là các CTTH thực tế, biểu diễn nghệ thuật; các CTTH có nội dung thi tài, biểu diễn về những hành động mạo hiểm, nguy hiểm, có nguy cơ gây thương tích; các CTTH giả tưởng, chương trình dàn dựng lại từ sự việc có thật; các chương trình thể thao về các bộ môn thể thao mạo hiểm, thể thao đối kháng, võ thuật, có tính bạo lực, nguy hiểm: phải có dòng chữ cảnh báo chậm nhất trước 03 giây so với thời điểm diễn ra tình huống, nội dung cần cảnh báo và được duy trì trong suốt quá trình diễn ra tình huống, nội dung này để người xem không bắt chước, học theo.

Nói tóm lại, CTTH là sản phẩm sáng tạo và là kết quả đầu tư công sức, trí tuệ, tài chính của nhiều chủ thể tham gia sản xuất CTTH. Sản phẩm sáng tạo này hoàn toàn có đầy đủ các tiêu chí trở thành đối tượng được bảo hộ QTG, QLQ dưới góc độ pháp luật SHTT. QTG, QLQ đối với CTTH là một loại tài sản có giá trị thương mại cao và cần phải được bảo hộ như các tài sản trí tuệ khác góp phần đảm bảo cạnh tranh lành mạnh đồng thời thu hút và bảo hộ đầu tư vào thị trường truyền hình tại Việt Nam.

1.1.3. Phân loại chương trình truyền hình

Ngày nay, việc phân loại CTTH đã trở nên tương đối phức tạp do sự tiến bộ không ngừng của công nghệ - kỹ thuật, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các tổ chức và cá nhân sáng tạo nội dung. Nhờ vào những tiến bộ này, CTTH ngày càng được sản xuất nhiều và phát sóng rộng rãi, mang đến cho khán giả nhiều lựa chọn rất đa dạng và phong phú. Tuy việc phân loại CTTH có thể không chính xác tuyệt đối, nhưng việc áp dụng những tiêu chí cơ bản như nội dung, quy

trình sản xuất và thời điểm phát sóng có thể giúp chúng ta phân loại một cách tương đối các CTTH phổ biến hiện nay.

Một trong những yếu tố quan trọng nhất khi phân loại CTTH là *nội dung*. Các CTTH có thể thuộc vào nhiều thể loại khác nhau như tin tức, thể thao, phim ảnh, hoạt hình và nhiều thể loại khác. Nội dung của mỗi chương trình có thể được tập trung vào việc truyền tải thông tin, giải trí, giáo dục hoặc kết hợp các yếu tố này. Việc phân loại dựa trên nội dung giúp người xem lựa chọn chương trình phù hợp với sở thích và nhu cầu của mình. Dưới góc độ pháp lý, phân loại dựa trên nội dung giúp xác định đối tượng được bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Ví dụ: CTTH chiếu các thể loại phim như phim truyền hình, phim điện ảnh, phim tài liệu sẽ được bảo hộ QTG tương tự các tác phẩm điện ảnh, các CTTH thuộc nhóm tin tức thời sự, phóng sự, ký sự sẽ được bảo hộ tương tự như các tác phẩm báo chí. Theo đó, căn cứ vào *nội dung cụ thể*, CTTH có thể phân chia thành một số loại hình gồm:

(1) Tin tức thời sự: là những CTTH cung cấp thông tin về các sự kiện, tin tức trong và ngoài nước, thường tập trung vào việc phân tích, bình luận và cung cấp thông tin đầy đủ về các vấn đề xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa;

(2) Phóng sự: là loại hình CTTH mà các nhà báo, phóng viên, thường khám phá và tường thuật về một câu chuyện hay một tình huống đặc biệt, qua đó mang đến cho khán giả cái nhìn sâu sắc và chi tiết về một chủ đề cụ thể.

(3) Bình luận (tọa đàm): là loại hình CTTH ghi lại quá trình thảo luận, đưa ra ý kiến của một hoặc một nhóm người tham gia về các vấn đề cụ thể, người xem sẽ tiếp cận được những quan điểm khác nhau từ các chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó.

(4) Ký sự: các chương trình ký sự thường tập trung vào việc theo dõi cuộc sống, câu chuyện hay hành trình của một cá nhân hoặc một nhóm người, mang đến cho khán giả cái nhìn gần gũi và chân thực về cuộc sống và trải nghiệm trong cuộc sống hàng ngày.

(5) Phim truyền hình: là loại hình CTTH có nội dung là các tác phẩm điện ảnh, thường được chia thành các tập phim và kéo dài qua nhiều tập. Phim truyền hình thường mang đến cho khán giả những câu chuyện kịch tính, giải trí và cảm động.

(6) Phim điện ảnh: khác với phim truyền hình, phim điện ảnh thường có tổng thời lượng ngắn và được sản xuất để chiếu rạp, thường có ngân sách cao hơn và sử dụng công nghệ sản xuất hiện đại để tái hiện các cảnh quay hấp dẫn và đồng thời mang đến cho khán giả trải nghiệm về một câu chuyện lớn.

(7) Phim tài liệu: loại hình chương trình này tập trung vào việc khám phá, tường thuật và phân tích các sự kiện, hiện tượng hoặc nhân vật thực tế, thường mang tính giáo dục và có mục đích truyền đạt thông tin chính xác và sâu sắc về một chủ đề cụ thể.

(8) Trò chơi (game show): là dạng CTTH mang tính giải trí cao và tập trung vào các trò chơi, câu đố hoặc thử thách, thường có sự tham gia của người chơi hoặc đội chơi, họ sẽ cạnh tranh để giành giải thưởng hoặc danh hiệu. Những trò chơi này có thể liên quan đến kiến thức, kỹ năng vật lý, trí tuệ hoặc may mắn.

(9) CTTH thực tế: truyền hình thực tế là thể loại CTTH chú trọng vào việc phô bày các tình huống xảy ra không theo kịch bản diễn xuất với nội dung mang chất liệu thực tế mà không hư cấu, các nhân vật trung tâm là những người bình thường thay vì diễn viên chuyên nghiệp nhằm để thu hút xúc cảm hoặc tiếng cười. Ngày nay, hai mảng chính của truyền hình thực tế là các cuộc thi có giải thưởng lớn và các bộ phim ghi hình tình huống hài hước theo dạng sê-ri. Theo định dạng thông dụng, khán giả có thể can thiệp vào việc đánh giá thí sinh (đối với cuộc thi) và nội dung (đối với phim tình huống). CTTH thực tế mang lại cái nhìn chân thực và gần gũi về cuộc sống và trải nghiệm cá nhân của các nhân vật chính.

Bên cạnh cách thức phân loại theo nội dung như trên, CTTH còn có thể được phân loại dựa trên một số tiêu chí sau:

Căn cứ vào *đối tượng khán giả, độ tuổi hướng đến* cũng là một tiêu chí phân loại phổ biến đối với CTTH: (1) Chương trình thiếu nhi: là các chương trình dành riêng cho trẻ em, với nội dung và hình thức trình bày phù hợp với tuổi tác và sở thích của trẻ nhỏ, ví dụ: phim hoạt hình, chương trình giáo dục dành cho thiếu nhi. (2) Chương trình dành cho thanh thiếu niên: các chương trình trong nhóm này hướng đến đối tượng khán giả thuộc độ tuổi teen (thanh thiếu niên), với nội dung thường liên quan đến giáo dục và giải trí. Với hai đối tượng khán giả trên, có một số giới hạn đối với nội dung CTTH như: nội dung bạo lực hành động và tâm lý, nội dung tình dục, nội dung độc hại hoặc gây hiệu ứng tiêu cực, nội dung ngôn từ không phù hợp hoặc xúc phạm đến giá trị đạo đức và văn hóa. Vì mỗi quốc gia có quy định riêng về đánh giá nội dung CTTH và độ tuổi phù hợp, việc giới hạn các nội dung này có thể khác nhau. Tuy nhiên, mục đích của việc phân chia nội dung theo độ tuổi là để bảo vệ trẻ em và đảm bảo rằng nội dung truyền tải trên CTTH là phù hợp với mức độ phát triển và sự hiểu biết của trẻ em. (3) Chương trình dành cho người trưởng thành: đây là các chương trình dành riêng cho đối tượng người trưởng thành, có nội dung và hình thức trình bày đa dạng, phù hợp với sự quan tâm và yêu cầu của người lớn. (4) Chương trình dành cho người già: những chương trình trong nhóm này được thiết kế để phục vụ đối tượng khán giả già, với nội dung thường liên quan đến chủ đề như sức khỏe, cuộc sống hàng ngày, văn hóa, giải trí nhẹ nhàng, ví dụ: chương trình “Cây cao bóng cả”, chương trình thể dục dưỡng sinh. (5) Chương trình đa lứa tuổi: Đây là các chương trình có thể được xem bởi mọi lứa tuổi từ trẻ em đến người già, với nội dung và hình thức trình bày linh hoạt để phục vụ nhiều đối tượng khán giả khác nhau.

Căn cứ vào *quy trình sản xuất và phương thức sản xuất*, CTTH có thể phân chia thành hai nhóm là chương trình sản xuất theo phương thức điện ảnh và CTTH sản xuất theo phương thức trường quay. Cả hai phương thức sản xuất nêu trên đều bao gồm các bước cơ bản trong sản xuất CTTH, bao gồm xây dựng kịch

bản, biên tập, đạo diễn, sản xuất, xử lý tiền kỳ, xử lý hậu kỳ, duyệt nội dung và phát sóng. Tuy nhiên, sự khác biệt nằm ở địa điểm thực hiện nội dung và các cảnh quay. Cụ thể, những CTTH sản xuất theo phương thức điện ảnh sẽ được sản xuất và ghi hình tại một hoặc nhiều địa điểm thực tế khác nhau tùy vào nội dung chương trình. Trong khi đó, đối với các CTTH sản xuất theo phương thức trường quay, hầu như mọi hoạt động trong quy trình sản xuất nêu trên đều được thực hiện tại địa điểm duy nhất là một trường quay nơi bối cảnh, trang thiết bị đã được dàn dựng, sắp xếp sẵn. Cách phân loại này sẽ xác định được rõ các chủ thể được hưởng quyền tương ứng theo cách họ đóng góp vào hoạt động sản xuất CTTH.

Căn cứ vào *thời điểm phát sóng*, CTTH được chia thành CTPS trực tiếp và CTPS không trực tiếp. (1) *CTPS không trực tiếp*: là các CTTH được sản xuất trước và sau đó được phát sóng theo lịch trình đã được xác định sẵn. Quy trình sản xuất thông thường bao gồm việc viết kịch bản, quay phim, chỉnh sửa hậu kỳ... Các CTPS không trực tiếp thường mang tính chất được dàn dựng, như phim truyền hình, talk show, bản tin thời sự hàng ngày... (2) *CTPS trực tiếp*: là các CTTH được ghi hình và phát sóng ngay lập tức vào cùng một thời điểm. Chương trình được truyền tải trực tiếp từ hiện trường hoặc phòng thu, không qua quá trình chỉnh sửa hay cắt ghép. Ví dụ về CTPS trực tiếp có thể là tin tức trực tiếp, sự kiện thể thao trực tiếp, buổi biểu diễn trực tiếp... CTPS trực tiếp mang lại cho người xem cảm giác tham gia vào sự kiện diễn ra ngay lúc đó và không có sự chỉnh sửa hay can thiệp sau khi ghi hình.

Ngoài ra, *trên khía cạnh pháp lý*, có thể phân loại CTTH thành CTTH mà tổ chức phát sóng chỉ có QLQ và CTTH mà tổ chức phát sóng vừa có QTG vừa có QLQ. Theo đó, nếu tổ chức phát sóng đồng thời là tổ chức đầu tư vật chất để sản xuất CTTH và thực hiện phát sóng chương trình đó trên sóng truyền hình thì tổ chức đó có thể được hưởng đồng thời QTG và QLQ đối với CTTH đó. Trong một số trường hợp, nếu tổ chức phát sóng không thực hiện đầu tư, sản xuất

CTTH mà chỉ thực hiện phát sóng CTTH có sẵn (phim tài liệu, phim truyện, video ca nhạc...) thì tổ chức phát sóng chỉ được hưởng QLQ đối với CTTH đó. Tiêu chí này liên quan mật thiết đến việc xác định chủ thể quyền và nội dung quyền được bảo hộ đối với CTTH.

1.2. Khái quát chung về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

1.2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của quyền tác giả đối với chương trình truyền hình

Xuất phát từ cách sử dụng thuật ngữ khác nhau nên trên thế giới hiện nay tồn tại những cách tiếp cận khác nhau đối với khái niệm QTG cũng như đối với chủ thể được bảo hộ QTG. Ở một số quốc gia theo hệ thống Civil Law (pháp luật châu Âu lục địa), thuật ngữ “*author’s right*” được dùng để chỉ QTG trong khi các quốc gia theo hệ thống Common Law (pháp luật Anh - Mỹ) sử dụng cụm từ “*copyright*” - theo nghĩa đen là quyền sao chép, nhân bản tác phẩm, sau này được sử dụng theo nghĩa rộng hơn để chỉ QTG³⁴.

Cách tiếp cận của các nhà lập pháp châu Âu lục địa dựa trên luật thuyết về quyền tự nhiên của sở hữu tinh thần, theo đó chỉ tác giả trực tiếp sáng tác mới có quyền trực tiếp đối với sản phẩm sáng tạo của mình, người sử dụng lao động không thể là tác giả những tác phẩm do người lao động của mình tạo ra thông qua hoạt động thuê sáng tác.

Các nước theo hệ thống pháp luật Anh - Mỹ lại nghiêng về ghi nhận và bảo hộ quyền kinh tế cho tác giả, chủ sở hữu QTG, ghi nhận sự độc quyền sao chép của chủ sở hữu QTG. Với cách tiếp cận này, trước hết nhà làm luật Anh, Mỹ cho thấy họ coi trọng ý nghĩa kinh tế, khuyến khích bảo vệ những người phải chịu rủi ro về kinh tế khi tác phẩm được sử dụng và khai thác, nhóm người này

³⁴ Bettig, Ronald V. (1996). *Copyrighting Culture: The Political Economy of Intellectual Property*. Boulder, Colorado: Westview Press

có thể là chủ sử dụng lao động, các công ty khai thác tác phẩm... Theo đó, người sử dụng lao động có thể được hưởng QTG đối với tác phẩm do người lao động sáng tác theo hợp đồng.

Từ những luận giải trên, có thể thấy, tuy có sự khác nhau về quan điểm lập pháp trong lịch sử nhưng từ khi Công ước Berne năm 1886 về bảo hộ QTG đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời, QTG được pháp luật ghi nhận và bảo hộ bao gồm: “*moral rights*” là các nhóm quyền liên quan đến vấn đề đạo đức (moral), bảo vệ khía cạnh tinh thần cho tác giả và “*economic rights*” là nhóm quyền tài sản, bảo vệ lợi ích kinh tế cho các chủ thể đối với các tác phẩm do họ sáng tạo ra hoặc sở hữu. Trước năm 1989, Luật QTG thường được gọi là Copyright của Mỹ có khá nhiều điểm khác biệt với Luật QTG châu Âu vì vậy Mỹ chưa thể gia nhập Công ước Berne. Sau đó Mỹ đã buộc phải sửa đổi những điểm khác biệt này để được kết nạp vào Công ước Berne năm 1989. Ngày nay những khác biệt quan trọng giữa Copyright của Mỹ với Luật QTG châu Âu đã không còn tồn tại nữa.

Tại Việt Nam, Điều 2 Pháp lệnh bảo hộ QTG năm 1994 lần đầu ghi nhận về QTG bao gồm “*các quyền về tinh thần và vật chất của tác giả*” – trùng khớp với tinh thần của Công ước Berne, tuy nhiên pháp lệnh mới chỉ ghi nhận chủ thể được bảo hộ QTG là tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm chứ không đề cập đến chủ sở hữu QTG.

Khoản 2 Điều 4 Luật SHTT đã đưa ra khái niệm: “*QTG là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu*”, theo đó chủ thể được hưởng quyền đã được mở rộng so với Pháp lệnh năm 1994, ngoài những người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm thì các chủ thể đầu tư tài chính, cơ sở vật chất để tác giả sáng tạo hoặc các chủ thể được sở hữu QTG thông qua các phương thức thừa kế, nhận chuyển nhượng quyền... cũng sẽ được hưởng các quyền nhất định theo quy định của pháp luật về QTG.

CTTH là một sản phẩm sáng tạo bao gồm tập hợp nhiều tác phẩm liên kết với nhau theo một ý tưởng chủ đạo và tạo thành một tác phẩm chung thống nhất. Để tạo ra một CTTH đòi hỏi phải có sự nỗ lực hợp tác sáng tạo của cả một tập thể bao gồm biên kịch, đạo diễn, quay phim, kỹ thuật viên, người dẫn chương trình, diễn viên,... và trải qua nhiều công đoạn sáng tạo từ xây dựng kịch bản, dàn dựng sân khấu, lồng ghép hình ảnh, âm thanh,... để nội dung chương trình thêm phong phú, sống động. Kịch bản CTTH là một loại hình tác phẩm viết không thể thiếu để tạo nên một CTTH. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện CTTH, tổ chức sản xuất còn phải sử dụng rất nhiều tác phẩm độc lập như: tác phẩm âm nhạc, tác phẩm báo chí tác phẩm mỹ thuật ứng dụng để trang trí, dàn dựng bối cảnh quay,... Có thể thấy để tạo ra một CTTH có sự đóng góp công sức của nhiều tác giả - là những người trực tiếp bằng lao động sáng tạo của mình để tạo ra tác phẩm được sử dụng trong CTTH. Bên cạnh đó, một CTTH là một sản phẩm văn hoá, truyền thông đòi hỏi có sự đầu tư lớn về tài chính cũng như trang thiết bị kỹ thuật của nhà sản xuất CTTH. CTTH là sản phẩm sáng tạo và là kết quả đầu tư công sức, trí tuệ, tài chính của nhiều chủ thể tham gia sản xuất CTTH. Trong việc bảo hộ QTG, độc quyền là yếu tố cốt lõi nhất, là đặc quyền mà pháp luật trao cho tác giả, chủ sở hữu QTG đối với tác phẩm. Việc cấp các độc quyền QTG cho các chủ thể sáng tạo và đầu tư cho CTTH vừa là cơ chế phần thưởng tạo động lực cho các chủ thể này nỗ lực tạo ra các sản phẩm sáng tạo mới, đồng thời thúc đẩy, khuyến khích các hoạt động văn học nghệ thuật phát triển, làm giàu có đời sống văn hoá, giải trí, tinh thần của xã hội. Thông qua việc được ghi nhận và bảo hộ bằng pháp luật, các tổ chức truyền hình có điều kiện để sử dụng, khai thác các lợi ích có được từ các quyền của mình, bù đắp các chi phí đầu tư cũng như tạo động lực để tiếp tục tạo ra các CTTH mới phong phú và hấp dẫn hơn. Hơn nữa khi được pháp luật bảo hộ, tác giả hoặc chủ sở hữu QTG, QLQ đối với CTTH còn ngăn cản được việc khai thác, sử dụng trái phép tác phẩm, CTTH để thu lợi bất chính của chủ thể khác.

Qua những phân tích trên đây, QTG đối với CTTH có thể hiểu như sau: “QTG đối với CTTH bao gồm các quyền nhân thân và tài sản được nhà nước ghi nhận và bảo hộ cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào việc sáng tạo, đầu tư để tạo ra những tác phẩm hợp thành CTTH”.

Đặc điểm của QTG đối với CTTH

QTG đối với CTTH là một bộ phận của quyền SHTT, được nhà nước ghi nhận và bảo đảm bằng pháp luật. Do đó, QTG đối với CTTH mang những đặc điểm chung của quyền SHTT, thể hiện ở các khía cạnh sau:

(1) Về căn cứ xác lập quyền:

Một CTTH có thể được tạo nên từ rất nhiều tác phẩm nguyên liệu, hoặc bản thân CTTH đó chính là một loại hình tác phẩm độc lập. QTG đối với CTTH phát sinh một cách tự động kể từ khi tác phẩm gắn với CTTH được sáng tạo và được thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phân biệt nội dung, chất lượng, phương tiện, ngôn ngữ. Điều 5 Khoản 2 Công ước Berne quy định: “Việc hưởng và thực hiện các quyền lợi này không lệ thuộc vào một thể thức, thủ tục nào hết...”³⁵. Việc bảo hộ QTG không phụ thuộc vào việc tác phẩm đã công bố hay chưa công bố, đã đăng ký hay chưa đăng ký. Ví dụ: Khi một người sáng tác ra một bản kịch bản CTTH, không phụ thuộc vào việc tác giả có đăng ký QTG tại Cục Bản quyền tác giả hay chưa, kịch bản CTTH đã công bố hay chưa công bố trên truyền hình, thì tác phẩm đó đã được pháp luật bảo hộ. Tác giả của tác phẩm đó đương nhiên được hưởng các quyền theo quy định của pháp luật như quyền được đặt tên cho tác phẩm, quyền được nêu tên, quyền được bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm của mình, cũng như các quyền tài sản tương ứng mà pháp luật ghi nhận.

(2) Về đối tượng của quyền: QTG đối với CTTH là quyền đối với sản phẩm sáng tạo thuộc lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học.

³⁵ Công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật

CTTH là tác phẩm hình thành từ hoạt động sáng tạo của con người, đó có thể là các tác phẩm viết, các tác phẩm sân khấu, các tác phẩm báo chí hoặc bất kỳ tác phẩm nào trong các CTTH. Ý tưởng sáng tạo, nằm trong tư tưởng của một đạo diễn hay một biên kịch. Nếu những ý tưởng đã xuất hiện trong suy nghĩ của tác giả nhưng chưa được định hình ra bên ngoài dưới một hình thức vật chất nhất định như ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh để truyền đạt đến người thưởng thức thì công chúng không thể hình dung, cảm nhận được tác phẩm, không nắm bắt được nội dung muốn truyền tải, không biết sự sáng tạo thể hiện như thế nào và không có căn cứ để công nhận và bảo hộ những ý tưởng đó. Để được bảo hộ, ý tưởng sáng tạo đó phải được thể hiện ra ngoài bằng một hình thức cụ thể, bằng âm thanh, lời nói, chữ viết, hình khối, đường nét, màu sắc, ký hiệu... hoặc bất kỳ một phương tiện nào, ví dụ: một kịch bản CTTH được thể hiện bằng chữ viết; thiết kế bối cảnh CTTH được thể hiện bằng hình khối, hình vẽ trang trí... Một CTTH là sự thể hiện kết quả lao động trí tuệ có tính sáng tạo và độc đáo của nhiều chủ thể, là cách thức thể hiện các ý tưởng, suy nghĩ, tình cảm, quan niệm của các tác giả sáng tạo. CTTH là tác phẩm được bảo hộ QTG vì nó đáp ứng được các yếu tố: (i) Là sản phẩm sáng tạo về văn học, nghệ thuật, khoa học; (ii) Có tính sáng tạo nguyên gốc thể hiện qua sự sắp xếp các ngôn từ, hình ảnh, màu sắc, âm thanh... theo một trật tự riêng có của tác giả; (iii) Được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định để có thể nhận biết, sao chép, truyền đạt đến công chúng như: bản thảo kịch bản; thiết kế mỹ thuật; băng đĩa... Yêu cầu này đòi hỏi CTTH không còn ở dạng ý tưởng, ở dạng vô hình, ý thức, mà đã được bộc lộ ra bên ngoài thế giới khách quan để có thể xác định được. Yêu cầu này chính là căn cứ, là cơ sở cho việc có thể bảo hộ CTTH, nếu không đáp ứng được yêu cầu này thì không thể chứng minh được sự tồn tại của tác phẩm, điều đó cũng đồng nghĩa với việc không thể bảo hộ tác phẩm.

(3) *Về chủ thể của quyền:*

Do hoạt động sản xuất CTTH rất phức tạp đòi hỏi nguồn nhân lực đa dạng về chuyên môn nên những chủ thể tham gia thực hiện các công việc có tính sáng tạo đối với CTTH rất đa dạng. Họ có thể là nhà biên kịch, quay phim, dựng phim, người sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, diễn viên điện ảnh, đạo diễn sân khấu, chỉ huy âm nhạc, biên đạo múa, thiết kế sân khấu, phục trang... hoặc bất cứ ai thực hiện các công việc sáng tạo đối với CTTH. Mỗi chủ thể có những vai trò, nhiệm vụ nhất định; sản phẩm sáng tạo của họ cũng có những đặc thù riêng, tương ứng nó có thể là đối tượng được bảo hộ QTG hoặc QLQ.

Nhóm cá nhân được bảo hộ QTG: là những cá nhân trực tiếp sáng tạo ra các tác phẩm cấu thành nên một CTTH như: nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhà phê bình, người viết kịch, nhà soạn nhạc, nhạc sĩ, biên tập viên, đạo diễn, nhiếp ảnh gia, họa sĩ, thiết kế đồ họa... Họ có thể đóng vai trò là tác giả độc lập (ví dụ nhạc sĩ sáng tác nhạc hiệu cho một CTTH); đồng tác giả (ví dụ: nhóm biên kịch cùng xây dựng kịch bản cho một CTTH); hoặc tập thể tác giả (ví dụ: tất cả những người đóng góp công sức sáng tạo trong một CTTH). Theo Luật QTG của Mỹ, đồng tác giả của một tác phẩm phải đáp ứng hai yêu cầu: (i) các tác giả chung trên thực tế phải cộng tác trong quá trình để tạo ra tác phẩm; (ii) tại thời điểm tác phẩm được khởi tạo, họ phải có ý định những đóng góp của họ được hợp nhất thành các bộ phận không thể tách rời hoặc phụ thuộc lẫn nhau của một tổng thể thống nhất³⁶. Các tác giả thường được hưởng những quyền nhân thân như: đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng trong CTTH, bảo vệ tính toàn vẹn tác phẩm...

Chủ sở hữu QTG đối với CTTH là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm trong CTTH. Đối với các nước theo hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa thì tác giả là chủ sở hữu đầu tiên của tác phẩm, cho dù tác phẩm có ra đời trong quá trình lao động thì người sử dụng lao

³⁶ Điều 101 Luật Quyền tác giả của Mỹ

động cũng không mặc nhiên trở thành chủ sở hữu mà việc chuyển giao quyền tài sản cho người sử dụng lao động thường được quy định trong thỏa thuận giữa hai bên. Đối với các nước theo hệ thống luật Anh - Mỹ thì với việc áp dụng học thuyết “Works made for hire” thì các tác phẩm được làm bởi người lao động trong quá trình thực hiện công việc lao động hoặc được tạo ra do thuê khoán, đặt hàng thì người sử dụng lao động hoặc người thuê sẽ trở thành tác giả và là chủ sở hữu QTG. CTTH là sản phẩm sáng tạo và đầu tư của các tổ chức phát sóng, trong đó những người tham gia vào quy trình sản xuất CTTH như biên kịch, đạo diễn, quay phim, phụ trách âm thanh, ánh sáng, kỹ thuật... thường là những người làm công ăn lương. Do đó, chủ sở hữu CTTH thường là các tổ chức phát sóng, đài truyền hình có quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm và nắm giữ các quyền tài sản.

(4) Về nội dung quyền: QTG đối với CTTH được chia thành hai nhóm quyền, đó là quyền tài sản (hay còn gọi là quyền kinh tế) và quyền nhân thân (hay còn gọi là quyền tinh thần). Giữa quyền nhân thân và quyền tài sản luôn tồn tại mối quan hệ liên quan mật thiết.

Thông thường QTG được phân biệt thành hai loại là quyền nhân thân và quyền tài sản. Những quyền này được trao cho các chủ thể QTG trong một thời hạn nhất định nhằm bù đắp công sức sáng tạo, thời gian và tiền bạc của các chủ thể này để cho ra đời tác phẩm, có tác dụng khuyến khích hoạt động sáng tạo. Xuất phát từ Thuyết nhất nguyên, các quốc gia trên thế giới đều thống nhất tác giả giữ quyền nhân thân – để bảo vệ lợi ích tinh thần có liên quan đến tác phẩm của tác giả và quyền sử dụng khai thác tác phẩm về mặt kinh tế để bảo đảm quyền lợi vật chất cho tác giả. Luật QTG bảo vệ tác giả trong mối quan hệ với tác phẩm của mình. Trong hệ thống luật Anh - Mỹ, trọng tâm chính của QTG không phải là tác phẩm, mà là quyền sao chép và quyền xuất bản. Quyền tài sản (hay quyền kinh tế) thuộc về chủ sở hữu QTG đối với CTTH, là những QLQ đến việc khai thác các lợi ích kinh tế từ CTTH. Có hai cách thức để thực hiện các

quyền kinh tế: (1) chủ sở hữu CTTH tự mình khai thác bằng cách thực hiện các quyền mà pháp luật trao cho chủ sở hữu QTG như tự thực hiện việc sử dụng tác phẩm để sản xuất các CTTH, biểu diễn tác phẩm, làm tác phẩm phái sinh...; (2) cho phép người khác khai thác bằng cách chuyển giao quyền sử dụng các QTG như cho phép nhà xuất bản xuất bản tác phẩm dưới dạng bản in, cho phép công ty tổ chức biểu diễn thực việc biểu diễn tác phẩm do mình làm chủ sở hữu QTG hay cho phép một Đài truyền hình thực hiện việc tái phát sóng đối với CTTH mà mình là chủ sở hữu.

1.2.1.2. Khái niệm, đặc điểm của quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Hiện nay, không có định nghĩa thống nhất về QLQ mà thường được định nghĩa là quyền thuộc về một số chủ thể có “tác phẩm” liên quan đến các tác phẩm văn học và nghệ thuật nhưng không phải là tác giả. Các chủ thể đó thường là người biểu diễn liên quan đến màn trình diễn của họ, các nhà sản xuất bản ghi âm đối với các bản ghi âm, nhà sản xuất bản ghi hình và các tổ chức phát sóng đối với các chương trình phát sóng của họ³⁷. Thuật ngữ QLQ được diễn giải tùy theo quan điểm lập pháp cũng như truyền thống pháp luật của mỗi quốc gia. Trong khi pháp luật châu Âu lục địa sử dụng thuật ngữ “*related rights*” để chỉ những quyền có liên quan (related) mật thiết với QTG thì pháp luật Anh – Mỹ lại sử dụng cụm từ “*neighboring rights*” để ghi nhận quyền của những chủ thể trung gian đưa tác phẩm đến với công chúng. Bản thân thuật ngữ “QLQ” hay “quyền kề cận” đã nói rõ vị trí của nhóm quyền này, sự “liên quan” hay “kề cận” đó chính là liên quan đến QTG, kề cận với QTG.

Cụ thể hơn, WIPO diễn giải QLQ là các quyền để bảo vệ lợi ích hợp pháp của các cá nhân, tổ chức góp phần truyền tải các tác phẩm có sẵn đến công chúng, tuy không trực tiếp tạo ra tác phẩm để được hưởng QTG nhưng những

³⁷ Daniel Gervais (2018), *Related Rights in United States Law*, Journal of the Copyright Society of the USA 65, no.4, tr.371

chủ thể trên với công sức và sự sáng tạo của mình xứng đáng được hưởng sự bảo hộ pháp lý, miễn là không xâm phạm đến việc bảo hộ QTG³⁸. WIPO cũng liệt kê ba nhóm chủ thể thường được bảo hộ loại quyền này: (1) người biểu diễn; (2) nhà sản xuất bản ghi âm; (3) tổ chức phát sóng. Ví dụ: một ca sĩ sử dụng khả năng cảm thụ và kỹ thuật thanh nhạc riêng của mình để trình diễn một tác phẩm âm nhạc trên sân khấu, công ty giải trí sử dụng trang thiết bị cũng như công nghệ của mình để thu lại phần trình diễn trên và phát hành đĩa VCD ra thị trường, Đài truyền hình phát sóng lại phần trình diễn trên cho công chúng thưởng thức, các chủ thể này chính là chủ thể được bảo hộ QLQ. Các quốc gia thuộc hệ thống luật Anh - Mỹ, đã có nhiều nỗ lực để giải quyết những khó khăn thực tế gây ra bởi quan niệm pháp lý về bản quyền như một quyền cá nhân, một quyền lợi cho con người tự nhiên, chứ không phải các tổ chức. Nếu áp dụng các quy định của QTG đối với người biểu diễn hay tổ chức ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng thì không hợp lý vì bản quyền gắn liền với nhân thân của tác giả. Các chuyên gia đề xuất rằng các tổ chức hoặc người biểu diễn sẽ được sở hữu “các quyền lân cận” tương xứng như tác giả nắm giữ bản quyền³⁹. Đáp ứng các đề xuất tìm kiếm sự công nhận của các ngành công nghiệp đối với các yêu cầu bảo vệ quyền lân cận. Theo một số quốc gia theo truyền thống luật Anh - Mỹ như Mỹ, Anh, Canada thì các chủ thể của QLQ như tổ chức ghi âm, tổ chức phát sóng đã được bảo vệ bởi bản quyền. Những chủ thể này được xem là tác giả của các tác phẩm này⁴⁰. Tại các nước này thì thuật ngữ QTG được hiểu theo nghĩa rộng bao hàm cả QLQ.

Mục đích của việc bảo hộ QLQ là để ghi nhận những nỗ lực của các chủ thể trong việc đầu tư công sức, thời gian, tiền bạc trong việc truyền tải tác phẩm đến công chúng; bảo vệ các chủ thể này trước những hành vi xâm phạm từ các chủ thể khác nhằm thu lợi bất chính từ công sức của các chủ thể hợp pháp của

³⁸ Understanding Copyright and Related Rights (2016), WIPO, tr.29.

³⁹ Benedict Atkinson, Brian Fitzgerald (2014), *A Short History of Copyright: The Genie of Information*, Springer publishing, tr.98

⁴⁰ Edward humphreys (2008), *International Copyright and Intellectual Property Law: Challenges for Media Content Producers*, JIBS Research Report, tr.64

QLQ. Thực tế cho thấy, công nghệ nghe nhìn hiện đại đã khiến số lượng các buổi biểu diễn giảm đi, ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích kinh tế của các nghệ sĩ biểu diễn. Các phương tiện ghi âm, ghi hình, thiết bị sao chép bản ghi được bán tràn lan trên thị trường khiến cho việc sao chép trái phép diễn ra phổ biến ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận của những đơn vị sản xuất bản ghi. Các tổ chức phát sóng cũng yêu cầu cần có sự bảo hộ dành riêng cho các CTPS trước vấn nạn phát lại trái phép tràn lan. Việc bảo hộ QLQ của nhóm người trung gian này ngày càng trở thành vấn đề bức thiết trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin.

Tại Việt Nam, khái niệm QLQ lần đầu được quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật SHTT năm 2005 là “*quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa*”. So với quy định trong Công ước Rome năm 1961 và Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm 1996, Luật SHTT Việt Nam đã ghi nhận cả quyền của nhà sản xuất bản ghi hình đối với bản ghi hình và quyền của tổ chức phát sóng đối với tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa trong phạm vi QLQ. Tuy nhiên, việc ghi nhận các quyền này không phải một điểm mới mẻ so với tương quan pháp luật thế giới, tại các nước phát triển, ngành công nghiệp điện ảnh đã ra đời và phát triển từ rất sớm nên quyền bảo hộ bản ghi hình thường được quy định trong các đạo luật riêng biệt về điện ảnh.

Từ những phân tích trên đây, định nghĩa QLQ đối với CTTH có thể được xây dựng như sau: “*QLQ đối với CTTH là tổng hợp các quyền nhân thân, quyền tài sản của người biểu diễn; chủ sở hữu cuộc biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng đối với CTTH*”. Dựa vào khái niệm này, QLQ đối với CTTH có những đặc điểm sau:

Thứ nhất, QLQ đối với CTTH được phát sinh từ QTG đối với CTTH. QLQ đối với CTTH có thể phát sinh đồng thời với QTG của CTTH hoặc có thể phát sinh từ việc sử dụng CTTH khi được bảo hộ với tư cách là đối tượng QTG. Ví dụ một chương trình ca nhạc được phát sóng trên sóng truyền hình thì bản thân việc

ca sĩ biểu diễn ca khúc đó, người quay phim quay lại chương trình ca nhạc đó sẽ làm phát sinh QLQ đối với CTTH, song song đồng thời tạo thành một CTTH hoàn chỉnh là đối tượng được bảo hộ QTG. Thời điểm các nhà đài phát sóng chương trình truyền hình đó trên sóng truyền hình cũng phát sinh QLQ đối với CTPS.

Thứ hai, QLQ đối với CTTH là quyền phái sinh, nó được hình thành dựa trên việc sử dụng tác phẩm gốc nhưng mang những đặc trưng về mục đích, cách thức và kết quả.

Việc sử dụng tác phẩm của chủ thể QLQ đối với CTTH có những đặc trưng khác biệt so với việc sử dụng của các chủ thể khác trong xã hội, không giống như bất kì việc sử dụng thông thường nào. Các đặc trưng khác biệt cụ thể như sau:

- Về mục đích: Công chúng thưởng thức các CTTH chủ yếu để phục vụ nhu cầu tinh thần của cá nhân như xem một bộ phim điện ảnh, xem một chương trình biểu diễn âm nhạc, theo dõi tình hình thời sự trong và ngoài nước... Trong khi đó, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng sử dụng các tác phẩm nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu của người khác, nhu cầu của bản thân họ rõ ràng không phải là mục đích chính. Mục đích chính của họ thường mang tính chất lợi nhuận và nghề nghiệp.

- Về cách thức: công chúng có thể tận hưởng các CTTH theo các cách thức thoải mái nhất, còn hành vi sử dụng tác phẩm của chủ thể QLQ đối với CTTH mang tính *chuyên nghiệp*, đòi hỏi những kĩ năng đặc biệt như người biểu diễn phải có chất giọng, khả năng diễn xuất, nhà sản xuất bản ghi âm ghi hình phải có trình độ kĩ thuật thu âm, ghi hình, tổ chức phát sóng phải có cơ sở vật chất và kỹ thuật thu phát...

- Về kết quả: với mục đích và cách thức đặc trưng như trên, chủ thể QLQ đối với CTTH tạo ra một sản phẩm mới và thuộc phạm vi bảo hộ của lĩnh vực QLQ đối với CTTH. Điểm mới chính là ở sự thể hiện hấp dẫn của các CTTH và

sự dễ tiếp cận hơn của công chúng, đó cũng chính là cầu nối giữa tác phẩm gốc với công chúng⁴¹.

Thứ ba, QLQ bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

Cuộc biểu diễn trong CTTH là sản phẩm sáng tạo trực tiếp mang dấu ấn của người biểu diễn nên người biểu diễn được hưởng các quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân. Bản ghi âm, ghi hình, CTPS cấu thành CTTH là những đối tượng được tạo ra bởi các phương tiện kỹ thuật, không gắn liền dấu ấn cá nhân nên quyền đối với những đối tượng này là các quyền tài sản.

Thứ tư, sự hạn chế về thời gian quyền được ghi nhận ngay cả với quyền nhân thân.

Đây là đặc điểm riêng biệt của QLQ đối với CTTH trong tương quan so sánh với các quyền SHTT khác. Bởi lẽ sự hạn chế về thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT là rõ ràng và không cần bàn cãi vì cần có sự cân bằng giữa lợi ích của chủ sở hữu quyền và lợi ích của cộng đồng. Tuy nhiên, sự giới hạn đó thông thường chỉ là sự giới hạn về các quyền tài sản, còn các quyền nhân thân thường là vô thời hạn. Trong khi đó, quyền nhân thân của chủ thể QLQ đối với CTTH chỉ có thể được bảo hộ có thời hạn, không phân biệt quyền nhân thân hay quyền tài sản. Sở dĩ pháp luật về SHTT xác định thời hạn bảo hộ quyền nhân thân của người biểu diễn chỉ trong thời hạn là năm mươi năm (mà không phải là vô thời hạn) vì các quyền nhân thân đó chỉ được thực hiện và đảm bảo khi bản định hình cuộc biểu diễn còn tồn tại, trong khi do đặc tính kỹ thuật các bản định hình cuộc biểu diễn chỉ có thể bảo quản được trong một thời hạn nhất định⁴².

Nhóm này với hoạt động phát sóng sẽ luôn là chủ thể có QLQ đối với CTTH mà họ phát sóng, QLQ sẽ phát sinh trong trường hợp chính họ là tổ chức đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất CTTH. Tại Việt Nam, đại diện chính của nhóm này là đài truyền hình, ngoài ra còn có các tổ chức phát

⁴¹ Đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, Nxb Công an nhân dân, tr 88, 89

⁴² Đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ, Nxb Công an nhân dân, tr88

sóng tư nhân. Khi mới xuất hiện, phần lớn các hoạt động phát sóng được thực hiện bởi các cơ quan chính phủ hoặc các tổ chức công cộng được ủy thác truyền tải tin tức và âm nhạc đến công chúng. Nhiều năm sau khi bắt đầu công khai dịch vụ phát thanh truyền hình, lần lượt các tổ chức phát thanh công cộng rồi đến các tổ chức phát sóng thương mại ra đời.

1.2.2. Khái niệm, đặc điểm bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

1.2.2.1. Khái niệm bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Các học thuyết xem QTG nói riêng và quyền SHTT nói chung là quyền tài sản xuất phát từ quan niệm của John Locke về tài sản. Trong tác phẩm *Two Treatises of Government*⁴³, John Locke đưa ra quan niệm rằng Thượng đế đã ban tặng thế giới chung cho tất cả mọi người, ai cũng có tài sản của riêng mình và sản phẩm của lao động phải thuộc về người đã lao động. Ông cũng luận giải rằng lao động của các cá nhân làm tăng thêm giá trị cho một sản phẩm và mang lại lợi ích xã hội chung. Từ các quan niệm về lao động về tài sản của John Locke các học giả về quyền SHTT đã vận dụng để lý giải về lý do bảo hộ quyền SHTT nói chung, QTG và QLQ nói riêng. CTTH là kết quả của một quá trình lao động sáng tạo trí tuệ mà các chủ thể đầu tư nhiều công sức, trí tuệ và tiền bạc, vì vậy phải coi nó là một loại tài sản. Nếu như các quốc gia đều có luật bảo vệ các tài sản hữu hình, thì cũng cần có luật bảo vệ tài sản vô hình là các sản phẩm sáng tạo trí tuệ khỏi những hành vi trộm cắp và lạm dụng.

Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu cao cả của bảo hộ QTG, QLQ là để khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển của văn hóa nghệ thuật. Thuyết này có nguồn gốc từ chủ nghĩa thực dụng (chủ nghĩa vị lợi)⁴⁴ được khởi xướng bởi Jeremy Bentham với nguyên tắc chung là làm “điều tốt nhất cho số đông

⁴³ John Locke (1970), *Two Treatises of Government* (P. Laslett, ed., Cambridge: Cambridge University Press, 1970), *Second Treatise*, Sec. 27

⁴⁴ John Stuart, Crisp, Roger (ed.) (1998), *Utilitarianism*, Oxford University Press

nhất” (“the greatest good for the greatest number”) hay nói cách khác những hành vi gây hạnh phúc cho đông đảo người dân cần được đánh giá cao và được phát huy. Áp dụng học thuyết này đối với QTG và QLQ thì khi một người tạo ra tác phẩm văn hóa nghệ thuật thì xã hội sẽ được hưởng lợi từ sự sáng tạo đó. Vì sự sáng tạo này mang lại lợi ích và tạo ra hạnh phúc cho xã hội nói chung, nên sự đổi mới và sáng tạo đó cần được thúc đẩy và khuyến khích. Việc khuyến khích như vậy có thể được thực hiện bằng việc cấp độc quyền cho người sáng tạo, đầu tư vì anh ta đã bỏ công sức, trí tuệ để mang lại niềm vui, giá trị tinh thần và vật chất cho xã hội. Quan điểm này cũng được ghi nhận tại Khoản 8, Mục 8, Điều 1 của Hiến pháp Hoa Kỳ: *“Thúc đẩy sự tiến bộ của khoa học và các nghệ thuật hữu ích bằng cách đảm bảo quyền sở hữu của các tác giả và nhà phát minh đối với các tác phẩm và phát minh trong thời gian hạn định”*⁴⁵ Như vậy, có thể khẳng định, bảo hộ QTG, QLQ là việc Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật để thiết lập quyền sở hữu cho những chủ thể sáng tạo và đầu tư đối với những tài sản mà họ tạo ra, nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, tạo ra động lực kinh tế đối với những nhà sản xuất văn hóa.

Dưới góc độ ngữ nghĩa, có một số thuật ngữ có liên quan đến “bảo hộ”. Theo Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên: *“Bảo hộ”* là che chở, không để bị hư hỏng, tổn thất⁴⁶. *“Bảo vệ”* là chống lại mọi sự xâm phạm để giữ cho luôn luôn được nguyên vẹn⁴⁷. *“Bảo đảm”* là làm cho chắc chắn thực hiện được, giữ gìn được, hoặc có đầy đủ những gì cần thiết⁴⁸. Có thể thấy thuật ngữ “bảo hộ” có nét tương đồng với thuật ngữ “bảo vệ”, đều là các hoạt động nhằm mục đích để một đối tượng không bị tổn thất, không bị xâm phạm. Tuy nhiên, hai hoạt động này có sự khác biệt, bảo vệ là việc tự bản thân một chủ thể có thể làm được nhưng bảo hộ, với tính chất che chở, thì nhất định phải xuất phát từ một chủ thể

⁴⁵ The Constitution of the United States of America <https://constitutioncenter.org/the-constitution/full-text>

⁴⁶ Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, 2003, tr.39

⁴⁷ Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, 2003, tr.40

⁴⁸ Từ điển Tiếng Việt, Hoàng Phê chủ biên, 2003, tr.38

khác. Khái niệm “bảo hộ” và “bảo vệ” bao hàm trong nó những biện pháp được đưa ra để ngăn chặn sự xâm phạm và tổn thất, trong khi khái niệm “bảo đảm” thường chỉ bao hàm ý nghĩa về tính chắc chắn, như một biện pháp để củng cố niềm tin.

Như vậy, “bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH” là hoạt động được thực hiện bởi cả Nhà nước và chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH, bao gồm tác giả, chủ sở hữu QTG, và chủ sở hữu QLQ nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm QTG, QLQ. Trong khi đó, “bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH” là hoạt động phải được khởi xướng thực hiện bởi một chủ thể khác, cụ thể là Nhà nước, một chủ thể có quyền lực mang tính cưỡng chế. Trước tiên Nhà nước ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để ghi nhận, bảo đảm việc thực hiện quyền cho các tổ chức phát sáng. Theo tác giả Trần Văn Nam, “*bảo hộ QTG là việc Nhà nước ban hành các quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập, công nhận và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do họ sáng tạo*”⁴⁹. Tác giả Phạm Văn Tuyết cũng định nghĩa: “*Bảo hộ QTG là sự quy định của Nhà nước thông qua các văn bản pháp luật để xác định cá nhân, tổ chức là tác giả, chủ sở hữu QTG, xác định các quyền của các chủ thể đó đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, xác định các hành vi bị coi là xâm phạm QTG và quy định các biện pháp được thực hiện để bảo vệ QTG*”⁵⁰. Theo pháp luật QTG của các nước theo hệ thống Anh – Mỹ, bản chất của pháp luật quyền tác giả gắn liền với việc bảo vệ các quyền kinh tế. Vì vậy chủ sở hữu QTG có quyền khai thác quyền tác giả tương tự như cách mà chủ sở hữu xử lý đối với một tài sản bất kỳ.

Từ các căn cứ pháp lý do Nhà nước ban hành, các chủ thể quyền xác lập quyền của mình, khai thác, bảo vệ quyền. Nhà nước thông qua các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Cục Bản quyền tác giả; Thanh tra thuộc Bộ Văn hoá,

⁴⁹ Trần Văn Nam (2014), *QTG ở Việt Nam – Pháp luật và thực thi*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.9

⁵⁰ Phạm Văn Tuyết (2008), *Sở hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ*, Nxb Tư pháp, tr113.

Thể thao và Du lịch; Tòa án; Quản lý thị trường; Hải quan; Công an; UBND các cấp... để bảo đảm, hỗ trợ chủ thể quyền. Như vậy việc bảo hộ ở đây bao gồm rất nhiều các hoạt động của cơ quan nhà nước, chủ thể quyền cũng như các tổ chức hữu quan để QTG, QLQ đối với CTTH được thực hiện, bảo đảm trên thực tế.

Mục đích của hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là Nhà nước đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu QTG, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng, chủ sở hữu CTTH được bảo hộ, chấm dứt hành vi xâm phạm và tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH.

Từ những luận giải trên, tác giả đưa ra khái niệm bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH như sau: *“Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là việc Nhà nước ban hành hệ thống các quy định của pháp luật ghi nhận quyền của tác giả; chủ sở hữu QTG; chủ sở hữu QLQ; người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình mà không đồng thời là chủ sở hữu QLQ đối với CTTH của mình và thực hiện các biện pháp cụ thể nhằm xác lập quyền, xử lý các hành vi xâm phạm quyền và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH trên thực tế”*.

1.2.2.2. Đặc điểm của bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

CTTH là một sản phẩm sáng tạo đặc biệt được bảo hộ cả QTG, QLQ. Do đó, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH có một số đặc trưng sau:

Thứ nhất: về đối tượng được bảo hộ

Sản phẩm sáng tạo liên quan đến CTTH rất đa dạng về hình thức thể hiện và thuộc nhiều thể loại khác nhau. Vì vậy, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cần nhận diện và xác định từng nội dung cấu thành CTTH, trong đó cái gì được bảo hộ QTG, cái gì được bảo hộ QLQ. Một CTTH là một sản phẩm sáng tạo kết hợp, trong đó bao gồm những tác phẩm thuộc các thể loại, hình thức thể hiện khác nhau như: tác phẩm viết (kịch bản truyền hình, kịch bản phân cảnh...); bài giảng, bài phát biểu và các bài nói khác (trong các chương trình giáo dục được phát sóng đã sử dụng các bài giảng của giảng viên hoặc các bài phát biểu trong các

chương trình có nội dung thời sự); tác phẩm âm nhạc (dùng làm nhạc nền); tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng (dùng để thiết kế phong nền cho CTTH)... Điều 17 Luật SHTT quy định và liệt kê các đối tượng bảo hộ của QLQ bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. Dẫn đến, đối với CTTH, bản thân nó có thể được bảo hộ QLQ dưới hình thức một cuộc biểu diễn, một bản ghi âm, ghi hình hoặc một CTPS hay một tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. Do đó, có thể thấy: đặc trưng nổi bật đầu tiên của bảo hộ QTG, QLQ đối với các CTTH là đối tượng được bảo hộ *rất đa dạng và phức tạp, khó xác định*.

Điều kiện để CTTH được bảo hộ QTG, QLQ là CTTH phải mang tính nguyên gốc. CTTH là kết quả của hoạt động sáng tạo của nhiều chủ thể cùng tham gia sáng tác. Kết quả cuối cùng để tạo ra một CTTH cụ thể đó là CTTH là kết quả hoạt động sáng tạo của tổ chức phát sóng phát trên sóng truyền hình và được thực hiện lần đầu tiên. Các chương trình phát lại, phát sóng đồng thời hoặc tiếp sóng chương trình của tổ chức phát sóng khác sẽ không được coi là đối tượng bảo hộ của QLQ. Ví dụ: Đài truyền hình Việt Nam là tổ chức sản xuất chương trình “Ai là triệu phú”, cho phép một số đài truyền hình địa phương phát lại chương trình này. Các đài truyền hình địa phương không được bảo hộ QLQ đối với chương trình phát lại đó.

Thứ hai: về chủ thể quyền

Trong việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, chủ thể quan trọng nhất đóng vai trò trung tâm là các tổ chức phát sóng. Đây là chủ thể cơ bản vì tổ chức phát sóng là chủ thể đầu tư tài chính, thời gian để sản xuất những CTTH, trong quá trình này họ sử dụng những tác phẩm văn học, nghệ thuật khoa học của các tác giả khác làm chất liệu. Chính vì thế họ có nghĩa vụ đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế về bảo hộ QTG đối với những tác phẩm mà họ sử dụng. Bên cạnh đó, các đài truyền hình sản xuất các CTTH để phát sóng vì thế họ cũng có quyền đối với những CTTH đó, tránh

những hành vi khai thác, sử dụng trái phép những CTTH nhằm mục đích thương mại. Như vậy, *các tổ chức phát sóng vừa là chủ thể mang quyền vừa là chủ thể có nghĩa vụ, họ đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo các quy định pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ được thực thi.*

Các tổ chức phát sóng ngày nay thường được phân loại thành: các tổ chức phát sóng công cộng hoặc các tổ chức phát sóng thương mại. Các tổ chức phát sóng công cộng thường được sở hữu bởi các cơ quan cộng đồng hoặc chính phủ, trách nhiệm chính của các tổ chức phát sóng công cộng là cung cấp dịch vụ công cộng, thường mang mục đích tuyên truyền nhiều hơn theo đuổi lợi ích thương mại. Ngược lại, các tổ chức phát sóng thương mại lại quan tâm tới việc tối đa hóa lợi nhuận thông qua quảng cáo, phí thuê bao người dùng hoặc các dịch vụ trả phí khác.

Các tổ chức phát sóng dựa trên năm nền tảng: (1) Truyền hình mặt đất, tín hiệu truyền trực tiếp được tiếp nhận bởi công chúng; (2) Truyền thông vệ tinh, giúp tránh nguy cơ bị chặn tín hiệu do các rào cản như tòa nhà cao tầng và đồi núi, tín hiệu phát sóng vệ tinh thường có chất lượng ổn định hơn truyền hình mặt đất; (3) Cáp là một nền tảng khác mà tổ chức phát sóng sử dụng để truyền tín hiệu vô tuyến và truyền hình vô tuyến của họ đến các khu vực không dây phát sóng tín hiệu không có khả năng tiếp cận; (4) Internet: việc truyền tín hiệu phát trực tuyến qua mạng Internet là hình thức phổ biến mà nhiều tổ chức phát sóng đang sử dụng ở rất nhiều quốc gia; (5) Mạng không dây di động thời gian gần đây đã trở thành một nền tảng phát sóng phổ cập, phát sóng qua di động là một môi trường phân phối nội dung dựa trên thiết bị di động, các CTTH được gửi trực tiếp tới các thiết bị di động thông qua mạng không dây.

Thứ ba: về nội dung bảo hộ QTG, QLQ

QTG, QLQ đối với CTTH bao gồm các quyền năng mà pháp luật dành cho các chủ thể của QTG, QLQ đối CTTH hoàn chỉnh do họ sáng tạo hoặc sở hữu. Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều ghi nhận pháp luật về bảo hộ QTG,

QLQ là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân liên quan đến việc tạo ra, xác lập, sử dụng, định đoạt và bảo vệ quyền đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học.

Chủ sở hữu QTG thường bao gồm các trường hợp: chủ thể là tác giả, đồng tác giả của tác phẩm; là người sử dụng lao động hay người thuê trong trường hợp tác phẩm được thuê làm (Works made for hire). Đối với CTTH, chủ sở hữu thường là các tổ chức phát sóng - chủ thể giao nhiệm vụ và đầu tư cho toàn bộ quá trình sản xuất CTTH để phát sóng. Họ cần có những quyền hợp pháp để kiểm soát và khai thác các tác phẩm tạo nên CTTH cũng như CTPS của họ. Với tư cách là chủ sở hữu QTG, tổ chức phát sóng sẽ có độc quyền sử dụng tác phẩm để biểu diễn, làm tác phẩm phái sinh, sao chép, truyền đạt... tác phẩm đến công chúng hoặc cho phép người khác thực hiện những quyền này. Với tư cách là chủ sở hữu CTPS, tổ chức phát sóng sẽ có đầy đủ các quyền mà pháp luật bảo hộ đối với chương trình phát sóng như độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện như: Phát sóng, tái phát sóng CTPS; phân phối đến công chúng CTPS; định hình CTPS; sao chép bản định hình CTPS. Chủ sở hữu của bản ghi âm, ghi hình là tổ chức, cá nhân sử dụng thời gian, đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sản xuất bản ghi âm, ghi hình đó. Các tổ chức phát sóng cũng đồng thời phải sản xuất các bản ghi âm ghi hình để phục vụ cho việc sản xuất CTTH. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với bản ghi âm ghi hình, pháp luật trao cho họ các độc quyền như sao chép, phân phối nhập khẩu bản ghi âm ghi hình, cho thuê thương mại, hay phát sóng... Tổ chức phát sóng cũng đồng thời là người đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để thực hiện các cuộc biểu diễn được phát sóng. Người biểu diễn trong các CTTH chỉ được bảo hộ các quyền nhân thân và được nhận thù lao biểu diễn theo sự thỏa thuận với tổ chức phát sóng truyền hình. Ví dụ Đài truyền hình Việt Nam sản xuất chương trình “Chị đẹp đạp gió rẽ sóng” 2023 với sự tham gia biểu diễn của nhiều ca sỹ, nghệ sỹ, nhạc công, nhóm nhảy. Để thực hiện chương trình này, Đài

truyền hình Việt Nam đã phải đầu tư mua bản quyền của Đài truyền hình nước ngoài, thiết kế sân khấu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, trả chi phí marketing, chi phí hậu cần, chi phí cho tất cả những người tham gia Gameshow này... Ngoài ra họ phải thực hiện việc xin phép và trả thù lao cho tác giả của các tác phẩm được biểu diễn. Vì vậy họ có quyền khai thác các lợi ích thương mại từ cuộc biểu diễn.

Thứ tư, về ngoại lệ, giới hạn QTG, QLQ đối với CTTH.

Một vấn đề phát sinh khi Nhà nước bảo hộ độc quyền QTG, QLQ đối với CTTH đó là nhu cầu tiếp cận tác phẩm của công chúng bị hạn chế vì không phải trường hợp nào người sử dụng cũng đủ điều kiện thực hiện việc thanh toán tiền bản quyền hoặc không phải lúc nào người sử dụng cũng sẵn sàng thực hiện các thủ tục cho việc xin phép để sử dụng. Khi đó tác phẩm không đến được với số đông công chúng dẫn đến sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật không được chia sẻ và phát huy. Bên cạnh đó, nếu pháp luật bảo hộ sự độc quyền của chủ sở hữu một cách tuyệt đối sẽ dẫn đến tình trạng lạm quyền - là trường hợp chủ sở hữu QTG, QLQ đưa ra mức phí bản quyền quá cao so với nhu cầu thực tế của người sử dụng, hoặc chủ sở hữu ngăn cản người khác sử dụng tác phẩm của mình một cách tùy tiện, vô căn cứ. Pháp luật trao cho các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH được độc quyền khai thác, sử dụng những thành quả lao động sáng tạo của mình để bù đắp những khoảng thời gian, tài chính mà họ đã bỏ ra để sáng tạo và truyền đạt CTTH tới công chúng. Tuy nhiên, đa số CTTH được tạo ra nhằm thỏa mãn nhu cầu thông tin, giải trí, tinh thần của công chúng. Vì thế, sự độc quyền của các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH trong một số trường hợp có thể làm hạn chế khả năng tiếp cận, thưởng thức tác phẩm của công chúng, kìm hãm giao lưu dân sự liên quan đến những tài sản đặc biệt này. Làm thế nào để cân bằng lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu và công chúng luôn là mục tiêu cơ bản của hệ thống pháp luật bản quyền. Hệ thống bản quyền ở cả cấp độ quốc tế và quốc gia đã thừa nhận một công cụ hiệu quả để đạt được sự cân bằng là quy định về các trường hợp ngoại lệ. Chẳng hạn như quy định tại Điều 9

(khoản 2), Điều 10 Công ước Bern, Điều 13 Hiệp định Trips, Điều 25, 26 Luật SHTT... Trong khía cạnh này, các trường hợp ngoại lệ đối với các độc quyền sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ lợi ích công cộng bằng cách cho phép công chúng tiếp cận hoặc sử dụng CTTH được bảo hộ QTG, QLQ trong một số trường hợp nhất định mà không phải trả phí thù lao và mà không vi phạm độc quyền của chủ sở hữu. Những trường hợp ngoại lệ, giới hạn này phải đảm bảo việc sử dụng không gây ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS và không gây phương hại đến quyền của các chủ thể có liên quan.

Thứ năm, về hành vi xâm phạm QTG, QLQ

Đặc điểm nổi bật và hết sức đặc trưng của tài sản trí tuệ nói chung trong đó có CTTH là tính phi vật chất nên rất dễ phổ biến, khai thác rộng rãi. Do sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới nên các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH càng ngày càng đa dạng, tinh vi và khó kiểm soát hơn, sự xâm phạm có thể diễn ra không chỉ ở phạm vi quốc gia mà cả ở phạm vi quốc tế.

Thứ sáu, về biện pháp bảo vệ quyền.

QTG, QLQ đối với CTTH về bản chất là loại quyền dân sự. Vì vậy, pháp luật dân sự trao cho chủ thể quyền các biện pháp bảo vệ thông qua các hình thức sau: chủ thể quyền có thể tự mình thực hiện biện pháp bảo vệ phù hợp, ngăn cản nhằm chấm dứt hành vi xâm phạm quyền sở hữu của mình hoặc thông qua Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác để đòi lại lợi ích của mình khi QTG, QLQ đang bị người khác chiếm đoạt, sử dụng, khai thác bất hợp pháp. Biện pháp bảo vệ QTG, QLQ là những cách thức được chính chủ thể quyền sử dụng, hoặc được Nhà nước sử dụng để bảo vệ khi các quyền này bị xâm phạm.

1.3. Vai trò của bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Thứ nhất, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là cơ sở pháp lý để chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH thực hiện độc quyền khai thác thương mại, thúc đẩy và khuyến khích hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực truyền hình.

QTG, QLQ đối với CTTH của các chủ thể quyền chỉ có thể được thực thi trên thực tế nếu được đảm bảo thực hiện bởi quyền lực Nhà nước. Pháp luật là công cụ duy nhất có khả năng điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và được đảm bảo thực thi bằng quyền lực Nhà nước. Vì vậy, chỉ khi được pháp luật ghi nhận và đảm bảo thực thi, chủ thể QTG, QLQ mới có thể thực hiện các độc quyền đối với CTTH thuộc sở hữu của mình.

Bảo hộ QTG, QLQ trước hết là hoạt động nhằm mục đích tôn trọng và bảo vệ thành quả lao động, sáng tạo và đầu tư của các tổ chức, cá nhân, trao cho họ những độc quyền để đổi lại sự cống hiến, đóng góp cho cộng đồng và xã hội. Do đó, các độc quyền được cấp cho chủ thể sáng tạo của CTTH trước hết là nhằm bù đắp cho công sức lao động, thời gian và vật chất mà các chủ thể đã đầu tư để sản xuất CTTH.

Tiếp đến, các độc quyền này cũng mang lại lợi ích vật chất cho các chủ thể sáng tạo, như một phần thưởng cho nỗ lực và sự đóng góp của họ khi tạo ra CTTH, một sản phẩm thông tin, giải trí có ích cho xã hội. Phần thưởng đó thúc đẩy và khuyến khích các chủ thể khác hoạt động trong lĩnh vực truyền hình tham gia hoặc tiếp tục lao động, sáng tạo không ngừng nghỉ, đóng góp cho sự phát triển của lĩnh vực truyền hình nói riêng và sự tăng trưởng của nền kinh tế nói chung.

Thứ hai, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là hành lang pháp lý ngăn chặn hành vi xâm phạm QTG, QLQ trong các CTTH, thu hút và bảo hộ đầu tư trong lĩnh vực truyền hình.

Một bộ phận hết sức quan trọng trong nội dung pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH đó là các quy định về chế tài đối với các hành vi xâm phạm QTG, QLQ. Tại Việt Nam, pháp luật ghi nhận ba hình thức chế tài bao gồm bồi thường dân sự, xử phạt hành chính, và xử lý hình sự. Các chế tài nêu trên được thiết lập tùy theo mức độ nghiêm trọng của hành vi xâm phạm QTG, QLQ. Vì vậy, dù ở mức độ nào, pháp luật về QTG, QLQ cũng có vai trò là rào cản ngăn chặn các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH.

Một trong những vấn đề cốt lõi mà các nhà đầu tư nước ngoài hết sức quan tâm khi bước chân vào một thị trường mới là liệu họ có được bảo đảm quyền sở hữu đối với các tài sản của mình hay không. Giống như quyền đối với các tài sản hữu hình như máy móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu, QTG, QLQ cũng là một trong những tài sản có giá trị cần phải bảo vệ của nhà đầu tư, đặc biệt là trong lĩnh vực truyền hình. Vì vậy, pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH, với vai trò là công cụ ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm QTG, QLQ trong các CTTH sẽ giúp thị trường truyền hình tại Việt Nam trở nên an toàn và hấp dẫn hơn trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ ba, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là công cụ đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực truyền hình, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền hình, và đời sống tinh thần cho người dân.

Trong bất kỳ một lĩnh vực hay ngành nghề nào, cạnh tranh vẫn luôn là động lực cho sự phát triển. Đối với lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam, thực tế cho thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH thường xuyên bị đe dọa bởi các hành vi xâm phạm. Trong nhiều trường hợp, doanh thu từ CTTH của các chủ thể quyền sa sút nghiêm trọng. Điều này diễn ra dù chỉ một vài lần cũng có thể khiến các chủ thể sáng tạo mất đi động lực và nguồn lực để tái đầu tư và tiếp tục tạo ra các sản phẩm mới mang lại nguồn lợi kinh tế. Một bên là các chủ thể xâm phạm không mất công sức, chi phí đầu tư cũng có thể thu về lợi nhuận, một bên là các chủ thể sáng tạo bằng sức lao động

và của cải của mình nhưng doanh thu lại thuộc về người khác. Khi đó, thị trường truyền hình mất đi tính cạnh tranh, đồng thời đánh mất động lực phát triển.

Pháp luật về bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH bao gồm các biện pháp bảo vệ QTG, QLQ và các chế tài xử lý hành vi xâm phạm QTG, QLQ góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu tình trạng xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH, đồng thời thiết lập một môi trường cạnh tranh lành mạnh và công bằng, tạo niềm tin cho các chủ thể QTG, QLQ và các tổ chức, cá nhân tài năng đóng góp cho sự phát triển của thị trường truyền hình. Môi trường cạnh tranh lành mạnh cũng là tiền đề cho việc sáng tạo ra những sản phẩm truyền hình ngày một chất lượng và phong phú, góp phần quan trọng đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin và giải trí, từ đó nâng cao đời sống tinh thần của mỗi người dân.

Thứ tư, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là công cụ thực hiện các cam kết quốc tế về QTG, QLQ nói chung và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền hình.

Bảo hộ quyền SHTT nói chung và QTG, QLQ nói riêng luôn là một trong các vấn đề trọng tâm khi đàm phán các FTA. Hầu hết các ĐUQT, đặc biệt là các FTA đều đặt ra cho Việt Nam các nghĩa vụ bảo hộ quyền SHTT cũng như QTG, QLQ ở mức độ cao hơn so với pháp luật nội địa hiện hành. Đơn cử là EVFTA bao gồm các cam kết về SHTT cao hơn so với các quy định hiện hành của Việt Nam cũng như các FTA mà Việt Nam đã ký kết trước đó. Vì thế, mỗi lần sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật Việt Nam về SHTT hầu như đều tương ứng với việc ký kết một ĐUQT có nội dung liên quan đến quyền SHTT. Vì vậy, với vai trò là một bộ phận của pháp luật về quyền SHTT, pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH đóng vai trò là công cụ thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ.

Mặt khác, lĩnh vực truyền hình không phải là lĩnh vực có thể gói gọn trong phạm vi quốc gia, mà thường có sự giao lưu mạnh mẽ giữa các khu vực và quốc gia trên thế giới. Các CTTH, đặc biệt là các CTTH tường thuật các sự kiện

văn hóa, thể thao lớn của thế giới thường được phát sóng tại Việt Nam thông qua sự hợp tác quốc tế giữa các tổ chức phát sóng tại Việt Nam và các tổ chức phát sóng tại nước ngoài. Nếu không có cơ chế hữu hiệu để đảm bảo QTG, QLQ đối với các CTTH của nước ngoài được phát sóng tại Việt Nam, các đối tác nước ngoài nắm giữ QTG, QLQ sẽ không chấp nhận hợp tác với các tổ chức phát sóng tại Việt Nam để truyền đạt thông tin về các sự kiện văn hóa, thể thao, nghệ thuật quốc tế. Ví dụ như năm 2018, Đài truyền hình Việt Nam (VTV), đơn vị nắm giữ bản quyền World Cup tại Việt Nam, từng bày tỏ quan ngại về việc giải đấu bóng đá lớn nhất hành tinh này có nguy cơ bị dừng phát sóng tại Việt Nam theo yêu cầu của đối tác nắm giữ quyền phát sóng ở nước ngoài do tình trạng xâm phạm quyền phát sóng giải đấu này tại Việt Nam diễn ra quá nghiêm trọng⁵¹. Vì vậy, pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH trong trường hợp này là công cụ hết sức cần thiết để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực truyền hình, mang lại cho người dân Việt Nam cơ hội tiếp cận thông tin và các chương trình văn hóa, thể thao, giải trí từ khắp nơi trên thế giới.

⁵¹ Việt Quang, “Sóng sạch World Cup và nạn xâm phạm bản quyền”, *Báo Nhân dân* ngày 26 tháng 6 năm 2018.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã làm rõ những vấn đề lý luận về bảo hộ QTG và QLQ đối với CTTH.

CTTH là đối tượng chủ yếu được nghiên cứu dưới góc độ báo chí truyền thông, còn dưới góc độ pháp lý hiện nay trong pháp luật SHTT cũng như các ĐUQT về QTG, QLQ mà Việt Nam là thành viên không có định nghĩa CTTH, thay vào đó là thuật ngữ CTPS được đề cập với mức độ hạn chế gián tiếp qua khái niệm “phát sóng”. Qua việc phân tích các cách tiếp cận về CTPS, CTTH, NCS đã xây dựng khái niệm khoa học về CTTH, so sánh nội hàm của CTTH trong mối tương quan so sánh với khái niệm CTPS, từ đó chỉ ra bảy đặc trưng cơ bản của CTTH với tư cách là đối tượng bảo hộ của QTG, QLQ: (i) CTTH là tập hợp nhiều tác phẩm liên kết với nhau theo một ý tưởng chủ đạo và tạo thành một tác phẩm chung thống nhất; (ii) CTTH là tác phẩm được thể hiện bằng “ngôn ngữ truyền hình”; (iii) CTTH được truyền đạt đến công chúng bằng các phương thức truyền hình; (iv) CTTH là sản phẩm sáng tạo mang tính xác thực và thời sự; (v) CTTH là tác phẩm có sự tham gia sáng tạo của nhiều chủ thể; (vi) Chủ sở hữu CTTH là các tổ chức phát sóng truyền hình; (vii) CTTH phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn về nội dung và hình thức nhất định. Luận án cũng đã đưa ra những tiêu chí để phân loại CTTH, để làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu đối tượng, chủ thể, nội dung,... QTG, QLQ đối với CTTH.

CTTH là tập hợp nhiều tác phẩm liên kết với nhau theo một ý tưởng chủ đạo và tạo thành một tác phẩm chung thống nhất, do đó đối tượng bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH rất rộng, có thể nói là bao trùm hết các đối tượng bảo hộ của QTG, QLQ nói chung. QTG đối với CTTH bao gồm các quyền nhân thân và tài sản được nhà nước ghi nhận và bảo hộ cho các cá nhân, tổ chức tham gia vào việc sáng tạo, đầu tư để tạo ra những tác phẩm hợp thành CTTH. QLQ đối với CTTH là tổng hợp các quyền nhân thân, quyền tài sản của người biểu diễn; chủ sở hữu cuộc biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng

đối với CTTH. Trong việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, chủ thể quan trọng nhất đóng vai trò trung tâm là các tổ chức phát sóng. Đây là chủ thể cơ bản vì các tổ chức phát sóng là những người đầu tư tài chính, thời gian để sản xuất những CTTH, trong quá trình này họ sử dụng những tác phẩm văn học, nghệ thuật khoa học của các tác giả khác làm chất liệu. Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là cơ sở pháp lý để chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH thực hiện độc quyền khai thác thương mại, thúc đẩy và khuyến khích hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực truyền hình.

Kết quả nghiên cứu về các vấn đề lý luận đóng vai trò là tiền đề trong việc định hướng nghiên cứu các nội dung còn lại của luận án, bao gồm thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Đặc biệt, đây cũng là cơ sở để luận án nghiên cứu và đề xuất các biện pháp phù hợp, khả thi nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.1.1 Quy định về đối tượng quyền tác giả trong chương trình truyền hình

Theo Luật SHTT Việt Nam, đối tượng bảo hộ QTG bao gồm: tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học⁵². Trong đó, tác phẩm được định nghĩa như sau: *“Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào”*⁵³. Các quy định này của pháp luật Việt Nam phù hợp với quy định của Công ước Berne về đối tượng bảo hộ QTG, bao gồm các sản phẩm trong lĩnh vực văn học, khoa học và nghệ thuật được biểu hiện dưới mọi hình thức và phương thức. Theo những quy định trên đây, bản thân CTTH với tư cách một sản phẩm sáng tạo hoàn chỉnh và các yếu tố độc lập cấu thành CTTH hoàn toàn có thể đáp ứng khái niệm tác phẩm, do đó có thể là đối tượng bảo hộ QTG.

Tùy vào nội dung cụ thể mà có thể xếp CTTH vào một trong các loại hình tác phẩm tương ứng được quy định tại Điều 14 Luật SHTT và được cụ thể hóa trong Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP. Trong các loại hình tác phẩm nêu trên, CTTH có thể được bảo hộ dưới các loại hình tác phẩm sau:

(1) Tác phẩm điện ảnh

Theo quy định của pháp luật hiện hành tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP, *“tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự là tác phẩm có nội dung, được biểu hiện bằng hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh”*⁵⁴. Ngôn ngữ điện ảnh

⁵² Khoản 1 Điều 3 Luật SHTT

⁵³ Khoản 7 Điều 4 Luật SHTT

⁵⁴ Khoản 6 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

được hiểu là cách thức mà người làm điện ảnh sử dụng để giao tiếp và truyền tải thông điệp đến khán giả, hay còn được gọi là cách thức kể chuyện bằng hình ảnh và là sự kết hợp của nhiều yếu tố hình ảnh, âm thanh, ánh sáng, sự trình diễn, những cảnh quay,...⁵⁵

Xét về hình thức, có thể thấy rất nhiều các CTTH đều có những đặc điểm tương đồng, như đều được thể hiện bằng hình ảnh động và âm thanh và đều có cách thức truyền đạt thông tin đến khán giả bằng những yếu tố như ánh sáng, sự trình diễn, những cảnh quay. Nhưng nếu đi sâu vào nội dung thì các tác phẩm điện ảnh thường được định nghĩa là các tác phẩm được tạo ra dựa trên một kịch bản hư cấu (dù là một phần hoặc toàn bộ), được thể hiện thông qua sự diễn xuất của các diễn viên, hoặc thông qua hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra và truyền tải một cốt truyện nhất định. Các CTTH dưới dạng “phim” được bảo hộ QTG dưới hình thức là tác phẩm điện ảnh. *Phim là tác phẩm điện ảnh, có nội dung, được biểu hiện bằng hình ảnh động liên tiếp hoặc hình ảnh do các thiết bị kỹ thuật, công nghệ tạo ra; có hoặc không có âm thanh và các hiệu ứng khác theo nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh; được ghi trên các chất liệu, bằng kỹ thuật số hoặc phương tiện kỹ thuật khác và được phổ biến đến người xem, bao gồm các loại hình phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và phim kết hợp nhiều loại hình*⁵⁶.

Ngoài ra tại Khoản 2 Điều 3 Luật Điện ảnh 2022 có đưa ra giải thích: *“Phim không bao gồm sản phẩm ghi hình nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, không gian mạng; chương trình biểu diễn nghệ thuật, trò chơi điện tử; sản phẩm ghi hình về hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế”*. Như vậy các loại hình CTTH khác khó có thể được coi là một tác phẩm điện ảnh theo cách hiểu thông thường mặc dù có đủ các đặc điểm như: được thể hiện bằng hình ảnh

⁵⁵ Daisy Hirst (2021), “What is Cinematic Language and How Do You Use It?”, <https://industrialscripts.com/cinematic-language/> truy cập ngày 25/11/2022

⁵⁶ Khoản 2 Điều 3 Luật Điện ảnh 2022

động kết hợp với âm thanh, truyền tải thông tin đến khán giả thông qua bối cảnh sân khấu, ánh sáng, những cảnh quay và sự trình diễn của người dẫn chương trình, những người tham gia... Ví dụ: CTTH *Gameshow* vẫn chỉ là một loại CTTH giải trí, trong đó người chơi hoặc đội chơi tham gia các cuộc thi để kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoặc may mắn của mình. Mục đích chính của gameshow là giải trí và tạo ra sự hứng thú cho khán giả thông qua hoạt động tương tác. Không thể coi chương trình gameshow đó là một tác phẩm điện ảnh do thiếu vắng các đặc điểm mang tính đặc trưng của tác phẩm điện ảnh như: có tính nghệ thuật cao, thường mang tính chất câu chuyện, được thể hiện thông qua kịch bản, diễn xuất, và cấu trúc hình ảnh, âm thanh. Hay như CTTH *Phóng sự* thường là một nội dung ngắn mang tính chất báo cáo, ghi lại và truyền tải thông tin về một sự kiện cụ thể, một câu chuyện hoặc một vấn đề xã hội. Phóng sự thường được coi là tác phẩm báo chí được thực hiện theo hướng truyền thông và có mục tiêu chính là tái hiện hoặc phản ánh câu chuyện theo cách thức trung thực và khách quan nhất có thể. Nội dung của phóng sự không thể là một câu chuyện hư cấu, cũng không được xây dựng theo hướng tác phẩm nghệ thuật mang dấu ấn sáng tạo mà phải xuất phát từ góc nhìn khách quan về một nội dung thực tế cụ thể.

Tóm lại, để có thể được bảo hộ QTG dưới loại hình tác phẩm điện ảnh, một CTTH phải là một tác phẩm được tạo nên từ một kịch bản có sẵn, truyền đạt một cốt truyện rõ ràng thông qua diễn xuất của diễn viên hoặc hình ảnh sử dụng các kỹ thuật vẽ và tạo hình động, có hoặc không có âm thanh và phải được tạo ra dựa trên các nguyên tắc của ngôn ngữ điện ảnh. Thực tế một số CTTH tại Việt Nam có thể được bảo hộ dưới loại hình này có thể kể đến: chương trình phim truyền hình, phim điện ảnh, phim tài liệu, phim hoạt hình...

(2) Tác phẩm sân khấu

Theo quy định của pháp luật hiện hành tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP, tác phẩm sân khấu được định nghĩa “là tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn, bao gồm: Chèo, tuồng, cải lương, múa, múa rối, múa đương đại, ba lê,

kịch nói, opera, kịch dân ca, kịch hình thể, nhạc kịch, xiếc, tấu hài, tạp kỹ và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác”⁵⁷. Định nghĩa trên đã liệt kê cụ thể nhiều loại hình hơn so với định nghĩa tại Nghị định 22/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định 144/2020/NĐ-CP về hoạt động nghệ thuật biểu diễn, biểu diễn nghệ thuật được định nghĩa “là hoạt động thể hiện các loại hình nghệ thuật biểu diễn, thi người đẹp, người mẫu hoặc kết hợp giữa loại hình nghệ thuật biểu diễn với trình diễn thời trang, các hoạt động văn hoá, thể thao”⁵⁸.

Theo đó, tác phẩm sân khấu được định nghĩa khá rộng, bao gồm tất cả các tác phẩm thuộc mọi loại hình nghệ thuật biểu diễn. Như vậy, nếu một CTTH có toàn bộ nội dung xuyên suốt thuộc một trong các loại hình nghệ thuật biểu diễn nêu trên thì CTTH đó có thể được bảo hộ dưới loại hình tác phẩm sân khấu. Mỗi tác phẩm sân khấu có một cấu trúc và phong cách biểu diễn riêng, tùy thuộc vào nội dung và ý đồ của tác giả. Tác phẩm sân khấu thường được biểu diễn trực tiếp trước khán giả trong một không gian sân khấu, như nhà hát, đài truyền hình, hoặc các sự kiện trực tiếp. Người biểu diễn trực tiếp trình diễn, tương tác với nhau và với khán giả để truyền đạt câu chuyện và tạo ra trải nghiệm nghệ thuật.

Trên thực tế, các CTTH có thể được bảo hộ như tác phẩm sân khấu rất phổ biến và đa dạng. Bên cạnh các loại hình biểu diễn đặc trưng có thể gọi tên cụ thể như chèo, tuồng, cải lương, múa, kịch, opera, xiếc thì các chương trình âm nhạc có nội dung bao gồm nhiều màn biểu diễn các ca khúc của một hoặc nhiều ca sĩ hoàn toàn có thể được bảo hộ là tác phẩm sân khấu. Hay một chương trình kết hợp nhiều loại hình nghệ thuật biểu diễn khác nhau như đọc thơ, chơi đàn, thậm chí thi người đẹp, trình diễn thời trang,... cũng có thể được bảo hộ là tác phẩm sân khấu dưới loại hình tạp kỹ hoặc loại hình khác, miễn là nội dung của chương trình là màn trình diễn các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

⁵⁷ Khoản 5 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

⁵⁸ Khoản 2 Điều 2 Nghị định 144/2020/NĐ-CP

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng nếu CTTH chỉ tập hợp một số trích đoạn của một hoặc một số trong các loại hình nêu trên thì CTTH đó không thể được coi là một tác phẩm sân khấu. Ví dụ, một chương trình talkshow bàn luận về chủ đề nghệ thuật sân khấu, biểu diễn, trong chương trình có chiếu rất nhiều trích đoạn của các vở diễn tuồng, chèo, nhạc kịch... nhưng chỉ là trích dẫn nhằm mục đích bình luận thì chương trình talkshow đó không thể được coi là một tác phẩm sân khấu, mặc dù có nội dung là các tác phẩm sân khấu. Do đó, một CTTH chỉ có thể được bảo hộ là tác phẩm sân khấu nếu CTTH đó phải có nội dung hoàn toàn và xuyên suốt từ đầu đến cuối là một tác phẩm hoặc là sự kết hợp, theo một chủ đề nhất định, của nhiều tác phẩm thuộc loại hình nghệ thuật biểu diễn.

(3) Tác phẩm báo chí

Tác phẩm báo chí được định nghĩa là “*tác phẩm có nội dung độc lập và cấu tạo hoàn chỉnh, bao gồm các thể loại: phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác*”⁵⁹. Có thể nói, trong nhiều trường hợp, tác phẩm báo chí là loại hình tác phẩm gần gũi và phù hợp nhất với CTTH khi xem xét CTTH dưới góc độ là một tác phẩm để bảo hộ QTG. Trên thực tế, cùng với các chương trình phim truyện, các CTTH thuộc thể loại phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận rất phổ biến và chiếm phần lớn trong số các thể loại CTTH.

Ví dụ, các chương trình bình luận, talkshow là chương trình trong đó một hoặc nhiều người tham gia nói chuyện và bàn luận về một chủ đề nhất định. Do đó, chương trình talkshow có thể được coi là tác phẩm báo chí thuộc thể loại bình luận, xã luận hoặc chuyên luận tùy vào nội dung cụ thể của chương trình. Các chương trình tin tức, tường thuật trực tiếp hoặc không trực tiếp các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao có thể được bảo hộ là tác phẩm báo chí thuộc thể loại

⁵⁹ Khoản 3 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

ghi nhanh hoặc tường thuật. Đối với các chương trình có nội dung phản ánh một thực trạng hoặc hiện tượng trong đời sống, trong xã hội, cộng đồng như chương trình “Đường dây nóng số 9” của Đài truyền hình Việt Nam, các chương trình tương tự có thể được bảo hộ là tác phẩm báo chí thuộc thể loại phóng sự, phản ánh, điều tra.

Dù được bảo hộ dưới loại hình tác phẩm nào trên đây thì một đặc điểm cần lưu ý khi xem xét CTTH như một đối tượng của QTG, trong rất nhiều trường hợp, đây *thường là một tác phẩm phái sinh*. Điều này xuất phát từ đặc điểm của CTTH là thường sử dụng nhiều tư liệu đầu vào, trong đó có các tác phẩm dưới nhiều loại hình được chọn lọc, sắp xếp, lồng ghép và thêm vào những ý tưởng mới nhằm tạo ra một CTTH mới với ý tưởng chủ đạo xuyên suốt. Ví dụ, các chương trình phim truyện, gameshow, ký sự, phóng sự đều có sử dụng kịch bản chương trình, là tác phẩm viết, hoặc các bài hát, đoạn nhạc, là các tác phẩm âm nhạc. Một số chương trình có dàn dựng sân khấu, bối cảnh (như gameshow, talkshow, chèo, tuồng...) thì những bức tranh, bức ảnh được sử dụng để làm phong nền, bối cảnh trên sân khấu chính là các tác phẩm nhiếp ảnh hoặc tác phẩm mỹ thuật.

Trước đây, Luật SHTT chỉ định nghĩa tác phẩm phái sinh theo hướng liệt kê như sau: “*Tác phẩm phái sinh là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn*”⁶⁰. Tuy nhiên, Luật SHTT đã sửa đổi định nghĩa này theo hướng làm rõ tính chất như sau: “*Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác*”⁶¹. Như vậy, quy định mới về tác phẩm phái sinh đã đưa ra được khái niệm thể hiện bản chất của tác phẩm phái sinh, đồng thời mở rộng

⁶⁰ Khoản 8 Điều 4 Luật SHTT 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019

⁶¹ Điểm a Khoản 1 Điều 1 Luật SHTT

phạm vi tác phẩm phái sinh so với quy định mang tính liệt kê trước đó. Việc xác định một tác phẩm có phải là tác phẩm phái sinh hay không sẽ không dựa trên việc tác phẩm đó có được liệt kê trong danh sách các tác phẩm phái sinh hay không, mà phải xem xét nội dung của tác phẩm đó có được phát triển từ nội dung của một tác phẩm khác đã có sẵn hay không. Tức là, bản chất của tác phẩm phái sinh phải được thể hiện thông qua việc tác phẩm đó có được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có. Nhiều CTTH khi được tạo ra trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm khác nhưng vẫn đảm bảo yếu tố “sáng tạo”, vẫn thể hiện dấu ấn trí tuệ của tác giả, vẫn có tính nguyên gốc hoàn toàn có thể được coi là một tác phẩm phái sinh và được bảo hộ QTG như đối với tác phẩm phái sinh với loại hình tác phẩm phù hợp tương ứng.

(4) Tác phẩm viết

Hầu hết các CTTH, dù có thể thuộc nhiều loại hình khác nhau nhưng đều được xây dựng dựa trên một kịch bản, thường được gọi là kịch bản truyền hình. Mặc dù pháp luật SHTT Việt Nam không có định nghĩa kịch bản hay kịch bản truyền hình, tuy nhiên, theo quy định của Luật Điện ảnh 2022 thì kịch bản phim được định nghĩa “*toàn bộ nội dung phim thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác trên các chất liệu, bằng kỹ thuật số hoặc phương tiện kỹ thuật khác*”⁶².

Như vậy, có thể hiểu kịch bản CTTH là sản phẩm sáng tạo của biên kịch, được thể hiện dưới dạng văn bản hoặc ký tự khác, có nội dung đa dạng như: cốt truyện, hội thoại, chỉ dẫn về diễn xuất, đạo cụ, bối cảnh quay, âm thanh, ánh sáng, mô tả kỹ thuật, phương pháp thực hiện các cảnh quay hoặc bất kỳ nội dung nào khác nhằm cung cấp một cơ sở để tạo ra CTTH, làm cho quá trình sản xuất CTTH trở nên có tổ chức và hiệu quả hơn... Nghị định 17/2023/NĐ-CP liệt kê kịch bản thuộc loại hình “*tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác*”⁶³, như

⁶² Khoản 10 Điều 3 Luật Điện ảnh 2022

⁶³ Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

vậy kịch bản CTTH có thể được bảo hộ QTG dưới loại hình tác phẩm được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.

(5) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác

Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác được pháp luật Việt Nam định nghĩa “là tác phẩm thể hiện bằng ngôn ngữ nói và phải được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định”⁶⁴. Trên thực tế, bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác xuất hiện tương đối phổ biến trong các CTTH. Cụ thể, trong các CTTH có nội dung giáo dục, VD: chương trình dạy học phát trên sóng truyền hình, các bài giảng của giáo viên hoặc chủ thể khác được ghi hình trong chương trình có thể được bảo hộ dưới hình thức đối tượng là bài giảng. Đối với loại hình tác phẩm là bài phát biểu và bài nói khác, loại hình này thường gặp trong các chương trình có nội dung tường thuật các sự kiện chính trị, văn hóa, giải trí khi một chủ thể có một bài phát biểu như một phần trong nội dung chương trình. VD: Bài phát biểu khai mạc Đại hội Đảng toàn quốc, bài phát biểu khai mạc World Cup, hay bài phát biểu mở đầu đêm chung kết cuộc thi hoa hậu. Bằng việc được ghi âm, ghi hình và sau đó là phát trên sóng truyền hình, các bài giảng, bài phát biểu, bài nói nêu trên được coi là đã được định hình và do đó, có thể được bảo hộ QTG.

(6) Tác phẩm âm nhạc

Tác phẩm âm nhạc theo quy định của pháp luật Việt Nam “là tác phẩm được thể hiện dưới dạng nhạc nốt trong bản nhạc hoặc các ký tự âm nhạc khác không phụ thuộc vào việc trình diễn hay không trình diễn”⁶⁵. Trong các CTTH, tác phẩm âm nhạc thường không được thể hiện dưới dạng nốt nhạc trong bản nhạc hoặc các ký tự âm nhạc khác mà thường được định hình trên bản ghi âm, ghi hình. Trong đó, có hai hình thức chính của tác phẩm âm nhạc, (1) một là tác phẩm âm nhạc xuất hiện trong CTTH trong một cuộc biểu diễn, (2) hai là xuất hiện dưới hình thức nhạc nền của CTTH. Hình thức thứ nhất thường xuất hiện

⁶⁴ Khoản 2 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

⁶⁵ Khoản 4 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

trong các chương trình ca nhạc, tạp kỹ, trong đó, các tác phẩm âm nhạc được biểu diễn bởi những người biểu diễn, gồm ca sĩ, nhạc công. Hình thức thứ hai xuất hiện hầu hết trong các CTTH như chương trình phim, phóng sự, chương trình gameshow, talkshow, truyền hình thực tế, cuộc thi hoa hậu, thậm chí cả chương trình tin tức thời sự cũng đều có sử dụng tác phẩm âm nhạc dưới dạng nhạc nền cho chương trình.

Hiện nay, có rất nhiều nền tảng trực tuyến cung cấp âm nhạc (âm thanh, tiếng động hoặc nhạc nền) cho các CTTH như sounddog.com, smartsound.com... Đây là các nền tảng cung cấp cho người mua quyền sử dụng (độc quyền hoặc không độc quyền) các file nhạc thuộc rất nhiều chủ đề khác nhau, tùy theo nhu cầu của người mua và nội dung của CTTH như thể thao, phim ảnh, gameshow, sự kiện, tin tức... Như vậy, các đoạn nhạc nền được phát, hoặc các bài hát, đoạn nhạc được biểu diễn trong các CTTH có thể được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm âm nhạc.

(7) Tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm kiến trúc, bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ.

Trong các CTTH, đặc biệt là các chương trình được bảo hộ dưới hình thức tác phẩm sân khấu, các tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh, thậm chí cả tác phẩm kiến trúc, bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ đều có thể được sử dụng để dàn dựng hoặc trang trí bối cảnh của CTTH. Tuy nhiên, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng được sử dụng nhiều hơn cả, bởi lẽ các sản phẩm như phong nền sân khấu hay vật trang trí cho bối cảnh của các CTTH thường là sản phẩm được sản xuất từ một thiết kế nào đó chứ hiếm khi tồn tại ở dạng độc bản. Ví dụ như một bức tranh được sử dụng làm phong nền cho một chương trình ca nhạc, nếu bức tranh đó là độc bản thì đó là tác phẩm mỹ thuật, nhưng nếu bức tranh đó được gắn với một sản phẩm cụ thể như phong nền sân khấu, có thể được sản xuất hàng loạt, sử dụng cho nhiều mục đích khác nữa thì bức tranh đó trở thành tác phẩm mỹ thuật

ứng dụng và có thể được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm mỹ thuật ứng dụng.

Như vậy, có thể thấy, cả CTTH và các yếu tố cấu thành CTTH đều có thể được bảo hộ QTG dưới các loại hình tác phẩm tương ứng khác nhau, nhưng tựu chung lại, để trở thành đối tượng bảo hộ QTG, chúng đều phải thỏa mãn các điều kiện sau:

Thứ nhất, chúng phải là sáng tạo nguyên gốc. “*Nguyên gốc được hiểu là nơi mà từ đó tác phẩm được tạo ra, vì vậy một tác phẩm được coi là nguyên gốc nếu nó được tác giả tự mình sáng tạo ra mà không phải là sự sao chép các tác phẩm của người khác*”⁶⁶. Như vậy một CTTH hoặc các tác phẩm cấu thành CTTH đó chỉ được bảo hộ nếu là kết quả sáng tạo độc lập của chủ thể sáng tạo, không phải là sự sao chép từ các tác phẩm khác. Tuy nhiên, liên quan đến việc xác định có hay không yếu tố sao chép, cần lưu ý rằng pháp luật SHTT chỉ bảo hộ hình thức thể hiện của tác phẩm chứ không bảo hộ ý tưởng được thể hiện trong tác phẩm. Ví dụ, CTTH The Voice được sản xuất dựa trên một format riêng và được cấu thành từ các tác phẩm độc lập chứa trong đó. Một nhà sản xuất A xem chương trình The Voice, sau đó từ ý tưởng của chương trình đã tự xây dựng một chương trình âm nhạc tương tự có chứa những ý tưởng của chương trình The Voice như ban giám khảo cũng không nhìn thấy thí sinh mà chỉ được nghe giọng hát. Trường hợp này nhà sản xuất A có thể được coi là lấy ý tưởng từ chương trình The Voice để sản xuất chương trình mới cho riêng mình. Thế nhưng, rất khó để có thể chứng minh và kết luận CTTH của nhà sản xuất A có sao chép và xâm phạm QTG đối với chương trình The Voice.

Thứ hai, tác phẩm phải được thể hiện dưới một dạng vật chất nhất định. Pháp luật Việt Nam không quy định, hay liệt kê cụ thể các hình thức vật chất nhất định cụ thể đối với tác phẩm, như vậy có thể hiểu tác phẩm chỉ cần thể hiện ở một dạng để có thể nhận biết, sao chép, truyền đạt nội dung nhất định, ví dụ

⁶⁶ Đại học Luật Hà Nội (2021), "Giáo trình luật Sở hữu trí tuệ", NXB Công an nhân dân, tr. 33

như: dữ liệu điện tử trên internet, được in trên giấy, được khắc trên đá, được vẽ trên lụa⁶⁷. Ví dụ, một tác giả đã nghĩ ra một kịch bản CTTH. Cho dù tác giả ghi nhớ toàn bộ nội dung kịch bản, tuy nhiên, tác giả chưa thể hiện kịch bản dưới bất kì hình thức vật chất nhất định nào thì kịch bản đó cũng chỉ được coi là ý tưởng mà chưa được pháp luật bảo hộ QTG.

Ngoài ra pháp luật SHTT Việt Nam cũng liệt kê các đối tượng không được bảo hộ QTG tại Điều 15 Luật SHTT. Nghị định 17/2023/NĐ-CP cũng hướng dẫn cụ thể: *“Tin tức thời sự thuần túy đưa tin quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ là các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, tin vật, số liệu sự thật, chỉ mang tính chất đưa tin, không có tính sáng tạo”*⁶⁸. Tuy nhiên, một số CTTH chỉ đưa tin về các sự kiện xảy ra trên thực tế như các chương trình tường thuật thể thao, tường thuật sự kiện văn hóa, chính trị... nhưng có lồng ghép ý kiến bình luận, đánh giá, hoặc được sắp xếp theo một ý tưởng chủ đạo nhất định thì vẫn được coi là có tính sáng tạo và do đó, CTTH được bảo hộ QTG như một tác phẩm báo chí. Cũng cần lưu ý rằng phạm vi bảo hộ QTG chỉ giới hạn trong hình thức thể hiện của CTTH, không bao gồm nội dung, ý tưởng mà chương trình truyền đạt.

2.1.2. Quy định về đối tượng quyền liên quan trong chương trình truyền hình

(1) Cuộc biểu diễn

Hiện nay pháp luật Việt Nam không đưa ra một khái niệm về cuộc biểu diễn. Do vậy chỉ có thể căn cứ gián tiếp theo Khoản 1 Điều 16 Luật SHTT: *“Diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật (sau đây gọi chung là người biểu diễn)”* để định nghĩa cuộc biểu diễn. Theo đó, có thể hiểu cuộc biểu diễn là hoạt động trình bày các tác phẩm văn học, nghệ thuật của diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người trình bày khác nhằm truyền đạt các tác phẩm nghệ thuật đến công chúng.

⁶⁷ Võ Trung Hậu (2020), “Pháp luật về bảo hộ QTG trong môi trường Internet”, Luận án tiến sĩ Luật kinh tế, Trường đại học Kinh tế - Luật, tr. 52

⁶⁸ Khoản 1 Điều 8 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

Cuộc biểu diễn là nội dung thường xuyên xuất hiện trong các CTTH. Ví dụ, một chương trình gameshow có phần biểu diễn ca múa, nghệ thuật giữa các phần chơi. Hay trong cuộc thi Vietnam Idol, mỗi phần thi của các thí sinh đều được coi là một cuộc biểu diễn độc lập, do có sự trình bày tác phẩm âm nhạc của các thí sinh đó. Vì vậy, các cuộc biểu diễn trong cấu thành của một CTTH có thể được bảo hộ QLQ một cách độc lập.

(2) *Bản ghi âm, ghi hình*

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, “*bản ghi âm, ghi hình là bản định hình các âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác hoặc việc định hình sự tái hiện lại các âm thanh, hình ảnh không phải dưới hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự. Bản ghi âm, ghi hình có thể là bản ghi nhằm mục đích phổ biến tin tức trên dịch vụ phát thanh, truyền hình, không gian mạng; bản ghi chương trình biểu diễn nghệ thuật; bản ghi lại hoạt động của một hoặc nhiều người, mô tả các sự kiện, tình huống hoặc chương trình thực tế*”⁶⁹. Quy định này được mở rộng so với quy định cũ tại Nghị định 22/2018/NĐ-CP, trực tiếp đề cập đến mục đích của bản ghi âm, ghi hình là phổ biến thông tin qua dịch vụ truyền hình. Một trong những đặc điểm của CTTH là được thể hiện bằng cả hình ảnh và âm thanh, bản ghi âm, ghi hình chính là công cụ giúp truyền tải thông điệp, nội dung của CTTH. Ngoài hình thức phát sóng, khi được ghi âm, ghi hình, một CTTH có thể được bảo hộ QLQ dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình.

Tuy nhiên, cần lưu ý một trường hợp đặc biệt là CTTH nếu đã được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm điện ảnh như phân tích ở trên thì sẽ không được bảo hộ QLQ dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình. Mặc dù bản định hình của tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự cũng dưới định dạng bản ghi âm, ghi hình nhưng pháp luật Việt Nam khi định

⁶⁹ Khoản 6 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

nghĩa bản ghi âm, ghi hình đã loại trừ các hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự⁷⁰. Do đó, bản ghi âm, ghi hình các tác phẩm điện ảnh hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự sẽ không được bảo hộ QLQ. Quy định này được đặt ra nhằm tránh việc chồng lấn giữa bảo hộ QTG đối với tác phẩm điện ảnh và QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình.

(3) CTPS

Đối với CTPS, mặc dù không có định nghĩa nhưng Khoản 11 Điều 4 Luật SHTT có định nghĩa hoạt động phát sóng là việc “*truyền đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến âm thanh hoặc hình ảnh, âm thanh và hình ảnh, sự tái hiện âm thanh hoặc hình ảnh, sự tái hiện âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh, truyền tín hiệu được mã hóa trong trường hợp phương tiện giải mã được tổ chức phát sóng cung cấp tới công chúng hoặc được cung cấp với sự đồng ý của tổ chức phát sóng*”⁷¹. Theo các luận giải này, có thể thấy CTTH mang đầy đủ các đặc điểm của chương trình được phát sóng: thể hiện bằng hình ảnh và âm thanh và đều có thể được truyền đến công chúng bằng phương thức phát sóng. Do đó, CTTH có thể được bảo hộ QLQ dưới hình thức CTPS.

Khi xem xét sự chồng lấn giữa hình thức bản ghi âm, ghi hình và hình thức CTPS để bảo hộ QLQ đối với CTTH, pháp luật không có quy định chỉ được lựa chọn một trong hai loại hình như đối với tác phẩm điện ảnh và bản ghi âm, ghi hình. Thực tế cho thấy có hai trường hợp như sau: (1) một là, tổ chức phát sóng có thể sử dụng bản ghi âm, ghi hình có sẵn của một cuộc biểu diễn hay các âm thanh, hình ảnh khác để sản xuất CTTH, với điều kiện là phải thực hiện nghĩa vụ với chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu QLQ theo quy định pháp luật⁷². VD: trong gameshow “Đường lên đỉnh Olympia”, các đoạn ghi âm, ghi hình các câu

⁷⁰ Khoản 6 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

⁷¹ Khoản 11 Điều 4 Luật SHTT

⁷² Khoản 2 Điều 20 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

hỏi tình huống thuộc nhiều chủ đề như địa lý, lịch sử, hóa học, ngoại ngữ thường được sử dụng để đưa ra câu hỏi trong các phần thi cho các thí sinh. Những bản ghi âm, ghi hình đó là một trong những yếu tố cấu thành CTTH và được bảo hộ QLQ. (2) Hai là, tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình toàn bộ CTTH của tổ chức phát sóng khác để tái phát sóng hoặc truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác⁷³. Như vậy, một CTTH có thể được bảo hộ QLQ dưới dạng bản ghi âm, ghi hình hoặc bảo hộ QLQ dưới dạng CTPS hoặc bảo hộ đồng thời là bản ghi âm, ghi hình và CTPS sóng tùy theo thực tiễn hoạt động tạo ra CTTH và phát sóng CTTH.

2.1.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam quy định các tác phẩm là đối tượng được bảo hộ QTG theo hướng liệt kê là chưa đầy đủ và bao quát hết mọi loại hình của CTTH.

Khoản 1 Điều 3 Luật SHTT quy định chung: “*Đối tượng QTG bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học*”. Tuy nhiên, Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT lại liệt kê danh sách các loại hình tác phẩm được bảo hộ QTG, điều này đã thu hẹp phạm vi đối tượng bảo hộ QTG so với quy định tại Khoản 1 Điều 3. Có thể hiểu rằng các loại hình tác phẩm khác đáp ứng các điều kiện bảo hộ theo Khoản 1 Điều 3 nhưng nếu không được liệt kê tại Khoản 1 Điều 14 thì không được bảo hộ QTG.

Đối chiếu với các loại hình CTTH trên thực tế, có thể thấy quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về đối tượng được bảo hộ QTG không đủ rộng để bao quát toàn bộ các loại hình của CTTH. VD: một loại hình CTTH rất được ưa chuộng ngày nay là chương trình Gameshow, hay các CTTH thực tế, đều là các sản phẩm sáng tạo và đáp ứng đủ điều kiện để được bảo hộ QTG, nhưng lại

⁷³ Khoản 3 Điều 20 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

không thể phân loại là tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hay tác phẩm báo chí. Do đó, nhiều CTTH hiện nay không được coi là đối tượng bảo hộ QTG theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT. Đây là một vấn đề bất cập cần giải quyết nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể sáng tạo nên các loại hình CTTH nêu trên.

Thứ hai, tồn tại sự chồng lấn giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH.

Để tránh chồng lấn giữa QTG và QLQ khi bảo hộ tác phẩm điện ảnh, định nghĩa bản ghi âm, ghi hình đã loại trừ các tác phẩm điện ảnh, nhưng không loại trừ các tác phẩm báo chí hay tác phẩm sân khấu, mặc dù các tác phẩm này cũng có thể đồng thời được bảo hộ QTG và QLQ. Như đã đề cập, CTTH có thể là các tin tức, phóng sự được thể hiện bằng hình ảnh và âm thanh (báo hình) hoặc có thể là các tác phẩm sân khấu, bao gồm các cuộc trình diễn nghệ thuật, do đó, CTTH thường được định hình dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình. Đặc điểm này khiến CTTH đã được định hình có thể được bảo hộ QLQ dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình khác theo định nghĩa nêu trên.

Bên cạnh đó, CTTH đã định hình còn có thể được bảo hộ QLQ dưới hình thức CTPS như đã đề cập trên đây. Vì vậy, quy định của pháp luật hiện hành tồn tại sự chồng lấn về đối tượng bảo hộ giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH. Thực trạng này gây ra sự lúng túng cho các chủ thể quyền khi xác lập và bảo vệ quyền đối với CTTH, đồng thời, gây khó khăn cho các cơ quan thực thi trong việc giải quyết các vụ việc về quyền đối với CTTH có yếu tố chồng lấn.

2.2. Thực trạng pháp luật về chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.2.1. Quy định về chủ thể quyền tác giả đối với chương trình truyền hình

Theo quy định pháp luật SHTT hiện hành, chủ thể QTG nói chung bao gồm tác giả và chủ sở hữu QTG.

Khái niệm tác giả được quy định tại Điều 12a Luật SHTT. Theo đó, tác giả được quy định ngắn gọn là “*người trực tiếp sáng tạo tác phẩm*”⁷⁴. Trước đây, khái niệm tác giả được quy định trong Nghị định 22/2018/NĐ-CP, theo đó, “*tác giả là người tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học*”⁷⁵. Cách quy định mới này đã bao quát toàn bộ các chủ thể để được coi là tác giả khi là người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm, trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.

Điều 36 Luật SHTT quy định: “*Chủ sở hữu QTG là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Luật SHTT*”⁷⁶. Chủ sở hữu QTG có thể đồng thời là tác giả hoặc không đồng thời là tác giả. Để làm rõ chủ thể của QTG đối với CTTH, ta xem xét từng trường hợp như sau:

(1) *Chủ thể bảo hộ QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh:*

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật SHTT, chủ thể QTG của tác phẩm điện ảnh bao gồm:

- Biên kịch, đạo diễn;
- Quay phim, dựng phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, diễn viên điện ảnh và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm điện ảnh;
- Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh (chủ thể này là chủ sở hữu QTG chứ không phải tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm).

Mặc dù không quy định rõ nhưng bằng việc liệt kê các chủ thể nêu trên và trao cho họ một hoặc một số QTG, pháp luật đã ghi nhận tất cả các chủ thể trên

⁷⁴ Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT

⁷⁵ Khoản 1 Điều 6 Nghị định 22/2018/NĐ-CP

⁷⁶ Điều 36 Luật SHTT

đều là tác giả hoặc chủ sở hữu QTG của tác phẩm điện ảnh. Theo đó, trong trường hợp một CTTH được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm điện ảnh, những chủ thể nêu trên chính là chủ thể QTG của CTTH đó.

Bên cạnh đó, pháp luật còn quy định trường hợp kịch bản, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm điện ảnh được sử dụng độc lập thì tác giả, chủ sở hữu QTG của kịch bản, tác phẩm âm nhạc được hưởng QTG một cách độc lập đối với kịch bản, tác phẩm âm nhạc đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản⁷⁷. Theo đó, đối với các tác phẩm cấu thành nên CTTH là kịch bản và tác phẩm âm nhạc, thì tác giả của các tác phẩm đó vừa là đồng tác giả của CTTH (với điều kiện các tác phẩm đó phải được tạo ra nhằm mục đích tạo nên CTTH đó⁷⁸), vừa là tác giả độc lập đối với các kịch bản và tác phẩm âm nhạc tương ứng.

(2) Chủ thể bảo hộ QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm sân khấu

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật SHTT, chủ thể QTG của tác phẩm sân khấu bao gồm:

- Tác giả kịch bản sân khấu;
- Tác giả tác phẩm văn học, tác giả tác phẩm âm nhạc, đạo diễn sân khấu, chỉ huy âm nhạc, biên đạo múa, thiết kế sân khấu, phục trang và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm sân khấu;
- Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để xây dựng tác phẩm sân khấu (chủ thể này là chủ sở hữu QTG chứ không phải tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm).

Pháp luật cũng quy định trường hợp tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm sân khấu được sử dụng độc lập thì tác giả, chủ sở hữu QTG của tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc được hưởng QTG một cách độc lập đối với tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản⁷⁹. Vì vậy, tác giả kịch bản sân khấu, tác giả tác phẩm văn học, tác giả tác

⁷⁷ Điểm đ, Khoản 1 Điều 21 Luật SHTT

⁷⁸ Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT

⁷⁹ Điểm đ, Khoản 2 Điều 21 Luật SHTT

phẩm âm nhạc của các kịch bản sân khấu, tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc cấu thành nên CTTH trong trường hợp này sẽ vừa được coi là đồng tác giả của CTTH, vừa là tác giả độc lập của các tác phẩm tương ứng, với điều kiện các tác phẩm cấu thành đó phải được tạo ra nhằm mục đích tạo nên một CTTH tổng thể⁸⁰.

(3) Chủ thể bảo hộ QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm báo chí

Không giống như tác phẩm sân khấu và tác phẩm điện ảnh, trong trường hợp CTTH được bảo hộ dưới dạng tác phẩm báo chí, pháp luật không có quy định cụ thể nào về loại hình tác phẩm này, cũng không có quy định phân chia quyền giữa các chủ thể trong trường hợp này. Việc xác định tác giả của CTTH chỉ dựa trên quy định chung tại Điều 12a Luật SHTT. Theo đó, những người trực tiếp sáng tạo ra CTTH chính là tác giả và trong trường hợp này khi có từ nhiều người cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.

Như vậy, đối với một CTTH được bảo hộ là tác phẩm báo chí, ví dụ như một chương trình phóng sự, thì mọi chủ thể tham gia trực tiếp vào việc tạo nên CTTH, bao gồm tác giả kịch bản, phóng viên, người quay phim, người thiết kế âm thanh, người xử lý hậu kỳ... hay những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với CTTH phóng sự đều được coi là đồng tác giả. Còn chủ sở hữu QTG có thể là tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo ra CTTH dưới hình thức này.

2.2.2. Quy định về chủ thể quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Để làm rõ chủ thể của QLQ đối với CTTH, ta xem xét từng trường hợp như sau:

(1) Chủ thể bảo hộ QLQ đối với các cuộc biểu diễn cấu thành nên CTTH

Căn cứ Khoản 1 Điều 16 Luật SHTT, người biểu diễn là: “*Diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ*

⁸⁰ Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT

thuật”. Định nghĩa tại Điều 3 Công ước Rome cũng quy định người biểu diễn là các diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và các người khác nhập vai, hát, đọc, ngâm, trình bày hoặc biểu diễn tác phẩm văn học, nghệ thuật. Như vậy, có thể hiểu một cách chung nhất, người biểu diễn là những người *trực tiếp* trình bày, thể hiện tác phẩm văn học, nghệ thuật. Cần lưu ý rằng, do định nghĩa về người biểu diễn theo pháp luật Việt Nam và quốc tế giới hạn trong phạm vi hoạt động biểu diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật nên những người biểu diễn nhưng không phải là biểu diễn tác phẩm văn học, nghệ thuật, ví dụ như biểu diễn ảo thuật, biểu diễn xiếc, thì không được bảo hộ QLQ đối với cuộc biểu diễn của mình trừ khi các màn trình diễn đó thực sự có tính nghệ thuật cao.

Ngoài ra, cũng cần phân biệt hai trường hợp: thứ nhất là người biểu diễn đồng thời là chủ thể đầu tư cơ sở, vật chất để thực hiện cuộc biểu diễn thì có các quyền nhân thân và các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn; thứ hai là trong trường hợp người biểu diễn không đồng thời là chủ đầu tư thì người biểu diễn có các quyền nhân thân và chủ đầu tư có các quyền tài sản đối với cuộc biểu diễn⁸¹.

(2) *Chủ thể bảo hộ QLQ đối với CTTH được bảo hộ là bản ghi âm, ghi hình*

Theo quy định của pháp luật hiện hành, chủ thể QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình là tổ chức, cá nhân định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác, được gọi là *nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình*⁸². Căn cứ vào quy định này, có thể thấy, một trong những điều kiện để được ghi nhận là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, các tổ chức, cá nhân đó phải là chủ thể định hình *lần đầu tiên* một âm thanh, hình ảnh. Theo đó, trường hợp một CTTH được bảo hộ là bản ghi âm, ghi hình thì chủ thể được bảo hộ QLQ đối với CTTH trong trường hợp này chính là tổ chức, cá nhân thực hiện ghi âm, ghi hình lần đầu CTTH đó. Như vậy, chủ thể QLQ đối với CTTH trong trường hợp này có

⁸¹ Khoản 1 Điều 29 Luật SHTT

⁸² Khoản 3 Điều 16 Luật SHTT

thể không đồng thời là chủ thể QTG đối với CTTH. Ví dụ: chương trình gameshow “Ai là triệu phú”, người làm công việc biên kịch, quay phim, thiết kế âm thanh, ánh sáng, thiết kế mỹ thuật của chương trình có thể được coi là đồng tác giả của CTTH. Tuy nhiên, Đài truyền hình Việt Nam là tổ chức đầu tư kinh phí, chi phí, cơ sở vật chất kỹ thuật để thực hiện định hình chương trình trên bản ghi âm, ghi hình. Do đó, Đài truyền hình Việt Nam là chủ sở hữu QLQ đối với chương trình “Ai là triệu phú”.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đối với các CTTH có nội dung là các cuộc biểu diễn, ví dụ như chương trình “Giai điệu tự hào”, bao gồm nhiều cuộc biểu diễn của các ca sĩ khác nhau, thì tổ chức định hình chương trình này phải được sự cho phép của chủ sở hữu cuộc biểu diễn vì chủ sở hữu cuộc biểu diễn là chủ thể có độc quyền định hình cuộc biểu diễn của họ trên bản ghi âm, ghi hình⁸³. Trong trường hợp này, chủ sở hữu cuộc biểu diễn có QLQ đối với cuộc biểu diễn của mình và tổ chức được cho phép ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn có QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình chương trình “Giai điệu tự hào”.

(3) Chủ thể bảo hộ QLQ đối với CTTH được bảo hộ là CTPS và, hoặc tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa

Trong trường hợp CTTH được bảo hộ là CTPS hoặc tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, chủ thể QLQ đối với CTTH đó là tổ chức phát sóng. “Tổ chức phát sóng là tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng”⁸⁴. Như vậy, pháp luật quy định chủ thể của QLQ đối với CTPS chỉ bao gồm tổ chức. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, trên thực tế có nhiều chủ thể được gọi là tổ chức phát sóng. Theo nghĩa rộng, tổ chức phát sóng không chỉ gồm tổ chức khởi xướng và thực hiện việc phát sóng mà còn có thể bao gồm bất kỳ tổ chức nào thực hiện việc phát sóng như tổ chức phát sóng lại hoặc tiếp sóng. Tuy nhiên, chỉ có các tổ

⁸³ Điểm a Khoản 3 Điều 29 Luật SHTT

⁸⁴ Khoản 4 Điều 16 Luật SHTT

chức phát sóng thực hiện việc phát sóng lần đầu tiên mới là chủ thể được pháp luật ghi nhận và bảo hộ QLQ.

Chủ thể thực hiện việc phát sóng hoặc tạo ra tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa có thể đồng thời là chủ thể QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình CTTH, hoặc cũng có thể là một chủ thể độc lập. Như trong hai ví dụ được đề cập trên đây, nếu chương trình “Giai điệu tự hào” được ghi âm, ghi hình bởi một công ty A, sau đó, Đài truyền hình Việt Nam ký hợp đồng với công ty A để có quyền sử dụng bản ghi âm, ghi hình chương trình “Giai điệu tự hào” để phát trên sóng truyền hình và mã hóa thành tín hiệu vệ tinh để truyền chương trình này qua vệ tinh thì Đài truyền hình Việt Nam là chủ thể QLQ đối với CTPS và tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa đó, trong khi công ty A vẫn có QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình chương trình “Giai điệu tự hào”.

Tuy nhiên, trên thực tế, các tổ chức phát sóng như Đài truyền hình Việt Nam thường đầu tư ký hợp đồng với các tác giả, người biểu diễn, biên kịch, thiết kế âm thanh, ánh sáng, quay phim để sản xuất một CTTH từ đầu đến cuối, cụ thể: thuê tác giả viết kịch bản chương trình, viết bài hát, thuê ca sĩ, nhạc công biểu diễn và tự ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn đó rồi thực hiện phát trên sóng truyền hình thì đài truyền hình sẽ sở hữu đồng thời QTG đối với kịch bản và tác phẩm âm nhạc, QLQ đối với cuộc biểu diễn, QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình, QLQ đối với CTPS và tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa (trừ các quyền nhân thân không thể chuyển nhượng).

2.2.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam hiện hành đã có quy định rõ ràng, cụ thể về đồng tác giả.

Liên quan đến khái niệm đồng tác giả, Điều 12a của Luật SHTT quy định “*trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những*

người đó là các đồng tác giả”⁸⁵. Nghị định 22/2018/NĐ-CP chỉ quy định “đồng tác giả là những tác giả cùng trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học”⁸⁶. Như vậy, khái niệm đồng tác giả theo quy định mới tại Điều 12a cũng rộng hơn về mặt chủ thể và phản ánh chính xác hơn bản chất mối quan hệ giữa các đồng tác giả. Ngoài ra, Điều 12a đã đưa ra một quy định mới chưa xuất hiện trong các văn bản pháp luật trong lĩnh vực SHTT của Việt Nam trước đây là “việc thực hiện quyền nhân thân và quyền tài sản đối với tác phẩm có đồng tác giả phải có sự thỏa thuận của các đồng tác giả, trừ trường hợp tác phẩm có phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập mà không làm phương hại đến phần của các đồng tác giả khác hoặc luật khác có quy định khác”⁸⁷. Mặc dù điều này trước đây đều được ngầm hiểu trong quá trình khai thác, thực thi QTG đối với CTTH do các chương trình thường có nhiều đồng tác giả, tuy nhiên, lại chưa được quy định tường minh trong Luật SHTT. Vì vậy, việc quy định cụ thể như vậy góp phần hướng dẫn chi tiết các chủ thể khi tham gia vào mối quan hệ pháp luật QTG đối với CTTH chú ý về việc thỏa thuận rõ ngay từ đầu, nhằm tránh tranh chấp không đáng có xảy ra.

Thứ hai, pháp luật Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về các chủ thể được hưởng QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm báo chí hoặc tác phẩm khác chưa được quy định cụ thể trong Điều 14 Luật SHTT.

Trên thực tế, tương tự như tác phẩm điện ảnh và tác phẩm sân khấu, các tác phẩm báo chí dưới hình thức báo hình như CTTH cũng có thể được tạo nên bởi nhiều chủ thể như người làm công việc biên kịch, người quay phim, người thiết kế âm thanh, người phỏng vấn, người thuyết minh... Thế nhưng, không giống như tác phẩm sân khấu và tác phẩm điện ảnh, trong trường hợp này, pháp luật không có quy định cụ thể các chủ thể nêu trên đều được coi là tác giả của tác

⁸⁵ Khoản 1 Điều 12a Luật SHTT

⁸⁶ Khoản 2 Điều 6 Nghị định 22/2018/NĐ-CP

⁸⁷ Khoản 3 Điều 12a Luật SHTT

phẩm báo chí đó. Chính vì thế cũng không có quy định phân chia quyền giữa các chủ thể trong trường hợp này.

Khi đó, việc xác định tác giả của CTTH cần dẫn chiếu trên quy định tại Điều 12a Luật SHTT. Theo đó, những người trực tiếp sáng tạo ra CTTH chính là tác giả và trong trường hợp này khi có từ nhiều người cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả. Tuy nhiên, do không có quy định cụ thể nên rất khó có thể xác định những người làm công việc biên kịch, người quay phim, người thiết kế âm thanh, người phỏng vấn, người thuyết minh có phải là người trực tiếp tạo ra CTTH hay chỉ là người hỗ trợ hoặc cung cấp tư liệu cho người khác sáng tạo ra CTTH nếu không có thỏa thuận ban đầu.

2.3. Thực trạng pháp luật về nội dung quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.3.1. Quy định về nội dung quyền tác giả đối với chương trình truyền hình

Về phương diện QTG nói chung, theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành cũng như nhiều quốc gia khác trên thế giới, QTG bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản⁸⁸, các quyền này được liệt kê tại Điều 19, 20 Luật SHTT.

Quyền nhân thân là những quyền mang yếu tố tinh thần, phi vật chất gắn liền với mỗi tác giả bao gồm các quyền sau⁸⁹:

- + Quyền đặt tên cho tác phẩm;
- + Quyền đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- + Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- + Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

⁸⁸ Điều 18 Luật SHTT

⁸⁹ Điều 19 Luật SHTT

Quyền tài sản là quyền của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền có đặc điểm là có thể chuyển giao được cho người khác và được bảo hộ có thời hạn bao gồm⁹⁰:

- + Quyền làm tác phẩm phái sinh;
- + Quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;
- + Quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào;
- + Quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp ngoại lệ;
- + Quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn.
- + Quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.

Các quyền tài sản nêu trên do tác giả, chủ sở hữu QTG độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quyền tài sản và quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu QTG.

Đối với CTTH, mỗi chủ thể được bảo hộ QTG đối với CTTH sẽ được hưởng các quyền cụ thể theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

⁹⁰ Điều 20 Luật SHTT

(1) Nội dung bảo hộ QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Luật SHTT, đối với các CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh thì:

- Biên kịch, đạo diễn của các tác phẩm điện ảnh được hưởng các quyền nhân thân như: quyền đặt tên; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng trong CTTH; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

- Quay phim, dựng phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, diễn viên điện ảnh và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm điện ảnh chỉ được hưởng quyền nhân thân: đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng trong CTTH.

- Tổ chức đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh trong CTTH tuy không phải tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm điện ảnh nhưng là chủ sở hữu QTG, có một số quyền nhân thân và toàn bộ các quyền tài sản đối với tác phẩm trong CTTH đó. Chủ thể này (thường là các tổ chức phát sóng, Đài truyền hình) có quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm và hưởng toàn bộ các quyền tài sản quy định tại Điều 20 Luật SHTT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản. Chủ sở hữu có nghĩa vụ trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) theo hợp đồng cho biên kịch, đạo diễn, quay phim, dựng phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, diễn viên điện ảnh hoặc những người thực hiện công việc sáng tạo với tác phẩm. Bên cạnh đó, chủ sở hữu có thể thỏa thuận với biên kịch, đạo diễn về việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm.

Trường hợp kịch bản, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm điện ảnh được sử dụng độc lập thì tác giả, chủ sở hữu QTG của kịch bản, tác phẩm âm nhạc được

hưởng QTG một cách độc lập đối với kịch bản, tác phẩm âm nhạc đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản⁹¹.

(2) Nội dung bảo hộ QTG đối với CTTH được bảo hộ là tác phẩm sân khấu

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật SHTT, đối với các CTTH được bảo hộ là tác phẩm sân khấu thì:

- Tác giả kịch bản được hưởng các quyền nhân thân như: quyền đặt tên; đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng trong CTTH; quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm.

- Tác giả tác phẩm văn học, tác giả tác phẩm âm nhạc, đạo diễn sân khấu, chỉ huy âm nhạc, biên đạo múa, thiết kế sân khấu, phục trang và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm sân khấu chỉ được hưởng quyền nhân thân: đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm, được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng trong CTTH.

- Tổ chức đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm sân khấu trong CTTH tuy không phải tác giả trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm sân khấu nhưng là chủ sở hữu QTG, có một số quyền nhân thân và toàn bộ các quyền tài sản đối với tác phẩm trong CTTH đó. Cụ thể đối tượng này (thường là các tổ chức phát sóng, Đài truyền hình) có quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm và hưởng toàn bộ các quyền tài sản quy định tại Điều 20 Luật SHTT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản. Chủ sở hữu QTG có nghĩa vụ trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) theo hợp đồng cho tác giả kịch bản, tác giả tác phẩm văn học, tác giả tác phẩm âm nhạc, đạo diễn sân khấu, chỉ huy âm nhạc, biên đạo múa, thiết kế sân khấu, phục trang hoặc những người thực hiện công việc sáng tạo với tác phẩm. Bên

⁹¹ Điểm đ, Khoản 1, Điều 21 Luật SHTT

cạnh đó, chủ sở hữu QTG có thể thỏa thuận với biên kịch, đạo diễn về việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm.

Trường hợp tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm sân khấu được sử dụng độc lập thì tác giả, chủ sở hữu QTG của tác phẩm văn học, tác phẩm âm nhạc được hưởng QTG một cách độc lập đối với tác phẩm văn học, tác phẩm sân khấu đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản⁹².

Ngoài hai loại hình tác phẩm điện ảnh và tác phẩm sân khấu, các loại hình khác thường thấy trong CTTH như tác phẩm báo chí, chương trình gameshow... chưa có các quy định cụ thể về nội dung bảo hộ QTG đối với mỗi chủ thể liên quan. Tuy nhiên, các loại hình báo chí, talkshow, gameshow, show truyền hình thực tế trên CTTH về cơ bản vẫn có tác giả kịch bản và các chủ thể đóng góp vào hoạt động sáng tạo ra chương trình (nhà báo, phóng viên, biên tập viên, quay phim, thiết kế sân khấu, nhân viên hậu kỳ...) cũng như chủ sở hữu đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất chương trình, vì vậy, các đối tượng này sẽ vẫn được hưởng các quyền nhân thân hoặc quyền tài sản đối với CTTH tương tự như tác phẩm điện ảnh và tác phẩm sân khấu. Việc phân định quyền với từng chủ thể sẽ phụ thuộc vào nội dung và quy trình sản xuất từng CTTH cụ thể dựa trên các quy định về quyền nhân thân, quyền tài sản cũng như các quy định về đồng tác giả.

Về quyền đặt tên, một điểm mới nổi bật của Luật SHTT là quy định quyền đặt tên cho tác phẩm cũng có thể được chuyển giao dưới hình thức chuyển quyền sử dụng⁹³. Như vậy, ngoài các quyền tài sản, bên nhận chuyển giao còn có thể sử dụng quyền đặt tên tác phẩm theo thỏa thuận chuyển quyền với tác giả. Trước khi có quy định trên, chủ sở hữu QTG trong quá trình sử dụng, khai thác tác phẩm, nếu có nhu cầu thay đổi tên tác phẩm phải có văn bản xác nhận đổi tên tác phẩm của tác giả. Việc này làm phức tạp, khó khăn cho chủ sở hữu QTG trong

⁹² Điểm đ, Khoản 2, Điều 21 Luật SHTT

⁹³ Khoản 1 Điều 19 Luật SHTT

trường hợp tác giả ở xa, điều kiện sức khỏe không đảm bảo. Quy định mới không chỉ đảm bảo các quyền nhân thân vốn có của tác giả, mà còn tạo điều kiện thuận lợi và nhanh chóng hơn cho chủ sở hữu khi cần đổi tên tác phẩm. Sự đổi mới trong điều luật này xuất phát từ thực tiễn nhu cầu khai thác thương mại đối với các tác phẩm, do tên tác phẩm cũng đóng vai trò trong việc quảng bá và phổ biến tác phẩm đến công chúng, đặc biệt là các tác phẩm liên quan đến các CTTH. Ví dụ: Đài truyền hình hoàn toàn có quyền thay đổi tên một tác phẩm điện ảnh khi phát sóng nhằm mục đích thu hút khán giả nếu trước đó đã được biên kịch, đạo diễn của bộ phim cho phép sử dụng quyền đặt tên cho tác phẩm. Việc sửa đổi quy định nói trên là hợp lý và tạo sự linh hoạt cho cả đôi bên trong quá trình khai thác, sử dụng tác phẩm trong CTTH do tên của các tác phẩm cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc một CTTH có được người xem đón nhận một cách tích cực và có truyền tải đúng thông điệp hay không.

*Về quyền đứng tên, được nêu tên thật hay bút danh trên tác phẩm*⁹⁴, so với pháp luật quốc tế, có thể thấy phạm vi “quyền đứng tên” trong pháp luật Việt Nam hẹp hơn so với “quyền được công nhận là tác giả” trong Công ước Berne và pháp luật một số quốc gia. Không chỉ có quyền “đứng tên” trên tác phẩm (dùng tên thật hay bút danh), pháp luật quốc tế còn trao cho tác giả quyền “ẩn danh”, có nghĩa là quyết định không nêu tên của mình trên tác phẩm mà họ sáng tạo ra trong những trường hợp có khả năng gây phương hại đến danh dự hay uy tín của tác giả, thậm chí là *“bác bỏ mọi sự công nhận mình là tác giả, nếu những điều đó là cần thiết để bảo vệ sự ẩn danh mà mình đã lựa chọn”*⁹⁵. Ví dụ, trường hợp nhà báo hay phóng viên vì lí do cá nhân, không muốn ghi tên thật hay bút danh mà mọi người đã biết đến trên tác phẩm phóng sự điều tra nhưng khi sử dụng tác phẩm trên sóng truyền hình thì Đài truyền hình lại tự ý giới thiệu tên thật của các chủ thể này thì có xâm phạm quyền đứng tên hay không? Hay việc

⁹⁴ Khoản 2 Điều 19 Luật SHTT

⁹⁵ Nguyễn Văn Nam (2016), *QTG - đường hội nhập không trái hoa hồng*, Nxb. Trẻ

sử dụng trái phép tên tác giả trên tác phẩm không phải do tác giả sáng tác với mục đích lợi dụng danh tiếng của tác giả có xâm phạm quyền đứng tên không?

Quyền công bố tác phẩm là một quyền nhân thân gắn với quyền tài sản, là tiền đề để thực hiện các quyền tài sản vì vậy nó mang tính chất của quyền tài sản nhiều hơn quyền nhân thân vì nó có đặc điểm có thể chuyển giao được cho người khác và được bảo hộ có thời hạn. Quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm CTTH được trao duy nhất cho chủ thể đầu tư tài chính, cơ sở vật chất để tạo ra các tác phẩm truyền hình. Đây là một quy định hợp lý vì các tổ chức phát sóng, đài truyền hình đầu tư rất nhiều tiền bạc, công sức để sản xuất ra một CTTH, họ phải được bảo hộ các đặc quyền về lợi ích kinh tế.

Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm cho đến nay vẫn là vấn đề gây nhiều tranh cãi trong pháp luật cũng như thực tiễn tranh chấp về QTG, QLQ trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Một đặc điểm cần lưu ý khi xem xét CTTH như một đối tượng của QTG, trong rất nhiều trường hợp, đây thường là một tác phẩm phái sinh. Điều này xuất phát từ đặc điểm của CTTH là thường sử dụng nhiều tư liệu đầu vào, trong đó có các tác phẩm dưới nhiều loại hình được chọn lọc, sắp xếp, lồng ghép và thêm vào những ý tưởng mới nhằm tạo ra một CTTH mới với ý tưởng chủ đạo xuyên suốt. Tranh chấp có thể phát sinh khi phía sản xuất CTTH thay đổi tác phẩm gốc mà không được sự cho phép của tác giả, làm ảnh hưởng đến chủ đề, ý tưởng sáng tạo của tác giả tác phẩm gốc, khiến cho tác giả cảm thấy tác phẩm của mình bị xâm phạm. Tác giả Vũ Thị Hải Yến cho rằng: trong cơ chế thị trường hiện nay, các tác phẩm không chỉ là một sản phẩm sáng tạo tinh thần mà nó là một đối tượng phổ biến trong giao dịch thương mại, nên để bảo đảm cho các bên tham gia giao dịch (trong đó có tác giả, chủ sở hữu QTG) thu được lợi ích kinh tế lớn nhất, thì cần phải tôn trọng sự tự do thỏa thuận của các bên. Do đó, khi tác giả sáng tạo tác phẩm theo hợp đồng, theo nhiệm vụ được giao hay khi tác giả chuyển nhượng QTG của mình cho người khác thì mặc

nhiên tác giả đã đồng ý cho chủ sở hữu QTG được khai thác tác phẩm, trong đó có quyền làm tác phẩm phái sinh, trừ khi có thoả thuận khác⁹⁶. Hiện nay theo quy định mới của Luật SHTT, trường hợp làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm thì sẽ phải được sự đồng ý bằng văn bản của tác giả⁹⁷. Tuy nhiên tiêu chí xác định khi nào ảnh hưởng đến QTG thì pháp luật chưa có hướng dẫn cụ thể.

Quyền tài sản đối với các CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh, sân khấu được trao cho chủ thể duy nhất là tổ chức đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm. Trong lĩnh vực truyền hình nói chung, chủ thể này thường chính là các tổ chức phát sóng, các đài truyền hình thuê các chủ thể khác tạo ra CTTH thông qua các hợp đồng lao động hoặc các hợp đồng thuê dạng khác. So với Luật SHTT sửa đổi năm 2019, Luật SHTT đã quy định rõ ràng và chi tiết hơn các quyền tài sản chứ không đơn thuần chỉ liệt kê các quyền này. Cụ thể với lĩnh vực truyền hình, bất cứ tổ chức phát sóng nào đầu tư tài chính, cơ sở vật chất để tạo ra các tác phẩm CTTH đều có các quyền tài sản cơ bản, ví dụ: quyền làm tác phẩm phái sinh như sử dụng các tác phẩm điện ảnh, sân khấu gốc làm nguyên liệu để tạo ra một CTTH mới; có quyền tổ chức biểu diễn tác phẩm sân khấu trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình; có quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm CTTH bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào; có quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh trong CTTH... Bên cạnh đó, quyền tài sản có gắn bó mật thiết nhất với các tổ chức đầu tư tiền bạc, cơ sở vật chất – kỹ thuật tạo ra các tác phẩm trong CTTH là *quyền phát sóng*, quyền này cho phép phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao

⁹⁶ Vũ Thị Hải Yến (2021), “*Một số góp ý sửa đổi quy định của Luật SHTT về nội dung QTG*”, Tạp chí Luật học, số 10/2021, Hà Nội

⁹⁷ Khoản 2 Điều 20 Luật SHTT

gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn.

2.3.2. Quy định về nội dung quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Trường hợp CTTH được bảo hộ QLQ dưới các hình thức cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa thì chủ thể QLQ đối với CTTH được hưởng các quyền nhân thân và tài sản được quy định cho chủ thể tương ứng là người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm ghi hình, tổ chức phát sóng và chủ sở hữu QLQ. Cụ thể, nội dung bảo hộ QLQ đối với CTTH được pháp luật Việt Nam quy định như sau:

(1) Thứ nhất, nội dung bảo hộ QLQ đối với các cuộc biểu diễn cấu thành nên CTTH

Đối với các CTTH được cấu thành bởi các cuộc biểu diễn thì người biểu diễn có thể được bảo hộ QLQ độc lập đối với cuộc biểu diễn đó. Theo quy định của pháp luật hiện hành, quyền của người biểu diễn bao gồm các quyền nhân thân và quyền tài sản. Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau⁹⁸:

+ Quyền được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn;

+ Quyền bảo vệ sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

Trong đó, quyền được giới thiệu tên là một quyền hết sức quan trọng của người biểu diễn. Bởi việc giới thiệu tên người biểu diễn trong các CTTH giúp công chúng xem chương trình biết đến người biểu diễn, nâng cao nhận diện thương hiệu và mang lại sự nổi tiếng cho người biểu diễn. Mặc dù là quyền nhân thân, nhưng quyền được giới thiệu tên lại đóng vai trò quan trọng trong việc thu được những lợi ích vật chất cho người biểu diễn. Chủ thể thực hiện việc phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn có nghĩa vụ giới thiệu tên

⁹⁸ Khoản 2 Điều 29 Luật SHTT

người biểu diễn, dù ghi âm, ghi hình, phát sóng một phần hay toàn bộ cuộc biểu diễn. Ví dụ, một chương trình talkshow trên truyền hình nhưng có sử dụng một phần cuộc biểu diễn của một ca sĩ để làm tư liệu thì phần trích dẫn cuộc biểu diễn đó cũng phải nêu tên của ca sĩ đó.

Đối với quyền bảo vệ sự toàn vẹn hình tượng biểu diễn, mặc dù pháp luật hiện hành không có định nghĩa hình tượng biểu diễn cũng như thế nào là sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn, tuy nhiên, có thể xác định hình tượng biểu diễn có toàn vẹn hay không căn cứ vào việc xem xét hành vi cắt xén, thay đổi hình tượng biểu diễn nguyên gốc mà người biểu diễn đã tạo ra. Theo đó, các hành vi cắt xén, thay đổi mà gây phương hại đến danh dự, uy tín của người biểu diễn thì bị xem là hành vi xâm phạm. Ngược lại, những hành vi cắt xén, thay đổi nhưng không gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của người biểu diễn thì không bị coi là xâm phạm quyền của người biểu diễn, ví dụ như trong một CTTH, một cuộc biểu diễn được cắt bỏ một phần nhằm phù hợp với thời lượng của chương trình.

Bên cạnh quyền nhân thân, người biểu diễn có các quyền tài sản bao gồm độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau⁹⁹:

+ Quyền định hình cuộc biểu diễn trực tiếp của mình trên bản ghi âm, ghi hình;

Trên thực tế, người biểu diễn thường ít khi tự mình ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn bởi họ cần tập trung thực hiện cuộc biểu diễn. Điều này đặc biệt phổ biến với những người biểu diễn chuyên nghiệp. Họ thường thuê người khác thực hiện định hình cuộc biểu diễn của mình, trong trường hợp này, người biểu diễn có QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình đó. Trường hợp này khác với trường hợp người biểu diễn cho phép người khác định hình cuộc biểu diễn nhưng thỏa thuận rằng quyền đối với bản ghi âm, ghi hình thuộc về người định hình cuộc biểu diễn.

⁹⁹ Khoản 3 Điều 29 Luật SHTT

+ Quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào trừ trường hợp sao chép cuộc biểu diễn chỉ để thực hiện các quyền khác của tổ chức, cá nhân sao chép theo quy định của Luật SHTT; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trên bản ghi âm, ghi hình, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại.

Trường hợp ngoại lệ nêu trên là quy định mới của Luật SHTT, xuất phát từ quy định về bản sao tạm thời trong Hiệp ước WPPT. Ngoài ra, để tránh nhầm lẫn, cần phân biệt rằng, nếu người biểu diễn thuê người khác thực hiện định hình cuộc biểu diễn của mình thì người biểu diễn có QLQ đối với bản ghi âm, ghi hình đó, bao gồm quyền sao chép các bản ghi âm, ghi hình này. Còn trong trường hợp người biểu diễn đồng ý rằng quyền đối với bản ghi âm, ghi hình thuộc về người định hình cuộc biểu diễn, thì người định hình cuộc biểu diễn, hay chính là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, sẽ có quyền sao chép bản ghi âm, ghi hình cuộc biểu diễn.

+ Quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng cuộc biểu diễn chưa được định hình của mình theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được, trừ trường hợp cuộc biểu diễn đó nhằm mục đích phát sóng.

Bên cạnh việc ghi âm, ghi hình thì phát sóng là công cụ khai thác thương mại đối với cuộc biểu diễn. Vì vậy, đây là một trong những quyền tài sản quan trọng đối với người biểu diễn, giúp họ thu được lợi nhuận trực tiếp từ cuộc biểu diễn của mình. Tuy nhiên, để tránh mâu thuẫn, tranh chấp về quyền phát sóng với tổ chức phát sóng, pháp luật loại trừ trường hợp cuộc biểu diễn được thực hiện nhằm mục đích phát sóng. Trong trường hợp này, do người biểu diễn đã thỏa thuận với tổ chức phát sóng về việc thực hiện cuộc biểu diễn và tổ chức

phát sóng đã trả thù lao cho họ nên người biểu diễn không có quyền phát sóng cuộc biểu diễn của mình, mà quyền này thuộc về tổ chức phát sóng.

+ Quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn của mình dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao bản định hình cuộc biểu diễn đã được chủ sở hữu quyền thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối.

Quyền phân phối đến công chúng bản gốc và bản sao của cuộc biểu diễn có mối liên hệ nhất định với quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp cuộc biểu diễn. Bởi nếu chỉ sao chép cuộc biểu diễn mà không phân phối các bản sao này đến với công chúng thì người biểu diễn không thể thu được lợi ích vật chất từ hoạt động biểu diễn của mình. Trường hợp ngoại lệ nêu trên là quy định mới của Luật SHTT, xuất phát từ thuyết hết quyền, tương tự như đối với QTG đã phân tích trên đây.

+ Quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc, bản sao cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình, kể cả sau khi được phân phối bởi người biểu diễn hoặc với sự cho phép của người biểu diễn. Đây là quy định hoàn toàn mới của Luật SHTT, phản ánh quy định của Hiệp ước WPPT.

+ Quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn của mình, bao gồm cả cung cấp đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn. Đây là quy định được bổ sung bởi Luật SHTT nhằm thực hiện cam kết của Việt Nam trong Hiệp ước WPPT.

Ngoài ra, cần phân biệt quyền biểu diễn tác phẩm thuộc nội dung QTG và quyền của người biểu diễn. Hai quyền này có đối tượng khác nhau. Quyền biểu diễn có đối tượng là tác phẩm được bảo hộ QTG, là quyền của tác giả, chủ sở hữu QTG, tự mình hoặc cho phép người khác, thường là những người có năng

lực nghệ thuật như ca sĩ, nhạc công trình bày, thể hiện tác phẩm trước công chúng. Trong khi đó, quyền của người biểu diễn có đối tượng là cuộc biểu diễn được bảo hộ QLQ, bao gồm cả quyền nhân thân và quyền tài sản.

(2) Thứ hai, nội dung bảo hộ QLQ đối với CTTH được bảo hộ dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình

Hiện nay, Luật SHTT đã quy định nội dung quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình chi tiết hơn rất nhiều so với các văn bản pháp luật cũ trước đây. Theo đó, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình có độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau đây¹⁰⁰:

+ Quyền sao chép toàn bộ hoặc một phần bản ghi âm, ghi hình của mình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp sao chép bản ghi âm, ghi hình chỉ để thực hiện các quyền khác của tổ chức, cá nhân sao chép theo quy định của Luật SHTT; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp bản ghi âm, ghi hình, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại.

+ Quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình của mình dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình đã được chủ sở hữu quyền thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối;

+ Quyền cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc, bản sao bản ghi âm, ghi hình của mình, kể cả sau khi được phân phối bởi nhà sản xuất hoặc với sự cho phép của nhà sản xuất;

¹⁰⁰ Khoản 1 Điều 30 Luật SHTT

+ Quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản ghi âm, ghi hình của mình, bao gồm cả cung cấp tới công chúng bản ghi âm, ghi hình theo cách mà công chúng có thể tiếp cận tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn;

Như vậy, so với quy định trước đây, nội dung quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình được mở rộng thêm quyền cho thuê thương mại và quyền phát sóng các bản ghi âm, ghi hình của mình. Mặt khác, các quyền sao chép và phân phối cũng phụ thuộc vào ngoại lệ liên quan đến bản sao tạm thời và phân phối lần tiếp theo các bản gốc và bản sao của bản ghi âm, ghi hình, theo đúng như cam kết của Việt Nam trong Hiệp ước WPPT.

(3) Thứ ba, nội dung bảo hộ QLQ đối với CTTH được bảo hộ dưới hình thức CTPS:

Tương tự như quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, nội dung quyền của tổ chức phát sóng theo quy định của Luật SHTT cũng được sửa đổi, bổ sung nhiều điểm so với quy định của Luật SHTT hiện hành. Cụ thể, tổ chức phát sóng có độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện các quyền sau đây¹⁰¹:

+ Quyền phát sóng, tái phát sóng CTPS của mình;

Đây là quyền cơ bản của tổ chức phát sóng vì phát sóng và tái phát sóng là các phương thức khai thác thương mại phổ biến nhất đối với CTPS, đặc biệt là đối với CTTH.

+ Quyền định hình CTPS của mình;

Việc định hình CTPS được hiểu là việc ghi âm, ghi hình. Các CTPS, đặc biệt là các CTPS trực tiếp thường truyền tải âm thanh và hình ảnh trực tiếp đến công chúng mà không cần phải ghi âm, ghi hình trước đó. Vì vậy, việc ghi âm, ghi hình CTPS nhằm đảm bảo tổ chức phát sóng có thể khai thác chương trình của mình nhiều lần, chứ không chỉ duy nhất một lần khi thực hiện phát sóng.

¹⁰¹ Khoản 1 Điều 31 Luật SHTT

+ Quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản định hình CTPS của mình dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản định hình CTPS đã được chủ sở hữu quyền thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối.

Một CTPS có thể được phân phối đến công chúng bằng cách phát sóng trực tiếp hoặc ghi âm, ghi hình chương trình để tái phát sóng hoặc phân phối bản sao của bản ghi âm, ghi hình đến công chúng. Việc phân phối CTPS đến công chúng là yếu tố then chốt trong hoạt động khai thác thương mại đối với CTPS, đặc biệt là CTTH. Các nhà sản xuất CTTH thu được lợi nhuận chủ yếu từ quảng cáo và tài trợ từ các nhãn hàng. Chỉ khi tiếp cận được với số đông công chúng thông qua một CTTH, các nhãn hàng mới quan tâm và tài trợ, trả tiền cho nhà sản xuất để quảng bá rộng rãi thương hiệu của mình. Ngoại lệ liên quan đến trường hợp phân phối lần tiếp theo là quy định mới được bổ sung bởi Luật SHTT nhằm đảm bảo tương thích với quy định tại WPPT.

+ Quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần bản định hình CTPS của mình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp sao chép CTPS chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật này; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp CTPS, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại.

Quyền sao chép bản định hình CTPS có nội dung và ý nghĩa tương tự như quyền sao chép bản ghi âm, ghi hình của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Do đó, quyền này cũng sẽ phụ thuộc vào ngoại lệ liên quan đến bản sao tạm thời như được quy định tại Hiệp ước WPPT.

Ngoài ra, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng được hưởng quyền lợi vật chất khi cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi

hình, CTPS của mình được khai thác, sử dụng bởi chủ thể khác¹⁰². Quy định này của pháp luật nhằm đảm bảo trong mọi trường hợp nếu bản ghi âm, ghi hình, CTPS được khai thác thương mại và phân phối đến công chúng, các chủ thể quyền có quyền nhận được thù lao hoặc lợi ích kinh tế khác từ những chủ thể thực hiện hoạt động khai thác đó. Điều này xuất phát từ thực tế không phải lúc nào nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng cũng có thể kiểm soát được việc ghi âm, ghi hình và phân phối đến công chúng bản ghi âm, ghi hình, CTPS của mình. Vì vậy, ngay cả trong trường hợp chủ thể khác đã thực hiện các hành vi đó mà không có sự cho phép của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng, thì nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng vẫn có quyền được nhận quyền lợi vật chất từ hành vi xâm phạm đó.

2.3.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về nội dung quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

- Pháp luật hiện hành về nội dung bảo hộ QTG, QLQ nói chung và đối với CTTH nói riêng đã có những quy định bổ sung phù hợp với quy định tại WPPT như đã phân tích ở trên. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập sau:

- Pháp luật hiện hành chưa phân chia rõ nội dung quyền của từng chủ thể QTG đối với CTHH trong trường hợp CTTH được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm báo chí hoặc loại hình tác phẩm khác chưa được quy định tại Điều 14 Luật SHTT.

Trong trường hợp được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm báo chí hoặc loại hình tác phẩm khác chưa được pháp luật quy định, như đã đề cập, theo quy định của Luật SHTT, các chủ thể cùng sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để cùng sáng tạo và sản xuất CTTH như đạo diễn, biên kịch, quay phim và kỹ thuật viên âm thanh, hình ảnh, ánh sáng... sẽ được coi là đồng tác giả của CTTH¹⁰³.

¹⁰² Khoản b Khoản 1 Điều 33 Luật SHTT

¹⁰³ Khoản 1 Điều 38 Luật SHTT

Thực tế hiện nay, hai loại hình tác phẩm khác là tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu cũng có đặc điểm tương tự là có sự tham gia của nhiều chủ thể sáng tạo. Đối với loại hình tác phẩm này, Luật SHTT đã có quy định tương đối rõ ràng về việc phân chia rõ nội dung quyền của từng chủ thể sáng tạo¹⁰⁴. Tuy nhiên, trong trường hợp CTTH được bảo hộ QTG dưới hình thức tác phẩm báo chí hoặc loại hình tác phẩm khác chưa được pháp luật quy định thì pháp luật hiện hành lại chưa có quy định phân chia rõ nội dung quyền của từng chủ thể QTG, QLQ.

Việc thiếu quy định phân chia rõ nội dung quyền của từng chủ thể đối với CTTH có thể dẫn đến khó khăn trong việc cấp quyền sử dụng, khai thác CTTH, khi người có nhu cầu sử dụng phải tìm kiếm sự đồng thuận của tất cả các đồng tác giả hoặc đồng chủ sở hữu. Mặt khác, việc không phân chia rõ nội dung quyền của từng chủ thể cũng dễ dẫn đến tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH giữa các chủ thể với nhau.

- Xung đột giữa quyền bảo vệ sự toàn vẹn đối với tác phẩm của tác giả và quyền làm tác phẩm phái sinh của chủ sở hữu QTG là một vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo của pháp luật SHTT hiện nay, gây ra những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn giải quyết tranh chấp

Hiện nay, pháp luật hiện hành quy định hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm nếu việc sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả. Tuy nhiên, như thế nào là gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả thì pháp luật SHTT hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể. Ngoài ra, trong trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả không đồng thời là tác giả sẽ được hưởng quyền công bố tác phẩm và các quyền tài sản thuộc quyền tác giả theo quy định tại Điều 39 đến Điều 42 Luật SHTT, còn quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm thuộc về tác giả và quyền này được bảo hộ vĩnh viễn, vô thời hạn theo Điều 27 Luật SHTT. Tuy nhiên, trong trường hợp

¹⁰⁴ Điều 21 Luật SHTT

làm tác phẩm phái sinh mà ảnh hưởng đến quyền bảo vệ sự toàn vẹn tác phẩm thì phải được sự đồng ý của tác giả¹⁰⁵ mặc dù quyền làm tác phẩm phái sinh là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, không phải là quyền của tác giả. Quy định này làm ảnh hưởng đến sự tự do sáng tạo của bất cứ cá nhân nào trong trường hợp muốn làm tác phẩm phái sinh mà đã được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả nhưng không được tác giả tác phẩm cho phép.

2.4. Thực trạng pháp luật về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.4.1. Quy định về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả đối với chương trình truyền hình

(1) Ngoại lệ đối với quyền sao chép

Đối với các CTTH được bảo hộ QTG, theo quy định tại Điều 25 Luật SHTT, các trường hợp sao chép CTTH không phải xin phép, không phải trả tiền nhưng phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm truyền hình bao gồm các trường hợp sau:

+ Tự sao chép một bản CTTH để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp sao chép bằng thiết bị sao chép.

+ Sao chép hợp lý một phần tác phẩm truyền hình bằng thiết bị sao chép để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại;

Trước đây, Luật SHTT năm 2005 chỉ quy định ngoại lệ của quyền sao chép áp dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học mà không áp dụng cho mục đích học tập. Điều này đã gây ra một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng, bởi trên thực tế các nội dung giáo dục trên truyền hình rất phổ biến, học sinh, sinh viên thường theo dõi các CTTH với nội dung giáo dục nhằm phục vụ mục đích học tập. Tuy nhiên, việc sao chép mà không sử dụng các thiết bị sao

¹⁰⁵ Khoản 2 Điều 20 Luật SHTT

chép khó có thể được thực hiện với đối tượng là CTTH, nên ngoại lệ về quyền sao chép toàn bộ tác phẩm mà không sử dụng thiết bị sao chép không thể áp dụng đối với các CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hay tác phẩm báo chí. Trong trường hợp sử dụng thiết bị sao chép, pháp luật không cho phép sao chép toàn bộ CTTH mà các cá nhân chỉ được sao chép một phần CTTH để nghiên cứu khoa học, học tập và không nhằm mục đích thương mại.

Hiện nay, Luật SHTT đã bổ sung quy định chủ thể QTG không được phép ngăn cấm người khác thực hiện việc sao chép tác phẩm trong hai trường hợp. Thứ nhất là sao chép tác phẩm chỉ để thực hiện các quyền khác theo quy định của Luật SHTT¹⁰⁶. Trường hợp ngoại lệ thứ hai là sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp tác phẩm, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại¹⁰⁷. Đây là ngoại lệ liên quan đến bản sao tạm thời, là đối tượng có vai trò quan trọng trong việc truyền đạt, phân phối bản sao tác phẩm trên môi trường Internet. Trước đây, Luật SHTT không có quy định về bản sao tạm thời đối với tác phẩm được bảo hộ QTG mà chỉ có quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 32 Luật SHTT về bản sao tạm thời của tổ chức phát sóng. Mặt khác, đây là hình thức bản sao tạm thời hữu hình.

Có thể nói, quy định mới nêu trên của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT đã góp phần làm rõ phạm vi độc quyền sao chép của chủ thể QTG đối với CTTH, tránh việc các tổ chức sở hữu CTTH lạm dụng độc quyền làm ảnh hưởng đến quyền tiếp cận các tác phẩm của công chúng.

(2) Ngoại lệ đối với quyền sử dụng

¹⁰⁶ Khoản 3 Điều 20 Luật SHTT

¹⁰⁷ Điểm a, Khoản 3 Điều 20 Luật SHTT

Đối với các CTTH được bảo hộ QTG, theo quy định tại Điều 25 Luật SHTT các trường hợp sử dụng CTTH không phải xin phép, không phải trả tiền nhưng phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm truyền hình bao gồm các trường hợp sau:

+ Sử dụng hợp lý tác phẩm truyền hình để minh họa trong bài giảng, ấn phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS nhằm mục đích giảng dạy. Việc sử dụng này có thể bao gồm việc cung cấp trong mạng máy tính nội bộ với điều kiện phải có các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm chỉ người học và người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận các tác phẩm này;

Việc đặt ra những ngoại lệ của QTG trong trường hợp phục vụ mục đích giảng dạy là hợp lý nhằm đảm bảo độc quyền cho các chủ thể QTG không được gây cản trở mà phải đóng góp tích cực cho sự phát triển của tri thức. Ngoài ra, quy định cho phép sử dụng tác phẩm trong mạng máy tính nội bộ với điều kiện phải có các biện pháp kỹ thuật để bảo đảm chỉ người học và người dạy trong buổi học đó có thể tiếp cận tác phẩm được đặt ra để đảm bảo việc sử dụng không nhằm mục đích thương mại, không ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm.

+ Sử dụng tác phẩm truyền hình trong hoạt động công vụ của các cơ quan nhà nước;

Đây là ngoại lệ đã được quy định và áp dụng tại nhiều quốc gia trên thế giới như Trung Quốc quy định được sao chép tác phẩm với điều kiện việc sao chép đó cần có dẫn chứng nguồn và không được làm phương hại đến lợi ích của chủ sở hữu QTG¹⁰⁸; Hàn Quốc: được phép sao chép tác phẩm nếu và trong phạm vi được cho là cần thiết cho mục đích tố tụng tư pháp và sử dụng nội bộ trong các cơ quan lập pháp hoặc hành chính với điều kiện việc sao chép đó không làm phương hại đến lợi ích của chủ sở hữu một cách bất hợp lý, quyền tài sản của tác

¹⁰⁸ Luật Bản quyền Trung Quốc năm 2020, xem tại: <https://vi.chinajusticeobserver.com/law/x/copyright-law-of-china-20201111>

giả dựa trên bản chất của tác phẩm cũng như số lượng bản sao và bản chất của việc sao chép (Điều 23 Luật Bản quyền Hàn Quốc)¹⁰⁹; Nhật Bản: có thể sao chép trong phạm vi cần thiết được công nhận nếu tác phẩm được cho là cần thiết cho thủ tục tòa án hoặc cần thiết như là tư liệu nội bộ phục vụ mục đích lập pháp hoặc hành chính. Tuy nhiên, không áp dụng khoản này đối với trường hợp gây phương hại vô lý đến lợi ích của chủ sở hữu QTG khi đối chiếu với loại hình, mục đích khai thác tác phẩm cũng như số lượng và cách thức sao chép (Điều 42 Luật Bản quyền)¹¹⁰.

Trên thực tế, các cơ quan nhà nước có thể sử dụng các tác phẩm CTTH trong hoạt động thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật hoặc giải quyết tranh chấp. Các hoạt động này của cơ quan nhà nước chỉ giới hạn trong phạm vi nội bộ của cơ quan và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó. Nếu có đối tượng nào khác có thể tiếp cận CTTH thông qua phương thức này thì số lượng cũng rất hạn chế, ví dụ như người thực hiện hành vi xâm phạm, nhân chứng hoặc đương sự trong vụ việc tranh chấp. Việc sử dụng CTTH trong trường hợp này hoàn toàn nhằm mục đích phi thương mại và không gây ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm.

+ Trích dẫn hợp lý tác phẩm truyền hình mà không làm sai ý tác giả để bình luận, giới thiệu hoặc minh họa trong tác phẩm của mình; để viết báo, sử dụng trong ấn phẩm định kỳ, trong CTPS, phim tài liệu;

+ Sử dụng tác phẩm truyền hình trong hoạt động thư viện không nhằm mục đích thương mại, bao gồm sao chép tác phẩm lưu trữ trong thư viện để bảo quản, với điều kiện bản sao này phải được đánh dấu là bản sao lưu trữ và giới hạn đối tượng tiếp cận theo quy định của pháp luật về thư viện, lưu trữ; sao chép hợp lý một phần tác phẩm truyền hình bằng thiết bị sao chép cho người khác phục vụ nghiên cứu, học tập; sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử

¹⁰⁹ Luật Bản quyền Hàn Quốc, xem tại: https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=42726&lang=ENG

¹¹⁰ Luật Bản quyền Nhật Bản, xem tại: <https://www.cric.or.jp/english/clj/cl2.html>

dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính, với điều kiện số lượng người đọc tại cùng một thời điểm không vượt quá số lượng bản sao của tác phẩm truyền hình do các thư viện nói trên nắm giữ, trừ trường hợp được chủ sở hữu quyền cho phép và không áp dụng trong trường hợp tác phẩm đã được cung cấp trên thị trường dưới dạng kỹ thuật số;

Tương tự như ngoại lệ về sử dụng tác phẩm trong hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước, ngoại lệ về sử dụng tác phẩm trong hoạt động thư viện cũng đã được quy định và áp dụng tại Hàn Quốc (Điều 31 Luật Bản quyền Hàn Quốc)¹¹¹ và Nhật Bản (Điều 31 Luật Bản quyền Nhật Bản)¹¹². Tại Việt Nam, việc quy định về ngoại lệ trong hoạt động thư viện cũng đã được đặt ra trong Luật SHTT 2005. Tuy nhiên, trong bối cảnh các thông tin dưới hình thức kỹ thuật số đang ngày càng phổ biến trong hoạt động giáo dục, nhu cầu học tập từ xa, học trực tuyến ngày một tăng cao, quy định về ngoại lệ này đến nay tiếp tục được sửa đổi cho phù hợp với các quy định của Luật Lưu trữ, Luật Thư viện, phù hợp với hoạt động nghiên cứu, học tập trên thực tế, đảm bảo quyền được học tập và tiếp cận tri thức của cộng đồng.

+ Nhập khẩu bản sao tác phẩm truyền hình của người khác để sử dụng cá nhân, không nhằm mục đích thương mại;

Ngoài ra, Luật SHTT còn bổ sung quy định chủ thể QTG không được phép ngăn cấm người khác thực hiện việc phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu QTG thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối¹¹³. Quy định này có nền tảng là thuyết hết quyền (the exhaustion doctrine) hay còn gọi là thuyết bán lần đầu (the first sale doctrine). Theo đó, khi sản phẩm mang đối tượng SHTT đã được đưa ra thị trường bởi chính chủ thể quyền hoặc với sự cho phép của chủ thể đó, chủ thể

¹¹¹ Luật Bản quyền Hàn Quốc, xem tại:

https://elaw.klri.re.kr/eng_service/lawView.do?hseq=42726&lang=ENG, truy cập ngày 22/10/2022

¹¹² Luật Bản quyền Nhật Bản, xem tại: <https://www.cric.or.jp/english/clj/cl2.html>, truy cập ngày 22/10/2022

¹¹³ Điểm b, Khoản 3 Điều 20 Luật SHTT 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022

quyền sẽ không được quyền kiểm soát việc sản phẩm đó được phân phối cho ai và phân phối như thế nào. Trong trường hợp này, Luật SHTT đã quy định nếu chủ sở hữu QTG đã phân phối hoặc cho phép chủ thể khác phân phối bản gốc, bản sao tác phẩm ra thị trường thì chủ sở hữu QTG sẽ không còn quyền kiểm soát các bản gốc, bản sao đó sẽ được lưu thông, phân phối như thế nào. Tuy nhiên, trên thực tế cần phân biệt việc phân phối bản gốc, bản sao và việc truyền đạt tác phẩm. Ví dụ: Một đài truyền hình sản xuất một CTTH và ghi hình chương trình đó, đồng thời sao chép bản ghi hình thành các đĩa VCD và bán ra thị trường. Khi đó, đài truyền hình không có quyền ngăn cấm các chủ thể khác bán lại các đĩa VCD đó, nhưng vẫn có quyền ngăn cấm các chủ thể khác sao chép đĩa VCD và phân phối các bản sao của đĩa VCD đó, bởi hành vi này là hành vi xâm phạm độc quyền sao chép của chủ sở hữu. Đồng thời, chủ sở hữu cũng có quyền ngăn cấm việc phát các đĩa VCD tại nhà hàng, khách sạn nhằm mục đích thương mại, bởi đĩa VCD mặc dù đã bán nhưng hành vi này là hành vi truyền đạt tác phẩm đến công chúng, thuộc độc quyền của chủ sở hữu QTG.

Bên cạnh đó, Điều 26 Luật SHTT quy định các trường hợp giới hạn quyền tác giả nói chung và sử dụng tác phẩm truyền hình nói riêng đã công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền, phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm truyền hình bao gồm:

+ Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố, tác phẩm đã được chủ sở hữu QTG cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng có tài trợ, quảng cáo hoặc thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu QTG kể từ khi sử dụng. Mức tiền bản quyền và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

+ Tổ chức phát sóng sử dụng tác phẩm đã công bố, tác phẩm đã được chủ sở hữu QTG cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục

đích thương mại để phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu QTG kể từ khi sử dụng theo quy định của Chính phủ;

+ Trường hợp tác phẩm đã được chủ sở hữu QTG cho phép định hình trên bản ghi âm, ghi hình công bố nhằm mục đích thương mại thì tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình này trong hoạt động kinh doanh, thương mại không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền cho chủ sở hữu QTG của tác phẩm đó theo thỏa thuận kể từ khi sử dụng; trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Tuy nhiên, nếu CTTH được bảo hộ là tác phẩm điện ảnh thì các ngoại lệ nêu trên không được áp dụng. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm vẫn phải xin phép, trả tiền nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu QTG đối với CTTH¹¹⁴.

2.4.2. Quy định về ngoại lệ và giới hạn quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Điều 32 Luật SHTT các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm QLQ nói chung. Đó là các trường hợp sử dụng cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản quyền nhưng phải thông tin về cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS. Theo đó, để sản xuất một CTTH, các nhà sản xuất cũng như các tổ chức phát sóng được phép thực hiện miễn phí các hành vi sau:

- Ghi âm, ghi hình trực tiếp một phần cuộc biểu diễn để giảng dạy không nhằm mục đích thương mại hoặc để đưa tin thời sự;

- Tự sao chép hoặc hỗ trợ người khuyết tật sao chép một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại;

- Sao chép hợp lý một phần cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng để giảng dạy trực tiếp của cá nhân và không nhằm mục đích

¹¹⁴ Khoản 3 Điều 26 Luật SHTT

thương mại, trừ trường hợp cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng này đã được công bố để giảng dạy;

- Trích dẫn hợp lý nhằm mục đích đưa tin thời sự;

- Tự làm bản sao tạm thời để phát sóng khi được hưởng quyền phát sóng.

Liên quan đến quy định tại Điều 33 Luật SHTT trước đây về các trường hợp sử dụng QLQ không phải xin phép nhưng phải trả tiền nhuận bút, thù lao, trước đây có nhiều cách hiểu liên quan đến chủ thể quyền được hưởng khoản thù lao này. Cụ thể, Điều 33 trước đây quy định “Tổ chức, cá nhân sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm, ghi hình... phải trả tiền nhuận bút, thù lao theo thỏa thuận cho tác giả, chủ sở hữu QTG, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng”. Như đã đề cập trên đây, chủ sở hữu QTG có thể đồng thời là tác giả, nhưng cũng có thể là một chủ thể khác và nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng cũng có thể đồng thời là người biểu diễn, hoặc có thể là một chủ thể khác.

Trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ sở hữu QTG, người biểu diễn đồng thời là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình hoặc tổ chức phát sóng, các luồng quan điểm đều thống nhất rằng trong mọi trường hợp tác giả và người biểu diễn đều được nhận thù lao từ việc các chủ thể khác sử dụng hoặc khai thác thương mại QTG, cuộc biểu diễn của mình. Tuy nhiên, trong trường hợp còn lại khi tác giả và chủ sở hữu QTG, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, hoặc tổ chức phát sóng là các chủ thể khác nhau, có hai luồng quan điểm trái ngược về nội dung của Điều 33 Luật SHTT. Cụ thể, lấy ví dụ trường hợp một bản ghi âm cuộc biểu diễn một bài hát của một ca sĩ được phân phối trên thị trường hoặc được sử dụng bởi các chủ thể kinh doanh như quán karaoke, nhà hàng, khách sạn, quan điểm thứ nhất cho rằng, thù lao phải được trả đồng thời cho tất cả các chủ thể, bao gồm tác giả của bài hát, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Tuy nhiên, quan điểm thứ hai lại cho rằng, do ca sĩ đã thỏa thuận (trên cơ sở có thù lao hoặc không có thù lao) với tác giả để được biểu

diễn bài hát, nên tác giả không được nhận thù lao khi bản ghi âm, ghi hình được khai thác thương mại. Tương tự, do ca sĩ đã thỏa thuận (trên cơ sở có thù lao hoặc không có thù lao) quyền đối với bản ghi âm, ghi hình thuộc về nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, nên ca sĩ không được nhận thù lao khi bản ghi âm, ghi hình được khai thác thương mại.

Từ ví dụ trên, có thể thấy: cách hiểu thứ hai đảm bảo cân bằng lợi ích của các chủ thể quyền và lợi ích công cộng, tránh lạm dụng QTG, QLQ. Bởi lẽ, để sản xuất bản ghi âm, ghi hình, cả người biểu diễn và tác giả đều đã được xin phép, thỏa thuận về thù lao trước đó. Vì vậy, họ đã biết và phải biết bản ghi âm, ghi hình sẽ được sản xuất và khai thác thương mại và phải tính toán để thu một mức thù lao phù hợp. Mặt khác, rất khó cho người sử dụng bản ghi âm, ghi hình khi tìm kiếm và thỏa thuận với cùng lúc nhiều chủ thể như tác giả, người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình hoặc tổ chức phát sóng. Do khó khăn nên người sử dụng dễ có tâm lý mặc kệ, cứ sử dụng trước rồi xử lý sau nếu có chủ thể quyền khiếu nại hoặc khởi kiện. Vì vậy cách hiểu thứ hai dễ áp dụng và khả thi hơn, bởi người sử dụng chỉ cần thỏa thuận với một chủ thể duy nhất là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình hoặc tổ chức phát sóng. Điều này góp phần hạn chế hành vi xâm phạm, thúc đẩy sự dễ dàng và minh bạch trong hoạt động khai thác thương mại QTG, QLQ.

Thực tế, Luật SHTT đã đi theo cách hiểu thứ hai và loại bỏ bớt đối tượng được trả tiền bản quyền khi có tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình, đó là tác giả và chủ sở hữu QTG. Việc loại bỏ các chủ thể này xuất phát từ quan điểm chống lạm dụng QTG, bởi lẽ tác giả, chủ sở hữu QTG đã được nhận một khoản tiền bản quyền khi tác phẩm của họ được biểu diễn và ghi âm, ghi hình. Do đó, việc tác giả, chủ sở hữu QTG lại tiếp tục được nhận tiền bản quyền từ các tổ chức, cá nhân sử dụng bản ghi âm, ghi hình là bất hợp lý.

2.4.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về ngoại lệ và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Thứ nhất, pháp luật chưa quy định rõ thế nào là sao chép hợp lý một phần tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, CTPS và sử dụng hợp lý tác phẩm.

Quyền sao chép là một trong những độc quyền quan trọng nhất được trao cho chủ thể QTG, QLQ. Đây là quyền có vai trò quan trọng trong việc khai thác thương mại QTG, QLQ và là quyền thường bị xâm phạm nhất. Việc quy định rõ ràng về quyền sao chép là cơ sở để xử lý các hành vi xâm phạm, bảo vệ QTG, QLQ. Khoản 5 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP định nghĩa: “*Bản sao của tác phẩm là bản sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào*”. Theo điểm c Khoản 1 Điều 20 Luật SHTT, “*Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này*”.

Theo quy định tại các điểm b và c Khoản 1, Điều 25 và điểm c Khoản 1 Điều 32 Luật SHTT, việc sao chép hợp lý một phần tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, CTPS, sử dụng hợp lý tác phẩm (đáp ứng một số điều kiện nhất định) sẽ không phải xin phép và không phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu QTG, QLQ. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa đưa ra căn cứ để phân biệt thế nào là “hợp lý”, vì vậy, trên thực tế việc phân biệt hợp lý và không hợp lý hết sức khó khăn. Pháp luật không quy định mang tính định lượng để xác định trường hợp nào là sao chép hoặc sử dụng hợp lý. Việc thiếu vắng cơ sở pháp lý để phân định hai hành vi nêu trên, một bên là hành vi được phép, một bên là hành vi xâm phạm, khiến công tác xử lý xâm phạm và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ trên thực tế gặp khó khăn.

Thứ hai, quy định của pháp luật hiện hành về trích dẫn hợp lý tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS chưa rõ ràng và khó áp dụng.

Đối với QTG, trường hợp trích dẫn hợp lý tác phẩm truyền hình mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình, người trích dẫn không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao¹¹⁵. Theo quy định tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP, việc trích dẫn hợp lý tác phẩm CTTH phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề được đề cập trong tác phẩm của mình;

+ Phần trích dẫn từ tác phẩm được sử dụng để trích dẫn không gây phương hại đến QTG đối với tác phẩm được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của loại hình tác phẩm được sử dụng để trích dẫn.

+ Việc trích dẫn phải kèm theo chỉ dẫn về nguồn gốc tác phẩm và tên tác giả, nếu tên tác giả được nêu trên tác phẩm sử dụng để trích dẫn.

Tương tự như vậy, đối với QLQ, nếu trích dẫn hợp lý bản ghi âm, ghi hình các tác phẩm CTTH nhằm mục đích cung cấp thông tin, người trích dẫn không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao¹¹⁶, đồng thời, việc trích dẫn hợp lý nêu trên phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Phần trích dẫn chỉ nhằm mục đích giới thiệu, bình luận hoặc làm sáng tỏ vấn đề trong việc cung cấp thông tin;

+ Phần trích dẫn từ cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS không gây phương hại đến quyền của người biểu diễn, quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, quyền của tổ chức phát sóng đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS được sử dụng để trích dẫn; phù hợp với tính chất, đặc điểm của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, CTPS được sử dụng để trích dẫn.

Có thể thấy, các điều kiện trên đều mang tính định tính, dễ dẫn đến tranh cãi về việc trích dẫn có gây phương hại đến QTG, QLQ hay có phù hợp với tính chất, đặc điểm của CTTH được trích dẫn hay không. Mặt khác, trên thực tế, ngay

¹¹⁵ Điểm đ Khoản 1 Điều 25 Luật SHTT

¹¹⁶ Điểm c Khoản 1 Điều 32 Luật SHTT

cả khi trích dẫn mà không đáp ứng các yêu cầu trên, người trích dẫn vẫn có thể thực hiện việc trích dẫn mà không xin phép, và không trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ thể QTG, QLQ. Tranh chấp chỉ xảy ra nếu chủ thể quyền phát hiện ra việc trích dẫn không hợp lý đó và yêu cầu người trích dẫn xin phép hoặc trả tiền nhuận bút, thù lao. Theo nguyên tắc, để yêu cầu cơ quan nhà nước xử lý hành vi xâm phạm QTG hoặc yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi và bồi thường, chủ thể QTG, QLQ có nghĩa vụ chứng minh rằng việc trích dẫn không đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định 17/2023/NĐ-CP, do đó, cấu thành hành vi xâm phạm QTG, QLQ¹¹⁷.

Do đó, quy định về trích dẫn hợp lý như trên không những dễ dẫn đến tranh chấp, gây khó khăn cho chủ thể quyền QTG, QLQ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình xử lý xâm phạm và giải quyết tranh chấp, mà còn đặt ra gánh nặng bất hợp lý cho chủ thể QTG, QLQ bởi nghĩa vụ chứng minh việc trích dẫn có phải là trích dẫn hợp lý hay không.

2.5. Thực trạng pháp luật về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.5.1. Quy định về căn cứ chung xác định hành vi xâm phạm

Điều 64 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định hành vi bị xem xét bị coi là hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH, khi có đủ các căn cứ sau đây:

Thứ nhất, đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ QTG, QLQ đến QTG. Một CTTH dưới góc độ là đối tượng bảo hộ QTG, QLQ được pháp luật bảo hộ tự động mà không cần đăng ký. Bản thân CTTH không thuộc các trường hợp loại trừ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Luật SHTT thì chỉ cần mang tính sáng tạo nguyên gốc, được thể hiện ra bên ngoài dưới một hình thức nhất định sẽ được tự động bảo hộ QTG, QLQ.

Thứ hai, có yếu tố xâm phạm trong đối tượng bị xem xét. Yếu tố xâm phạm QTG có thể thuộc một trong các dạng sau đây: Bản sao tác phẩm truyền

¹¹⁷ Khoản 3 Điều 203 Luật SHTT

hình được tạo ra một cách trái phép; Tác phẩm phái sinh được tạo ra từ tác phẩm truyền hình đang được bảo hộ một cách trái phép; Tác phẩm truyền hình giả mạo tên, chữ ký của tác giả, mạo danh hoặc chiếm đoạt QTG; Phần tác phẩm truyền hình bị trích đoạn, sao chép, lắp ghép trái phép; Tác phẩm có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ QTG bị vô hiệu hoá trái phép. Yếu tố xâm phạm QLQ đối với CTTH có thể thuộc một trong các dạng sau đây: Bản sao bản định CTTH được tạo ra một cách trái phép; Một phần hoặc toàn bộ CTTH bị thu, giải mã và phân phối trái phép; CTTH có gắn thiết bị kỹ thuật bảo vệ QLQ bị vô hiệu hoá trái phép; bản định hình CTTH bị gỡ bỏ hoặc bị thay đổi một cách trái phép thông tin về quản lý QLQ. Ngoài ra, những sản phẩm có chứa yếu tố xâm phạm QTG hay QLQ đối với CTTH được liệt kê ở trên đều bị coi là sản phẩm xâm phạm QTG, QLQ.

Thứ ba, người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các trường hợp giới hạn, ngoại lệ QTG, QLQ. Như đã phân tích ở trên, những hành vi mặc dù thuộc độc quyền của chủ thể QTG, QLQ nhưng nếu thuộc các trường hợp giới hạn, ngoại lệ QTG, QLQ thì không cần phải xin phép, không cần phải trả tiền nhuận bút thù lao; hoặc không cần phải xin phép, chỉ phải trả tiền nhuận bút, thù lao thì cũng không bị coi là hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ tư, hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Hiện nay, với sự phát triển của nền công nghiệp 4.0, hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH xảy ra khá phổ biến trên mạng Internet. Pháp luật cũng hướng dẫn, quy định cụ thể hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên mạng internet nhưng nhằm vào người tiêu dùng hoặc người dùng tin tại Việt Nam.

2.5.2. Quy định về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Pháp luật đã quy định bằng cách liệt kê đầy đủ các hành vi xâm phạm QTG, QLQ nói chung tại Điều 28 và 35 Luật SHTT. Các quy định về hành vi xâm phạm QLQ đối với QTG đã được sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tính tương thích của pháp luật Việt Nam với Hiệp ước WPPT. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng không phải hành vi nào trong số các hành vi này cũng cấu thành hành vi xâm phạm QLQ. Cụ thể, những hành vi này chỉ bị xem là hành vi xâm phạm QLQ khi có các yếu tố xâm phạm và đối tượng bị xâm phạm là đối tượng đang được bảo hộ QLQ. Căn cứ để xác định QLQ được bảo hộ là giấy chứng nhận đăng ký QLQ do Cục Bản quyền tác giả cấp. Trường hợp quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng không được đăng ký thì những quyền này được xác định dựa trên các bằng chứng khác như bản gốc hoặc bản sao (trong trường hợp không có bản gốc) bản định hình đầu tiên của cuộc biểu diễn, bản ghi âm, bản ghi hình, CTPS.

Các hành vi xâm phạm quyền đối với CTTH trên internet được phân loại thành hai nhóm chính, bao gồm:

- Thứ nhất là nhóm các hành vi sao chép CTTH, sau đó đăng tải trên các website của chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm hoặc đăng tải lên các trang mạng xã hội lớn có nhiều khán giả tương tác, theo dõi. Ngoài ra, bản sao trái phép của CTTH còn có thể được đăng tải trên các website cung cấp dịch vụ lưu trữ trực tuyến (như Google Drive) hoặc các ứng dụng trên thiết bị di động và cho phép khán giả xem CTTH đó trực tuyến, đồng thời có thể chia sẻ CTTH đó với nhau thông qua mạng internet.

- Thứ hai là nhóm hành vi tiếp sóng, tái phát sóng CTTH vào cùng thời điểm chủ sở hữu đang thực hiện việc phát sóng CTTH đó. Việc tiếp sóng, tái phát sóng CTTH có thể được chủ thể xâm phạm thực hiện bằng cách đăng tải,

phát tán các liên kết cho phép khán giả xem trực tiếp CTTH trên các website, mạng xã hội, ứng dụng trên thiết bị di động.

2.5.3. Đánh giá thực trạng pháp luật về hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Trước đây, Luật SHTT quy định theo hướng liệt kê các hành vi xâm phạm QTG, QLQ khiến việc xử lý các hành vi xâm phạm bị hạn chế. Việc quy định về hành vi xâm phạm QTG, QLQ theo hướng liệt kê từng hành vi mặc dù có thể giúp việc xử lý các hành vi xâm phạm dễ dàng hơn do đã có mô tả chi tiết nhưng ngược lại, có thể sẽ không phản ánh hết các hành vi xâm phạm phát sinh trong thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh các hành vi xâm phạm ngày càng trở nên đa dạng và tinh vi hơn với sự hỗ trợ của khoa học, công nghệ. Để giải quyết vấn đề này, Luật SHTT đã quy định nhóm các hành vi xâm phạm dựa trên đối tượng và tính chất của từng nhóm hành vi. Việc quy định như vậy đã bao quát hầu hết tất cả mọi hành vi xâm phạm QTG trên thực tế, tạo ra căn cứ pháp lý vững chắc cho hoạt động xác định và xử lý hành vi xâm phạm.

Tuy nhiên, như đã phân tích, việc xác định hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH phụ thuộc vào bốn tiêu chí là đối tượng được bảo hộ, chủ thể quyền, ngoại lệ, giới hạn quyền. Việc còn tồn tại những bất cập của pháp luật liên quan tới những tới quy định này cũng chính là những khó khăn, vướng mắc trong việc xác định có hay không hành vi xâm phạm QTG, QLQ nói chung và đối với CTTH nói riêng.

2.6. Thực trạng pháp luật về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

2.6.1. Quy định về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

(1) Biện pháp tự bảo vệ

Theo quy định tại Điều 198 Luật SHTT, chủ thể quyền SHTT có thể sử dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:

Đối với việc bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH, Luật SHTT có sự sửa đổi đáng kể về phạm vi chủ thể được quyền áp dụng các biện pháp tự bảo vệ. Trước đây, Luật SHTT năm 2005 chỉ cho phép chủ thể quyền SHTT và tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT hoặc phát hiện hành vi xâm phạm quyền SHTT gây thiệt hại cho người tiêu dùng hoặc xã hội được thực hiện các biện pháp tự bảo vệ quyền quy định tại Khoản 1 Điều 198. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn, các chủ thể quyền thường có nhu cầu ủy quyền cho các tổ chức tư vấn pháp lý hoặc các tổ chức đại diện tập thể QTG, QLQ để thực hiện các quyền tự bảo vệ của mình. Hoặc trong trường hợp tác giả, chủ sở hữu QTG, QLQ qua đời, cần phải có một chủ thể khác được quyền áp dụng các biện pháp tự bảo vệ để ngăn chặn, chống lại hành vi xâm phạm. Để đáp ứng nhu cầu nói trên, hiện nay, Luật SHTT đã cho phép thêm hai chủ thể là người được chủ thể quyền ủy quyền và tổ chức, cá nhân được thừa kế QTG, quyền của người biểu diễn được áp dụng quyền tự bảo vệ.

Tuy nhiên, cần lưu ý là tổ chức, cá nhân được thừa kế QTG, quyền của người biểu diễn chỉ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm quy định tại khoản 4 Điều 19 và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Luật SHTT¹¹⁸. Quy định này không áp dụng đối với các quyền nhân thân còn lại của tác giả và người biểu diễn như quyền đặt tên, đứng tên trên tác phẩm của tác giả, quyền giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn của người biểu diễn. Có quan điểm cho rằng, pháp luật quy định người thừa kế chỉ có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm và quyền bảo vệ sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn là vì các quyền

¹¹⁸ Khoản 2 Điều 198 Luật SHTT

này có sự gắn bó mật thiết với các quyền tài sản¹¹⁹. Xét thấy, trong số các quyền tài sản của QTG thì quyền làm tác phẩm phái sinh là quyền tài sản có sự liên quan gần gũi nhất với quyền bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm. Khi một chủ thể thực hiện quyền làm tác phẩm phái sinh, ranh giới giữa việc tạo ra một tác phẩm mới dựa trên một tác phẩm sẵn có với việc xâm phạm sự toàn vẹn của tác phẩm sẵn có đó là rất mong manh, bởi việc tạo ra một tác phẩm phái sinh thường được thực hiện bằng cách sửa chữa, cải biên tác phẩm sẵn có.

(2) Biện pháp công nghệ

Biện pháp công nghệ bảo vệ quyền là biện pháp sử dụng bất kỳ kỹ thuật, công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào trong quá trình hoạt động bình thường có chức năng chính nhằm bảo vệ QTG, QLQ đối với hành vi thực hiện mà không được sự cho phép của chủ sở hữu QTG, chủ sở hữu QLQ¹²⁰. Chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH được áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đưa thông tin quản lý quyền hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHTT. Đây là cơ sở pháp lý cho việc xác định và xử lý các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Việc bổ sung quy định về khái niệm biện pháp công nghệ, biện pháp công nghệ hữu hiệu và thông tin quản lý quyền là cần thiết để đảm bảo sự hài hòa giữa quy định của pháp luật Việt Nam với các ĐUQT mà Việt Nam ký kết trong thời gian gần đây như CPTPP, EVFTA, WCT.

Điều 18.74, Điều 18.68 và Điều 18.69 CPTPP, Điều 12.12, Điều 12.13 và Điều 18.74. EVFTA, Điều 11 WCT đều đưa ra quy định về bảo vệ các biện pháp công nghệ (TPMs) và bảo vệ thông tin quản lý quyền (RMI). Đơn cử, theo EVFTA, biện pháp công nghệ có nghĩa là “*bất kỳ công nghệ, thiết bị hoặc linh kiện nào mà trong quá trình hoạt động bình thường của nó, được thiết kế nhằm*

¹¹⁹ Vũ Thị Hải Yến (2022), "*Những vấn đề mới về quyền tự bảo vệ trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam*", kỷ yếu hội thảo "Pháp luật sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0", Trường Đại học Luật Hà Nội

¹²⁰ Khoản 10b Điều 4 Luật SHTT

ngăn ngừa hoặc hạn chế các hành vi xâm phạm QTG hoặc QLQ đối với tác phẩm hoặc các đối tượng được bảo hộ khác theo quy định của luật pháp quốc gia”¹²¹. Bên cạnh đó, thông tin quản lý quyền được định nghĩa là "bất kỳ thông tin nào được cung cấp bởi các chủ thể quyền nhằm xác định tác phẩm hoặc các đối tượng được bảo hộ khác, tác giả hoặc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ khác, hoặc thông tin về các điều khoản và điều kiện sử dụng tác phẩm hoặc các đối tượng bảo hộ khác, và bất kỳ con số hoặc mã số nào thể hiện các thông tin đó”¹²².

Điểm a Khoản 1 Điều 198 cũng được sửa đổi, theo đó, chủ thể QTG, QLQ có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, gỡ bỏ và xóa nội dung vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại. Có thể thấy các quy định này được thiết kế riêng cho việc bảo vệ QTG, QLQ nói chung và QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng trong môi trường số, đặc biệt là trong môi trường Internet.

(3) Biện pháp hành chính

Biện pháp hành chính được quy định tại Khoản 1 Điều 214 Luật SHTT, theo đó, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH bị buộc phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bị áp dụng hình thức xử phạt chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo quy định tại Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về QTG, QLQ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ, Nghị định 129/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Một hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH có thể bị xử lý hành chính nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

¹²¹ Khoản 4 Điều 12.12 Hiệp định EVFTA

¹²² Khoản 4 Điều 12.13 Hiệp định EVFTA

- Xâm phạm quyền SHTT gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội

- Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo về SHTT hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này

Một trong số những ưu điểm của biện pháp hành chính là được áp dụng bởi cơ quan có thẩm quyền và được đảm bảo thực thi bằng quyền lực nhà nước. Do đó, so với biện pháp dân sự, các biện pháp hành chính đảm bảo việc thực thi một cách nhanh chóng và hữu hiệu, có tính răn đe cao, kịp thời ngăn chặn các hành vi xâm phạm. Tuy nhiên, khi áp dụng biện pháp hành chính, đối tượng thực hiện hành vi xâm phạm chỉ chịu trách nhiệm với nhà nước, không chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ thể có quyền bị xâm phạm. Do đó, các biện pháp hành chính không nhằm mục đích bù đắp cho những thiệt hại mà chủ thể quyền phải gánh chịu do hành vi xâm phạm gây ra. Trong khi đó, biện pháp dân sự mặc dù mất nhiều thời gian và phức tạp hơn, tính cưỡng chế cũng không cao như biện pháp hành chính hay hình sự, nhưng chủ thể quyền được bù đắp và bồi thường những thiệt hại cả về vật chất và tinh thần mà mình phải gánh chịu.

(4) Biện pháp hình sự

Liên quan đến các biện pháp hình sự nhằm bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH, Hiệp định TRIPS yêu cầu các quốc gia thành viên phải quy định về chế tài hình sự và thủ tục để áp dụng chế tài hình sự đối với các hành vi xâm phạm QTG với quy mô thương mại. So với Hiệp định TRIPS, Hiệp định CPTPP đặt ra tiêu chuẩn cao hơn liên quan đến việc áp dụng các biện pháp hình sự đối với hành vi xâm phạm QTG, QLQ. Cụ thể, ngoài hành vi xâm phạm QTG với quy mô thương mại, các hành vi “*không phải thực hiện để đạt được lợi ích thương mại hoặc thu lợi tài chính, nhưng có gây hại một cách đáng kể tới lợi ích của chủ thể QTG hoặc QLQ liên quan đến thị trường*” cũng là đối tượng của các chế tài hình sự theo yêu cầu của CPTPP¹²³. Đặc biệt, không chỉ hành vi xâm phạm

¹²³ Điểm b Khoản 1 Điều 18.77 Hiệp định CPTPP

QTG, QLQ mà các hành vi giúp sức hoặc xúi giục cũng phải chịu trách nhiệm hình sự¹²⁴. Ngoài ra, đối với tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, CPTPP quy định thêm hai hành vi phải chịu chế tài hình sự là (i) sản xuất, lắp ráp, chỉnh sửa, xuất/nhập khẩu, bán, cho thuê, hoặc phân phối thiết bị mà mình biết hoặc buộc phải biết rằng thiết bị đó được dùng để hỗ trợ việc giải mã hoặc tiếp nhận tín hiệu vệ tinh hoặc cáp mang chương trình đã được mã hóa, và (ii) Cố ý tiếp nhận hoặc tiếp tục phân phối tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hóa khi biết rằng các tín hiệu này đã bị giải mã mà không được phép của nhà phân phối hợp pháp các tín hiệu này¹²⁵.

Pháp luật Việt Nam quy định về biện pháp hình sự tại Điều 212 Luật SHTT, theo đó, cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện hành vi xâm phạm QTG, QLQ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hình sự. So với quy định trước đó, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT đã bổ sung pháp nhân thương mại là chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi xâm phạm QTG. Đối với QTG, QLQ, Điều 225 Bộ luật Hình sự quy định *“người nào không được phép của chủ thể QTG, QLQ mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sao chép hoặc phân phối đến công chúng bản sao của tác phẩm, bản ghi âm, bản ghi hình, xâm phạm QTG, QLQ đang được bảo hộ tại Việt Nam thì tùy thuộc vào quy mô thương mại của hành vi, số tiền thu lợi bất chính hoặc mức độ thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm, thì có thể bị phạt tiền đến 1 tỷ đồng hoặc phạt tù đến 03 năm”*¹²⁶. Trách nhiệm hình sự đối với các hành vi trên còn được áp dụng với pháp nhân thương mại, theo đó, mức phạt cao nhất là 3 tỷ đồng và đình chỉ hoạt động đến 2 năm.

Các biện pháp bảo vệ QTG có thể được áp dụng riêng rẽ hoặc đồng thời. Theo đó, biện pháp tự bảo vệ, biện pháp dân sự có thể được áp dụng đồng thời

¹²⁴ Khoản 5 Điều 18.77 Hiệp định CPTPP

¹²⁵ Điều 18.79 Hiệp định CPTPP

¹²⁶ Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017

với nhau hoặc áp dụng đồng thời với biện pháp hành chính hoặc hình sự. Nguyên nhân xuất phát từ quan điểm khi thực hiện hành vi xâm phạm QTG, QLQ, chủ thể thực hiện hành vi đã cùng lúc xâm phạm quyền dân sự của chủ thể khác và vi phạm các quy định của pháp luật do nhà nước thiết lập để đảm bảo trật tự xã hội. Tuy nhiên, biện pháp hành chính và hình sự lại không thể được áp dụng đồng thời, do các biện pháp này cùng được thực thi bởi quyền lực nhà nước, việc áp dụng đồng thời sẽ vi phạm nguyên tắc một hành vi vi phạm pháp luật không thể bị xử phạt hai lần.

(5) Biện pháp dân sự

Biện pháp dân sự là các biện pháp được Tòa án áp dụng để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm QTG, QLQ theo quy định tại Khoản 1 Điều 202 Luật SHTT, bao gồm:

- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
- Buộc xin lỗi, cải chính công khai;
- Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- Buộc bồi thường thiệt hại;
- Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.

2.6.2. Đánh giá thực trạng pháp luật về các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Luật SHTT đã bổ sung Điều 198b quy định về trách nhiệm pháp lý về QTG, QLQ đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian. Theo đó, Điều 198b đã đưa ra định nghĩa ISP tại Khoản 1, phù hợp với quy định tại Điều 18.81 CPTTP, đồng thời, Khoản 2 quy định trách nhiệm của ISP phải phối hợp không chỉ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà còn với các chủ thể quyền để

thực thi các biện pháp bảo vệ QTG, QLQ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet. Ngoài ra, Khoản 3 Điều 198b cũng đã liệt kê các trường hợp ISP được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm QTG, QLQ trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ của mình. Các quy định nêu trên được đặt ra nhằm đáp ứng các nhu cầu thực tiễn về bảo vệ QTG, QLQ trong môi trường số và bảo đảm thực thi các cam kết của Việt Nam về trách nhiệm của ISP trong hoạt động bảo hộ QTG, QLQ được quy định trong CPTPP và EVFTA. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn tồn tại một số bất cập sau:

- Thứ nhất, quy định hiện hành về các biện pháp bảo vệ QTG, QLQ chưa đủ hiệu quả để xử lý và khắc phục hậu quả của các hành vi xâm phạm quyền đối với CTTH.

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ truyền hình hiện đại, thực tế cho thấy các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với các CTTH thường xảy ra với quy mô lớn và tốc độ hết sức nhanh chóng, đặc biệt là trong môi trường kỹ thuật số như trên mạng Internet và trên sóng truyền hình.

Khi phát hiện có hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH của mình, chủ thể quyền có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm hoặc khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài¹²⁷. Khi đó, chủ thể quyền có nghĩa vụ phải cung cấp chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm quyền¹²⁸. Các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH trên mạng Internet và trên sóng truyền hình có thể được thực hiện và được kết thúc hoặc xóa bỏ bởi người xâm phạm một cách hết sức nhanh chóng, đặc biệt là đối với các CTTH trực tiếp. Vì vậy, nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm quyền tương đối khó khăn với chủ thể QTG, QLQ.

¹²⁷ Điểm c và d Khoản 1 Điều 198 Luật SHTT

¹²⁸ Khoản 3 Điều 203 Luật SHTT

Hơn nữa, ngay cả khi có thể cung cấp được chứng cứ, việc yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm hoặc khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài không có nhiều ý nghĩa hay hiệu quả đối với việc ngăn chặn và khắc phục hậu quả của hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Nguyên nhân xuất phát từ việc CTTH, đặc biệt là các CTTH trực tiếp hay chương trình tin tức thường mang tính thời sự như đã đề cập trên đây. Vì vậy, ngay sau khi được công bố lần đầu tiên đến công chúng, giá trị thương mại của CTTH đã có thể bị giảm sút đáng kể, trong khi việc nộp đơn yêu cầu hoặc khởi kiện và chờ đợi quyết định của cơ quan nhà nước hoặc bản án của Tòa án mất rất nhiều thời gian và chi phí. Khi cân nhắc bài toán này, nhiều chủ thể quyền sẽ bỏ qua hành vi xâm phạm.

- Thứ hai, quy định hiện hành về xác định mức bồi thường thiệt hại vật chất gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT chưa phù hợp để xác định thiệt hại gây ra do hành vi xâm phạm quyền đối với CTTH.

Theo quy định của Luật SHTT hiện hành, khi có yêu cầu bồi thường thiệt hại gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT, chủ thể quyền có nghĩa vụ chứng minh thiệt hại thực tế đã xảy ra và nêu căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại¹²⁹. Theo đó, các căn cứ để tính mức bồi thường bao gồm¹³⁰:

(i) Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất;

(ii) Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;

¹²⁹ Khoản 6 Điều 203 Luật SHTT

¹³⁰ Khoản 1 Điều 205 Luật SHTT

(iii) Thiệt hại vật chất theo các cách tính khác do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật;

(iv) Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ trên thì mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng không quá năm trăm triệu đồng.

- Thứ ba, phạm vi áp dụng giả định QTG, QLQ còn hạn chế

Theo quy định tại Điều 198a Luật SHTT, giả định về QTG, QLQ chỉ được áp dụng trong thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và tố tụng hình sự về QTG và QLQ. Tuy nhiên, trên thực tế, giả định QTG, QLQ còn có thể được áp dụng trong nhiều trường hợp khác như khi chuyển giao QTG, QLQ. Mặt khác, quy định về giả định QTG cũng đã được quy định tại Điều 15 Công ước Bern, nhưng với phạm vi áp dụng rộng hơn. Theo đó, để được thừa nhận là tác giả của các tác phẩm văn học và nghệ thuật, nếu không có bằng chứng ngược lại, tác giả chỉ cần ghi tên mình trên tác phẩm theo như thông lệ.

Như vậy, theo Công ước Bern, giả định QTG áp dụng kể từ khi tác phẩm được công bố mà không có bất kỳ một giới hạn phạm vi áp dụng nào¹³¹. Việc giới hạn phạm vi áp dụng giả định về QTG, QLQ trong thủ tục tố tụng dân sự, tố tụng hành chính và tố tụng hình sự là không cần thiết và kém linh hoạt. Giới hạn phạm vi áp dụng nêu trên nên được loại bỏ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và bảo hộ QTG, QLQ.

¹³¹ Nguyễn Văn Nam, “QTG - đường hội nhập không trái hoa hồng”, Nhà xuất bản Trẻ năm 2016, tr. 437

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong nội dung chương 2, NCS đã tập trung nghiên cứu thực trạng các quy định của pháp luật hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Nội dung nghiên cứu mở rộng đến tất cả các vấn đề của QTG, QLQ trong Luật SHTT Việt Nam và các Nghị định hướng dẫn liên quan: từ đối tượng được bảo hộ, chủ thể được hưởng sự bảo hộ cho đến nội dung, giới hạn của quyền. Ở mỗi vấn đề, ngoài phân tích nội dung quy định của pháp luật, NCS còn có phần đánh giá riêng, lồng ghép so sánh với các quy định của các ĐUQT cũng như pháp luật của các quốc gia phát triển.

Luận án đã phân tích và chỉ ra những bất cập trong quy định của Pháp luật SHTT Việt Nam hiện nay liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ về đối tượng, chủ thể, nội dung, ngoại lệ, giới hạn quyền đến các hành vi xâm phạm cũng như biện pháp bảo vệ quyền.

Những kết quả đánh giá, phân tích của chương 2 sẽ là cơ sở để nhìn nhận thực tiễn áp dụng pháp luật trong bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong giai đoạn phát triển tới của đất nước.

CHƯƠNG 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH TẠI VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

3.1. Thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình ở Việt Nam

Trong tất cả các lĩnh vực bị xâm phạm bản quyền thì bản quyền truyền hình khiến nhiều quốc gia đau đầu giải quyết nhất bởi mức độ vi phạm càng ngày càng tăng theo cấp số nhân. Cũng cần phải nói rằng, trong quá trình nghiên cứu luận án, nghiên cứu sinh đã gặp phải rất nhiều khó khăn khi tìm hiểu thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, do các hợp đồng chuyển nhượng bản quyền CTTH với các điều khoản liên quan đến quyền và lợi ích của các bên hay các hồ sơ về tranh chấp trong lĩnh vực này thường là tài liệu bảo mật của các đài truyền hình. Việc cung cấp tài liệu về bản quyền cho một cá nhân hay tổ chức khác tồn tại rất nhiều rủi ro về việc lộ thông tin dẫn đến những thiệt hại to lớn về vật chất và tinh thần cho cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng bản quyền. Bản thân chính các chủ thể nắm QTG, QLQ đối với CTTH là những chủ thể luôn am hiểu pháp luật, luôn chấp hành pháp luật, luôn mong muốn sử dụng pháp luật và áp dụng pháp luật để quyền lợi của mình được đảm bảo chính đáng, tránh những thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra. Tuy nhiên, trên thực tế hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH diễn ra rất phổ biến, vì vậy phần này NCS chủ yếu đi vào thực tiễn liên quan đến hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH

3.1.1. Thực tiễn xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Với sự phát triển của các nền tảng truyền thông số, mạng xã hội, dịch vụ phát nội dung online (streaming), vấn đề vi phạm bản quyền CTTH trên không gian mạng xảy ra khá phổ biến và nghiêm trọng. Theo nghiên cứu gần đây nhất, Việt Nam dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về vi phạm bản quyền trên môi trường

số¹³². Trong đó, Đài truyền hình quốc gia VTV là một trong những đơn vị bị xâm phạm bản quyền nhiều nhất, phim truyền hình chiếm tỷ lệ đáng kể, bên cạnh các nội dung thể thao, gameshow hay tin tức thời tiết. Tình trạng này khiến các nhà sản xuất gặp thiệt hại không nhỏ. "Việc vi phạm bản quyền đem đến sự thất thu lớn cho Đài truyền hình Việt Nam. Tại Đài truyền hình Việt Nam, ngoài phát sóng trên hạ tầng TV truyền thống thì chúng tôi cũng đang cố gắng phát sóng trên các nền tảng số", đạo diễn Khải Anh - Phó Giám đốc Trung tâm Phim Truyền hình, Đài Truyền hình Việt Nam chia sẻ.

"Từ khi có việc xem video trên các nền tảng MXH thì tình trạng vi phạm bản quyền của Đài THVN diễn ra nhiều và nghiêm trọng, trải dài trên nhiều thể loại chương trình khác nhau, càng ngày tỷ lệ vi phạm càng tăng, rất khó đong đếm được thiệt hại", ông Nguyễn Thanh Vân - Phó Trưởng Ban Kiểm tra, Đài Truyền hình Việt Nam - cho biết thêm.



Nguồn: <https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri/vi-pham-ban-quyen-phim-truyen-hinh-kho-xu-ly-vi-quy-trinh-20220912121259725.htm> truy cập ngày 12/10/2023

¹³² <https://vtv.vn/van-hoa-giai-tri/vi-pham-ban-quyen-phim-truyen-hinh-kho-xu-ly-vi-quy-trinh-20220912121259725.htm> truy cập ngày 12/10/2022

Ngày 14/11/2022, kênh VTV24 vừa đưa tin về trường hợp trang mạng xã hội “Vũ trụ phim ảnh VTV” sử dụng hình ảnh các bộ phim, diễn viên của Trung tâm Phim truyền hình (VFC) thuộc Đài truyền hình Việt Nam (VTV) để tổ chức “Giải bình chọn phim và diễn viên yêu thích của cư dân mạng” mà chưa xin phép cả VFC và VTV. Chương trình bình chọn có cắt ghép, sử dụng video trong đoạn phim như *Thương ngày nắng về*, *Bão ngầm*.... và một loạt hình ảnh của các diễn viên quen thuộc của VFC như Đình Tú, Thanh Sơn, Hồng Diễm trong các hạng mục đề cử¹³³, đây chính là hành vi xâm phạm QTG, QLQ theo pháp luật hiện hành như đã phân tích ở chương 2.

Nói về thực trạng xâm phạm bản quyền của Đài truyền hình Việt Nam, ông Nguyễn Thanh Vân - Phó trưởng Ban Kiểm tra, Đài truyền hình Việt Nam cho biết, rất nhiều đơn vị sử dụng CTTH của Đài truyền hình Việt Nam mà không xin phép, thỏa thuận. Khi tiếp phát sóng chương trình của Đài truyền hình Việt Nam, nhiều nơi đã tự ý cắt quảng cáo hoặc chèn quảng cáo của mình vào. Các CTTH đặc sắc như *The voice*, *Đồ rê mí*, *Gặp nhau cuối năm*..., VTV đã phải mất chi phí bản quyền và sản xuất cực kỳ tốn kém, nhưng bị sao chép và phát tràn lan trên Internet thậm chí in thành băng đĩa bán trên thị trường.

Theo ông Vân, các chương trình gameshow, thể thao, phim truyền hình đang tràn ngập là "nạn nhân" của vấn nạn vi phạm bản quyền trên môi trường số. Theo đó, những bộ phim truyền hình bị xé nhỏ, cắt vụn, cùng ghi chú gây sốc để câu view. Hiện tại có khoảng 200 trang web chiếu phim vi phạm bản quyền, với hàng trăm triệu lượt xem mỗi năm, thu lợi bất chính hàng trăm tỷ đồng từ tiền quảng cáo. Để đối phó với các cơ quan quản lý nhà nước, tội phạm liên tục nghĩ ra nhiều hình thức mới để đánh cắp bản quyền như livestream, streaming và loại hình mới nhất là review phim.

¹³³ <https://thelader.vn/hinh-anh-cua-vtv-bi-xam-pham-ban-quyen-nghiem-trong-1668525344072.htm> truy cập ngày 8/12/2023

Ở lĩnh vực thể thao, tất cả các giải thể thao trên thế giới đều có thể được xem lậu qua gần trăm trang web vi phạm bản quyền. Tính riêng giải Ngoại hạng Anh, trong quý đầu năm 2023 đã có hơn 4 triệu lượt xem lậu tại Việt Nam. Ông Vân cho biết: "Một hình thức tảo tợn xuất hiện những ngày gần đây, là tội phạm còn tấn công vào trang web của cơ quan nhà nước, để kết nối tới các trang cá độ bóng đá".

"Các nội dung của VTV bị vi phạm bản quyền, đăng tải lậu bởi rất nhiều trang xem video hằng ngày, hằng giờ. Các cá nhân làm clip chèn logo cũng như nội dung video của VTV để tạo niềm tin, quảng cáo thuốc đông y và ứng dụng cá cược, không chỉ là thiệt hại nặng nề về vật chất, mà còn ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Đài. VTV từng bị các đối tác sở hữu bản quyền phát sóng các chương trình giải trí, thể thao hấp dẫn từ chối đàm phán chuyển nhượng vì không thể ngăn chặn hiệu quả việc vi phạm bản quyền", ông Vân nhấn mạnh¹³⁴.

Có thể nói vi phạm bản quyền trên Internet diễn ra trong một thời gian khá dài và ở mức đáng báo động. Nhiều hội thảo liên quan đến giải pháp chống xâm hại bản quyền trên Internet đã được tổ chức trong vài năm gần đây. Nhưng trên thực tế các trường hợp vi phạm bị xử phạt không đáng kể, thậm chí rất ít các đơn vị sở hữu quyền lên tiếng khi mà tác phẩm mà họ nắm quyền bị xâm hại. Mạng xã hội HDonline.vn cũng bị Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử xử phạt 30 triệu đồng về hai hành vi vi phạm: Thực hiện không đúng giấy phép thiết lập mạng xã hội và vi phạm bản quyền phim của hãng TVB (Hồng Kông). Trong tháng 7/2018, HDonline cũng đã bị hai công ty K+ và BHD tố cáo lên Cục Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử vì hành vi vi phạm bản quyền phim. Cụ thể, HDonline đã vi phạm 4 bộ phim mà K+ giữ độc quyền phát sóng bao gồm: Happiness for sale, Hot Young Bloods, The Con Artists,

¹³⁴ <https://hoinhobao.vn/Tran-lan-vi-pham-ban-quyen-tren-moi-truong-so-That-thoat-doanh-thu-uy-tin-giam-sut-bv-54890> truy cập ngày 12/10/2023

Memories of the sword. Hdonline vi phạm bản quyền bộ phim “Không lối thoát hiểm” mà BHD đang giữ bản quyền.

Như vậy, có thể thấy: mặc dù chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH đã có ý thức về việc chấp hành pháp luật và bảo vệ quyền của mình nhưng tình trạng vi phạm bản quyền về QTG, QLQ đối với CTTH là rất lớn. Đặc biệt bối cảnh công nghệ số đang ngày càng phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho những hành vi vi phạm bản quyền CTTH trên không gian số. Mặc dù Luật SHTT đã có những quy định khá cụ thể về bảo hộ QTG, QLQ, nhưng, thực tiễn cho thấy việc áp dụng các quy định này trong giải quyết tranh chấp QTG, QLQ nói chung, QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng không hề đơn giản. Có thể dẫn ra một số vụ tranh chấp điển hình như sau:

***(1) Vụ tranh chấp giữa nhà sản xuất Gạo nếp gạo tẻ với FPT (2018)*¹³⁵**

- Nhà sản xuất phim Gạo nếp gạo tẻ (Công ty Cổ phần DID TV) khởi kiện FPT đến Tòa án nhân dân quận 3, TP.HCM. Theo đó, FPT đã sao chép lưu trữ và khai thác 76 tập của Gạo nếp gạo tẻ dưới hình thức xem phim theo yêu cầu trên hệ thống dịch vụ truyền hình trả tiền IPTV của mình mà không có bất kỳ thỏa thuận nào với nhà sản xuất:

- Ngày 22/10/2018, DID TV gửi công văn đến FPT, để cảnh báo về hành vi vi phạm, đề nghị FPT tham gia họp để giải quyết vụ việc.

- Ngày 30/10/2018, FPT vẫn không có bất kỳ động thái hợp tác tích cực nào và tiếp tục vi phạm.

- Ngày 15/11/2018, FPT có công văn xác nhận, cam kết không khai thác phim "Gạo nếp gạo tẻ", đề nghị DID TV cấp phép khai thác với mức phí bản quyền 250 triệu đồng. Đại diện DID TV khẳng định mức này quá thấp so với bản quyền thương mại "Gạo nếp gạo tẻ" và cũng không cho thấy thiện chí đền bù tổn thất hành vi xâm phạm bản quyền đã gây ra.

¹³⁵ <https://m.baophapluat.vn/vi-pham-ban-quyen-gao-nep-gao-te-fpt-bi-doi-boi-thuong-hon-9-ty-dong-post294316.html> truy cập ngày 15/11/2019

- Thái độ bất hợp tác và đưa ra mức phí bản quyền của FPT Telecom đối với 76 tập phim của Gạo Nếp Gạo Tẻ khiến nhà sản xuất không hài lòng. Đó là lý do chính khiến họ không thể tiếp tục nhân nhượng và đề đơn kiện với số tiền bồi thường đề nghị lên đến 9.120.000.000 đồng (9 tỷ 120 triệu đồng) cho 76 tập phim.

(2) Next Media khởi kiện một số đơn vị kinh doanh truyền hình trả tiền tại VN vì vi phạm bản quyền AFF Suzuki Cup (2018)¹³⁶

- Bản quyền truyền hình AFF Cup 2018 tại Việt Nam được hai đơn vị mua là VTV và Next Media:

+) Hợp đồng của VTV bao gồm: "VTV được cấp phép quyền sản xuất, khai thác, sử dụng độc quyền trên kênh truyền hình mặt đất miễn phí của VTV và tiếp phát nguyên vẹn tín hiệu kênh chương trình trên cáp, vệ tinh, IPTV, Internet và di động (không bao gồm trên mạng xã hội); quyền không độc quyền khai thác tư liệu để sản xuất chương trình bên lề và tin tức; không được quyền cấp lại quyền cho đơn vị thứ ba".

+) Next Media: sở hữu bản quyền truyền hình trên hệ thống truyền hình trả tiền (Pay TV). Hợp đồng mà Next Media mua lại từ Lagardere Sports bao gồm các quyền như: "Độc quyền và quyền được phép phân phối lại cho đơn vị thứ ba trên toàn bộ các hệ thống Pay TV gồm hạ tầng: vệ tinh, cáp, IPTV, OTT, Internet, mạng di động và cả quyền trình chiếu công cộng trên lãnh thổ VN".

- Ngày 8/11/2018 AFF Cup khởi tranh, VTV phát sóng giải đấu trên hai kênh quảng bá VTV5, VTV6. Trong khi đó, Next Media đạt được thỏa thuận phát sóng chính thức giải đấu trên hai kênh truyền hình trả tiền: Bóng đá TV, Thể thao TV (VTVcab), VTC3 (thuộc VTC).

+) Thế nhưng điều gây tranh chấp là các kênh VTV5, VTV6 của VTV lại có trên gói kênh của các đơn vị Pay TV như: VTVcab, K+, SCTV, Mytv, AVG...

¹³⁶ <https://thanhnien.vn/kenh-youtube-cua-vtv-bi-cham-dut-do-vi-pham-ban-quyen-185542141.htm> truy cập ngày 15/11/2019

+) 8/11/2018, một số đơn vị như K+, Mytv... đã chủ động khóa sóng AFF Cup trên VTV5 và VTV6. Trong khi đó, một số đơn vị Pay TV khác được xác định vẫn phát sóng AFF Cup trên hai kênh VTV6, VTV5 của VTV. Theo Next Media, như vậy là vi phạm bản quyền.

+) Theo văn bản mà Trung tâm Quảng cáo và dịch vụ truyền hình - TVAd (VTV) gửi đến các đối tác của mình về bản quyền AFF, TVAd khẳng định điều ngược lại. Phó giám đốc TVAd, cho biết: "Bên cạnh việc phát sóng AFF Suzuki Cup 2018 trên hạ tầng của đài bao gồm hệ thống truyền hình mặt đất và Internet, tới nay, TVAd đã làm việc và ký kết văn bản thỏa thuận việc tiếp phát sóng AFF Cup 2018 trên kênh VTV qua các hệ thống truyền hình tuân thủ đúng hợp đồng bản quyền đã ký với Lagardere Sports, bao gồm: VTVcab, SCTV, FPT, VNPT, Viettel, VEGA, AVG, VTC.

- VTV khẳng định, cam kết và chịu trách nhiệm đối với:

+ Việc tiếp phát sóng nêu trên thuộc quyền mà VTV sở hữu tại lãnh thổ VN đối với AFF Cup 2018

+ Các đơn vị sở hữu hệ thống truyền hình nêu trên có trách nhiệm thực hiện tiếp sóng AFF Cup 2018 trên kênh VTV tuân thủ những văn bản đã ký kết với TVAd".

(3) Vụ tranh chấp giữa FPT và Pops world wide (2019)¹³⁷

- Tháng 05/2019, POPS World Wide gửi hồ sơ khởi kiện Công ty CP Viễn thông FPT (FPT Telecom) lên TAND Q10 (TP.HCM) yêu cầu truyền hình FPT Telecom bồi thường thiệt hại 15 triệu USD (hơn 350 tỷ đồng Việt Nam) do có hành vi xâm phạm bản quyền nội dung số của POPS.

- Theo POPS, truyền hình FPT đã xâm phạm nghiêm trọng và cố ý nhằm thu lợi trái phép nội dung thuộc sở hữu của mình, cũng như hơn 1.800 nội dung mà đối tác của công ty được cấp phép. Phía POPS cho biết đây không phải là lần

¹³⁷ <https://dantri.com.vn/suc-manh-so/pops-tung-bang-chung-to-truyen-hinh-fpt-co-y-vi-pham-ban-quyen-tu-lau-20190528084606486.htm>

đầu tiên FPT sử dụng trái phép các sản phẩm của POPS, nên hành vi này hoàn toàn cố ý. Đặc biệt, FPT còn xóa nhãn hiệu, tên thương mại POPS khỏi các Logo được gắn trên các nội dung này như “POPS Kids”, “POPS Baby”, “POPS UP” và thay vào đó là nhãn hiệu FPT:

+) POPS cho biết, ngày 9/5/2019, POPS và FPT đã có buổi trao đổi về vấn đề v trên. "Trong cuộc họp, đại diện FPT đã thừa nhận hành vi xâm phạm quyền SHTT của POPS. Ngoài ra, phía FPT cũng bày tỏ mong muốn trao đổi để khắc phục sự việc này". POPS cũng cho rằng, trong cuộc họp trên, hai bên đã thống nhất, FPT phải trao trả chi phí nội dung mà POPS đã chi trả để sản xuất, mua bản quyền, chi phí về quyền sở hữu trí tuệ... cho tất cả các nội dung bị FPT xâm phạm, cùng toàn bộ doanh thu mà FPT thu được từ việc kinh doanh trái phép các nội dung của POPS và đối tác. Đồng thời bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHTT của FPT gây ra cho POPS.

+) Phía FPT khẳng định không xâm phạm bản quyền như POPs cáo buộc trong cuộc họp ngày 9/5. Các bằng chứng POPS đưa ra là thiếu căn cứ. Biên bản làm việc ghi nhận là một chiều. Thời điểm POPs đề cập, trên hệ thống Truyền hình FPT không có sản phẩm nào của POPs.

- Sau đó, phía FPT cũng tố POPS xâm phạm quyền tác giả của FPT. FPT cho biết, đơn vị này được cấp quyền sử dụng, khai thác độc quyền và thực thi bảo vệ quyền tác giả của Công ty TNHH Sự kiện truyền thông Phúc Lâm. Khoảng 2 năm gần đây, truyền hình FPT phát hiện thấy POPS đã sao chép, sử dụng và truyền đạt tới công chúng một số tác phẩm thuộc quyền sở hữu của truyền thông Phúc Lâm thông qua mạng xã hội Youtube và ứng dụng POPS trên điện thoại có kèm quảng cáo.

3.1.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật trong xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Tình trạng các tổ chức, cá nhân vi phạm bản quyền QTG, QLQ đối với CTTH của VTV nói riêng hay các Đài truyền hình khác nói chung là cực kì

ng nghiêm trọng. Tuy nhiên, hầu các đối tượng vi phạm vẫn chưa bị áp dụng một chế tài xử phạt trên các nền tảng hoặc về mặt pháp lí. Việc xử lí các trường hợp vi phạm còn chưa đủ nghiêm khắc và toàn diện, còn tồn tại nhiều sai phạm. Điều này đòi hỏi VTV cần chủ động đầu tư các công cụ rà quét hiện đại và xây dựng đội ngũ nhân sự giàu chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực SHTT. Đồng thời, đặt ra yêu cầu phải xử lí nghiêm khắc từ cơ quan quản lí Nhà nước và sự nỗ lực của các các ISP¹³⁸. Hiện nay VTV đang chủ động áp dụng hệ thống thiết bị tự động rà soát, đánh chặn hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH trên mạng xã hội (Control Management System – CMS). Bên cạnh đó, VTV đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm nâng cao ý thức pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH của xã hội trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội nói chung và trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, truyền hình nói riêng. Đồng thời, thông qua hoạt động tuyên truyền chung trên truyền hình, các cơ quan chức năng Nhà nước sẽ phải tăng cường hoạt động giám sát, xử lí vi phạm. Sự nghiêm khắc của các cơ quan Nhà nước sẽ là biện pháp răn đe hữu hiệu khiến những đối tượng vi phạm chùn tay. Trong điều kiện đó, các đơn vị chức năng của Đài cần có kế hoạch tăng cường rà soát, xác minh và xử lí nghiêm các hành vi vi phạm quyền SHTT của Đài. Khi phát hiện vi phạm, bước đầu tiên là nhanh chóng có văn bản nhắc nhở, yêu cầu chấm dứt vi phạm và cảnh báo việc xử lí. Đối với những đối tượng cố tình trây ỳ, Đài sẽ phối hợp với các cơ quan quản lí Nhà nước để tiến hành thanh tra, xử lí hành chính. Đặc biệt, với những vụ việc nghiêm trọng, tính chất vi phạm ở quy mô thương mại thì có thể kiến nghị và phối hợp với cơ quan công an để xem xét khởi tố theo Luật Hình sự. Việc tăng cường kiểm tra, xử lí vi phạm quyền SHTT của Đài sẽ đạt hiệu quả cao hơn khi kết hợp chặt chẽ với hoạt động tuyên truyền trên báo chí. Đây cũng chính là thế mạnh của VTV. Sự tăng cường ý thức pháp luật của xã hội nói chung và việc tuyên truyền, nêu gương vi phạm, tạo dư

¹³⁸ <https://baomoi.com/tran-lan-vi-pham-ban-quyen-tren-moi-truong-so-that-thoat-doanh-thu-uy-tin-giam-sut-c47034418.eji> truy cập ngày 3/12/2023

luận tẩy chay các sản phẩm vi phạm bản quyền của Đài sẽ góp phần bảo vệ quyền SHTT của Đài một cách hiệu quả¹³⁹.

Các biện pháp kỹ thuật đã và đang được áp dụng để ngăn chặn vi phạm bản quyền số là Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử phối hợp cùng Cục An toàn thông tin và các chủ sở hữu bản quyền phát hiện web, xác minh điều tra các nội dung vi phạm và gửi yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) thực hiện ngăn chặn việc người dùng Internet Việt Nam truy cập vào. Khi đó, người dùng ở Việt Nam sử dụng smartphone, máy tính sẽ không truy cập được website vi phạm; nhưng người ở nước ngoài vẫn truy cập được.

Theo thống kê, từ tháng 8/2022 - 8/2023, Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử đã phối hợp với Cục An toàn thông tin và các chủ thể quyền ngăn chặn gần 1.000 website bóng đá lậu như xoilac.1tiengruoi.link, xoivo4.com, coichua.net, tammao.tv, 90link.com, xoilac.live, xemtructiep.xyz...¹⁴⁰

Ông Phạm Hoàng Hải, Giám đốc Trung tâm Bản quyền nội dung số, Cục Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử, Bộ Thông tin & Truyền thông cũng cho biết “Biện pháp chặn truy cập vào các trang vi phạm bản quyền đã phát huy hiệu quả, góp phần thay đổi thói quen của người dùng. Khảo sát của CAP cho thấy, 23% người dùng Internet Việt Nam trả lời sẽ không truy cập web lậu hoặc ít truy cập do tác động của việc chặn truy cập. Tuy vậy, vẫn đang tồn tại một số bất cập: Biện pháp, thời gian chặn chưa thống nhất giữa các ISP, xảy ra tình trạng có ISP chặn ngay lập tức, nhưng có ISP chặn sau 3 ngày làm việc hoặc lâu hơn khiến cho khó đổi phỏ tên miền mới”¹⁴¹.

¹³⁹ <https://vtv.vn/nhan-vat/day-manh-cuoc-dau-tranh-phap-li-ve-vi-pham-ban-quyen-truyen-hinh-115715.htm>
truy cập ngày 12/10/2023

¹⁴⁰ <https://giaoducthoidai.vn/giai-phap-hieu-qua-ngan-chan-van-nan-vi-pham-ban-quyen-post656512.html>
truy cập ngày 27/11/2023

¹⁴¹ <https://giaoducthoidai.vn/giai-phap-hieu-qua-ngan-chan-van-nan-vi-pham-ban-quyen-post656512.html>
truy cập ngày 27/11/2023

Luật sư Phạm Thanh Thủy, phụ trách Chống vi phạm bản quyền của truyền hình số K+ cũng cho biết biện pháp chặn truy cập đã khiến tỷ lệ vi phạm giảm xuống, dù khiêm tốn chỉ là 3% (2023) và nhiều khi chặn không xuê¹⁴².

Nghị định 17/2023/NĐ-CP cũng có quy định 3 mức chặn. Khi đó, chủ thể quyền gửi đơn đến nhà mạng thì quy trình là 72 giờ, do ISP phải xác minh lại xem đó có đúng là chủ thể quyền không còn thông qua cơ quan Nhà nước là 24 giờ. Theo bà Thủy, một điểm mới hỗ trợ cho việc phát sóng trực tiếp, là chặn ngay lập tức, nhưng phải có cách nào để xác định nhà mạng đã nhận được yêu cầu hay chưa để thực hiện việc đó. Đồng thời, việc phải chứng minh thiệt hại, thu lợi bất chính và khi nộp đơn đến cơ quan công an phải có bằng chứng là những khó khăn đặt ra đối với biện pháp pháp lý. “Trong điều kiện hiện nay, việc áp dụng biện pháp hành chính dân sự và hình sự rất nan giải. Thời gian của các vụ việc bị kéo dài, khoảng 2 - 3 năm và tiêu biểu như vụ Phimmoi đã kéo dài 4 năm, song vẫn chưa có kết quả cuối cùng”, bà Thủy cho biết¹⁴³.

Về mặt pháp lý, nhà báo Nguyễn Đức Hiền - Phó Tổng Biên tập Báo Pháp luật TP.HCM cho rằng, mức phạt cho hành vi vi phạm bản quyền hiện nay là rất thấp, chưa đủ sức răn đe, cần sửa mức quy định theo hướng tăng mức xử phạt hành chính về vi phạm quyền tác giả để tăng sức răn đe với các hành vi vi phạm bản quyền¹⁴⁴.

Theo ông Hiền, có một điều cản trở các cơ quan báo chí thực hiện quyền bảo vệ mình là, để xử phạt đối tượng vi phạm thì phải kiện, phải tố giác và chứng minh. Mà quãng đường đó có khi còn tốn thời gian và tiền bạc hơn nhiều so với mức bồi thường có thể nhận được. Nhiều cơ quan báo chí hiện nay chỉ

¹⁴² <https://giaoducthoidai.vn/giai-phap-hieu-qua-ngan-chan-van-nan-vi-pham-ban-quyen-post656512.html>
truy cập ngày 27/11/2023

¹⁴³ <https://giaoducthoidai.vn/giai-phap-hieu-qua-ngan-chan-van-nan-vi-pham-ban-quyen-post656512.html>
truy cập ngày 27/11/2023

¹⁴⁴ <https://baomoi.com/tran-lan-vi-pham-ban-quyen-tren-moi-truong-so-that-thoat-doanh-thu-uy-tin-giam-sut-c47034418.epi> truy cập ngày 3/12/2023

dừng ở mức hoặc bỏ qua, hoặc gọi điện yêu cầu nơi xâm hại bản quyền gỡ nội dung, hoặc tác giả là phóng viên ca cẩm trên facebook.

"Nếu giờ chúng tôi đi kiện một hành vi vi phạm, thay vì phạt 30 triệu đồng mà phạt lên 500 triệu đồng, thì chắc chắn ngay cả khi các cơ quan quản lý chưa vào cuộc, chỉ cần luật sư của mình làm việc với luật sư bên kia, họ sẽ phải đàm phán để có mức bồi thường theo thỏa thuận và họ cũng không dám vi phạm", ông Hiền nêu vấn đề.

Ông Nguyễn Đức Hiền nhận định, mức phạt quá thấp khiến người bị xâm hại thấy “không đáng”. Nó tạo ra cảm giác đối với bên xâm hại lẫn nạn nhân rằng chuyện đó không cái gì to tát. Lâu dần, cách hành xử như phạm luật, kém văn minh được coi là bình thường. Chưa kể, với những tác phẩm vi phạm "thô bạo" bởi nhiều đối tượng, cơ quan báo chí hoàn toàn không đủ sức để đấu tranh, tự bảo vệ.

3.1.3. Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Từ thực tiễn vi phạm và giải quyết tranh chấp về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH có thể nhận thấy một số vấn đề sau:

(1) *Thứ nhất*, chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH đã có ý thức trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với các đối tác trong việc khai thác, sử dụng các CTTH. Các chủ thể cũng đang nỗ lực tìm kiếm phương án để chủ động ngăn chặn, phát hiện và kịp thời chấm dứt hành vi xâm phạm quyền của mình, gây thiệt hại về lợi ích kinh tế.

(2) *Thứ hai*, chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH chủ yếu áp dụng các biện pháp công nghệ để chủ động xử lý khi có hành vi xâm phạm quyền xảy ra, hạn chế áp dụng biện pháp hành chính, dân sự, hình sự. Đây cũng chính là xu hướng tương lai, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, mô hình chặn chủ động là biện pháp được sử dụng nhiều nhất, kịp thời và có hiệu quả.

(3) Thứ ba, việc xác định thiệt hại, mức bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH còn khá khó khăn. Trong xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm QTG, QLQ Luật SHTT đã bổ sung quy định quan trọng về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT (Điều 204) và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT (Điều 205) so với quy định của BLDS 2005 và đến nay cũng phù hợp với quy định về bồi thường thiệt hại trong BLDS 2015. Mặc dù quy định của Luật SHTT hiện nay về căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền SHTT được đánh giá là một sự tiến bộ vượt bậc so với trước đây, tuy nhiên, thực tế áp dụng quy định này vẫn còn những vướng mắc. Căn cứ để xác định thiệt hại về vật chất như mức giám sát về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh, chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại hoặc các thiệt hại về tinh thần bao gồm các tổn thất về danh dự, nhân phẩm, uy tín, danh tiếng và những tổn thất khác về tinh thần gây ra cho tác giả của tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học theo quy định của Luật SHTT trên thực tế là rất khó để xác định một chính xác và đầy đủ. Việc Luật SHTT quy định Tòa án ấn định với mức bồi thường tối đa không quá 500 triệu đồng là chưa thực sự phù hợp vì trong nhiều trường hợp, thiệt hại do hành vi xâm phạm QTG, QLQ có thể lớn hơn rất nhiều lần so với mức 500 triệu. Hơn nữa, trong vụ việc có xâm phạm quyền SHTT, chủ thể quyền còn phải tốn rất nhiều chi phí như: chi phí giám định, chi phí lập vi bằng nhằm cung cấp chứng cứ cho Tòa án...

Hơn nữa, việc xác định mức thiệt hại trong lĩnh vực SHTT luôn là vấn đề gặp nhiều khó khăn do hành vi xâm phạm QTG, QLQ trong môi trường Internet. Đơn cử như trường hợp một tác phẩm điện ảnh được lưu trữ và cho phép truy cập trái phép trên mạng Internet, có thể sử dụng công cụ kỹ thuật để đếm được bao nhiêu lượt người truy cập đã xem và/hoặc download tác phẩm đó một cách trái phép trên một website cụ thể. Trong trường hợp này, nếu giả định việc xem trực tuyến và/hoặc tải tác phẩm đó đã được định sẵn cho mỗi lần truy cập thì có

thể tính được sơ bộ thiệt hại mà chủ sở hữu QTG, QLQ bị mất trên thực tế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là nhiều trường hợp tác phẩm được sao chép trái phép từ một website, sau đó tiếp tục được đưa lên Website khác hoặc được các cá nhân khác chia sẻ với nhau. Trường hợp như vậy rất khó kiểm soát được số lượng người truy cập trái phép. Ngoài ra, cơ sở để đánh giá mức giảm sút về thu nhập, lợi nhuận, tổn thất về cơ hội kinh doanh đối với lĩnh vực QTG, QLQ cũng đặc biệt khó khăn. Vì việc sử dụng tác phẩm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, tâm lý của công chúng, khả năng thẩm thấu nghệ thuật. Ví dụ, trường hợp tác phẩm điện ảnh “Cánh đồng bất tận” bị công bố trái phép trên mạng internet, sau đó được truyền tải rộng rãi trên mạng cũng như được phân phối dưới hình thức DVD lậu, khó mà xác định được chính xác mức độ thiệt hại. Bởi lẽ, không ai biết được tác phẩm này, nếu được trình chiếu ngoài rạp chiếu phim, sẽ có bao nhiêu lượt vé được bán, chiếu được trong bao lâu? Doanh thu là bao nhiêu? Đối với thiệt hại tinh thần, trong lĩnh vực QTG, QLQ, đôi khi tổn thất về tinh thần nặng nề hơn tổn thất vật chất, nhưng khó chứng minh được tổn thất về tinh thần, mức bồi thường thiệt hại về tinh thần tối đa cũng chỉ 50,000,000 VND như quy định hiện nay là quá ít.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

3.2.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

3.2.1.1. Định hướng chung về hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã và đang mang lại nhiều cơ hội và những điều kiện tích cực cho sự phát triển của thị trường truyền hình tại Việt Nam, đồng thời, cung cấp cho các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH những hình thức phân phối, khai thác CTTH mới. Mặt khác, điều đó cũng đặt ra nhiều rào

cản, khó khăn cho chủ thể quyền và cơ quan thực thi, quản lý trong quá trình thực hiện hoạt động bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH. Mặc dù bối cảnh hiện nay có nhiều yếu tố thuận lợi để CTTH được phát triển dưới nhiều hình thức khác nhau nhưng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH vẫn đang đối mặt với một số thách thức nhất định.

Hơn nữa, trong vài năm gần đây, Việt Nam đã ký kết và gia nhập nhiều điều ước quốc tế như CPTPP, EVFTA, RCEP và đặc biệt là hai hiệp định về bảo hộ QTG, QLQ là WCT và WPPT. Hầu hết các hiệp định kể trên đều đặt ra các yêu cầu về bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường số. Ví dụ như WCT đã quy định chi tiết một số quy định của Công ước Berne về bảo hộ tác phẩm văn học, nghệ thuật trong môi trường số, bao gồm quy định về quyền sao chép, quyền truyền đạt tác phẩm trong môi trường số, quy định rõ khái niệm và các tiêu chí xác định thế nào là “quy mô thương mại”, quy định về xử lý hình sự đối với các hành vi không vì lợi ích thương mại, tài chính nhưng gây thiệt hại cho chủ thể quyền.

Trước yêu cầu thực thi các nghĩa vụ mà Việt Nam đã cam kết trong WCT, WPPT cũng như trong các hiệp định thương mại tự do như CPTPP, EVFTA, Chính phủ đã ban hành Luật SHTT, nghị định 17/2023/NĐ-CP cho phù hợp với các ĐUQT vừa ký kết. Theo đó, Luật SHTT đã sửa đổi bổ sung nhiều nội dung quan trọng về bảo hộ QTG, QLQ, như quy định về nội dung QTG, QLQ, quy định về các hành vi xâm phạm QTG, QLQ, quy định về giả định QTG, trách nhiệm của các ISP trong bảo vệ QTG, QLQ. Đồng thời với đó là một số định hướng cụ thể như sau:

(1) Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Với quan điểm chỉ đạo “*Chính sách sở hữu trí tuệ đối với QTG, QLQ, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng là một bộ phận không thể tách rời trong chiến lược, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực*”, chiến lược đã đề ra mục tiêu “*đến năm 2030*

*doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên QTG, QLQ đóng góp khoảng 7% GDP và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội*¹⁴⁵. Để đạt được mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ, giải pháp được chiến lược này đề ra là phải “*Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật liên quan, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội, ngăn chặn hiệu quả việc lạm dụng quyền sở hữu trí tuệ*”, trong đó, chú trọng “*Đảm bảo hệ thống các tổ chức quản lý tập thể QTG, QLQ hoạt động có hiệu quả, minh bạch, bảo vệ lợi ích hợp pháp của các chủ thể sáng tạo, khuyến khích hoạt động sáng tạo*” và “*Tăng cường năng lực, đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tập thể QTG, QLQ, đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên liên quan*”¹⁴⁶. Theo đó, chiến lược đề ra những nhiệm vụ ưu tiên bao gồm sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ, các luật liên quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, gia nhập Hiệp ước về QTG (WCT), Hiệp ước về biểu diễn và bản ghi âm (WPPT) và các điều ước quốc tế khác về QTG, QLQ, lập Đề án xây dựng bộ cơ sở dữ liệu về tài sản QTG, QLQ và hệ thống phần mềm quản lý, phát hiện vi phạm trên môi trường số, mạng internet¹⁴⁷.

(2) *Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030.*

Với mục tiêu chung là “*Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội*”, chương trình đã đưa ra nhiều nội dung bao gồm tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả quản lý, khai

¹⁴⁵ Phần II Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁴⁶ Phần III Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁴⁷ Phụ lục kèm theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ

thác và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

(3) Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực quản lý và thực thi hiệu quả pháp luật bảo hộ QTG, QLQ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Với nội dung liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo hộ QTG, QLQ, mục tiêu của Đề án là nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý và thực thi pháp luật về QTG, QLQ, thúc đẩy sáng tạo tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình và CTPS có giá trị phục vụ công chúng, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước¹⁴⁸. Cụ thể, Đề án đã đặt ra các mục tiêu chi tiết cho từng giai đoạn 2020 và 2025. Theo đó, phấn đấu đến năm 2025, 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cán bộ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách quản lý và thực thi pháp luật về QTG, QLQ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4 đối với hoạt động đăng ký QTG, QLQ, 100% cán bộ quản lý và thực thi pháp luật về QTG, QLQ từ trung ương đến địa phương được tham gia chương trình tập huấn nghiệp vụ, khoảng 700 lượt người là các chủ thể QTG, QLQ tham dự các lớp tập huấn về QTG, QLQ mỗi năm¹⁴⁹. Để đạt được các mục tiêu này, Đề án đã đề ra giải pháp nghiên cứu, rà soát, đánh giá để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về quản lý và thực thi QTG, QLQ trong hệ thống pháp luật hiện hành, bảo đảm phù hợp thông lệ quốc tế. Tiếp đến là các nhiệm vụ tăng cường năng lực quản lý và thực thi QTG, QLQ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tương ứng, đặc biệt chú trọng tuyên

¹⁴⁸ Mục 1, phần I Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁴⁹ Mục 2, phần I Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ

truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho các chủ thể quyền, cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng QTG, QLQ cũng như công chúng¹⁵⁰.

Ngoài ra, liên quan đến hoạt động phát triển lĩnh vực truyền hình, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025.

Với quan điểm “*Phát triển báo chí đi đôi với quản lý tốt, theo hướng cách mạng, chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng, hiệu quả đáp ứng nhu cầu thông tin của nhân dân, tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tập hợp quần chúng, tạo đồng thuận trong xã hội, định hướng tư tưởng và thẩm mỹ, góp phần nâng cao dân trí, phát triển văn hóa và con người Việt Nam*”¹⁵¹, quyết định đã đặt ra mục tiêu “*Sắp xếp hệ thống báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử, ... Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí trong tình hình mới*”¹⁵². Có thể thấy, truyền hình (báo hình) là loại hình báo chí được Nhà nước chú trọng quản lý và phát triển. Đồng thời, đội ngũ phóng viên, nhà báo cũng phải có phẩm chất và năng lực. Điều này một phần được thể hiện qua ý thức tự sáng tạo, tôn trọng sản phẩm trí tuệ, QTG, QLQ của chủ thể khác.

Các chủ trương, chính sách và các chương trình cụ thể của Đảng và Nhà nước đã thể hiện được phần lớn những mục tiêu cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Kết hợp với thực tiễn những vấn đề còn vướng mắc và tồn đọng, có thể thấy việc hoàn thiện các quy định của pháp luật và nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cần hướng đến những mục tiêu sau:

¹⁵⁰ Phần II Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁵¹ Mục 2, phần I Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁵² Phần II Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Thứ nhất, đảm bảo sự bảo hộ đầy đủ và kịp thời các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền, tạo lập môi trường pháp lý cho hoạt động cạnh tranh công bằng, lành mạnh trong lĩnh vực truyền hình, truyền thông.

Pháp luật về QTG, QLQ nói chung là một trong những công cụ và giải pháp để nhà nước thực hiện hoạt động bảo hộ QTG, QLQ nói chung, QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp mà chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đề ra là rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ, bao gồm các quy định về QTG, QLQ, theo đó, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật phải đảm bảo tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động sáng tạo, bảo hộ, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ¹⁵³.

Đối với hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, việc ban hành một hệ thống các quy phạm pháp luật về QTG, QLQ phải hướng đến mục tiêu thiết lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động bảo hộ, khai thác và bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH, tạo lập một thị trường cạnh tranh công bằng, lành mạnh, từ đó thúc đẩy sáng tạo trong lĩnh vực truyền hình. Để đạt được mục tiêu đó, pháp luật cần đảm bảo sự bảo hộ đầy đủ và kịp thời các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền. Khi quyền của các chủ thể được bảo hộ đầy đủ và kịp thời, yếu tố cạnh tranh trên thị trường truyền hình, truyền thông sẽ được thúc đẩy.

Cụ thể, pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH cần có các quy định nhằm khuyến khích các doanh nghiệp truyền thông, các chủ thể sáng tạo đầu tư thời gian, công sức để sản xuất các CTTH chất lượng trên cơ sở tôn trọng QTG, QLQ của các chủ thể khác, đồng thời, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc xử lý kịp thời và nghiêm minh các hành vi xâm phạm QTG, QLQ. Theo đó, các quy định hiện hành của Luật SHTT cần phải xác định rõ ràng các yếu tố, dấu hiệu của hành vi xâm phạm QTG, QLQ, phù hợp với thực tiễn tình hình xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Mặt khác, cần quy định và phân chia rạch ròi thẩm quyền, nhiệm

¹⁵³ Mục 1, phần III Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ

vụ thanh tra, xử lý các hành vi xâm phạm. Đồng thời, pháp luật cũng cần đưa ra các chế tài để xử lý hành vi xâm phạm sao cho có khả năng răn đe, thuyết phục, hạn chế các chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm.

Bên cạnh đó, yếu tố đầy đủ và kịp thời cần song hành, đặc biệt là đối với CTTH. Bởi vai trò chủ yếu của pháp luật trong việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là ngăn chặn các hành vi phương hại đến các quyền nhân thân và tài sản của chủ thể quyền, đặc biệt trong bối cảnh các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH được tiến hành ngày một nhanh chóng và tinh vi với sự trợ giúp của các phương tiện công nghệ, kỹ thuật. Do đó, nếu quy định của pháp luật đầy đủ mà không kịp thời thì việc thực thi trên thực tế không còn nhiều ý nghĩa do việc không kịp thời ngăn chặn có thể khiến hậu quả đã xảy ra và chủ thể quyền phải gánh chịu thiệt hại, mà những thiệt hại đó trong nhiều trường hợp là không thể khắc phục.

Thứ hai, đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam theo các DUQT, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đã đề ra những nhiệm vụ gia nhập Hiệp ước về QTG (WCT), Hiệp ước về biểu diễn và bản ghi âm (WPPT) và các điều ước quốc tế khác về QTG, QLQ. Thực hiện nhiệm vụ mà Chính Phủ đặt ra, Việt Nam đã ký văn kiện gia nhập và trở thành thành viên thứ 111 của WCT vào ngày 17 tháng 11 năm 2021. Theo đó, các quy định của WCT chính thức có hiệu lực tại Việt Nam kể từ ngày 17/05/2022. Tiếp theo đó, 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở WIPO, Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ 110 của WPPT. Trước đó, Việt Nam cũng đã gia nhập hầu hết các điều ước quốc tế về bảo hộ QTG, QLQ như Công ước Bern, Công ước Geneva, Công ước Brussels, Công ước Rome, ...

Các quy phạm pháp luật về QTG, QLQ là đối tượng chịu tác động trực tiếp của tiến trình hội nhập quốc tế. Cụ thể, để thực hiện những cam kết của Việt Nam trong những điều ước quốc tế nêu trên, pháp luật về QTG, QLQ phải tương

thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Vì vậy, việc hoàn thiện, sửa đổi pháp luật về QTG, QLQ cũng phải đảm bảo phù hợp với các quy định của các điều ước quốc tế đó.

Thứ ba, đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi của chủ thể quyền và lợi ích cộng đồng.

Nguyên tắc hài hòa giữa quyền lợi của chủ thể quyền và lợi ích cộng đồng là nguyên tắc nền tảng và cốt lõi trong hoạt động bảo hộ QTG, QLQ cũng như xây dựng các quy phạm pháp luật có liên quan đến vấn đề này. Đối với CTTH, pháp luật cần quy định cụ thể, rõ ràng những nội dung đảm bảo sự cân bằng về lợi ích giữa các nhà sản xuất CTTH và công chúng, khán giả. Một mặt, pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ cần bảo đảm các quyền nhân thân và tài sản của các nhà sản xuất CTTH, đảm bảo CTTH của họ không bị sao chép, sử dụng, phân phối trái phép, mặt khác, sự bảo hộ đó cũng không được hạn chế quyền tiếp cận thông tin, quyền được đáp ứng nhu cầu giải trí và quyền thưởng thức những nội dung khoa học, văn hóa, nghệ thuật được truyền tải thông qua các CTTH của công chúng và khán giả. Bởi vậy, một trong những tiêu chí mà chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đề ra đối với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ, bao gồm các quy định về QTG, QLQ là phải đảm bảo nguyên tắc cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong xã hội, ngăn chặn hiệu quả việc lạm dụng quyền SHTT.

Tiêu chí đảm bảo hài hòa giữa quyền lợi của chủ thể quyền và lợi ích cộng đồng không chỉ được đặt ra đối với việc hoàn thiện các quy định của pháp luật mà còn đối với hoạt động thực thi các quy định về QTG, QLQ trên thực tế. Đơn cử như trong các trường hợp có tranh chấp về việc sử dụng, trích dẫn hợp lý CTTH, do các quy phạm pháp luật của Việt Nam về vấn đề này còn mang tính định tính, gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền khi giải quyết tranh chấp hoặc tiếp nhận, xử lý khiếu nại về QTG, QLQ đối với CTTH. Trong trường hợp này, bên cạnh việc xem xét nội dung của các quy phạm pháp luật, cơ quan có

thẩm quyền cũng cần xem xét bối cảnh, tình huống thực tế trên cơ sở cân bằng lợi ích của nhà sản xuất CTTH và công chúng, khán giả.

Thứ tư, đối với việc hoàn thiện pháp luật, cần đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tính khả thi và dễ dàng áp dụng trong thực tiễn.

Tiêu chí thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn là một trong những tiêu chí hàng đầu trong kỹ thuật lập pháp. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hữu của pháp luật về QTG, QLQ cần đặc biệt chú trọng đáp ứng tiêu chí này. Một trong những tính chất của hoạt động sửa đổi, bổ sung là hoạt động mang tính cục bộ, tức là chỉ sửa đổi, bổ sung những quy phạm có nội dung liên quan đến vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các quy phạm khác thì giữ nguyên như cũ. Tuy nhiên, việc tương chừng đơn giản lại có thể trở nên khó khăn nếu các quy phạm pháp luật nằm rải rác và năng lực, trình độ kỹ thuật lập pháp yếu kém. Trong nhiều trường hợp, khi sửa đổi một quy phạm pháp luật, nhà lập pháp có thể không tiên liệu và thống kê được hết các quy phạm pháp luật sẽ bị tác động do việc sửa đổi đó. Điều này dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, hoặc bất khả thi trong quá trình thực thi. Hơn thế nữa, thủ tục thông qua một văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi cũng hết sức phức tạp và kéo dài. Do đó, đảm bảo tính thống nhất của các quy phạm pháp luật là yếu tố phải được đặt ra và tuân thủ ngay từ khi bắt đầu khâu rà soát, sửa đổi để tiết kiệm thời gian cũng như của cải của Nhà nước và xã hội.

Sự thống nhất của các quy phạm pháp luật về QTG, QLQ đối với CTTH được thể hiện qua sự thống nhất về thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản như Luật SHTT, các nghị định, thông tư hướng dẫn, và các văn bản luật có liên quan như Luật Báo chí, Luật Điện ảnh,... Tiếp đến là sự thống nhất về thẩm quyền giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ, thẩm quyền thực hiện thanh tra, tiếp nhận và xử lý hành vi xâm phạm và khiếu nại về QTG, QLQ đối với CTTH, đảm bảo phân công rõ ràng nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền, tránh hiện tượng chồng chéo thẩm quyền hoặc trốn tránh trách nhiệm.

Để đảm bảo tính thống nhất, khi thực hiện sửa đổi, hoàn thiện cần rà soát toàn bộ các quy định liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH không chỉ trong luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành mà còn trong toàn bộ hệ thống pháp luật để tránh chồng chéo, mâu thuẫn hoặc trùng lặp. Các quy định có liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH có thể nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau. Do đó, việc rà soát phải được thực hiện bởi cơ quan có chuyên môn về vấn đề được sửa đổi, hoàn thiện, đồng thời, phải được xem xét, góp ý bởi nhiều cơ quan có chuyên môn khác cũng như đông đảo công chúng, đặc biệt là các chủ thể chịu tác động của quy định về QTG, QLQ đối với CTTH như các nhà sản xuất CTTH, nghệ sĩ, khán giả,....

Bên cạnh đó, các quy phạm pháp luật sau khi được sửa đổi phải đảm bảo tính khả thi và rõ ràng, cụ thể, tránh các quy định định tính gây khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế. Thực tế cho thấy có rất nhiều vụ việc tranh chấp phát sinh mà pháp luật không có quy định rõ ràng hoặc quy định mang tính định tính khiến các chủ thể quyền chỉ có thể trông chờ vào quyết định và sự giải thích của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, việc đặt ra các quy định rõ ràng, khả thi sẽ tạo điều kiện cho các chủ thể quyền thực thi QTG, QLQ đối với CTTH của mình, góp phần hạn chế các tranh chấp về QTG, QLQ. Mặt khác, việc này còn giúp hạn chế các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH do các chủ thể khi căn cứ vào quy định của pháp luật có thể nhận thức được thế nào là hành vi xâm phạm và tôn trọng QTG, QLQ của chủ thể khác, tránh tình trạng vô ý xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền và hạn chế tối đa các tranh chấp, cũng như thúc đẩy sự phát triển chung của lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam, việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH là nhu cầu cấp thiết. Nhận thức được điều đó, trong thời gian gần đây, Việt Nam đã ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật mới nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về

QTG, QLQ, như Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung 2022; Thông tư 02/2019/TT-BVHTTDL, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2019, quy định quy trình giám định tư pháp về QTG, QLQ; Luật số 42/2019/QH14 có hiệu lực vào ngày 01 tháng 11 năm 2019, sửa đổi bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2022 số 07/2022/QH15 ban hành ngày 16/6/2022. Tuy nhiên, như đã phân tích, liên quan đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, các quy định của Luật SHTT và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện vẫn tồn tại một vài hạn chế, chưa thể đảm bảo được đầy đủ quyền lợi của các chủ thể sáng tạo.

3.2.1.2. Kiến nghị hoàn thiện các quy định về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình trong Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn

Trên cơ sở những hạn chế và bất cập trong các quy định của pháp luật liên quan đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH đã trình bày và phân tích tại Chương 2, đồng thời, xem xét các định hướng hoàn thiện như được trình bày trên đây, trong mục này, Luận án đề xuất một số kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG và QLQ đối với CTTH:

(1) Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT cần bổ sung thêm “các loại hình tác phẩm khác” để đảm bảo bao quát hết mọi loại hình tác phẩm trên thực tế.

Thực tiễn hoạt động đăng ký và xác lập QTG, QLQ đối với CTTH cho thấy có một số thể loại CTTH không thể phân loại hoặc chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng để có thể được phân loại thành các loại hình tác phẩm được liệt kê tại Điều 14 Luật SHTT. Ví dụ như các chương trình giáo dục, chương trình game show, chương trình truyền hình thực tế đều là các sản phẩm sáng tạo và đáp ứng đủ điều kiện để được bảo hộ QTG, nhưng lại không thể phân loại là tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hay tác phẩm báo chí. Trong các trường hợp này, chủ đơn thường mất nhiều thời gian để giải trình, trao đổi, thậm chí là tranh luận với

chuyên viên thẩm định về việc tác phẩm, sản phẩm đăng ký thuộc loại hình tác phẩm nào. Thậm chí, nếu không thể phân loại được sản phẩm của mình thành các loại hình mà Luật SHTT đã liệt kê, chủ đơn đăng ký còn có thể bị từ chối cấp văn bằng. Trong trường hợp đó, để tránh bị từ chối cấp giấy chứng nhận, chủ đơn thường phải thỏa hiệp và lựa chọn loại hình tác phẩm khác để đăng ký, dù hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với loại hình đó không cao.

Trong khi đó, Khoản 7 Điều 4 Luật SHTT định nghĩa phạm vi đối tượng của QTG rất rộng, theo đó, tác phẩm bao gồm các sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào. Việc liệt kê các loại hình tác phẩm được bảo hộ tại Khoản 1 Điều 14 đã thu hẹp phạm vi đối tượng bảo hộ QTG được quy định tại Khoản 7 Điều 4. Vì vậy, để đảm bảo phù hợp với khái niệm tác phẩm quy định tại Khoản 7 Điều 4, tác giả kiến nghị bổ sung Điểm o Khoản 1 Điều 14 như sau:

Điều 14. Các loại hình tác phẩm được bảo hộ QTG

1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:

o) Các loại hình tác phẩm khác là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

Việc bổ sung này nhằm đảm bảo bao quát hết mọi loại hình tác phẩm trên thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của chủ thể sáng tạo ra CTTH.

(2) Bổ sung Điều khoản cụ thể về QTG đối với Tác phẩm báo chí

Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT quy định Tác phẩm báo chí là một trong những loại hình được bảo hộ QTG, Nghị định 17/2023/NĐ-CP đã định nghĩa tác phẩm báo chí là “tác phẩm có nội dung độc lập và cấu tạo hoàn chỉnh, bao gồm các thể loại: Phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ánh, điều tra, bình luận, xã luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại báo chí khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác¹⁵⁴”.

¹⁵⁴ Điểm 3, Khoản 1, Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP

Theo định nghĩa trên đây, có thể thấy bên cạnh loại hình điện ảnh và sân khấu, có rất nhiều CTTH có nội dung thuộc loại hình tác phẩm báo chí. Trong khi Luật SHTT đã dành toàn bộ Điều 21 để quy định rõ ràng về chủ thể và nội dung QTG đối với tác phẩm điện ảnh và tác phẩm sân khấu, thì Luật vẫn chưa có một điều khoản cụ thể nào để quy định về QTG đối với tác phẩm báo chí.

Dựa vào các tiêu chí về: quy mô, tính chất của sự kiện, vấn đề; hình thức, phương pháp phản ánh, chuyên tải thông tin; mục đích, chức năng thông tin của tác phẩm, có thể thấy các tác phẩm báo chí trên truyền hình ngày nay có 3 nhóm chính: (1) nhóm tác phẩm thông tấn (tin tức, phỏng vấn, ghi nhanh, tường thuật, phóng sự, điều tra, phản ánh), đối với nhóm này tác giả thường là nhà báo hoặc các phóng viên trực tiếp đưa ra ý tưởng và đi lấy tin bài; nhóm tác phẩm chính luận (bình luận, xã luận, chuyên luận); nhóm tác phẩm chính luận – nghệ thuật (ký sự), đối với 2 nhóm sau, tác giả có thể là nhà báo, cũng có trường hợp là biên kịch hoặc đạo diễn chương trình. Bên cạnh tác giả, nhóm người đóng góp vào hoạt động tạo ra tác phẩm báo chí như: quay phim, dựng phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm báo chí cũng cần được ghi nhận tên khi tác phẩm báo chí được công bố, sử dụng. Cuối cùng, nhóm tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất các tác phẩm báo chí cần được ghi nhận các quyền để bảo vệ lợi ích của họ. Từ các nhận xét trên đây, NCS xin kiến nghị bổ sung một điều khoản quy định về QTG đối với tác phẩm báo chí, cụ thể như sau:

a) Nhà báo, phóng viên, biên kịch, đạo diễn được hưởng quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật SHTT;

b) Quay phim, nhiếp ảnh gia, dựng phim, sáng tác âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, thiết kế âm thanh, ánh sáng, kỹ xảo, người dẫn chương trình và những người thực hiện các công việc khác có tính sáng tạo đối với tác phẩm báo chí được hưởng quyền quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật SHTT;

c) *Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm báo chí là chủ sở hữu các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Luật SHTT, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản; có nghĩa vụ trả tiền bản quyền, các quyền lợi vật chất khác (nếu có) theo hợp đồng với những người quy định tại điểm a và điểm b khoản này;*

d) *Tổ chức, cá nhân đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm báo chí có thể thỏa thuận với những người quy định tại điểm a khoản này về việc đặt tên, sửa đổi tác phẩm;*

đ) *Trường hợp tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm âm nhạc trong tác phẩm báo chí được sử dụng độc lập thì tác giả, chủ sở hữu QTG của tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm âm nhạc được hưởng QTG một cách độc lập đối với tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm âm nhạc đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản.*

(3) *Bổ sung quy định loại trừ tác phẩm sân khấu, tác phẩm báo chí được định hình dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình hoặc CTPS khỏi đối tượng bảo hộ QLQ nhằm giải quyết sự chồng lấn về đối tượng bảo hộ giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH.*

Như đã phân tích, hiện nay đang tồn tại sự chồng lấn giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH. Cụ thể, một CTTH có thể được bảo hộ là tác phẩm sân khấu hoặc tác phẩm báo chí, đồng thời được bảo hộ là bản ghi âm, ghi hình hoặc CTPS. Hiện tượng chồng lấn về đối tượng bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH gây khó khăn cho các chủ thể quyền khi xác lập và bảo vệ quyền đối với CTTH, đồng thời, gây khó khăn cho các cơ quan thực thi trong việc xử lý các hành vi xâm phạm và giải quyết các vụ việc tranh chấp có liên quan.

Vì vậy, để giải quyết sự chồng lấn về đối tượng bảo hộ giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH, quy định về khái niệm bản ghi âm, ghi hình và khái niệm CTPS nên được sửa đổi, bổ sung theo hướng loại trừ tác phẩm sân khấu, tác phẩm báo chí được định hình dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình hoặc

CTPS, tương tự như việc loại trừ bản ghi âm, ghi hình, tác phẩm điện ảnh. Theo đó, Khoản 6 Điều 3 Nghị định 17/2023/NĐ-CP nên được sửa lại như sau:

Điều 3. Giải thích từ ngữ

6. Bản ghi âm, ghi hình là bản định hình các âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác hoặc việc định hình sự tái hiện lại các âm thanh, hình ảnh không phải dưới hình thức định hình gắn với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu, tác phẩm báo chí hoặc tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự;

(4) Bổ sung quy định hướng dẫn thế nào là sao chép hợp lý một phần tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, CTPS và sử dụng hợp lý tác phẩm.

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, việc sao chép, sử dụng trong một số trường hợp nhất định như học tập, nghiên cứu, giảng dạy, lưu trữ trong thư viện, sẽ không phải xin phép và không phải trả tiền nhuận bút, thù lao cho chủ sở hữu QTG, QLQ. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa quy định cơ sở pháp lý để phân biệt hợp lý và không hợp lý.

Để có căn cứ phân biệt hành vi xâm phạm QTG, QLQ và hành vi sử dụng hợp lý QTG, QLQ, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xử lý xâm phạm và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ trên thực tế, pháp luật cần bổ sung quy định hướng dẫn rõ ràng thế nào là sao chép hợp lý một phần tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, CTPS và sử dụng hợp lý tác phẩm. Cụ thể, bên cạnh các tiêu chí định tính như chỉ nhằm mục đích học tập, nghiên cứu, giảng dạy, lưu trữ và không gây phương hại đến quyền của chủ thể quyền, pháp luật có thể cân nhắc đặt ra các giới hạn mang tính định lượng đối với việc sao chép và sử dụng hợp lý, bao gồm *giới hạn số lượng bản sao, giới hạn độ dài, thời lượng tác phẩm được sao chép hoặc sử dụng.*

(5) Sửa đổi, bổ sung quy định về các điều kiện đối với việc trích dẫn hợp lý tác phẩm.

Quy định hiện hành của Luật SHTT và Nghị định 17/2023/NĐ-CP hiện chỉ đưa ra các điều kiện trên đều mang tính định tính để xác định việc trích dẫn hợp lý, dễ dẫn đến tranh chấp liên quan đến việc quyền sử dụng, trích dẫn hợp lý tác phẩm nói chung và CTTH nói riêng, đồng thời, đặt gánh nặng bất hợp lý cho chủ thể QTG bởi nghĩa vụ chứng minh việc trích dẫn có phải là trích dẫn hợp lý hay không.

Để đảm bảo quyền sử dụng hợp lý tác phẩm cho cộng đồng cũng như bảo vệ quyền lợi và loại bỏ gánh nặng bất hợp lý cho chủ thể QTG, có ý kiến cho rằng việc trích dẫn hợp lý trước hết không phải là trích dẫn toàn bộ tác phẩm, trừ trường hợp tác phẩm quá ngắn và việc minh họa không thể làm khác ngoài việc chép lại cả tác phẩm¹⁵⁵. Tuy nhiên, theo quan điểm của nghiên cứu sinh, định nghĩa theo cách thức nêu trên vẫn còn định tính, chưa đủ cơ sở để xác định rõ ràng việc trích dẫn là hợp lý hay không. Do đó, các điều kiện đối với việc trích dẫn hợp lý nên được quy định theo hướng mang tính định lượng, ví dụ *giới hạn số lượng từ cho mỗi lần trích dẫn đối với tác phẩm viết, hoặc giới hạn thời lượng trích dẫn (giờ, phút) đối với bản ghi âm, ghi hình, CTPS, CTTH*.

(6) *Sửa đổi giới hạn mức bồi thường thiệt hại vật chất gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT.*

Nội dung của quy định pháp luật về xác định mức bồi thường thiệt hại vật chất gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT nói chung và QTG đối với CTTH nói riêng cần đảm bảo bù đắp một cách thoả đáng và kịp thời những thiệt hại mà chủ thể quyền phải gánh chịu. Tuy nhiên, phải thừa nhận một thực tế rằng, việc xác định mức bồi thường thiệt hại gây ra do hành vi xâm phạm quyền đối với các sản phẩm trí tuệ là tương đối khó khăn, nhất là hành vi xâm phạm đối với CTTH, khi thiệt hại phải căn cứ trên hậu quả thực tế, trong khi các hành vi xâm

¹⁵⁵ Nguyễn Huy Hoàng (2022), “Bảo vệ QTG qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, tr.170

phạm hầu như được thực hiện trong môi trường kỹ thuật số, và khó tính toán được con số cụ thể.

Để khắc phục thực trạng này, có thể bổ sung các quy định về trách nhiệm phối hợp của các ISP trong việc thống kê thiệt hại của chủ thể quyền hoặc số tiền thu lợi bất chính của chủ thể xâm phạm quyền, do các chủ thể này đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động khai thác QTG đối với CTTH trong môi trường kỹ thuật số thông qua việc cung cấp các nền tảng trực tuyến giúp cho chủ thể quyền và cả chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm thu về lợi nhuận từ lượng người xem và truy cập. Do đó, chủ thể quyền có thể yêu cầu các ISP hỗ trợ cung cấp thông tin về khoản lợi nhuận thu được từ các hành vi xâm phạm QTG trên các nền tảng do họ cung cấp để làm căn cứ xác định mức bồi thường.

Đối với giới hạn mức bồi thường thiệt hại, hiện nay, trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 205 Luật SHTT thì giới hạn mức bồi thường thiệt hại vật chất gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT là 500 triệu đồng¹⁵⁶. Trong nhiều trường hợp, mức giới hạn này là quá thấp, đặc biệt là đối với CTTH, một đối tượng thường được khai thác trên quy mô thương mại và các hành vi xâm phạm hầu như được thực hiện trong môi trường kỹ thuật số, gây thiệt hại lớn. Liên quan đến nội dung này, có ý kiến cho rằng nên bỏ mức bồi thường tối đa là 500 triệu và trao quyền cho Tòa án được chủ động quyết định mức bồi thường dựa trên từng vụ việc thực tế¹⁵⁷. Tuy nhiên, thực tế có thể rất khó áp dụng quy định nêu trên do Tòa án có thể không đủ căn cứ để xác định thiệt hại, dẫn đến kiện tụng, tranh chấp kéo dài. Do đó, mức giới hạn nêu trên cần được tính toán dựa trên giá trị chuyển giao trên thị trường của QTG, QLQ bị xâm phạm và chủ thể có quyền bị xâm phạm có thể đưa ra số tiền yêu cầu bồi thường với điều kiện chủ thể quyền chứng minh được con số đó là hợp lý và có cơ sở.

¹⁵⁶ Điều c, Khoản 1 Điều 205 Luật SHTT 2005, sửa đổi bổ sung 2009, 2019, 2022

¹⁵⁷ Nguyễn Huy Hoàng (2022), “*Bảo vệ QTG qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay*”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội, tr.174.

(7) Sửa đổi quy định về giả định QTG, QLQ để mở rộng phạm vi áp dụng giả định.

Theo quy định hiện hành, giả định QTG, QLQ chỉ được áp dụng trong thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, như đã phân tích, cần mở rộng phạm vi áp dụng giả định QTG, QLQ để giảm nhẹ nghĩa vụ chứng minh cho chủ thể quyền, đồng thời, giúp các chủ thể có nhu cầu nhận chuyển giao QTG, QLQ có cơ sở pháp lý để yên tâm khi ký kết với chủ thể quyền. Việc mở rộng phạm vi áp dụng giả định QTG, QLQ do đó không chỉ giúp đảm bảo quyền lợi chính đáng của các chủ thể sáng tạo mà còn khuyến khích, thúc đẩy việc khai thác thương mại đối với các CTTH.

Cụ thể, cần sửa đổi quy định về giả định QTG, QLQ sao cho phạm vi áp dụng không chỉ giới hạn trong các thủ tục tố tụng mà còn được áp dụng trong hoạt động xử lý hành chính đối với hành vi xâm phạm QTG, QLQ và hoạt động chuyển giao QTG, QLQ.

3.2.2. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Căn cứ vào thực trạng đặt ra trong thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam trong thời gian qua cho thấy: bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH đang tồn tại một số hạn chế, tập trung vào đối tượng bảo hộ QTG, QLQ, sự chồng lấn giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH, quy định về đồng tác giả trong việc phân chia nội dung của từng chủ thể QTG đối với CTTH, về quy định của pháp luật về ngoại lệ và giới hạn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH... Do đó để nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, cần thực hiện một số giải pháp sau:

3.2.2.1. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Hoạt động bảo hộ QTG, QLQ nói chung và QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng được cấu thành từ hoạt động đăng kí, xác lập quyền, hoạt động khai thác

quyền, hoạt động xử lý xâm phạm và giải quyết tranh chấp. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo hộ QTG và QLQ đối với CTTH, cần chú trọng tìm kiếm và áp dụng các biện pháp để tăng cường hiệu quả của các hoạt động nêu trên. Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân đã được xác định, đồng thời, đối chiếu với những mục tiêu và yêu cầu đặt ra đối với việc nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG và QLQ đối với CTTH, Việt Nam có thể cân nhắc triển khai áp dụng những biện pháp được đề cập và phân tích trong mục này nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ nhất, đẩy nhanh thời gian và nâng cao hiệu quả của việc giải quyết hồ sơ đăng ký QTG, QLQ bằng cách kiện toàn bộ máy nhân sự phục vụ hoạt động đăng ký.

Theo thông tin từ Cục Bản quyền tác giả, nguyên nhân của sự chậm trễ cấp giấy chứng nhận đăng ký QTG, QLQ chủ yếu là do số lượng hồ sơ đăng ký ngày một gia tăng gây quá tải cho hệ thống tiếp nhận và thẩm định, xử lý đơn đăng ký của Cục. Hiện nay, việc đăng ký QTG, QLQ đã có thể được thực hiện trực tuyến khiến số lượng đơn tăng cao so với trước đây. Trong khi đó, việc thẩm định đơn đăng ký vẫn được thực hiện bởi các chuyên viên thẩm định của Cục. Do đó, để xử lý khối lượng lớn hồ sơ đăng ký QTG, QLQ, cần phải kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách thẩm định và cấp giấy chứng nhận đăng ký QTG, QLQ cả về số lượng và chất lượng.

Cụ thể, về số lượng, cần tuyển dụng và bố trí nhân sự chuyên trách thẩm định đơn đăng ký QTG, QLQ phù hợp với số lượng hồ sơ đăng ký thực tế. Có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhân sự hợp lý để đảm bảo không thiếu hụt nhân sự. Phân chia nhiệm vụ giữa các chuyên viên thẩm định theo từng loại tác phẩm đăng ký để chuyên môn hóa, đẩy nhanh tiến độ thẩm định đơn đăng ký. Ví dụ, có thể bố trí như chuyên viên chuyên thẩm định tác phẩm viết và tác phẩm âm nhạc, chuyên viên chuyên thẩm định tác phẩm kiến trúc, chuyên viên chuyên

thẩm định CTTH, CTPS, chuyên viên phụ trách thẩm định chương trình máy tính,...

Về chất lượng, Cục bản quyền tác giả cần định kỳ hằng năm hoặc nửa năm tổ chức chương trình tập huấn nghiệp vụ cho các nhân sự phụ trách công tác tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký QTG, QLQ. Việc tham gia tập huấn phải là bắt buộc. Việc tập huấn có thể được tổ chức linh hoạt, tức là có thể thuê chuyên gia từ các đơn vị khác đến để trao đổi về chuyên môn hoặc tự các cán bộ có thể tập huấn, trao đổi và hỗ trợ kiến thức nghiệp vụ cho nhau.

Thứ hai, nâng cấp hệ thống thông tin và công cụ tra cứu về QTG, QLQ.

Hiện nay, việc tra cứu các thông tin về đơn đăng ký QTG, QLQ, bao gồm cả QTG, QLQ đối với CTTH chỉ có thể được thực hiện duy nhất thông qua Hệ thống tra cứu niên giám do Cục Bản quyền tác giả xây dựng và quản lý. Thực tế cho thấy, người dùng chỉ có thể tra cứu các thông tin về số giấy chứng nhận, tên tác phẩm, tên tác giả và ngày đăng ký, mà không thể tra cứu các thông tin khác như số đơn đăng ký, nội dung đối tượng đăng ký, tình trạng xử lý đơn. Bên cạnh đó, thông tin trên hệ thống cũng được cập nhật khá chậm.

Để khuyến khích và tạo điều kiện cho các chủ đơn có thể theo dõi tình trạng đơn đăng ký của mình, đồng thời, cũng là một biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi bảo hộ QTG, QLQ, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực QTG, QLQ đã đề xuất Triển khai thành lập “Trung tâm Thông tin QTG” của quốc gia¹⁵⁸. Theo đó, Cục Bản quyền tác giả cần bổ sung thêm các trường tìm kiếm cũng như các hạng mục thông tin tương ứng, bao gồm nội dung đối tượng đăng ký, tình trạng xử lý đơn.

Ngoài ra, việc nâng cấp hệ thống thông tin đăng ký về QTG, QLQ cũng góp phần phổ cập thông tin về các tác phẩm đã đăng ký và được bảo hộ cho các chủ thể khác, bao gồm những người có nhu cầu khai thác, góp phần thúc đẩy

¹⁵⁸ Trần Văn Nam Chủ biên (2014), “QTG ở Việt Nam, Pháp luật và thực thi”, NXB. Tư Pháp, Hà Nội.

hoạt động khai thác quyền và hạn chế hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH như được phân tích thêm dưới đây.

Thứ ba, tuyên truyền pháp luật về đăng ký và tập huấn đăng ký, tra cứu thông tin QTG, QLQ cho các chủ thể QTG, QLQ.

Hiện nay, việc đăng ký QTG, QLQ đã thuận lợi hơn trước rất nhiều. Các biểu mẫu đơn đăng ký đã được quy định rõ ràng, cụ thể, việc đăng ký đã có thể được thực hiện từ xa. Tuy nhiên, không phải chủ thể QTG, QLQ nào cũng có thể tự mình thực hiện đúng thủ tục đăng ký QTG, QLQ, đặc biệt là các chủ thể quyền là cá nhân, người cao tuổi hoặc người không am hiểu kiến thức pháp luật. Do đó, việc tuyên truyền pháp luật về đăng ký và tập huấn đăng ký, tra cứu thông tin QTG, QLQ cho các chủ thể QTG, QLQ là hoạt động thiết thực, giúp các chủ thể quyền nhận thức rõ ràng, đầy đủ hơn về tầm quan trọng của việc đăng ký QTG, QLQ, trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng cần thiết để tự mình thực hiện việc đăng ký, cũng như tự theo dõi tình trạng đơn đăng ký của mình sau khi đã được nộp cho Cục Bản quyền tác giả. Ngoài ra, thông qua việc trao đổi thông tin và hỏi đáp trong quá trình tập huấn, Cục Bản quyền cũng có thể kịp thời nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của chủ đơn trong quá trình đăng ký để có thể đưa ra những hướng dẫn tháo gỡ hoặc phương án điều chỉnh phù hợp.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động đăng kí, xác lập QTG, QLQ đối với CTTH, việc tập huấn về đăng ký QTG, QLQ đối với CTTH có thể được thực hiện định kỳ, thường xuyên trên cơ sở phối hợp giữa Cục Bản quyền tác giả và Đài truyền hình Việt Nam và phải được công bố rộng rãi trên website của các đơn vị này để các chủ thể quyền kịp thời nắm bắt thông tin và tham gia tập huấn. Đối với mỗi đợt tập huấn, các đơn vị tổ chức và thực hiện việc tập huấn cũng cần biên soạn và phát hành sổ tay hướng dẫn đăng ký và tra cứu QTG, QLQ đối với CTTH để phát cho các chủ thể tham gia tập huấn và các chủ thể khác trong cộng đồng.

3.2.2.3. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả của hoạt động khai thác quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Khai thác QTG, QLQ đối với CTTH là hoạt động có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực truyền hình. Hoạt động khai thác QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam thời gian qua về cơ bản đã có hiệu quả tích cực, quyền lợi của các chủ thể QTG, QLQ đã được tôn trọng và đền bù xứng đáng, lợi ích thương mại từ QTG, QLQ mang lại cho chủ sở hữu ngày một tăng cao. Tuy nhiên, hoạt động khai thác QTG, QLQ đối với CTTH vẫn còn một số hạn chế như:

Tại VTV, đơn giá chi trả tiền thù lao cho tác giả các tác phẩm âm nhạc là từ 50.000 VND đến 300.000 VND một tác phẩm cho mỗi lượt phát, tùy vào từng chương trình có sử dụng tác phẩm¹⁵⁹. Như vậy, có những tác phẩm chỉ được phát một lần hoặc vài lần, số tiền thù lao do đó là không đáng kể. Vì vậy, nếu không thực hiện ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể QTG để thu tiền thù lao, các tác giả sẽ mất rất nhiều công sức, thời gian để trực tiếp tìm kiếm, đàm phán và thu tiền thù lao, dẫn đến tâm lý ngần ngại và bỏ qua việc thu tiền. Điều này một phần xuất phát từ việc thiếu công cụ tìm kiếm, tra cứu thông tin về QTG, QLQ. Dù không hề muốn sử dụng QTG, QLQ mà không được cấp phép, không muốn xâm phạm QTG, QLQ nhưng nhiều cá nhân tổ chức do không biết hoặc không đủ thời gian để tìm kiếm chủ sở hữu QTG nên đành sử dụng trước. Tình trạng này dẫn đến tranh chấp và có thể gây thiệt hại rất nặng nề đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực truyền hình khi tác giả, chủ sở hữu QTG, QLQ tìm đến yêu cầu trả tiền thù lao hoặc chấm dứt việc sử dụng, thậm chí yêu cầu ngừng phát sóng CTTH có bảo hộ QTG, QLQ.

Trên thực tế, nhiều cá nhân tổ chức có nhu cầu sử dụng QTG, QLQ đối với CTTH nhưng không biết hoặc không thể tìm kiếm và liên lạc được với chủ sở hữu QTG, QLQ nên đành sử dụng trước, dẫn đến hành vi xâm phạm QTG,

¹⁵⁹ Báo cáo tình hình thực thi quy định pháp luật về Sở hữu trí tuệ tại Đài Truyền hình Việt Nam

QLQ đối với CTTH. Để khắc phục tình trạng này, cần hỗ trợ việc kết nối giữa chủ thể QTG, QLQ và chủ thể có nhu cầu sử dụng, khai thác QTG, QLQ, bằng cách thiết lập phương thức liên lạc giữa các chủ thể như công khai thông tin liên hệ của chủ thể quyền, với sự cho phép của chủ thể quyền.

Việc kết nối có thể được thực hiện qua hai phương thức. Phương thức thứ nhất là bổ sung thông tin liên hệ của chủ thể quyền trong Hệ thống tra cứu thông tin về QTG, QLQ. Cụ thể, khi đăng ký QTG, QLQ, chủ đơn có thể lựa chọn công khai hoặc không công khai thông tin liên hệ của mình trên hệ thống tra cứu. Cục Bản quyền tác giả cần phổ biến cho chủ đơn những lợi ích của việc công khai thông tin đối với việc khai thác QTG, QLQ của chủ đơn trong tương lai. Đây là phương thức đơn giản và nhanh chóng, có thể dễ dàng triển khai thực hiện trong thời gian ngắn trên cơ sở dữ liệu sẵn có của Hệ thống tra cứu niêm giám của Cục Bản quyền tác giả. Phương thức thứ hai là xây dựng sàn giao dịch QTG, QLQ để các chủ thể quyền hoặc các chủ thể khác khi có nhu cầu sử dụng QTG, QLQ đối với CTTH có thể đăng thông tin tìm kiếm đối tác khai thác QTG, QLQ. Sàn giao dịch này có thể tích hợp với sàn giao dịch các tài sản trí tuệ khác. Tuy nhiên, phương pháp này tốn kém hơn và cần nhiều thời gian hơn để các chủ thể có thể biết đến, tiếp nhận và sử dụng sàn giao dịch này.

Hơn nữa, thực tiễn cho thấy, nhiều chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH thường mất rất nhiều công sức, thời gian để trực tiếp tìm kiếm, đàm phán và thu tiền thù lao của các chủ thể khai thác, sử dụng. Một giải pháp đã được chứng minh là rất hiệu quả để khắc phục thực trạng này, đó là ủy quyền cho tổ chức đại diện tập thể QTG để thu tiền thù lao. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ tổ chức đại diện QTG, QLQ đối với CTTH nào. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động khai thác QTG, QLQ đối với CTTH, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xử lý xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH.

Trên thực tế, bên cạnh sóng truyền hình, các CTTH ngày nay thường được truyền đạt đến công chúng qua Internet trên các nền tảng trực tuyến như Youtube, Facebook,... Do đó, các nền tảng này xuất hiện rất nhiều các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Trong khi đó, các chủ thể quyền và cả các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý xâm phạm đều chủ yếu thực hiện hoạt động kiểm tra và xử lý hành vi xâm phạm trên thực địa chứ chưa có những biện pháp nghiệp vụ hiệu quả để xử lý những hành vi xâm phạm trên Internet.

Do đó, để giải quyết tình trạng trên, các cơ quan chịu trách nhiệm xử lý hành vi xâm phạm cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động rà soát để kịp thời phát hiện và xử lý triệt để các hành vi xâm phạm trên môi trường Internet. Cụ thể, Việt Nam có thể cân nhắc thiết lập và vận hành một bộ công cụ phần mềm quản lý và tra cứu phát hiện vi phạm trên Internet. Để xây dựng bộ công cụ này, nhà nước có thể thuê các đơn vị có chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật để tư vấn, xây dựng hoặc tăng cường hợp tác với các quốc gia khác trên thế giới nhằm học hỏi kinh nghiệm và nhận chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, cần thực hiện liên thông giữa cơ sở dữ liệu về đăng ký QTG, QLQ của Cục Bản quyền tác giả với hệ thống dữ liệu của các cơ quan thực thi nhằm tạo thuận lợi trong việc xác định chủ thể QTG, QLQ của CTTH.

Thứ hai, kiện toàn và đồng bộ hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật về QTG, QLQ từ Trung ương đến địa phương.

Trong bối cảnh các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH chủ yếu được thực hiện trên Internet, việc phân chia nhiệm vụ, quyền hạn xử lý các hành vi xâm phạm theo địa giới hành chính hay phạm vi lãnh thổ là không phù hợp trên thực tế. Bên cạnh đó, thực tế cho thấy năng lực thực thi và áp dụng pháp luật về QTG, QLQ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý xâm phạm còn hạn chế, đặc biệt là ở địa phương.

Vì vậy, để nâng cao hiệu quả của hoạt động xử lý xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH, trước tiên cần phải nâng cao năng lực của từng cán bộ thực thi.

Cụ thể, mỗi địa phương cần phải có nhân sự làm công tác quản lý và thực thi pháp luật về QTG, QLQ. Tại các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nơi các hành vi xâm phạm QTG, QLQ diễn ra phức tạp thì cần phải có nhân sự chuyên trách. Ngoài việc nâng cao năng lực của mỗi nhân sự, cần phải từng bước củng cố và đồng bộ hoạt động xử lý xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý và thực thi pháp luật.

Hiện nay, theo quy định của Luật SHTT, ngoài Tòa án, Thanh tra Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quản lý thị trường, Công an và Ủy ban nhân dân các cấp đều có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Nhiều cơ quan cùng có thẩm quyền khiến cho việc xử lý hành vi xâm phạm trở nên phức tạp. Một số cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành vi xâm phạm, như ủy ban nhân dân cấp huyện, nhưng do không có lực lượng chuyên trách nên không có đủ năng lực và điều kiện để xác minh yếu tố xâm phạm và áp dụng pháp luật để ra quyết định xử phạt. Do đó, có thể xem xét rà soát và thu hẹp phạm vi các cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm QTG, QLQ.

Ngoài ra, bên cạnh việc quy định phân chia rõ ràng thẩm quyền của mỗi cơ quan, cần chú trọng cơ cấu hợp lý các nhân sự trong từng cơ quan theo hướng chuyên môn hóa, đồng thời, thiết lập cơ chế hợp tác chia sẻ thông tin và trao đổi kiến thức chuyên môn giữa các cơ quan này với Cục bản quyền tác giả nơi tiếp nhận và quản lý thông tin đăng ký QTG, QLQ.

Thứ ba, tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về QTG, QLQ cho người dân, khuyến khích hình thành văn hóa tẩy chay các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH.

Hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật về QTG, QLQ cũng như văn hóa tôn trọng QTG, QLQ, bài trừ các hành vi, sản phẩm xâm phạm góp phần mang lại lợi ích cho hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trên hai khía cạnh. Thứ nhất, về mặt chủ quan, nếu cộng đồng đều có ý thức tôn trọng QTG,

QLQ, số lượng những người bất chấp để thực hiện những hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH sẽ giảm đi đáng kể. Do đó, việc nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về QTG, QLQ cho cộng đồng giúp triệt tiêu động lực chủ quan của hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Thứ hai, về mặt khách quan, một cộng đồng hiểu rõ và tôn trọng pháp luật về QTG, QLQ chắc chắn sẽ có ý thức tẩy chay và bài trừ các hành vi và sản phẩm xâm phạm QTG, QLQ. Vì vậy, những sản phẩm xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH chắc chắn sẽ không được công chúng đón nhận, khiến chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm cũng không thu được nguồn lợi bất chính nào. Điều này khiến chủ thể thực hiện hành vi xâm phạm không còn động lực khách quan để thực hiện hành vi xâm phạm. Hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về QTG, QLQ cần được thực hiện một cách tích cực, thường xuyên, đảm bảo công chúng nắm được và hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm, chế tài xử phạt đối với các hành vi xâm phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật về QTG, QLQ.

3.2.2.4. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Thực tế cho thấy các vụ việc tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH có thể bao gồm tranh chấp theo hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng, tuy nhiên, các tranh chấp thường phát sinh khi có hành vi xâm phạm quyền. Trên thực tế, nội dung tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH rất đa dạng, xoay quanh các quyền nhân thân và quyền tài sản được pháp luật trao cho tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng. Hiện nay, hoạt động giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đã và đang đạt được một số kết quả, tuy nhiên, do đặc điểm của QTG, QLQ đối với CTTH, hoạt động giải quyết tranh chấp cũng có những vấn đề hạn chế, khó khăn.

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động giải quyết tranh chấp QTG, QLQ đối với CTTH, Luận án đề xuất một số biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên như sau:

Thứ nhất, tăng cường thực hiện tuyên truyền cho các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH pháp luật về QTG, QLQ và pháp luật về giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ.

Tâm lý e ngại đưa tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH ra giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của các chủ thể quyền, đặc biệt là các cá nhân, xuất phát một phần từ việc chủ thể quyền không nắm vững các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình, do đó, không thể chắc chắn mình có thể thắng trong vụ tranh chấp hay không. Ngoài ra, nhiều chủ thể quyền còn thiếu kiến thức pháp luật về các phương thức giải quyết tranh chấp, thủ tục giải quyết tranh chấp, khiến lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp chưa được tối ưu hoặc thời gian giải quyết tranh chấp bị kéo dài do những sai sót về thủ tục.

Vì vậy, để giảm thiểu tình trạng nêu trên, nhà nước cần có chính sách định kì tuyên truyền và tập huấn rộng rãi cho các chủ thể QTG, QLQ đối với CTTH về pháp luật QTG, QLQ, các phương thức giải quyết tranh chấp khả dụng và pháp luật về thủ tục giải quyết tranh chấp tại các cơ quan giải quyết tranh chấp. Cụ thể, việc tuyên truyền pháp luật đầu tiên cần đảm bảo mục tiêu giúp cho các chủ thể quyền nắm vững các quyền nhân thân, quyền tài sản của mình và hiểu rõ các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH, tránh tình trạng hiểu nhầm và theo đuổi tranh chấp mà không mang lại kết quả mong muốn. Thứ hai, nội dung tuyên truyền và tập huấn cần bao gồm các phương thức giải quyết tranh chấp QTG, QLQ đối với CTTH như thương lượng, hòa giải, đưa ra Tòa án và Trọng tài, ưu điểm, nhược điểm, thời gian và chi phí đối với mỗi phương thức. Cuối cùng, cần đảm bảo các chủ thể quyền có kiến thức cơ bản về thủ tục giải quyết tranh chấp để tránh những sai sót trong quá trình thực hiện các thủ tục đó, gây lãng phí thời gian, công sức cho các bên và cơ quan giải quyết tranh chấp.

Thứ hai, khuyến khích giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ bằng phương thức Trọng tài.

Hiện nay, các tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH chủ yếu được giải quyết tại Tòa án. Nguyên nhân là vì các tranh chấp về QTG, QLQ phần lớn xuất phát từ hành vi xâm phạm nằm ngoài hợp đồng, vì vậy, các bên trong tranh chấp thường không có sẵn thỏa thuận trọng tài. Tuy nhiên, đối với các tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH, phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài có nhiều ưu điểm vượt trội hơn so với phương thức giải quyết tranh chấp tại Tòa án, vì thế cần được khuyến khích áp dụng để nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ nhất, giải quyết tranh chấp tại Trọng tài đảm bảo tính bảo mật cho các bên trong tranh chấp. Tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH xảy ra giữa các bên là các đài truyền hình hoặc doanh nghiệp truyền thông hoặc những người nổi tiếng. Các chủ thể này do lo lắng vụ việc có thể ảnh hưởng đến danh tiếng và uy tín của mình nên thường không muốn tham gia hoặc có liên quan đến những vụ tranh chấp, kiện tụng tại Tòa án, vì việc xét xử của Tòa án là công khai. Thứ hai, thủ tục giải quyết tranh chấp tại Trọng tài tiết kiệm thời gian và công sức hơn so với Tòa án. Các tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH là những tranh chấp có tính đặc thù nên để quá trình giải quyết tranh chấp được nhanh chóng và hiệu quả, người cầm cân nảy mực phải có năng lực và trình độ chuyên môn. Thay vì không được lựa chọn thẩm phán giải quyết vụ việc và phải chờ đợi kết luận của giám định viên, các bên có thể lựa chọn các trọng tài viên có kiến thức chuyên môn về QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình, truyền thông. Điều này khiến tốc độ giải quyết vụ việc và chất lượng phán quyết đưa ra cao hơn rất nhiều so với giải quyết tại Tòa án.

Vì vậy, nhà nước cần có biện pháp nhằm khuyến khích các chủ thể quyền giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài. Bên cạnh hoạt động tuyên truyền cho các chủ thể quyền về phương thức Trọng tài, cần có cơ chế vận động, thuyết phục các chủ thể lựa chọn phương thức Trọng tài thay vì Tòa án. Việc này một mặt nhằm giảm tải cho hệ thống Tòa án, mặt khác giúp các chủ thể quyền tiết kiệm

thời gian, chi phí, đồng thời cũng nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ thẩm phán chuyên trách về QTG, QLQ cả về số lượng và chất lượng.

QTG, QLQ đối với CTTH là vấn đề pháp luật đặc thù, do đó, các tranh chấp liên quan cũng rất phức tạp, đòi hỏi thẩm phán giải quyết vụ việc cần am hiểu các quy định của pháp luật, đồng thời, nắm vững thực tiễn hoạt động khai thác và thực trạng xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH. Tuy nhiên, thực tế cho thấy Tòa án các cấp tại Việt Nam gần như không có thẩm phán chuyên trách về QTG, QLQ, việc giải quyết các tranh chấp thường phải dựa vào ý kiến từ các cơ quan chuyên môn hoặc kết quả giám định. Do đó, để nâng cao hiệu quả giải quyết các tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH tại Tòa án, việc xây dựng một đội ngũ thẩm phán chuyên trách về QTG, QLQ là cần thiết.

Trước hết, về số lượng, cần đảm bảo các Tòa án có ít nhất một thẩm phán chuyên trách về QTG, QLQ, đối với các thành phố lớn như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, nên bổ nhiệm nhiều hơn một thẩm phán chuyên trách về QTG, QLQ. Về chất lượng, cần tổ chức tập huấn định kỳ bắt buộc cho các thẩm phán chuyên trách về pháp luật về QTG, QLQ, thường xuyên cập nhật tình hình, diễn biến các hoạt động xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH, đồng thời, giúp các thẩm phán trau dồi kỹ năng nghiệp vụ hòa giải.

Thứ tư, khuyến khích phát triển dịch vụ giám định QTG, QLQ, xây dựng đội ngũ giám định viên chuyên nghiệp về QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình.

Giám định QTG, QLQ đối với CTTH là hoạt động đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hành vi, tính chất, mức độ xâm phạm và xác định thiệt hại, góp phần quyết định trong quá trình giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH. Thực tiễn hoạt động giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH cho thấy, ý kiến của nhiều cơ quan chuyên môn hoặc kết luận giám định đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giải quyết các tranh chấp về QTG, QLQ

đối với CTTH. Tuy nhiên, hiện nay Việt Nam chưa có tổ chức nào cung cấp dịch vụ giám định QTG, QLQ. Trong thời gian vừa qua, như một biện pháp nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, thực thi bảo hộ QTG, QLQ, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực QTG, QLQ đã đề xuất triển khai thành lập “Trung tâm Giám định sở hữu trí tuệ về QTG, QLQ”¹⁶⁰.

Do đó, để tạo công cụ hỗ trợ đắc lực cho các cơ quan giải quyết tranh chấp, giúp cho quá trình giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH trở nên nhanh chóng hơn, nhà nước cần khuyến khích phát triển dịch vụ giám định QTG, QLQ cả về số lượng và chất lượng. Các biện pháp khuyến khích bao gồm giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế thu nhập cá nhân cho người lao động, đồng thời hỗ trợ thủ tục hành chính cho các cá nhân, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ giám định QTG, QLQ.

Bên cạnh đó, do hoạt động giám định đòi hỏi kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu nên để đảm bảo hiệu quả, cần thực hiện song song các biện pháp nâng cao chất lượng của dịch vụ giám định. Một trong những biện pháp hữu hiệu là xây dựng đội ngũ giám định viên chuyên nghiệp về QTG, QLQ đối với CTTH. Về số lượng, cần tăng số lượng giám định viên có chuyên môn về QTG, QLQ đặc biệt là QTG, QLQ đối với CTTH bằng cách tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu và cấp chứng chỉ giám định viên QTG, QLQ. Số lượng giám định viên được cấp chứng chỉ phải đảm bảo có thể đáp ứng đủ nhu cầu trung cầu và yêu cầu giám định của Tòa án cũng như của các chủ thể có liên quan, rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao hiệu quả của quá trình giải quyết tranh chấp. Về chất lượng, cần xây dựng khung chương trình đào tạo nghiệp vụ giám định QTG, QLQ và thiết lập quy trình kiểm tra, đánh giá để cấp chứng chỉ giám định viên QTG, QLQ. Ngoài ra, có thể miễn đào tạo nghiệp vụ giám định QTG, QLQ đối với những cá nhân đã có thâm niên công tác, có trình độ, kinh nghiệm nhất định để khuyến khích họ tham gia vào đội ngũ giám định viên.

¹⁶⁰ Trần Văn Nam Chủ biên (2014), “*QTG ở Việt Nam, Pháp luật và thực thi*”, NXB. Tư Pháp, Hà Nội, tr. 307

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở phân tích lý luận và đánh giá thực trạng quy định của pháp luật từ chương 1 và chương 2, chương 3 Luận án tập trung phân tích, đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam. Từ những đánh giá về thực tiễn vi phạm và thực tiễn áp dụng pháp luật, kết hợp với những phân tích, đánh giá về pháp luật thực định tại chương 2, Luận án đã đưa ra những kiến nghị hoàn thiện pháp luật và đề xuất một số giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Luận án đã đề xuất tám kiến nghị Nhóm kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cụ thể: (i) Bổ sung thêm điểm o Khoản 1 Điều 14 Luật SHTT “các loại hình tác phẩm khác” để đảm bảo bao quát hết mọi loại hình tác phẩm trên thực tế; (ii) Bổ sung Điều khoản cụ thể về QTG đối với Tác phẩm báo chí; (iii) Bổ sung quy định loại trừ tác phẩm sân khấu, tác phẩm báo chí được định hình dưới hình thức bản ghi âm, ghi hình hoặc CTPS khỏi đối tượng bảo hộ QLQ nhằm giải quyết sự chồng lấn về đối tượng bảo hộ giữa bảo hộ QTG và bảo hộ QLQ đối với CTTH. (iv) Bổ sung quy định hướng dẫn thế nào là sao chép hợp lý một phần tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, CTPS và sử dụng hợp lý tác phẩm. (v) Sửa đổi, bổ sung quy định về các điều kiện đối với việc trích dẫn hợp lý tác phẩm. (vi) Sửa đổi giới hạn mức bồi thường thiệt hại vật chất gây ra do hành vi xâm phạm quyền SHTT. (vii) Sửa đổi quy định về giả định QTG, QLQ để mở rộng phạm vi áp dụng giả định.

Bên cạnh đó, Luận án cũng đề xuất nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả

của hoạt động khai thác QTG, QLQ đối với CTTH và nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giải quyết tranh chấp QTG, QLQ đối với CTTH

Các nhóm giải pháp đều mang tính đồng bộ, liên thông với nhau, đan xen giữa các vấn đề đặt ra nhằm hướng tới mục đích: không những giải quyết được vấn đề tồn tại của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH mà còn có thể nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong giai đoạn phát triển sắp tới.

KẾT LUẬN

Luận án là công trình nghiên cứu chuyên sâu về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, nhằm làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về hoàn thiện pháp luật bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Luận án đã nghiên cứu những vấn đề lý luận làm luận cứ khoa học cho việc nghiên cứu pháp luật bảo hộ QTG, QLQ cũng như thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Cụ thể là nền tảng lý thuyết quyền sở hữu của nhà xuất bản, thuyết quyền sở hữu tinh thần, thuyết quyền nhân thân, thuyết quyền tài sản phi vật chất (thuyết nhị nguyên), thuyết nhất nguyên. Đây là những lý thuyết cơ bản đặt nền móng cho bảo hộ quyền tác giả, QLQ đối với CTTH.

Bảo hộ QTG, QLQ nói chung, bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH nói riêng là hoạt động của các chủ thể thông qua những quy định của pháp luật để bảo hộ QTG, QLQ của mình đối với những sản phẩm nghệ thuật trong các CTTH. Bên cạnh việc bảo hộ QTG, QLQ, các chủ thể còn có thể thực hiện các biện pháp nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với các CTTH. Theo đó, luận án đã đánh giá thực trạng pháp luật quy định bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH và thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Việc đánh giá này đã đem đến cho luận án những nhận định về một số kết quả đã đạt được của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong thời gian qua, cũng như một số vấn đề hạn chế đang còn tồn tại. Những hạn chế này là cơ sở để luận án đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong thời gian tới.

Từ kết quả nghiên cứu tổng quan, đến cơ sở lý luận cũng như đánh giá thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH đã giúp tác giả trả lời được các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu đã đặt ra. Đó là:

+ Cơ sở lý luận pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn chưa được nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện; Đặc biệt, đến thời điểm hiện nay, chưa có nghiên cứu nào làm rõ khái niệm và đặc trưng

cơ bản của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, cũng như pháp luật thực tiễn về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH;

+ Các quy định pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế, ảnh hưởng đến việc bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu QTG, QLQ của các CTTH. Dẫn đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn tồn tại một số hạn chế, thể hiện qua số lượng vụ việc được giải quyết cũng như hiệu quả giải quyết.

+ Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH phải bảo đảm các yêu cầu về tính đồng bộ, tương thích, khả thi nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Các văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

1. Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 20/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường năng lực quản lý và thực thi hiệu quả pháp luật bảo hộ QTG, QLQ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025
2. Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025
3. Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030
4. Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển trí tuệ đến năm 2030
5. Hiến pháp 2013
6. Bộ luật Dân sự 2015
7. Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)
8. Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi bổ sung 2005, 2019, 2022)
9. Luật Công nghệ Thông tin 2006
10. Luật Hải quan 2014
11. Luật Báo chí 2016
12. Luật Điện ảnh 2022
13. Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về QTG, QLQ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017.
14. Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn
15. Nghị định 129/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực du lịch; thể thao; quyền tác giả, quyền liên quan; văn hóa và quảng cáo

16. Nghị định 17/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan
17. Thông tư số 04-VH/TT ngày 7 tháng 1 năm 1987 của Bộ Văn hóa hướng dẫn giải thích Nghị định số 142-HĐBT ngày 14 tháng 11 năm 1986 của Hội đồng Bộ trưởng
18. Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài phát thanh và truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài truyền thanh và truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài truyền thanh – truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện
19. Thông tư liên tịch số 07/2012/TTLT-BTTTT-BVHTTDL của Bộ Thông tin Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 19 tháng 06 năm 2012 quy định trách nhiệm của doanh nghiệp trung gian trong việc bảo hộ QTG, QLQ trên môi trường Internet và mạng viễn thông
20. Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 12 năm 2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn hoạt động giám định QTG, QLQ
21. Thông tư số 211/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký QTG, QLQ đến tác giả.
22. Thông tư 34/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mức âm lượng và mức đỉnh thực cực đại của tín hiệu âm thanh trong các chương trình truyền hình"
23. Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình
24. Thông tư 02/2019/TT-BVHTTDL, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2019, quy định quy trình giám định tư pháp về QTG, QLQ và gần đây nhất là Luật số 42/2019/QH14

25. Thông tư số 06/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ thông tin và Truyền thông: Hướng dẫn nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung phát thanh, truyền hình thể thao, giải trí theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình
26. Công ước Berne 1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật
27. Công ước Rome về bảo hộ người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm và các tổ chức phát sóng năm 1961
28. Công ước Geneva về bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm, chống sao chép bất hợp pháp bản ghi âm năm 1971
29. Công ước Brussels về truyền tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá năm 1974
30. Hiệp định TRIPS về các khía cạnh thương mại của quyền sở hữu trí tuệ năm 1994
31. Hiệp ước của WIPO về biểu diễn và bản ghi âm năm 1996 (Hiệp ước WPPT).
32. Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu – Việt Nam (Hiệp định EVFTA)
33. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP
34. Bộ luật Phát thanh và Truyền hình năm 1994 của Ukraine
35. Luật Bản quyền Hàn Quốc
36. Luật Bản quyền Trung Quốc
37. Luật Bản quyền Nhật Bản
38. Luật Bản quyền Hoa Kỳ

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tiếng Việt

39. Nguyễn Thị Quế Anh (2010), “Bảo hộ QTG và QLQ trong lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình – những vấn đề lý luận và thực tiễn, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội

nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

40. Nguyễn Văn Bình (2018), “Bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam”, Trường đại học Luật – Đại học Huế

41. Vũ Mạnh Cường (2010), “Cẩm nang QTG”, Nhà xuất bản Giáo dục

42. Trần Minh Dũng (2012), “Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính”, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ

43. Trần Thị Thùy Dương (2016), “Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số nước về bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

44. Nguyễn Văn Giang (2010), “Bảo vệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

45. Nguyễn Minh Hải (2016), “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

46. Trần Văn Hải, “Những bất cập trong quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành về QTG, QLQ”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 7/2010

47. Trần Văn Hải, “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm phái sinh”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 4/2012

48. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018), “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc trong môi trường Internet ở Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới”, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội

49. Võ Trung Hậu (2020), “Pháp luật về bảo hộ QTG trong môi trường Internet”, Luận án tiến sĩ Luật kinh tế, Trường đại học Kinh tế - Luật

50. Chu Văn Hòa (2015), “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng vi phạm QTG và đề xuất giải pháp đảm bảo thực thi pháp luật về QTG đối với xuất bản phẩm”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Thông tin và Truyền thông
51. Nguyễn Huy Hoàng “Bảo hộ QTG, QLQ trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 3/2017
52. Nguyễn Huy Hoàng (2021), “Mối quan hệ giữa quyền bảo vệ toàn vẹn tác phẩm và quyền làm tác phẩm phái sinh”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật – Số 349/2021, Hà Nội
53. Nguyễn Huy Hoàng (2022), “Bảo vệ QTG qua thực tiễn xét xử của Tòa án nhân dân ở Việt Nam hiện nay”, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học Xã hội
54. Trần Mạnh Hùng (2022), “Quy tắc miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo điều 198B Luật SHTT”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Pháp luật SHTT trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0, Trường ĐH Luật Hà Nội
55. Phạm Thị Mai Khanh (2019), “Hậu TPP – Việt Nam có cần điều chỉnh các quy định liên quan tới bảo hộ QTG trong môi trường Internet?”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 11/2019
56. Trần Bảo Khánh (2003), “Sản xuất chương trình truyền hình”, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin
57. Trần Kiên (chủ biên) (2020), “Sự xung đột giữa quyền con người và quyền SHTT - Tiếp cận từ triết lý pháp luật và thực tiễn pháp lý”, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
58. Lê Thị Lộc (2019), “Pháp luật và thực trạng vi phạm QTG, QLQ có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam - Giải pháp khắc phục”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội
59. Nguyễn Thái Mai (2019), “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về QTG và QLQ từ các quy định của CPTPP”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 11/2019

60. Trần Văn Nam (2014) chủ biên, “QTG ở Việt Nam - Pháp luật và thực thi”, Nhà xuất bản Tư pháp
61. Nguyễn Văn Nam (2017), “QTG: Đường hội nhập không trái hoa hồng”, Nxb. Trẻ.
62. Lê Nét (2006), “Quyền Sở hữu trí tuệ”, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
63. Nguyễn Thị Hồng Nhung (2015), “QTG trong không gian ảo”, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh
64. Việt Quang, “Sóng sạch World Cup và nạn xâm phạm bản quyền”, Báo Nhân dân ngày 26 tháng 6 năm 2018.
65. Dương Xuân Sơn (2011), “Giáo trình báo chí truyền hình”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội
66. Hoàng Minh Thái (2010), “Thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG ở Việt Nam hiện nay”, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh
67. Nguyễn Bích Thảo (2022), “Hoàn thiện các quy định về bảo vệ quyền SHTT nhằm thực thi các cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”, Tạp chí Khoa học, Đại học quốc gia, số 3 năm 2022
68. Nguyễn Thị Tuyết, “Chia sẻ dữ liệu trong môi trường Internet và vấn đề liên quan đến QTG”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 1/2010
69. Vũ Thị Hải Yến (2016), “Chồng lán trong bảo hộ QTG và quyền sở hữu công nghiệp”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật - Số 4/2016, Hà Nội
70. Vũ Thị Hải Yến, “Bàn về quy định của Luật SHTT Việt Nam về giới hạn QTG, QLQ”, Tạp chí Luật học , số 07/2010
71. Vũ Thị Hải Yến (2021), “Một số vướng mắc, bất cập trong quy định của Luật SHTT về nội dung QTG và hướng hoàn thiện”, Tạp chí Luật học số 10/2021

72. Vũ Thị Hải Yến (2021), “Một số góp ý sửa đổi quy định của Luật SHTT về chủ thể của QTG”, Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, Số 9 (148), 2021, Thành phố Hồ Chí Minh
73. Vũ Thị Hải Yến (2021), “Một số góp ý sửa đổi quy định của Luật SHTT về nội dung QTG”, Tạp chí Luật học, số 10/2021, Hà Nội
74. Vũ Thị Hải Yến (2022), "Những vấn đề mới về quyền tự bảo vệ trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam", kỷ yếu hội thảo "Pháp luật sở hữu trí tuệ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0", Trường Đại học Luật Hà Nội
75. WIPO (2006), “Cẩm nang sở hữu trí tuệ: Chính sách, pháp luật và áp dụng” năm 2006 của Tổ chức SHTT Thế giới, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội
76. Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch (2020), Báo cáo “Hội nghị tổng kết 10 năm thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về QTG, QLQ” ngày 19/8/2020, Hà Nội
77. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình “Luật Sở hữu trí tuệ”, Nxb Công an nhân dân.
78. Báo cáo tình hình thực thi quy định pháp luật về Sở hữu trí tuệ tại Đài Truyền hình Việt Nam 2021
79. Kỷ yếu Hội thảo “Hợp tác bảo hộ QTG, QLQ Việt Nam – Hàn Quốc năm 2015” do Cục Bản quyền tác giả, Văn phòng Đại diện Ủy ban bản QTG Hàn Quốc tại Việt Nam và các cơ quan hữu quan tổ chức
80. Kỷ yếu Hội thảo “QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số và các hiệp ước về internet” do Cục Bản quyền tác giả Việt Nam và Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới WIPO tổ chức ngày 6/12/2017
81. Vụ pháp Luật Quốc tế, Bộ Tư pháp (2005), “Bình luận về QTG theo pháp luật Việt Nam”, Nhà xuất bản Tư pháp

Tiếng nước ngoài

82. Abbe Brown, Smita Kheria, Jane Cornwell, và Marta Iljadica (2019), Contemporary Intellectual Property: Law and Policy, Oxford University Press.

83. Bettig, Ronald V. (1996). *Copyrighting Culture: The Political Economy of Intellectual Property*. Boulder, Colorado: Westview Press
84. Chawla, Alka (2007), “Copyright and Related Rights – National and International Perspectives”, MacMillan India Ltd., India
85. Chawla, Alka (2012), “Law of Copyright: Comparative Perspectives”, Nxb LexisNexis India, Gurgaon
86. Cynthia Amutete (2020), “Copyright in Digital Television Broadcasting in Kenya: An Analysis of the Royal Media Services Case”, *Strathmore Law Journal*.
87. Davies, Gillian (2002), “Copyright and Public Interest”, Sweet. & Maxwell, London
88. David Bainbridge (2018), *Intellectual Property*, Pearson Education
89. Diggs-Brown và Barbara (2011), *Strategic Public Relations: Audience Focused Practice*, Cengage Learning
90. Emily M. Lanza (2014), “Aereo and FilmOn X: Internet Television Streaming and Copyright Law”, Congressional Research Service
91. Finn Schadlich (2020), “The Creation and Consumption of Works in the Digital Era: Copyright Solutions between Private Ordering and Legislative Changes”, *Anglo-German Law Journal*
92. Julie E. Cohen và Lydia P. Loren (2015), “Copyright in A Global Information Economy”, Nxb Wolters Kluwer Law and Business
93. Mihály Ficsor (2002), “The Law of Copyright and the Internet: The 1996 WIPO Treaties, Their Interpretation and Implementation”, Nxb Oxford University Press
94. Neta-li E. Gottlieb (2010), “Free to Air? Legal Protection for TV Program Formats”, *Trường Đại học Luật Chicago (Mỹ)*
95. Nikki R. Breeland (2019), “Bad Blood: Reconciling the Recording Industry and Copyright Protections on the Internet”, *Florida Coastal Law Review*

96. Pascal Kamina (2016), “Film Copyright in the European Union - Cambridge Intellectual Property and Information Law”, Nxb Cambridge University Press
97. Peter Drahos (1996), “A Philosophy of Intellectual Property”, Dartmouth Publishing, Aldershot, tr.72-91
98. Ploman, Edward W., and L. Clark Hamilton (1980), “Copyright: Intellectual Property in the Information Age”, London: Routledge & Kegan Paul
99. Ronan, Deazley (2006), “Rethinking copyright: history, theory, language”, Edward Elgar Publishing
100. Sukhpreet Singh (2010), “The Protection of Television Formats: Intellectual Property & Market based Strategies”, Trường Đại học Bournemouth (Vương quốc Anh)
101. William M. Landes & Richard A. Posner (2003), “The Economic Structure of Intellectual Property”, của Belknap Press of Harvard University Press

C. Website

102. <http://thanhtra.most.gov.vn>
103. <https://phapluatbanquyen.phaply.vn>
104. <https://vietnamnet.vn>
105. <https://vov.vn>
106. <https://tuoitre.vn>
107. <https://vneconomy.vn>
108. <http://daidoanket.vn>
109. <https://www.brandsvietnam.com>
110. <https://giaoducthoidai.vn>
111. <https://vtv.vn>
112. <https://vietnamnet.vn>

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

TT	Tên bài báo	Tên tạp chí	Số tạp chí, Năm công bố
1	Định dạng chương trình truyền hình - Tài sản trí tuệ mới cần được bảo hộ	Tạp chí Luật học	Số 8/2017
2	Chương trình truyền hình – Đối tượng bảo hộ của quyền tác giả, quyền liên quan	Tạp chí Luật học	Tháng 6.2022

PHỤ LỤC

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan

Nghiên cứu về vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đã nhận được sự quan tâm chú ý của các chuyên gia, các nhà khoa học trên thế giới. Các nghiên cứu này đã cho thấy: cơ chế bảo hộ QTG, QLQ ở mỗi quốc gia là khác nhau và chịu ảnh hưởng rất lớn từ sự phát triển kinh tế xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ và luật pháp của nước sở tại về bảo hộ QTG, QLQ. Cụ thể như sau:

Chawla trong cuốn sách chuyên khảo “Copyright and Related Rights - National and International Perspectives”¹⁶¹ đã phân tích đầy đủ và toàn diện về QTG và QLQ. Trong đó, nội dung quyền và giới hạn quyền và những chủ thể khác đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt tác phẩm đến công chúng như nhà xuất bản, tổ chức phát sóng, nhà sản xuất phim và bản ghi âm, ghi hình, nhà quản lý sự kiện. Cuốn sách cũng đề cập đến những thách thức mà pháp luật về QTG, QLQ đang phải đối mặt trong bối cảnh công nghệ kỹ thuật số và Internet ngày một phát triển. Theo đó, Chawla đã dành một chương để giải thích rõ vấn đề quyền của tác giả đối với tác phẩm được tải lên trên Internet. Từ đó, đưa ra các giải pháp khả thi nhằm khắc phục những khó khăn mà pháp luật về QTG, QLQ gặp phải trong môi trường Internet. Đặc biệt, cuốn sách cũng thông qua phân tích Đạo luật về QTG năm 1957 trong mối tương quan với các ĐUQT như Công ước Berne, UCC, TRIPS 1994 và pháp luật của các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ và Anh. Bên cạnh đó, các chủ đề như: lịch sử phát triển, chủ thể, quyền và giới hạn quyền, vai trò xã hội trong việc bảo hộ QTG, QLQ, các thách thức, hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực thi pháp luật và biện pháp khắc phục cũng được tác giả đề cập đến.

¹⁶¹ Chawla, Alka (2007), “*Copyright and Related Rights – National and International Perspectives*”, MacMillan India Ltd., India

Các vấn đề cơ bản về QTG, QLQ, bao gồm vai trò về kinh tế và xã hội của QTG, QLQ, trong mối liên hệ với lợi ích của cộng đồng đã được Davies, Gillian phân tích trong cuốn sách “Copyright and Public Interest” (2002)¹⁶². Cuốn sách bao gồm bốn phần. Phần I giới thiệu khái niệm về lợi ích cộng đồng trong hệ thống lý luận về QTG, QLQ và chỉ ra các nguyên tắc cơ bản tác động đến pháp luật về QTG, QLQ. Phần II đánh giá khái niệm về lợi ích cộng đồng trong lịch sử phát triển của QTG, QLQ ở Anh, Hoa Kỳ, Pháp và Đức. Phần III đề cập đến QTG, QLQ trong mối quan hệ với chính sách công, phân tích vai trò kinh tế của QTG, QLQ. Phần IV là nội dung dự đoán về sự phát triển của QTG, QLQ trong tương lai. Trong đó, sự tác động của CNTT số đối với QTG, QLQ được xem xét một cách toàn diện, từ đó, đề ra giải pháp hoàn thiện khung pháp lý để bảo vệ QTG, QLQ trong môi trường Internet. Ngoài ra, cuốn sách cũng đề cập đến những nội dung mới trong pháp luật quốc tế, như Hiệp ước Internet WIPO năm 1996 và Chỉ thị của Liên minh Châu Âu về QTG, QLQ trong Xã hội Thông tin năm 2001, là những văn bản đã ghi nhận lợi ích cộng đồng trong công tác bảo hộ QTG, QLQ.

Giáo trình “Luật Sở hữu trí tuệ” của Trường Đại học Luật Hà Nội¹⁶³ đã thông qua khái quát các vấn đề lý luận chung về QTG, QLQ; xác lập, đăng ký, quản lý tập thể QTG, QLQ; xâm phạm QTG, QLQ và bảo hộ QTG, QLQ theo các ĐƯQT; chuyển giao QTG, QLQ và thực thi QTG, QLQ.

Trong cuốn sách chuyên khảo “Quyền sở hữu trí tuệ” tác giả Lê Nét¹⁶⁴ cũng đã đưa ra khái niệm pháp lý về QTG, QLQ, chỉ ra các yếu tố cấu thành của quan hệ pháp luật về QTG, QLQ. Công trình cũng chỉ ra hai đặc trưng của cơ chế bảo hộ QTG, QLQ, đó là: QTG, QLQ chỉ bảo hộ hình thức sáng tạo, không bảo hộ nội dung sáng tạo và QTG, QLQ được bảo hộ phải có tính nguyên gốc. Đồng thời, tác giả cũng khẳng định QTG, QLQ được bảo hộ theo những nguyên

¹⁶² Davies, Gillian (2002), “*Copyright and Public Interest*”, Sweet. & Maxwell, London

¹⁶³ Giáo trình “*Luật Sở hữu trí tuệ*” của Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), Nxb Công an nhân dân

¹⁶⁴ Lê Nét (2006), “*Quyền Sở hữu trí tuệ*”, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

tắc chung của Bộ luật Dân sự. Có nghĩa là nhà nước không bảo hộ QTG, QLQ có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội, đi ngược lại với lợi ích của cộng đồng, xã hội.

Các học thuyết nền tảng của bảo hộ quyền QTG, QLQ như: Học thuyết tự do sáng tạo; Học thuyết pháp luật tự nhiên; Học thuyết cân bằng lợi ích;... đã được phân tích làm rõ trong các công trình nghiên cứu như: “Sự xung đột giữa quyền con người và quyền SHTT - Tiếp cận từ triết lý pháp luật và thực tiễn pháp lý” (2020) của ĐH Quốc gia Hà Nội¹⁶⁵; Sách “Rethinking copyright: history, theory, language” (2006) của Ronan, Deazley, Edward Elgar Publishing¹⁶⁶....

Vũ Mạnh Cường trong cuốn “Cẩm nang QTG” (2010)¹⁶⁷ đã trình bày khái quát về QTG, QLQ, các công ước và các hiệp định quốc tế về QTG, QLQ. Ngoài ra, cuốn sách cũng giới thiệu một số tình huống thường gặp trong hoạt động xuất bản, đồng thời, cung cấp các mẫu hợp đồng liên quan đến các hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao QTG, QLQ, hoạt động sáng tạo tác phẩm và hợp đồng sử dụng tác phẩm.

1.2. Nhóm công trình nghiên cứu những vấn đề thực tiễn về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan

Tác giả Mihály Ficsor (2002) trong cuốn chuyên khảo “The Law of Copyright and the Internet: The 1996 WIPO Treaties, Their Interpretation and Implementation”¹⁶⁸ đã phân tích các công trình nghiên cứu của hai hiệp ước chính của Tổ chức SHTT thế giới WIPO là WCT và WPPT. Đây được xem là hai hiệp ước được hình thành nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh xung quanh việc

¹⁶⁵ Trần Kiên (chủ biên) (2020), “Sự xung đột giữa quyền con người và quyền SHTT - Tiếp cận từ triết lý pháp luật và thực tiễn pháp lý”, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội

¹⁶⁶ Ronan, Deazley (2006), “Rethinking copyright: history, theory, language”, Edward Elgar Publishing

¹⁶⁷ Vũ Mạnh Cường (2010), “Cẩm nang QTG”, Nhà xuất bản Giáo dục

¹⁶⁸ Mihály Ficsor (2002), “The Law of Copyright and the Internet: The 1996 WIPO Treaties, Their Interpretation and Implementation”, Nxb Oxford University Press

bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường Internet và trong bối cảnh các công nghệ khai thác QTG, QLQ ngày một phát triển.

William Landes và Richard Posner¹⁶⁹ khi nghiên cứu về luật bản quyền đã chỉ rõ, đặc điểm khác biệt của các sản phẩm trí tuệ chính là chúng rất dễ dàng bị sao chép. Điều đó tạo ra mối quan ngại cho người sáng tạo rằng họ sẽ không thể hưởng thụ những thành quả sau quá trình lao động, sáng tạo của mình, không thể thu lại những “chi phí” mà họ đã bỏ ra (như thời gian và nỗ lực dành cho việc viết hoặc sáng tác và chi phí thương lượng với nhà xuất bản và công ty thu âm). Sản phẩm của họ sẽ bị cắt xén bởi những người sao chép chỉ phải chịu mức chi phí rất thấp trong khâu sản xuất và do đó có thể cung cấp cho người tiêu dùng những sản phẩm giống hệt với mức giá thấp hơn. Nếu pháp luật không có một hành lang pháp lý rõ ràng và chặt chẽ, tâm lý quan ngại này sẽ ngăn cản quá trình sáng tạo ra các sản phẩm trí tuệ có giá trị cho xã hội. Vì vậy, để tránh những tác động tiêu cực về mặt kinh tế này, các nhà làm luật nên trao quyền cho người sáng tạo (trong thời gian giới hạn) quyền độc quyền tạo bản sao các sản phẩm của họ. Đây là phương pháp thu hồi "chi phí" tối ưu nhất vì những phương pháp khác, bằng cách này hay cách khác, đều sẽ gây lãng phí tài nguyên xã hội.

Nguyễn Văn Nam trong cuốn sách “QTG: Đường hội nhập không trái hoa hồng”¹⁷⁰ đã đề cập tới QTG trong hệ thống pháp luật thương mại quốc tế và pháp luật Việt Nam. Đây là một trong những công trình nghiên cứu có giá trị thực tiễn và mang tính cập nhật cao. Theo đó, tác giả đã phân tích và bình luận những điểm giống nhau và khác nhau giữa pháp luật về QTG của Việt Nam và pháp luật về QTG của một số nước trên thế giới. Tác giả cho rằng, pháp luật về QTG của Việt Nam chỉ mới được hình thành, do đó, còn tồn tại nhiều điểm sơ hở, nhiều quy định chưa chặt chẽ, cũng như chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của xã hội. Một ví dụ tiêu biểu được tác giả nêu ra là sự khác biệt giữa Luật

¹⁶⁹ William M. Landes & Richard A. Posner (2003), “The Economic Structure of Intellectual Property”, của Belknap Press of Harvard University Press

¹⁷⁰ Nguyễn Văn Nam (2017), “QTG: Đường hội nhập không trái hoa hồng”, Nxb. Trẻ

SHTT 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 của Việt Nam và Công ước Berne về định nghĩa thế nào là một tác phẩm. Ngoài ra, tác giả cũng nêu ra và nghiên cứu một số trường hợp thực tế điển hình có liên quan đến QTG, đồng thời bình luận các vấn đề lý luận và liên hệ thực tiễn trên cơ sở so sánh giữa pháp luật Việt Nam, pháp luật Đức và công ước Berne. Nhiều vụ tranh chấp, vụ án điển hình cũng được đề cập đến để minh họa về việc áp dụng pháp luật về QTG.

Các tác phẩm: “QTG trong không gian ảo” của tác giả Nguyễn Thị Hồng Nhung (2015)¹⁷¹; “QTG ở Việt Nam - Pháp luật và thực thi” của Trần Văn Nam (2014)¹⁷² là những ấn phẩm chuyên khảo về QTG, đi sâu cung cấp cho người đọc một cái nhìn khái quát về QTG và mạng không gian ảo. Cũng như các công trình nghiên cứu về QTG khác, một trong số những điểm trọng tâm của những cuốn sách này là trình bày những đặc quyền và ngoại lệ của QTG như: các quyền thân nhân, quyền tài sản thuộc QTG, hợp đồng chuyển giao QTG, quản lý tập thể QTG, trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến việc khai thác tác phẩm trên mạng Internet, các biện pháp chế tài đối với hành vi xâm phạm quyền... Đồng thời, tác giả đã phân tích thực trạng hoạt động thực thi pháp luật về QTG tại Việt Nam để chỉ ra những điểm tồn tại, bất cập trong các quy định của pháp luật cũng như trong hoạt động thực thi QTG. Trên cơ sở đó, nêu ra những giải pháp có giá trị thực tiễn và tính khả thi cao nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về QTG và nâng cao hiệu quả của hoạt động thực thi các quy định về QTG của chủ thể quyền cũng như các cơ quan thực thi có thẩm quyền.

Ở cấp độ luận án tiến sĩ, liên quan đến vấn đề bảo hộ QTG có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như:

Hoàng Minh Thái trong luận án tiến sĩ luật học “Thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG ở Việt Nam hiện nay”¹⁷³ đã xác định được các đặc điểm của việc

¹⁷¹ Nguyễn Thị Hồng Nhung (2015), “*QTG trong không gian ảo*”, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

¹⁷² Trần Văn Nam (2014) chủ biên, “*QTG ở Việt Nam - Pháp luật và thực thi*”, Nhà xuất bản Tư pháp

¹⁷³ Hoàng Minh Thái (2010), “*Thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG ở Việt Nam hiện nay*”, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh

thực hiện pháp luật về QTG, phân tích và làm rõ thực trạng quy định của pháp luật về QTG cũng như thực trạng thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG. Theo đó, các đặc điểm của thực hiện pháp luật về QTG bao gồm tính pháp luật, tính xã hội, tính tự giác, tính đạo đức được tiến hành dưới bốn hình thức là tuân thủ pháp luật, thi hành pháp luật và áp dụng pháp luật. Luận án tập trung đi sâu phân tích yếu tố đảm bảo thực thi pháp luật về QTG cũng như cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật về QTG. Ngoài ra, luận án cũng đã đóng góp tích cực cho việc đảm bảo thực hiện pháp luật về QTG bằng cách chỉ ra các yêu cầu chủ quan và khách quan của hoạt động này, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay tại Việt Nam. Từ đó, tìm ra các giải pháp mang tính khả thi nhằm đảm bảo việc thực hiện pháp luật về QTG. Những nội dung trọng tâm nêu trên của luận án có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu đề tài bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH của NCS. Tuy nhiên, những kết quả nghiên cứu của luận án chỉ giới hạn trong hoạt động thực hiện pháp luật và thực thi QTG, các vấn đề quan trọng khác như đặc điểm của QTG, QLQ, quy định về bảo hộ QTG, QLQ và thực thi bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH vẫn chưa được tác giả nghiên cứu.

Ngoài ra, còn có một số bài viết đăng trên các tạp chí nghiên cứu khoa học có thể kể đến như: Nguyễn Thái Mai trong bài viết “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về QTG và QLQ từ các quy định của CPTPP” đăng trên tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 11/2019¹⁷⁴; Nguyễn Thị Tuyết trong bài viết “Chia sẻ dữ liệu trong môi trường Internet và vấn đề liên quan đến QTG” đăng trên tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 1/2010¹⁷⁵; Nguyễn Thị Hải Vân trong “Bảo hộ QTG trong môi trường kỹ thuật số: nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng luật Hadopi của Cộng hòa Pháp” đăng trên trang thông tin pháp

¹⁷⁴ Nguyễn Thái Mai (2019), “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về QTG và QLQ từ các quy định của CPTPP”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, số 11/2019, trang 18 -27

¹⁷⁵ Nguyễn Thị Tuyết, “Chia sẻ dữ liệu trong môi trường Internet và vấn đề liên quan đến QTG”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 1/2010, trang 51 - 57

luật dân sự¹⁷⁶; Trần Văn Hải trong “Những bất cập trong quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành về QTG, QLQ” đăng trên tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 7/2010¹⁷⁷ ... Trong khuôn khổ những bài viết này, các tác giả đều đã đi sâu phân tích những vấn đề liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ ở Việt Nam hiện nay, cũng như chỉ ra một số điểm bất cập hoặc chưa phù hợp của Luật SHTT liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ.

Bài viết “Bàn về quy định của Luật SHTT Việt Nam về giới hạn QTG, QLQ”, Tạp chí Luật học, số 07/2010 của tác giả Vũ Thị Hải Yến¹⁷⁸ đã phân tích và phát hiện ra điểm bất cập trong quy định về giới hạn QTG, QLQ trong Luật SHTT thông qua việc áp dụng quy định để giải quyết tranh chấp trong thực tiễn. Tác giả cũng so sánh với quy định của pháp luật quốc tế để làm cơ sở cho các kiến nghị của mình.

Bài viết “Bảo hộ QTG, QLQ trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương”, Nguyễn Huy Hoàng, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 3/2017¹⁷⁹ đã phân tích, so sánh quy định về bảo hộ QTG, QLQ trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương để chỉ ra những thách thức trong việc hoàn thiện pháp luật về QTG, QLQ nhằm bảo đảm tính tương thích với các Hiệp định thương mại tự do này.

1.3. Nhóm công trình nghiên cứu về chương trình truyền hình và hoạt động truyền hình

Hiện nay, hầu như chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào xem xét và nghiên cứu các vấn đề lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình dưới góc độ pháp lý. Mặc dù vậy, những lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình đã xuất

¹⁷⁶ Nguyễn Thị Hải Vân, “Bảo hộ QTG trong môi trường kỹ thuật số: nghiên cứu kinh nghiệm áp dụng luật Hadopi của Cộng hòa Pháp” của tác giả tiến sĩ đăng trên trang thông tin pháp luật dân sự tại địa chỉ: <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2016/08/17/bao-ho-quyen-tc-gia-trong-mi-truong-ky-thuat-so-nghin-cuu-kinh-nghiem-p-dung-luat-hadopi-cua-cong-ha-php/>, truy cập ngày 28/10/2022

¹⁷⁷ Trần Văn Hải, “Những bất cập trong quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam hiện hành về QTG, QLQ”, tạp chí Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 7/2010, trang 13 - 18

¹⁷⁸ Vũ Thị Hải Yến, “Bàn về quy định của Luật SHTT Việt Nam về giới hạn QTG, QLQ”, Tạp chí Luật học, số 07/2010

¹⁷⁹ Nguyễn Huy Hoàng “Bảo hộ QTG, QLQ trong Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 3/2017

hiện nhiều trong các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực báo chí truyền thông. Tiêu biểu, liên quan đến những vấn đề lý luận (khái niệm, đặc điểm, phân loại,...) về CTTH và hoạt động truyền hình, có thể kể đến những công trình sau:

Cuốn sách “Giáo trình báo chí truyền hình” của tác giả Dương Xuân Sơn, xuất bản bởi NXB. Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2011¹⁸⁰. Đây là một trong những công trình nghiên cứu một cách toàn diện các vấn đề của báo chí truyền hình bao gồm vị trí, vai trò, lịch sử ra đời và phát triển của truyền hình, khái niệm, đặc trưng, nguyên lý của truyền hình, chức năng xã hội, kịch bản, quy trình sản xuất CTTH, các thể loại báo chí truyền hình. Trong đó, tác giả đưa ra định nghĩa CTTH, đồng thời chỉ ra các đặc điểm của CTTH như tính thời sự, tính phổ cập và quảng bá,... Tuy nhiên, khái niệm và đặc điểm của CTTH và hoạt động truyền hình được đề cập và nghiên cứu trong cuốn sách dưới góc độ khoa học báo chí, truyền thông, mà không được đi sâu tìm hiểu và phân tích trên phương diện khoa học pháp lý.

Cuốn sách “Sản xuất chương trình truyền hình” của tác giả Trần Bảo Khánh, được xuất bản bởi Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin năm 2003¹⁸¹. Đây là cuốn sách giới thiệu chung về CTTH, quy trình sản xuất một CTTH, công nghệ sản xuất các CTTH, công nghệ phân phối các CTTH, một số thiết bị tiền kỳ và hậu kỳ trong công nghệ sản xuất CTTH.

Cuốn “Giáo trình báo chí truyền hình”¹⁸² của tác giả Dương Xuân Sơn, mặc dù không phải là công trình nghiên cứu trong lĩnh vực pháp lý, nhưng, thông qua các vấn đề nghiên cứu về CTTH của cuốn sách này đã hỗ trợ rất nhiều cho tác giả trong việc nắm được khái niệm và đặc điểm của CTTH và hoạt động truyền hình, cũng như quy trình sản xuất và cách thức khai thác, phân phối một CTTH.... Đây là cơ sở giúp NCS xác định được vai trò và nội dung bảo hộ QTG, QLQ đối với hoạt động truyền hình, cũng như tìm ra các yếu tố đặc thù gây khó

¹⁸⁰ Dương Xuân Sơn (2011), “Giáo trình báo chí truyền hình”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

¹⁸¹ Trần Bảo Khánh (2003), “Sản xuất chương trình truyền hình”, Nhà xuất bản Văn hoá Thông tin

¹⁸² Dương Xuân Sơn (2011), “Giáo trình báo chí truyền hình”, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội

khăn cho việc thực thi các quy định về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH trong quá trình đó.

1.4. Nhóm công trình nghiên cứu về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với chương trình truyền hình

Các công trình công bố tại nước ngoài tiêu biểu như: cuốn sách “Copyright: Intellectual Property in the Information Age” của Ploman, Edward W., and L. Clark Hamilton do London: Routledge & Kegan Paul ấn hành năm 1980¹⁸³; Sách “Rethinking copyright: history, theory, language” của Ronan, Deazley, Edward Elgar Publishing năm 2006¹⁸⁴; Sách “A Philosophy of Intellectual Property” của Peter Drahos (ANU Press 2016)¹⁸⁵; Sách The Economic Structure of Intellectual Property, của William M. Landes & Richard A. Posner, Belknap Press of Harvard University Press, 2003¹⁸⁶; Sách A Philosophy of Intellectual Property, của Peter Drahos, Dartmouth Publishing, Aldershot, 1996¹⁸⁷... Các công trình kể trên đã làm rõ lĩnh vực bảo hộ của QTG đối với những sản phẩm sáng tạo chủ yếu thuộc lĩnh vực văn hóa, liên quan đến truyền thông đại chúng. Các công trình nghiên cứu này đã chỉ ra những vấn đề phát sinh trong bảo hộ QTG, QLQ đối với các sản phẩm nghệ thuật sáng tạo. Những vấn đề bảo hộ QTG, QLQ này không chỉ ở một quốc gia mà cần có sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các tập đoàn viễn thông trong phòng chống xâm phạm QTG, QLQ.

Bảo hộ QTG đối với định dạng CTTH là vấn đề đặt ra không chỉ của riêng Việt Nam, mà còn là vấn đề của toàn thế giới. Trên thế giới đã có nhiều công

¹⁸³ Cuốn sách “*Copyright: Intellectual Property in the Information Age*” của Ploman, Edward W., and L. Clark Hamilton do London: Routledge & Kegan Paul ấn hành năm 1980

¹⁸⁴ Ronan, Deazley, Edward Elgar Publishing (2006), “*Rethinking copyright: history, theory, language*”, <https://www.elgar.com/shop/gbp/rethinking-copyright-9781845422820.html>, Truy cập tháng 10/2020

¹⁸⁵ Peter Drahos (ANU Press 2016), “*A Philosophy of Intellectual Property*”, <https://translate.google.com/website?sl=en&tl=vi&hl=vi&prev=search&u=http://press.anu.edu.au/publications/philosophy-intellectual-property>, Truy cập tháng 10 năm 2020

¹⁸⁶ William M. Landes & Richard A. Posner (2003), “*The Economic Structure of Intellectual Property* Belknap Press of Harvard University Press

¹⁸⁷ Peter Drahos (1996), “*A Philosophy of Intellectual Property*”, Dartmouth Publishing, Aldershot, tr.72-91

trình nghiên cứu về định dạng CTTH như tác phẩm “Free to Air? Legal Protection for TV Program Formats” (2010) của Neta-li E. Gottlieb - Trường Đại học Luật Chicago (Mỹ)¹⁸⁸, “The Protection of Television Formats: Intellectual Property & Market based Strategies” (2010) của Sukhpreet Singh - Trường Đại học Bournemouth (Vương quốc Anh)¹⁸⁹... và cả các báo cáo của Hiệp hội Công nhận và Bảo vệ Định dạng FRAPA hợp tác với Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới WIPO.

Kể từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới vào năm 2005, gia nhập Công ước Berne bảo hộ các tác phẩm văn học, khoa học và nghệ thuật cuối năm 2004, vấn đề bảo hộ QTG, QLQ ngày càng thu hút được sự quan tâm của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đối với các CTTH còn khá mới mẻ và hầu như chưa được đề cập đến. Các nghiên cứu về bảo hộ QTG, QLQ đang chủ yếu tập trung đến các vấn đề bảo hộ QTG, QLQ trong bối cảnh chuyển đổi số hoặc các vấn đề về bảo hộ QTG, QLQ đối với các tác phẩm điện ảnh, định dạng CTTH, chủ thể phát sóng... Cụ thể như sau:

Ở cấp độ bài báo khoa học, tham luận hội thảo, liên quan đến vấn đề bảo hộ QTG, QLQ có thể kể đến một số công trình tiêu biểu sau:

Bài viết “Bảo hộ QTG và QLQ trong lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình – những vấn đề lý luận và thực tiễn” của Tiến sĩ Nguyễn Thị Quế Anh, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ

¹⁸⁸ Neta-li E. Gottlieb (2010), “*Free to Air? Legal Protection for TV Program Formats*”, Trường Đại học Luật Chicago (Mỹ)

¹⁸⁹ Sukhpreet Singh (2010), “*The Protection of Television Formats: Intellectual Property & Market based Strategies*”, Trường Đại học Bournemouth (Vương quốc Anh)

nhiệm)¹⁹⁰, đã thông qua thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ tại Việt Nam, đề cập và phân tích thực tiễn hoạt động bảo hộ QLQ trong lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình. Trong đó, một số vụ việc tranh chấp điển hình liên quan đến QLQ trong lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình (tranh chấp QLQ giữa Hiệp hội Công nghiệp Ghi âm Việt Nam (RIAV) và ca sĩ Mỹ Tâm, tranh chấp QLQ giữa RIAV và NOKIA cùng FPT online) được tác giả đi sâu thảo luận để làm rõ thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ.

Bài viết “Bảo vệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình” của tác giả Nguyễn Văn Giang, Đài Truyền hình Việt Nam (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm)¹⁹¹. Bài viết có phạm vi nghiên cứu là thực trạng bảo hộ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình. Theo đó, tác giả đã phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ dưới góc độ của các chủ thể tham gia vào hoạt động này. Cụ thể, tác giả đã phân tích thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ với tư cách người sử dụng tác phẩm để phát sóng, bao gồm hoạt động bảo hộ QTG, QLQ đối với tiếp sóng, phát sóng các chương trình, kênh chương trình của các Đài Truyền hình, hãng truyền thông quốc tế dưới hình thức mua bản quyền hoặc thoả thuận được tiếp sóng, phát sóng và bảo hộ QTG, QLQ với tư cách là người sử dụng các tác phẩm của các Đài truyền hình, các tác giả trong nước để tiếp sóng, phát sóng và sản xuất chương trình để phát sóng. Hơn nữa, tác giả cũng đã thảo luận về thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của Đài Truyền hình Việt Nam với tư cách là chủ sở hữu CTPS bằng việc đi sâu phân tích các vụ việc và

¹⁹⁰ Nguyễn Thị Quế Anh (2010), “*Bảo hộ QTG và QLQ trong lĩnh vực xuất bản, sản xuất bản ghi âm, ghi hình – những vấn đề lý luận và thực tiễn*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “*Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

¹⁹¹ Nguyễn Văn Giang (2010), “*Bảo vệ QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình*”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường “*Bảo hộ QTG và QLQ ở Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2010, do Tiến sĩ Vũ Thị Hải Yến làm chủ nhiệm

hình thức xâm phạm điển hình, phổ biến về QTG, QLQ của các tổ chức, cá nhân đối với Đài truyền hình Việt Nam và các hình thức xử lý vi phạm của Đài truyền hình Việt Nam đối với các đơn vị, cá nhân có hành vi xâm phạm QTG, QLQ thuộc quyền sở hữu của Đài truyền hình Việt Nam.

Ngoài ra, còn có một số luận văn thạc sĩ luật học nghiên cứu đến một số vấn đề liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ đối với các sản phẩm văn hóa như: Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc trong môi trường Internet ở Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới” năm 2018 của tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Đại học Luật Hà Nội¹⁹²; Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam” năm 2018 của tác giả Nguyễn Văn Bình, Trường đại học Luật – Đại học Huế¹⁹³; Luận văn thạc sĩ luật học “Bảo hộ QTG đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam” năm 2016 của tác giả Nguyễn Minh Hải, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội¹⁹⁴; Luận văn thạc sĩ luật học “Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số nước về bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc” năm 2016 của tác giả Trần Thị Thùy Dương, Khoa Luật, Đại học quốc gia Hà Nội¹⁹⁵; Luận văn thạc sĩ Luật học “Pháp luật và thực trạng vi phạm QTG, QLQ có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam - Giải pháp khắc phục” năm 2019 của tác giả Lê Thị Lộc, Đại học Luật Hà Nội¹⁹⁶. Các luận văn này đều đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận chung về bảo hộ QTG, QLQ, những thực trạng đang tồn tại trong bảo hộ QTG, QLQ đối với một số lĩnh vực cụ thể, từ đó đưa ra giải pháp

¹⁹² Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2018), “*Bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc trong môi trường Internet ở Việt Nam và kinh nghiệm từ một số quốc gia trên thế giới*”, Đại học Luật Hà Nội

¹⁹³ Nguyễn Văn Bình (2018), “*Bảo hộ QTG, QLQ trong môi trường kỹ thuật số ở Việt Nam*”, Trường đại học Luật – Đại học Huế

¹⁹⁴ Nguyễn Minh Hải (2016), “*Bảo hộ QTG đối với tác phẩm báo chí theo pháp luật Việt Nam*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹⁹⁵ Trần Thị Thùy Dương (2016), “*Pháp luật quốc tế và kinh nghiệm một số nước về bảo hộ QTG đối với tác phẩm âm nhạc*”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

¹⁹⁶ Lê Thị Lộc (2019), “*Pháp luật và thực trạng vi phạm QTG, QLQ có yếu tố nước ngoài trong lĩnh vực truyền hình tại Việt Nam - Giải pháp khắc phục*”, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội

nhằm hoàn thiện hoặc nâng cao hơn nữa việc áp dụng pháp luật trong bảo hộ QTG, QLQ.

2. Những kết quả nghiên cứu luận án kế thừa và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

2.1. Những kết quả nghiên cứu kế thừa

Thứ nhất, về những vấn đề lý luận về QTG, QLQ. Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến những vấn đề lý luận về QTG, QLQ. Đây là nguồn tài liệu hữu ích để NCS kế thừa, tham khảo có chọn lọc và phát triển trong nghiên cứu của mình. Tuy nhiên, các công trình vẫn chưa nghiên cứu một cách đầy đủ và có tính hệ thống về cơ sở lý luận của bảo hộ QTG, QLQ, đặc biệt là nội hàm khái niệm này vẫn có nhiều cách tiếp cận và cách hiểu không thống nhất, cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ.

Thứ hai, đối với những vấn đề thực tiễn về bảo hộ QTG, QLQ cũng nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước. Các nghiên cứu đã tập trung vào phân tích thực trạng pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ, về các thiết chế, các biện pháp bảo vệ quyền SHTT nói chung, QTG, QLQ nói riêng. Luận án sẽ kế thừa và phát triển những nội dung nghiên cứu về khái niệm bảo hộ QTG, QLQ, các biện pháp bảo hộ QTG, QLQ, cơ chế bảo hộ QTG, QLQ để tiếp tục nghiên cứu, lý giải cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, liên quan đến những vấn đề lý luận về CTTH và hoạt động truyền hình, khái niệm và đặc điểm của hoạt động truyền hình và CTTH không phải là vấn đề xa lạ và hiếm gặp trong các công trình nghiên cứu và tài liệu chuyên ngành trong lĩnh vực báo chí truyền thông, tuy nhiên, các nghiên cứu này đang còn rất hạn chế ở các tài liệu giảng dạy, sách tham khảo về cơ sở lý luận đối với CTTH dưới góc độ pháp luật. Đây cũng là cơ sở để luận án tiếp thu, kế thừa làm cơ sở lý luận về CTTH trong luận án.

Thứ tư, đối với các nghiên cứu về thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH: Những thành tựu, cũng như những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập trong các công trình nghiên cứu đa dạng về cấp độ và phong phú về đề tài. Tuy nhiên, những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ mới chỉ được phân tích dưới góc độ khoa học pháp lý về QTG, QLQ nói chung, hoặc xem xét trên phương diện có liên quan đến một số đối tượng bảo hộ cụ thể như tác phẩm âm nhạc, tác phẩm báo chí,... Có thể nói, hiện nay hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào xem xét, phân tích những tồn tại, hạn chế trong quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH cũng như với các quy định chuyên ngành có liên quan đến hoạt động truyền hình.

Đặc biệt, hiện nay hầu như chưa có đề tài nào đề cập đến các vấn đề xác lập quyền, thực trạng xâm phạm và xử lý xâm phạm, thực trạng tranh chấp và giải quyết tranh chấp về QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam một cách sâu rộng và có hệ thống. Các công trình nghiên cứu hiện hữu mới chỉ xem xét và phân tích thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ nói chung hoặc thực tiễn trong một số lĩnh vực có liên quan như lĩnh vực xuất bản, lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát sóng... mà chưa có công trình nào liên quan trực tiếp đến đối tượng là CTTH. Mặc dù lĩnh vực sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cũng có liên quan ở một mức độ nhất định đến hoạt động truyền hình nhưng chỉ là những hoạt động tồn tại độc lập hoặc là hoạt động nhỏ trong chuỗi các hoạt động sản xuất và khai thác CTTH.

Cá biệt có một số rất ít các kết quả nghiên cứu có nội dung QTG, QLQ trong lĩnh vực truyền hình, là nội dung có liên quan mật thiết đến đề tài của luận án. Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ giới hạn mức độ chuyên sâu ở cấp độ bài báo, bài tham luận, mặt khác phạm vi nghiên cứu của đề tài cũng bị giới hạn trong việc phân tích và đánh giá thực trạng hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của tổ

chức phát sóng, một trong rất nhiều chủ thể có liên quan đến QTG, QLQ đối với CTTH. Hoạt động bảo hộ QTG, QLQ của các chủ thể khác đối với CTTH như: tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất CTTH, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, công chúng,... chưa được đề cập.

2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài, Luận án sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển các nội dung nghiên cứu sau đây:

+ Về mặt lý luận, luận án sẽ nghiên cứu để làm rõ các vấn đề như: (i) Các học thuyết làm cơ sở lý luận cho bảo hộ QTG, QLQ; Nguyên tắc bảo hộ QTG, QLQ; (ii) Xây dựng khái niệm CTTH dưới góc độ pháp lý và chỉ ra những đặc trưng cơ bản của CTTH dưới góc độ là đối tượng được bảo hộ QTG, QLQ; (iii) Đưa ra khái niệm về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH và đặc điểm đặc trưng của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Luận án chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa CTTH và CTTH để làm rõ đặc trưng của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

+ Về thực trạng pháp luật bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, luận án chỉ ra quy định của pháp luật SHTT Việt Nam hiện hành liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH về đối tượng được bảo hộ, chủ thể bảo hộ, nội dung bảo hộ, ngoại lệ, giới hạn bảo hộ, hành vi xâm phạm và các biện pháp bảo vệ. Tương ứng với mỗi nội dung, luận án có đưa ra đánh giá về thực trạng pháp luật, từ đó làm cơ sở để đưa ra kiến nghị, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

+ Về thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, luận án xem xét thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH để đánh giá tính khả thi, cũng như phù hợp với quy định của các ĐUQT (đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do) mà Việt Nam là thành viên và pháp luật một số quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở đó, luận án sẽ đề xuất những giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

3. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

3.1. Nền tảng lý thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu về QTG, QLQ và bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH có thể vận dụng lý thuyết trong lịch sử về QTG, QLQ như:

Lý thuyết quyền sở hữu của các nhà xuất bản, thuyết quyền sở hữu tinh thần, thuyết quyền nhân thân, thuyết quyền tài sản phi vật chất (thuyết nhị nguyên), thuyết nhất nguyên, thuyết chủ nhân tác phẩm¹⁹⁷. Đây là những lý thuyết cơ bản đặt nền móng cho bảo hộ QTG, QLQ.

+ Thuyết quyền sở hữu của nhà xuất bản ra đời ở London (Anh) vào năm 1556 do Hiệp hội nhà xuất bản ở Anh khởi xướng¹⁹⁸. Quyền sở hữu của nhà xuất bản thời đó được gọi là “owner of copy”, thực chất là độc quyền sao chép nhân bản tác phẩm. Kể từ đó, danh từ “copyright” ngày càng được sử dụng phổ biến tại Anh, sau đó là tại Mỹ và quốc gia sử dụng tiếng Anh. Với ý nghĩa ban đầu là quyền sao chép, thuật ngữ này ngày nay được sử dụng với ý nghĩa rộng hơn để chỉ QTG, QLQ.

+ Lý thuyết về quyền sở hữu cho lao động trí óc, được gọi là Thuyết quyền sở hữu tinh thần. Thuyết này có ý nghĩa giúp phân biệt bản thảo của tác phẩm (vật thể hữu hình) với tác phẩm (sản phẩm vô hình) và đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa tác giả với tác phẩm.

+ Thuyết quyền nhân thân ra đời vào năm 1785, Immanuel Kant trong bài phê phán việc in sách lậu đã đề ra những cơ sở căn bản cho thuyết về quyền nhân thân, trong đó ông phân biệt hành vi in sách lậu (vi phạm một vật quyền – quyền tài sản) với vi phạm quyền tinh thần (nhân thân) của tác giả. Bảo hộ QTG thực chất là bảo hộ quyền lợi về nhân thân của tác giả đến khi giá trị tinh thần ấy không còn thuộc về người thừa kế của tác giả mà thuộc về công chúng.

¹⁹⁷ Nguyễn Văn Nam (2017), *QTG đường hội nhập không trái hoa hồng*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh. tr.36-43

¹⁹⁸ Bettig, Ronald V. (1996). *Copyrighting Culture: The Political Economy of Intellectual Property*. Boulder, Colorado: Westview Press., tr.11

+ Thuyết quyền tài sản phi vật chất (Thuyết nhị nguyên) hình thành từ chỗ nhận thức rằng QTG, QLQ không thuần túy là quyền tài sản, hay quyền nhân thân. Thuyết này căn bản dựa trên lập luận của triết gia, luật gia nổi tiếng Fichte, Hegel và Schopenhauer¹⁹⁹. Người mua cuốn sách là chủ sở hữu cuốn sách, tức là chủ sở hữu bản vật thể hóa tác phẩm, còn tác giả là người sở hữu cách thức thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm. Arthur Schopenhauer phân biệt rõ ràng hơn giữa sở hữu vật chất và sở hữu tinh thần, theo đó tác giả có quyền sở hữu đối với tác phẩm tinh thần của mình, việc sở hữu không giống với sở hữu một vật thể. Trên cơ sở những lập luận này, Josef Kohler đã hệ thống hóa xây dựng thành Thuyết quyền tài sản phi vật chất của mình. Theo ông, QTG là “quyền đối với một loại tài sản tồn tại bên ngoài con người, nhưng không vật thể, không sờ thấy và nắm bắt được”. Bên cạnh QTG là quyền đối với tác phẩm tinh thần, Josef Kohler cho rằng cũng phải có quyền nhân thân để bảo vệ cá nhân tác giả. Hai loại quyền tài sản và quyền nhân thân của tác giả là không thể tách rời.

+ Thuyết nhất nguyên dựa trên sự hòa trộn không thể tách rời giữa quyền lợi vật chất và tinh thần, hay nói một cách khác, QTG, QLQ là một loại quyền thống nhất không thể tách rời giữa quyền nhân thân và quyền tài sản. Theo thuyết này, các quyền sử dụng, khai thác tác phẩm đều có ảnh hưởng đến các quyền nhân thân, và ngược lại, sự xâm phạm quyền nhân thân có thể dẫn tới bồi thường về vật chất. Ngay cả khi tác giả chuyển nhượng quyền tài sản thì tác giả vẫn có quyền nhân thân đối với tác phẩm gốc. Ngày nay thuyết nhất nguyên còn được áp dụng để lý giải bản chất pháp lý của việc thương mại hóa quyền nhân thân như quyền bảo vệ tên, hình ảnh của người nổi tiếng.

3.2. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, luận án đặt ra các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu như sau:

(1) Về lý luận:

¹⁹⁹ Nguyễn Văn Nam (2017), *QTG đường hội nhập không trái hoa hồng*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.41

Câu hỏi nghiên cứu 1: *CTTH là gì? CTTH có phải là một đối tượng bảo hộ của QTG hay QLQ không? CTTH có những đặc trưng gì ảnh hưởng đến việc xây dựng quy chế pháp lý về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH?*

Giả thuyết nghiên cứu 1: CTTH là sản phẩm sáng tạo bao gồm tập hợp nhiều tác phẩm gắn kết dựa trên một ý tưởng sáng tạo chủ đạo xuyên suốt. CTTH bản thân nó không chỉ là một tác phẩm chung được bảo hộ mà trong đó còn có những tác phẩm cấu thành có thể được bảo hộ độc lập bởi QTG hoặc những đối tượng được bảo hộ QLQ. So với những đối tượng bảo hộ độc lập bởi QTG, QLQ, CTTH mang những đặc trưng riêng về đối tượng bảo hộ, chủ thể sáng tạo và đầu tư.

Câu hỏi nghiên cứu 2: *Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH mang những đặc trưng gì?*

Giả thuyết nghiên cứu 2: Bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH có những đặc trưng riêng: (i) Về đối tượng bảo hộ: CTTH bao gồm tập hợp rất nhiều tác phẩm liên kết với nhau tạo thành một tác phẩm chung thống nhất là CTTH; (ii) Về chủ thể được bảo hộ: Nhiều chủ thể cùng tham gia sáng tạo, sản xuất CTTH, đóng vai trò là TG, CSH QTG, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng và chủ sở hữu CTTH; (iii) Về ngoại lệ, giới hạn bảo hộ quyền: Mục đích chính của các CTTH được sản xuất nhằm phục vụ nhu cầu văn hóa, giải trí, thông tin của công cộng. Bên cạnh đó truyền hình cũng là một nền công nghiệp đem lại lợi ích kinh tế lớn cho các chủ thể quyền, vì vậy ngoại lệ, giới hạn quyền đối với việc bảo hộ CTTH là cần thiết; (iv) Về xác định hành vi xâm phạm: hiện nay với sự phát triển của công nghệ 4.0, việc xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH xảy ra nghiêm trọng và phổ biến, bao gồm xâm phạm về các quyền nhân thân và quyền tài sản của chủ thể quyền khi CTTH được bảo hộ là đối tượng của QTG, QLQ.

(2) Về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật

Câu hỏi nghiên cứu 3: *Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam ra sao? Có những vướng mắc, bất cập gì?*

Giả thuyết nghiên cứu 3: Các quy định pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể được bảo hộ QTG, QLQ. Dẫn đến việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay còn khá hạn chế, thể hiện qua số lượng vụ việc được giải quyết cũng như hiệu quả giải quyết. Do đó, cần có sự nghiên cứu, đánh giá thực trạng pháp luật (trên cơ sở so sánh đối chiếu với quy định của các ĐUQT mà Việt Nam là thành viên) cũng như thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay (thông qua một số vụ việc điển hình) làm cơ sở thực tiễn cho đề xuất về giải pháp hoàn thiện.

(3) Về định hướng và giải pháp

Câu hỏi nghiên cứu 4: *Định hướng hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ ở Việt Nam hiện nay thế nào? Cần tập trung vào các nhóm giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay?*

Giả thuyết nghiên cứu 4: Việc hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH phải bảo đảm các yêu cầu về tính đồng bộ, tương thích, khả thi và hiệu quả. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật bao gồm cả các quy phạm pháp luật nội dung và hình thức, đồng thời đồng bộ với các giải pháp khác để nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở Việt Nam hiện nay.

4. Kết quả nghiên cứu

- Phân tổng quan: NCS đã đánh giá được tổng quan các công trình đã công bố nghiên cứu liên quan đến đề tài, từ các công trình trong nước đến các công trình nước ngoài, NCS cũng đã tổng kết được sự kế thừa liên quan các công trình đã công bố về lý luận liên quan đến lĩnh vực, cũng như cả lý luận và thực tiễn về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH theo Luật SHTT.

- Chương 1, có thể nói luận án đã làm rõ một số vấn đề lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, cụ thể NCS bắt đầu luận giải từ khái niệm, đặc điểm của CTTH, QTG, QLQ đến việc luận giải khái niệm, đặc điểm, vai trò của bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. NCS cũng luận giải nội dung bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, phân tích các ngoại lệ, giới hạn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Luận án cũng phân tích các biện pháp bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH bằng biện pháp tự bảo vệ, biện pháp dân sự, hành chính, hình sự của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chương 2, luận án phân tích thực trạng pháp luật SHTT về việc bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH, chỉ ra các hạn chế, vướng mắc trong các quy định của pháp luật SHTT về đối tượng bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; về chủ thể bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; về nội dung bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; về ngoại lệ và giới hạn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH; về hành vi xâm phạm QTG, QLQ đối với CTTH; về biện pháp bảo vệ QTG, QLQ đối với CTTH.

- Chương 3, luận án đánh giá được thực tiễn bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH tại Việt Nam, các nhận xét được minh chứng bằng các số liệu, các vụ việc cụ thể. Từ đó, luận án phân tích luận giải các định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Các kiến nghị cụ thể được tác giả luận án đề xuất nhằm thực hiện được trên thực tế bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH.

KẾT LUẬN TỔNG QUAN

Bảo hộ QTG, QLQ là chủ đề đã được nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, chú ý. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0 càng đòi hỏi chú trọng nhiều hơn đối với việc áp dụng pháp luật cũng như ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo hộ QTG, QLQ nói chung, đối với bảo hộ QTG, QLQ trong các CTTH nói riêng.

Thông qua tổng quan các công trình nghiên cứu về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH đã giúp NCS nhận thấy được bức tranh toàn cảnh về tình hình và mức độ nghiên cứu đối với vấn đề bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH. Kết quả nghiên cứu của phần Tổng quan là cơ sở và tiền đề để NCS kế thừa những kết quả nghiên cứu của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, cũng như nhận định những vấn đề còn chưa được làm sáng tỏ hoặc chưa được quan tâm, chú ý nhiều liên quan đến bảo hộ QTG, QLQ trong các CTTH.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của Phần Tổng quan, NCS xây dựng cơ sở lý luận về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở chương 1; thực trạng pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ đối với CTTH ở chương 2 và thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ QTG, QLQ ở chương 3.